

NGÔN NGỮ

SỐ 1 - 2019

MỤC LỤC

VŨ ĐỨC NGHIỆU:	Nhìn lại từ <i>cái</i> "chỉ xuất" trong danh ngữ tiếng Việt qua ngữ liệu từ thời tiếng Việt cổ đến nay.....	3
TRỊNH SÂM:	Lí thuyết nghiệm thân nhìn từ thực tiễn tiếng Việt.....	24
NGUYỄN TẮT THẮNG:	Hình và Nền trong câu bị động tiếng Anh	39
DUƠNG THU HẰNG - NGUYỄN THU QUỲNH:	Thực trạng mai một tiếng La Chí của người La Chí ở xã Bản Dú, huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang từ góc nhìn ngôn ngữ học xã hội.....	51
PHẠM THỊ RÓN:	Phong vị ca dao và hơi hướng hiện đại trong từ ngữ thơ tình Nguyễn Bính.....	62
LÊ XUÂN THẠİ:	Tìm hiểu nghĩa của yếu tố Hán Việt trong các từ: <i>bạch thoại, biến cố, bút tích</i>	75
TCNN:	Giới thiệu sách: <i>Từ điển Thái - Việt Thanh Hóa</i> (Hà Văn Thương chủ biên, Nhà xuất bản Thanh Hóa, 2015).....	78

THUẬN T. CÁI TH

NGÔN NGỮ

SỐ 2 - 2019

MỤC LỤC

NGUYỄN LAI:	Giáo sư Hoàng Phê và <i>Giáo trình ngôn ngữ học đại cương</i> của Ferdinand de Saussure.....	3
MUSIICHUK VICTORIA:	Từ mới và từ ngoại lai trong tiếng Việt của người Việt ở nước ngoài.....	12
NGUYỄN THẾ TRUYỀN:	Phong cách học phê phán - hướng tiếp cận mới của phong cách học về văn bản phi văn chương.....	22
NGUYỄN ĐĂNG KHÁNH:	Đặc điểm của địa danh du lịch tự nhiên vùng Nam Bộ.....	43
TRẦN VĂN DƯƠNG:	Ngữ nghĩa của <i>TRONG - NGOÀI</i> và những hình thức biểu đạt tương đương trong tiếng Anh.....	58
TRẦN THỊ THẨM:	Hành động ngôn ngữ điều khiển trong lập luận của <i>Luật tục Êđê</i>	70

THƯ VIỆN P. CÁN THO

NGÔN NGỮ

SỐ 3 - 2019

MỤC LỤC

NGUYỄN ĐỨC DÂN:	Lí thuyết đa thanh trong phân tích diễn ngôn.....	3
TRẦN TRÍ DÔI:	Vấn đề xây dựng chữ viết cho ngôn ngữ dân tộc thiểu số.....	20
VƯƠNG TOÀN:	Khai thác và phát huy giá trị tiềm năng của những địa danh gắn với xứ Lạng...	32
TRẦN PHƯƠNG NGUYỄN:	Một số vấn đề giáo dục ngôn ngữ trong sự phát triển bền vững vùng Đông Nam Bộ.....	38
ĐỖ ANH VŨ:	Một số nét đặc sắc về sử dụng hư từ trong thơ Nguyễn Bính trước 1945.....	52
ĐINH KHẮC ĐỊNH - NGUYỄN TUẤN HÙNG:	Năng lực giao tiếp tiếng Anh của sinh viên chuyên ngành du lịch Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội trong thời kì hội nhập	66

THƯ VIỆN TP. CẦN THƠ

NGÔN NGỮ

SỐ 4 - 2019

MỤC LỤC

NGUYỄN ĐỨC TÔN - VŨ THỊ SAO CHI:	Nghiên cứu giáo dục ngôn ngữ ở vùng dân tộc thiểu số của Việt Nam: Một số khái niệm cơ bản.....	3
VŨ ĐỨC NGHIỆU:	Góp thêm ý kiến về ngữ vị và động ngữ tiếng Việt.....	27
NGUYỄN VĂN LỘC - NGUYỄN MẠNH TIÊN:	Kết trị bị động của động từ: một số đặc điểm của động từ trong chức năng bổ ngữ.....	43
NGUYỄN MINH HOẠT:	Dạy song ngữ Việt - Êđê trong trường tiểu học ở tỉnh Đắk Lắk: thực trạng và giải pháp.....	58
NGÔ THANH MAI:	Văn trong tiếng Việt và tiếng Hán.....	74



NGÔN NGỮ

SỐ 5 - 2019

MỤC LỤC

DIỆP QUANG BAN:	Phương pháp biện chứng của Mác trong <i>Phân tích diễn ngôn phê bình</i> 3
NGUYỄN HỮU HOÀNH - TRẦN HƯƠNG THỤC:	Hệ thống thanh điệu tiếng Kháng ở Nậm Giôn (Sơn La)..... 18
ĐOÀN THỊ TÂM - HOÀNG THỊ KIM BẢO:	Thực trạng dạy học tiếng Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk..... 30
NGUYỄN THỊ KIỀU THU:	Nghịch ngữ từ góc nhìn tri nhận..... 43
TRẦN THỊ THẨM:	Đặc điểm thành phần kết luận trong lập luận của <i>Luật tục Êđê</i> 58
LÊ XUÂN THẠ:	Tìm hiểu nghĩa của yếu tố Hán Việt trong các từ: <i>biểu tình, kịch phát, lí tài, lũng đoạn, mệnh hệ, minh khí, ngang tàng, sơn trang, trầm kha</i> 68
ĐỖ THỊ HUYỀN - ĐÀM THUẬN MINH BÌNH:	Sử dụng mạng xã hội học tập Edmodo hỗ trợ giảng dạy tiếng Anh tại Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang..... 71



NGÔN NGỮ

SỐ 6 - 2019

MỤC LỤC

NGUYỄN THẾ TRUYỀN:	Phong cách học tri nhận/ thi pháp học tri nhận: nơi giao cắt của ngôn ngữ học, nghiên cứu văn chương và khoa học tri nhận.....	3
HOÀNG THỊ NHUNG:	Việc biên soạn từ điển giải thích tiếng Việt dành cho học sinh - thực trạng và giải pháp.....	22
HỒ XUÂN MAI:	Tình hình sử dụng tiếng Việt của học sinh người Stiêng các lớp 3, 4 và 5 hiện nay (Khảo sát tại 6 trường ở tỉnh Bình Phước).....	36
LƯU DINH:	Thực trạng giảng dạy tiếng Việt ở tỉnh Vân Nam, Trung Quốc.....	48
ĐÀNG THANH QUỐC THUẬN:	Một số phương pháp dạy và học chữ <i>Akhar thrah</i> của người Chăm hiện nay.....	60
VŨ TỔNG NGÀ:	Các thành tố của một tham thoại dẫn nhập cam kết.....	69

THƯ VIỆN TP. CÁI LĂNG

NGÔN NGỮ

SỐ 7 - 2019

MỤC LỤC

TÔ MINH THANH:	Đôi điều cần chú ý khi dịch câu trần thuật tiếng Việt và tiếng Anh.....	3
PHAN THANH BẢO TRẦN:	Vai trò lịch sử của chủ ngữ trong tiếng Khmer Nam Bộ (Có so sánh với tiếng Việt).....	23
TRẦN HƯƠNG THỰC:	Về sự diễn giải ngữ pháp tiếng Việt trong <i>Nam Việt Dương hiệp tự vị</i> của J.L. Taberd.....	41
ĐINH KHẮC ĐỊNH - NGUYỄN TUẤN HÙNG:	Kĩ năng nghe hiểu tiếng Anh của sinh viên chuyên ngành ngôn ngữ Anh ở Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.....	55
TRƯƠNG THỊ KIM ANH:	Một số cách thức sử dụng ngôn ngữ mới lạ trong tiểu thuyết Việt Nam đương đại.....	68

THƯ VIỆN Đ. CÁN THƯ

NGÔN NGỮ

SỐ 8+9/ 2019

MỤC LỤC

VŨ THỊ SAO CHI:	Tạp chí <i>Ngôn ngữ</i> 50 năm phát triển cùng ngành Ngôn ngữ học Việt Nam (9/1969 - 9/2019).....	3
NGUYỄN ĐỨC DÂN:	Lí thuyết lập luận: mô hình Toulmin...	25
NGUYỄN ĐỨC TÔN:	Vấn đề định danh tên người Việt và bản chất của tín hiệu tên riêng.....	40
TRẦN TRÍ DỠI:	Ngôn ngữ của cư dân văn hóa Đông Sơn ở Việt Nam.....	66
NGUYỄN THỊ HAI:	Quá trình chuyển nghĩa của số từ <i>một, hai</i> qua thành ngữ, tục ngữ tiếng Việt....	83
VƯƠNG TOÀN:	Dạy và học ngôn ngữ dân tộc thiểu số ở miền núi phía bắc Việt Nam.....	96
PHẠM NGỌC HÀM:	Ngữ nghĩa của <i>thủ</i> (手) trong tiếng Hán và <i>tay</i> trong tiếng Việt.....	109
HUYỄN CÔNG HIẾN:	Tiếng Việt sơ cấp cho người nước ngoài: nhóm từ biểu đạt ý nghĩa 'khả năng'.....	120
NGUYỄN THỊ THÚY HÀ:	Ý nghĩa biểu trưng của từ <i>lòng</i> trong ca từ các ca khúc cách mạng Việt Nam giai đoạn 1945 - 1975.....	135
ĐINH THỊ HẰNG:	Sự biến đổi của formant nguyên âm đơn tiếng Việt qua các phương tiện thu âm khác nhau.....	148

THƯ VIỆN TP. CẦN GIỜ

NGÔN NGỮ

SỐ 10 - 2019

MỤC LỤC

NGUYỄN TRUNG KIÊN:	Một số vấn đề của cảnh huống ngôn ngữ người Mông ở thị trấn Bắc Yên, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La.....	3
NGUYỄN ĐĂNG KHÁNH:	Ý nghĩa biểu tượng <i>ghe xuôi</i> trong ca dao vùng Tây Nam Bộ.....	20
NGUYỄN TÀI THÁI:	Tim hiểu việc phát âm một số phụ âm đầu của người dân ở Ngư Lộc, Hậu Lộc, Thanh Hóa.....	34
ĐẶNG THỊ THANH HOA:	Đặc điểm ngôn ngữ của anh hiệu trong Hội chơi đánh bài chòi ở Nam Trung Bộ.	44
TRẦN THỊ LY NA:	Các thành phần phụ trong tham thoại thông báo.....	54
ĐẬU THỊ BÍCH LOAN - HOÀNG THỊ QUỲNH NGÂN:	Chiến lược học tiếng Anh của sinh viên năm thứ nhất Khoa Du lịch Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.....	63
TCNN:	Bản tin.....	73
BÙI ĐĂNG BÌNH:	Vấn đề formant của nguyên âm trong các ngôn ngữ thế giới.....	75

THỦ VIỆN TP. CẦN GIỜ

NGÔN NGỮ

SỐ 11 - 2019

MỤC LỤC

TCNN:	Lễ công bố Quyết định của Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm chức vụ Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.....	3
LÃ MINH HẰNG:	Nhóm từ ngữ chỉ quan hệ thân thích: khảo cứu tư liệu từ điển song ngữ Hán Việt.....	8
PHẠM TẮT THẮNG:	Đặc điểm cấu tạo và phương thức định danh của tên gọi các loại y phục của người Việt.....	26
NGUYỄN ĐÌNH THƯỜNG- NGUYỄN THỊ KIM THOA- PHẦN THỊ NHUNG:	Kĩ năng nói tiếng Anh của sinh viên không chuyên ngữ Khoa Quản lý kinh doanh Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.....	36
NGUYỄN THỊ UYÊN:	Đặc điểm tên gọi các trường mầm non hiện nay ở Hà Nội.....	51
NGUYỄN THỊ THÚY HÀ:	Hình ảnh con người Việt Nam qua trường từ vựng - ngữ nghĩa chỉ người trong ca từ các ca khúc cách mạng Việt Nam giai đoạn 1945 - 1975.....	64

THUYỀN B. ÁNH THO

NGÔN NGỮ

SỐ 1 - 2018

MỤC LỤC

- VŨ ĐỨC NGHIỆU: Sự kết hợp của danh từ đơn vị *cái, con* khi làm trung tâm danh ngữ với định ngữ hạn định là danh từ động vật/ bất động vật từ thời tiếng Việt cổ đến đầu thế kỉ XX (Tiếp theo và hết)..... 3
- NGUYỄN HỮU ĐẠT: Sáng tạo trong cách sử dụng tính từ - một biểu hiện đổi mới của thơ Nguyễn Duy 15
- VŨ THỊ SAO CHI: Đặc điểm hành động ngôn ngữ tuyên bố trong văn bản hành chính tiếng Việt (Kì I)..... 25
- NGUYỄN TÀI THÁI - PHẠM HIỀN: Sự phân bố các biến thể của phụ âm đầu trong một số thổ ngữ ven biển Bắc Bộ (Trùng hợp các thổ ngữ ven biển Quảng Ninh, Hải Phòng)..... 46
- NGUYỄN MẠNH TIẾN: Bàn thêm về cách biểu hiện của vị ngữ 58
- ĐINH THỊ XUÂN HẠNH: Khảo sát các phép liên kết trong các bài báo Khoa học tự nhiên và Khoa học xã hội nhân văn..... 65

NGÔN NGỮ

SỐ 2 - 2018

MỤC LỤC

TRẦN TRÍ DŨI:	Tương ứng âm đầu giữa những từ Hán - Việt cổ trong tiếng Việt và tiếng Mường	3
PHAN VĂN HÒA - HỒ TRỊNH QUỲNH THU:	Diện mạo tình yêu qua các điển đạt ẩn dụ trong thơ hiện đại.....	13
VŨ THỊ SAO CHI - PHẠM THỊ HỒNG THẨM:	Những tiêu chuẩn cần thiết đối với thuật ngữ hành chính và đánh giá mức độ đạt chuẩn của thuật ngữ “Chính phủ điện tử”	23
NGUYỄN ĐĂNG KHÁNH:	Đặc điểm của địa danh nhân tạo vùng Nam Bộ.....	34
LÊ XUÂN THẠI:	Tìm hiểu nghĩa của yếu tố Hán Việt trong các từ: <i>bảo kê, cảnh trí, hiệu triệu</i>	50
NGUYỄN THẾ TRUYỀN:	Điệp liên hoàn, câu móc xích và liên châu luận.....	54
ĐẶNG MINH TÂM:	Cấu tạo tên riêng của người Êđê.....	65

NGÔN NGỮ

SỐ 3 - 2018

MỤC LỤC

DIỆP QUANG BAN:	Tìm hiểu <i>Trật tự của diễn ngôn</i> của Michel Foucault (1971).....	3
HOÀNG THỊ YẾN:	Cảnh huống ngôn ngữ và những luận điểm chính trong luật ngôn ngữ của Hàn Quốc.....	19
NGUYỄN THỊ HƯƠNG:	Bàn thêm về nhóm động từ ban phát	36
TRẦN PHƯƠNG NGUYÊN:	Cảnh huống ngôn ngữ vùng dân tộc thiểu số ở Đông Nam Bộ: một vài nội dung quan yếu.....	51
PHOUKHAM MATTHIVONG:	So sánh đặc điểm ngữ nghĩa của thành ngữ có chứa con số trong tiếng Việt và tiếng Lào.....	69

THƯ VIỆN TP. CẦN THƠ

NGÔN NGỮ

SỐ 4 - 2018

MỤC LỤC

NGUYỄN LAI:	Về hiện tượng suy luận hình tượng hóa trong cơ chế hình thành ẩn dụ ý niệm.....	3
VŨ THỊ SAO CHI:	Đặc điểm hành động ngôn ngữ tuyên bố trong văn bản hành chính tiếng Việt (Tiếp theo số 1 (344) và hết)	14
NGUYỄN MINH HOẠT:	Đặc điểm tên gọi các loài thực vật và văn hóa của người Ê-đê.....	24
PHẠM THỊ BÈN:	Xây dựng Bộ trắc nghiệm đánh giá lời nói Việt: nghiên cứu định khung	33
HÀ THỊ MAI THANH:	Từ biểu hiện bộ phận cơ thể người thuộc khu vực tứ chi trong tiếng Thái ở Việt Nam phản ánh quan hệ tổng phân nghĩa.....	46
NGUYỄN THỊ HỒNG CHUYÊN:	Về vị trí của chu tổ trong câu (Khảo sát trên cấu liệu <i>Tuyển tập truyện ngắn của Nguyễn Công Hoan</i>).....	55
LÊ THỊ TỐ UYÊN:	Sự biểu đạt hành động cầu khiến của trẻ thiếu năng ngôn ngữ (Đặt trong sự so sánh với trẻ bình thường).....	70

THƯ VIỆN TP. CẦN THƠ

NGÔN NGỮ

SỐ 5 - 2018

MỤC LỤC

NGUYỄN ĐỨC TÒN:	Về mối quan hệ giữa hai mặt của tín hiệu ngôn ngữ.....	3
NGUYỄN VĂN KHANG:	Một số vấn đề về ngôn ngữ dân tộc thiểu số ở Trung Quốc: cảnh huống, chính sách và điều tra, nghiên cứu....	14
NGUYỄN VĂN HIỆP:	Bước đầu xem xét vấn đề THỈ của câu theo ngữ pháp tri nhận: chiều kích thời gian của sự tình.....	30
PHẠM HIỂN:	Mô hình dựa trên cách sử dụng trong việc lí giải quá trình thụ đắc ngôn ngữ ở trẻ em.....	41
VĂN TÚ ANH:	Khảo sát các thông số âm học trong phát âm thanh điệu tiếng Việt của trẻ nghe kém ở độ tuổi thực 3 - 4 (Trên địa bàn Hà Nội).....	56
LÊ XUÂN THẠI:	Tìm hiểu nghĩa của yếu tố Hán Việt trong các từ: <i>cơ mật, hắc vận, hỏa mai</i> ,...	68
NGUYỄN THẾ DƯƠNG:	Đi tìm nguồn gốc của “hình chữ nhật”	71
ĐỖ ANH VŨ:	Số 2 trong ngôn ngữ và văn hóa người Việt.....	76

NGÔN NGỮ

SỐ 6 - 2018

MỤC LỤC

- NGUYỄN THỊ KIỀU THU: Vai trò của văn hóa từ góc nhìn của
ấn dụ ý niệm "gương mặt" 3
- PHẠM TẮT THẮNG: Lại bàn về ý nghĩa của tên riêng trong
tiếng Việt..... 17
- PHAN LƯƠNG HÙNG -
TRƯƠNG THỊ HỒNG GÁI: Vị thế, chức năng của tiếng Cuối và
thái độ ngôn ngữ của người Cuối ở
Nghệ An..... 24
- PHẠM THỊ XUÂN NGA: Từ ngữ xưng hô chuyên dụng trong
Sử thi Đăm Săn..... 35
- NGUYỄN THỊ GIANG: Khả năng diễn đạt ngôn ngữ của trẻ
chậm phát triển trí tuệ 5-6 tuổi..... 50
- TRẦN THÙY AN: Khởi xướng chỉnh sửa do người nghe
thực hiện trong hội thoại tiếng Việt... 58
- NGUYỄN VĂN ĐÔNG: Từ ngữ xưng hô trong giao tiếp của
người Nam Bộ (Qua tham thoại trao
chứa hành động cầu khiến)..... 71

NGÔN NGỮ

SỐ 7 - 2018

MỤC LỤC

PHẠM NGỌC HÀM:	Chí và trí tiếng Việt trong tương quan với tiếng Hán.....	3
LÃ MINH HẰNG:	Động từ, động ngữ tiếng Việt cổ: Qua khảo cứu tư liệu Công giáo ghi bằng chữ Nôm.....	13
NGUYỄN MINH HOẠT:	Đặc trưng ngôn ngữ và văn hóa trong luật tục Ê-đê.....	27
TRẦN THỊ NGỌC LANG:	Đặc điểm cú pháp trong truyện ngắn Nguyễn Ngọc Tư.....	42
HÀ VĂN HẬU:	Hành động ngôn ngữ than phiền - phê phán trong tiểu phẩm báo chí tiếng Việt.....	50
ĐỖ THỊ HIỀN - ĐÌNH THỊ HOA - NGUYỄN THỊ THANH TÂM:	Dạy ngôn ngữ kí hiệu cho trẻ điếc lớp 1 thông qua trò chơi ngôn ngữ	63
HỒ XUÂN TUYẾN:	Giúp học sinh Nam Bộ học tốt dạng bài chính tả nghe viết.....	76

THƯ VIỆN P. CÁN CHƠ

NGÔN NGỮ

SỐ 8 - 2018

MỤC LỤC

LÊ QUANG TRƯỜNG - ĐOÀN VĂN PHÚC:	Tác động tích cực của chính sách đối với ngôn ngữ dân tộc thiểu số tới giáo dục tiếng mẹ đẻ cho học sinh Ê-đê ở Đắk Lắk.....	3
VÕ VĂN SƠN:	Địa danh tỉnh Tiền Giang dưới góc nhìn văn hóa học.....	19
TRẦN HƯƠNG THỤC:	Cấu trúc danh ngữ tiếng Việt trong <i>Nam Việt Dương hiệp tự vị</i> và một số nhận định hữu quan của J. L. Taberd.....	31
HUỖNH CÔNG HIỀN:	Tiếng Việt sơ cấp cho người nước ngoài - diễn đạt về thời gian.....	46
ĐINH THỊ HẰNG:	Đặc điểm ngữ điệu nghi vấn tiếng Việt (Trường hợp phát ngôn nghi vấn có phương tiện đánh dấu cuối câu).....	68

NGÔN NGỮ

SỐ 9 - 2018

MỤC LỤC

ĐÀO THANH LAN:	Cơ chế chuyển đổi chức năng của một số hư từ tiếng Việt.....	3
NGUYỄN THỊ LY KHA - HOÀNG VĂN QUYÊN - PHẠM HẢI LÊ:	Xây dựng và thử nghiệm cặp từ thiếu cho trẻ bị khe hở môi - vòm miệng sau phẫu thuật vá kín khe hở	12
NGUYỄN THẾ TRUYỀN:	Những vấn đề cơ bản của phong cách học khối liệu.....	22
HOÀNG THỊ NHUNG:	Khái niệm từ trong Việt ngữ học và vấn đề bảng từ trong từ điển tiếng Việt dành cho học sinh tiểu học	43
PHẠM THỊ THANH VÂN:	Đặc điểm định danh của tên các loại rượu trong tiếng Trung và tiếng Việt.....	57
NGUYỄN THỨC THÀNH TÍN - VIÊN THẾ KHÁNH TOÀN - VŨ TRIẾT MINH:	Giảng dạy ngoại ngữ định hướng du lịch bằng dự án Audioguide trên Iz.travel.....	66
LÊ XUÂN THẠİ:	Tìm hiểu nghĩa của yếu tố Hán Việt trong các từ: <i>giao tế, hiển dương, hoang đường, hổ tương</i> ,.....	78

THƯ VIỆN TP. CẦN THƠ

NGÔN NGỮ

SỐ 10 - 2018

MỤC LỤC

- MARK J. ALVES: Lịch sử của *cộng* (chữ Hán là 共 - gòng) trong tiếng Việt..... 3
- HOÀNG THỊ YẾN - HÀ QUANG NĂNG: Phân tích cấu trúc *Từ điển thuật ngữ ngôn ngữ học đối chiếu Anh - Việt, Việt - Anh* (Tác giả Cao Xuân Hạo, Hoàng Dũng, Nxb KHXH, 2005)..... 23
- NGUYỄN THỊ NHUNG: Những khó khăn, thách thức của phát thanh, truyền hình bằng ngôn ngữ dân tộc thiểu số ở khu vực miền Trung - Tây Nguyên..... 37
- VŨ VĂN KHƯƠNG: Sự chuyển hóa của lớp từ ngữ công giáo vào tiếng Việt toàn dân (Trên cơ sở ngữ liệu một số tác phẩm văn học hiện đại Việt Nam)..... 52
- LÊ THỜI TÂN: Dẫn ngôn - từ cấu trúc luận F. de Saussure đến thuyết ngôn quyền của M. Bakhtin..... 61
- ĐẶNG THỊ THANH HOA: Lớp từ vựng khẩu ngữ trong ngôn ngữ bài chòi Nam Trung Bộ..... 68

NGÔN NGỮ

SỐ 11 - 2018

MỤC LỤC

PHẠM TẮT THẮNG:	Tìm hiểu cách đặt tên chính của các nhà khoa bảng triều Nguyễn Việt Nam	3
VŨ THỊ SAO CHI:	Phong cách ngôn ngữ xã luận báo chí tiếng Việt hiện đại xét từ phương diện từ vựng.....	12
PHAN LƯƠNG HÙNG:	Một số đặc điểm ngữ âm tiếng Tày ở Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình.....	30
NGUYỄN THẾ DƯƠNG:	Cấu trúc được ưa thích và không được ưa thích trong hội thoại tiếng Việt: trường hợp của câu hỏi đóng - trả lời	40
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG:	Những cử chỉ mang ý nghĩa chào của người Việt trong giao tiếp hiện nay.....	51
TRẦN THỊ THẨM:	Kết từ lập luận trong luật tục Êđê.....	65

MỤC LỤC TẠP CHÍ "NGÔN NGỮ" NĂM 2017

1. *Phát biểu chào mừng của GS.TS Nguyễn Quang Thuần - Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam tại Hội thảo Ngôn ngữ học quốc tế Lần thứ ba (Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2017).* Số 5. - tr.: 3 - 5.
2. Bùi Minh Toán. *Mấy ý kiến về việc dùng từ trên tit báo hiện nay.* Số 5. - tr.: 17 - 23.
3. Bùi Minh Toán. *Ngữ nghĩa học đương đại với vấn đề trái nghĩa của hư từ trong tiếng Việt.* Số 11. - tr.: 3 - 10.
4. Dương Xuân Quang. *Biến thể cú pháp của câu tiếng Việt: phi chuẩn và khả chấp.* Số 12. - tr.: 64 - 74.
5. Đặng Văn Bình. *Đặc điểm tên họ và tên đệm trong tên chính danh người Mnông.* Số 8. - tr.: 70 - 80.
6. Đinh Lư Giang. *Thái độ ngôn ngữ của cộng đồng người Hoa ở Thành phố Hồ Chí Minh.* Số 10. - tr.: 16 - 23.
7. Đinh Văn Đức - Nguyễn Văn Chính. *Trở về với bản ngữ: Cốt lõi của lí luận Đông phương học cho việc dạy tiếng trong nhà trường ở nước ta.* Số 6. - tr.: 60 - 69.
8. Đoàn Thị Tâm. *Một số đặc điểm cấu tạo từ tiếng Êđê.* Số 3. - tr.: 41 - 48.
9. Đoàn Thị Tâm. *Lập luận trong luật tục Ê-đê.* Số 5. - tr.: 36 - 47.
10. Đoàn Tiên Lược. *So sánh kí hiệu ngôn từ văn học với kí hiệu hình ảnh điện ảnh.* Số 9. - tr.: 60 - 70.
11. Đỗ Anh Vũ. *Nhìn lại bài thơ **Cây chuối** của Nguyễn Trãi.* Số 3. - tr.: 75 - 80.
12. Đỗ Anh Vũ. *Các tín hiệu ngôn ngữ chỉ không gian nghệ thuật trong thơ Nguyễn Bính (Dựa trên cứ liệu trước 1945).* Số 7. - tr.: 62 - 80.

13. Đỗ Thị Thu Hương. *Về cơ sở hình thành thành ngữ tiếng Việt*. Số 3. - tr.: 49 - 58.
14. Đỗ Thị Thu Hương. *Đặc điểm sử dụng từ ngữ trong thơ Xuân Diệu*. Số 10. - tr.: 69 - 80.
15. Hà Thị Mai Thanh. *Quan hệ tổng phân nghĩa của từ biểu hiện bộ phận cơ thể người thuộc khu vực thượng đình trong tiếng Thái ở Việt Nam (Có liên hệ với tiếng Việt)*. Số 11. - tr.: 61 - 74.
16. Hồ Văn Tuyên. *Đặc điểm tên gọi các bộ phận cơ thể người trong phương ngữ Nam Bộ*. Số 6. - tr.: 41 - 48.
17. Hoàng Anh Thi. *Biến đổi ngữ âm trong tiếng Nhật và một số lưu ý cho người Việt học tiếng Nhật*. Số 12. - tr.: 23 - 34.
18. Hoàng Nguyệt. *Nguồn gốc và diễn tiến của một số thể loại văn bản hành chính cổ*. Số 9. - tr.: 71 - 80.
19. Hoàng Sỹ Nguyên. *Một lối viết có khuynh hướng lạ hóa ngôn ngữ biểu đạt trong Thơ Mới 1932-1945*. Số 5. - tr.: 55 - 64.
20. Hoàng Thị Yên - Bea Yang Soo. *Một số vấn đề của Thuật ngữ học tiếng Hàn*. Số 11. - tr.: 39 - 51.
21. Hoàng Văn Vân: *Ngôn ngữ của sách giáo khoa khoa học phổ thông: Khảo sát đặc điểm ngữ pháp - từ vựng của 7 bài học (ngôn bản) trong Sinh học 8 từ bình diện liên nhân*. Số 9. - tr.: 28 - 54.
22. Huỳnh Công Hiến. *Tiếng Việt sơ cấp cho người nước ngoài: Nhóm từ chỉ số lượng tuyệt đối*. Số 1. - tr.: 48 - 57.
23. Lê Hải Anh. *Phép ẩn dụ trong một số tác phẩm kí của Hoàng Phủ Ngọc Tường*. Số 5. - tr.: 48 - 54.
24. Lê Thị Thu Hoài. *Đặc trưng ngữ cảnh của câu hỏi tu từ*. Số 12. - tr.: 35 - 46.
25. Lê Xuân Thại - Nguyễn Hoàng Anh. *Biểu thức so sánh ngang bằng trong tiếng Việt và tiếng Hán: Tương đồng và khác biệt*. Số 4. - tr.: 3 - 18.
26. Lê Xuân Thại. *Tìm hiểu nghĩa của các yếu tố Hán Việt trong các từ: ác nghiệt, dâm vũ, định hình*. Số 9. - tr.: 55 - 59.

27. Mai Xuân Huy - Hứa Ngọc Tân. *Về việc giảng dạy và biên soạn giáo trình tiếng Việt cho người nước ngoài*. Số 3. - tr.: 15 - 28.
28. Mai Xuân Huy - Lê Thanh Hương. *Khảo sát hệ thống chủ đề và từ vựng trong các giáo trình tiếng Việt cho người nước ngoài (trình độ A) hiện có ở Việt Nam*. Số 4. - tr.: 34 - 43.
29. Ngô Thị Huệ. *Về sự thụ đắc từ tượng thanh và tượng hình ở trẻ tiền học đường*. Số 2. - tr.: 14 - 22.
30. Ngô Thị Huệ. *Đối chiếu thành ngữ có hình ảnh con chuột trong tiếng Hán và tiếng Việt từ góc độ ẩn dụ tri nhận*. Số 11. - tr.: 52 - 60.
31. Nguyễn Đức Dân. *Từ hư: Tác tử tạo nghĩa trong tiếng Việt*. Số 7. - tr.: 3 - 16.
32. Nguyễn Đức Tôn. *Để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt cần chọn giọng chuẩn như thế nào trên đài phát thanh và truyền hình*. Số 5. - tr.: 10 - 16.
33. Nguyễn Đức Tôn - Vũ Thị Sao Chi. *Về khái niệm "từ vị thuần Việt" và "từ vị vay mượn" trong tiếng Việt hiện đại từ quan điểm bản thể và nhận thức*. Số 9. - tr.: 13 - 27.
34. Nguyễn Hoàng Chi. *Kiến thức siêu nhận thức và chiến lược đối ứng trong giảng dạy đọc hiểu tiếng Việt như một ngoại ngữ*. Số 3. - tr.: 29 - 40.
35. Nguyễn Lai. *Luận điểm liên quan đến ngôn ngữ học trong Tư bản luận (Tập 1) của K. Marx*. Số 9. - tr.: 3 - 12.
36. Nguyễn Minh Chung. *Phát âm nguyên âm /ø/ và /y/ của sinh viên Việt Nam học tiếng Hàn*. Số 12. - tr.: 54 - 63.
37. Nguyễn Tất Thắng. *Tính hiện thân của ngôn ngữ (Trên nguồn ngữ liệu bản tin thể thao tiếng Việt và tiếng Anh)*. Số 2. - tr.: 23 - 33.
38. Nguyễn Thị Hiền. *Ánh xạ ý niệm của miền nguồn "bộ phận cơ thể người" trong tiếng Việt*. Số 2. - tr.: 72 - 80.
39. Nguyễn Thị Hiền. *Ẩn dụ định hướng miền ý niệm "Bộ phận cơ thể người" trong tiếng Việt*. Số 3. - tr.: 69 - 74.
40. Nguyễn Thị Lan Chi. *Nghệ thuật sử dụng ngôn từ để tạo hàm ý trong kịch Lưu Quang Vũ*. Số 1. - tr.: 69 - 80.

41. Nguyễn Thị Quỳnh Hoa. *Sự thể hiện tình thái trong các văn bản thuyết minh bảo tàng bằng tiếng Việt và tiếng Anh từ quan điểm ngôn ngữ học chức năng hệ thống*. Số 2. - tr.: 42 - 55.
42. Nguyễn Thị Quỳnh Hoa. *Đặc điểm văn bản thuyết minh bảo tàng trong tiếng Việt và tiếng Anh về hệ thống chuyên tác*. Số 6. - tr.: 70 - 80.
43. Nguyễn Thị Thanh Hương. *Về cách biểu đạt cảm xúc thông qua hình ảnh trong thành ngữ tiếng Anh và tiếng Việt*. Số 7. - tr.: 27 - 45.
44. Nguyễn Thị Thanh Hương. *Cấu trúc song song trong tục ngữ tiếng Anh*. Số 8. - tr.: 53 - 69.
45. Nguyễn Thị Thanh Hương. *Về phép đối trong tục ngữ tiếng Anh*. Số 10. - tr.: 32 - 51.
46. Nguyễn Thiện Giáp. *Khái niệm hình và nền trong ngôn ngữ học*. Số 8. - tr.: 3 - 14.
47. Nguyễn Thu Huyền. *Tình hình sử dụng ngôn ngữ của người Chill ở Lâm Đồng*. Số 3. - tr.: 59 - 68.
48. Nguyễn Văn Chính. *Đông phương học và một vài điều chỉnh trong địa hạt từ pháp học tiếng Việt*. Số 12. - tr.: 13 - 22.
49. Nguyễn Văn Hiệp. *Báo cáo đề dẫn tại Hội thảo Ngôn ngữ học quốc tế Lần thứ ba: Các khuynh hướng ngôn ngữ học hiện đại và nghiên cứu ngôn ngữ ở Việt Nam*. Số 5. - tr.: 6 - 9.
50. Nguyễn Văn Lộc - Nguyễn Thị Hương. *Cấu trúc nghĩa biểu hiện của câu với hạt nhân ngữ nghĩa là động từ chỉ hoạt động làm chuyển dời đối thể*. Số 10. - tr.: 3 - 15.
51. Nguyễn Văn Phở. *Ngữ pháp của cả và tất cả*. Số 6. - tr.: 18 - 40.
52. Phạm Ngọc Hàm. *Đối chiếu ý nghĩa của từ 死 (sở) trong tiếng Hán và sở trong tiếng Việt*. Số 1. - tr.: 3 - 15.
53. Phạm Ngọc Hàm. *Từ 其 (kỳ) trong tiếng Hán và tiếng Việt*. Số 4. - tr.: 44 - 53.
54. Phạm Ngọc Hàm. *Ý nghĩa của các từ xuân, thu trong ngôn ngữ, văn hóa Việt Nam và Trung Quốc*. Số 8. - tr.: 15 - 24.

55. Phạm Quang Ái. *Bàn về một chữ trong Truyện Kiều: quýt, tít, quách hay bít/ bít.* Số 11. - tr.: 75 - 80.
56. Phạm Thị Hương Giang. *Về vấn đề xây dựng thiện cảm trong ngôn ngữ thư tín thương mại.* Số 7. - tr.: 46 - 61.
57. Phạm Thị Kiều Ly. *Thử lí giải cách phiên âm âm đệm [-w] và các bán nguyên âm cuối [-w], [-j] trong chữ Quốc ngữ.* Số 10. - tr.: 24 - 31.
58. Phạm Thị Thanh Thùy. *Tính linh hoạt của phương tiện rào đón trong các bài viết về kinh tế bằng tiếng Việt.* Số 1. - tr.: 33 - 47.
59. Phạm Thị Thanh Thùy. *Thử nghiệm sử dụng mô hình của Nida & Taber để đánh giá bản dịch Thỏa thuận đối tác thương mại xuyên Thái Bình Dương (TPP).* Số 5. - tr.: 24 - 35.
60. Phạm Thị Thanh Thùy. *Ảnh xạ ẩn dụ ý niệm trong các bài tạp chí tiếng Việt chuyên ngành kinh tế.* Số 7. - tr.: 17 - 26.
61. Phan Ngọc Trần. *Sự tương tác của các ý nghĩa thể và kết cấu vị từ chuỗi chỉ chuyển động có hướng trong cách dùng tiếng Việt của một số người Mỹ gốc Việt.* Số 2. - tr.: 56 - 71.
62. Phan Văn Hòa - Hồ Trịnh Quỳnh Thư. *Ẩn dụ tình yêu được diễn đạt qua ý niệm không gian và thời gian trong Truyện Kiều của Nguyễn Du.* Số 1. - tr.: 16 - 32.
63. TCNN. *Mục lục tạp chí "Ngôn ngữ" năm 2017.* Số 12. - tr.: 75 - 80.
64. Trần Anh Hào. *Chơi chữ trong câu đối xứ Nghệ từ góc nhìn ngôn ngữ - văn hóa.* Số 10. - tr.: 60 - 68.
65. Trần Anh Tư. *Mối quan hệ giữa thanh điệu của ca từ với giá trị cao độ của giai điệu trong các bài hát ví Nghệ Tĩnh.* Số 5. - tr.: 65 - 78.
66. Trần Bình Tuyên. *Lớp từ ngữ chỉ hoạt động trong văn chính luận Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh.* Số 4. - tr.: 71 - 80.
67. Trần Đại Nghĩa. *Không thể là ăng!* Số 5. - tr.: 79 - 80.
68. Trần Thị Hồng Hạnh. *Ngôn ngữ học lịch sử và đóng góp trong nghiên cứu nhân chủng học.* Số 8. - tr.: 43 - 52.
69. Trần Trí Dồi. *Tiếp tục thảo luận về bài viết "Những từ Thái và vị trí của người Thái trong lịch sử Việt Nam" của L. Kelley.* Số 3. - tr.: 3 - 14.

70. Trần Văn Nam. *Ấn dụ ý niệm tình yêu là sợi tơ trong thơ Nguyễn Bính*. Số 1. - tr.: 58 - 68.
71. Trịnh Cẩm Lan. *Đặc điểm ngữ vựng của phát thanh viên chương trình Giờ cao điểm trên kênh VOV Giao thông quốc gia*. Số 4. - tr.: 54 - 70.
72. Trịnh Sâm. *Mô hình tri nhận và sự tương tác văn hóa*. Số 4. - tr.: 19 - 33.
73. Trương Thiệu Cúc. *Đặc điểm cấu tạo và ngữ nghĩa của từ ghép đẳng lập trong tiếng Di*. Số 12. - tr.: 47 - 53.
74. Võ Thị Ngọc Thúy. *Chữ cô, độc trong thơ Đường*. Số 10. - tr.: 52 - 59.
75. Võ Văn Sơn. *Đặc điểm địa danh ở thành phố Mỹ Tho*. Số 6. - tr.: 49 - 59.
76. Vũ Đức Nghiệu. *Sự kết hợp của danh từ đơn vị cái, con khi làm trung tâm danh ngữ với định ngữ hạn định là danh từ động vật/ bất động vật từ thời tiếng Việt cổ đến đầu thế kỉ XX (Kì I)*. Số 12. - tr.: 3 - 12.
77. Vũ Kim Bằng. *Hệ thống các kí hiệu gắn nhãn ngữ điệu và ngôn điệu Tobi gốc và khả năng áp dụng của nó trong các ngôn ngữ*. Số 2. - tr.: 3 - 13.
78. Vũ Thị Hà. *Đặc điểm của bộ ngữ chỉ hoàn thành kết thúc trong tiếng Hán hiện đại*. Số 2. - tr.: 34 - 41.
79. Vũ Thị Sao Chi - Vũ Thị Yến Nga. *Đặc điểm định danh của thuật ngữ hành chính biểu thị đội ngũ nhân sự trong bộ máy nhà nước*. Số 8. - tr.: 25 - 42.
80. Vũ Thị Thanh Hương. *Ấn dụ và vật dẫn ẩn dụ trong ngôn ngữ của giáo viên trên lớp học (Khảo sát ở bậc tiểu học)*. Số 11. - tr.: 27 - 38.
81. Vương Toàn. *Vị thế của lớp địa danh gốc tiếng Thái ở Tây Bắc Việt Nam*. Số 6. - tr.: 3 - 17.
82. Vương Toàn. *Vai trò của ngôn ngữ Thái trong phát triển bền vững vùng Tây Bắc*. Số 11. - tr.: 11 - 26.

MỤC LỤC TẠP CHÍ "NGÔN NGỮ" NĂM 2016

1. *Bài phát biểu của đồng chí Trần Đại Quang, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại buổi thăm và làm việc với Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam (Hà Nội, ngày 18 tháng 5 năm 2016). Số 6. - tr.: 3 - 6.*
2. *Diễn văn của GS.TS Nguyễn Quang Thuấn, Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam trong Ngày Khoa học và Công nghệ Việt Nam 18-5-2016. Số 6. - tr.: 7 - 10.*
3. *Andrea Hòa Phạm. Sự biến âm trong văn tiếng Việt: Thổ ngữ làng Hén, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh. Số 11. - tr.: 7 - 26.*
4. *Bùi Đoan Trang. Câu hỏi thực hiện hành động ngôn ngữ biểu cảm trong tiểu thuyết Đi tìm nhân vật của Tạ Duy Anh. Số 7. - tr.: 73 - 80.*
5. *Bùi Mạnh Hùng. Ngôn ngữ học chức năng hệ thống: Ứng dụng xây dựng chương trình ngữ văn (Kinh nghiệm của Australia và những gợi ý cho Việt Nam). Số 10. - tr.: 35 - 46.*
6. *Bùi Thanh Hoa. Về ý nghĩa của nhóm hư từ chỉ quan hệ liên hợp, bổ sung trong tiếng Việt. Số 4. - tr.: 18 - 26.*
7. *Bùi Thanh Hoa. Nhóm hư từ mang nghĩa chỉ mục đích trong tiếng Việt. Số 5. - tr.: 38 - 44.*
8. *Bùi Thị Hoàng Anh. Nhìn lại các cách hành chức của cũng và vẫn. Số 12. - tr.: 46 - 60.*
9. *Diệp Quang Ban. Tìm hiểu nghĩa của ba từ: Discursive trong Phân tích diễn ngôn phê bình, Multiple (theme) trong Ngữ pháp chức năng của M.A.K. Halliday, giạt hay giục trong Truyện Kiều. Số 1. - tr.: 29 - 38.*
10. *Đào Thanh Lan. Phân biệt câu ghép nhân nhượng với câu ghép tương phản trong tiếng Việt. Số 5. - tr.: 16 - 22.*
11. *Đặng Thị Hảo Tâm. Bản tin khoa học. Số 1. - tr.: 78 - 80.*
12. *Đình Lư Giang. Lí thuyết tảng băng đôi và cấu trúc ngôn ngữ của người song ngữ. Số 2. - tr.: 51 - 59.*
13. *Đình Văn Tuấn. Tìm hiểu lại danh xưng "Lạc" vương và "Hùng" vương. Số 7. - tr.: 49 - 58.*

14. Đoàn Văn Phúc. *Bàn thêm về vị trí của tiếng Mdhur trong các ngôn ngữ Chamic*. Số 3. - tr.: 3 - 21.
15. Đoàn Văn Phúc. *Dấu vết hóa thạch của các phụ tố trong tiếng Gia-rai hiện nay*. Số 12. - tr.: 12 - 21.
16. Đỗ Anh Vũ. *Các yếu tố ngôn ngữ chỉ thời gian nghệ thuật trong thơ Nguyễn Bình (dựa trên cứ liệu trước 1945)*. Số 5. - tr.: 64 - 80.
17. Đỗ Thị Hiền. *Ngôn ngữ kí hiệu và chương trình truyền hình dành cho người khiếm thính*. Số 2. - tr.: 26 - 34.
18. Đỗ Thúy Nhung. *Vấn đề dịch thuật ngữ chính trị Trung Quốc sang tiếng Việt*. Số 3. - tr.: 48 - 55.
19. Đỗ Thúy Nhung. *Một số đơn vị từ ngữ mới trong Hán văn Việt Nam đầu thế kỉ XX vay mượn từ Hán văn Trung Quốc (Qua khảo sát Hán văn Đông Kinh Nghĩa Thục)*. Số 5. - tr.: 54 - 63.
20. Hà Thị Mai Thanh. *Quan hệ đa nghĩa của từ biểu hiện bộ phận cơ thể người thuộc khu vực thượng đình (уш - đầu, мұш - mặt, мш - mắt và мшм - óc) trong tiếng Thái vùng Tây Bắc Việt Nam (Có liên hệ với tiếng Việt)*. Số 9. - tr.: 67 - 80.
21. Hoàng Dũng. *Tổ Ngôn ngữ học, Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh 40 năm xây dựng và phát triển*. Số 10. - tr.: 3 - 4.
22. Hoàng Dũng - Đỗ Thị Hồng Nhung. *Con số biểu trưng trong tiếng Việt - tần số, kết hợp và ý nghĩa*. Số 10. - tr.: 5 - 22.
23. Hoàng Văn Ma. *Về cuốn Từ điển Tày - Việt*. Số 8. - tr.: 68 - 73.
24. Hoàng Văn Vân. *Tiếng Việt khoa học trong sách giáo khoa phổ thông: Khảo sát đặc điểm ngữ pháp - từ vựng của 7 bài học trong Sinh học 8 từ bình diện chuyển tác*. Số 6. - tr.: 11 - 31.
25. Hồ Văn Hải - Trần Thị Nhật. *Luyện viết văn miêu tả cho học sinh tiểu học bằng phép cải biến câu trên ma trận ngữ nghĩa*. Số 8. - tr.: 32 - 39.
26. Hồ Văn Tuyên. *Một số kiểu kết hợp ngữ pháp khác biệt của phương ngữ Nam Bộ*. Số 9. - tr.: 43 - 49.
27. Hồ Xuân Mai. *40 năm Trung tâm Ngôn ngữ học, Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ*. Số 11. - tr.: 3 - 6.
28. Lê Hoài Ân. *Phương pháp dịch cải biên dựa trên cứ liệu một bản dịch văn học từ nguyên gốc tiếng Đức*. Số 4. - tr.: 39 - 54.
29. Lê Kính Thắng - Phạm Hồng Hải. *Tính từ tiếng Việt - nhìn từ phương diện cấu trúc tham tố và cấu trúc cú pháp*. Số 2. - tr.: 44 - 50.
30. Lê Nguyễn Hoàng Mai. *Âm sắc trường độ và giải pháp cho hệ thống nguyên âm thổ ngữ Bình Định*. Số 10. - tr.: 70 - 80.

31. Lê Thị Minh Hằng. *Về liên từ chữ trong liên kết câu*. Số 9. - tr.: 26 - 42.
32. Lê Thị Trang. *Về lập luận trong Hồn Trương Ba, da hàng thịt của Lưu Quang Vũ*. Số 6. - tr.: 69 - 80.
33. Lê Trung Hoa. *Các hiện tượng mang tính quy luật về ngữ nghĩa dùng để xác định từ nguyên tiếng Việt*. Số 1. - tr.: 21 - 28.
34. Lê Trung Hoa. *Những đặc trưng ngôn ngữ - văn hóa của địa danh Nam Bộ*. Số 12. - tr.: 33 - 45.
35. Lương Thị Thanh Dung. *Vấn đề sử dụng từ ngữ trong văn bản Thiên tông bản hạnh giữa bản khắc in năm 1745 và bản khắc in năm 1932*. Số 7. - tr.: 59 - 72.
36. Nguyễn Đình Hiền. *Vận dụng kiến thức ngữ âm học giải thích một số từ ngữ cổ trong thành ngữ, tục ngữ*. Số 4. - tr.: 27 - 38.
37. Nguyễn Đức Tồn. *Về vấn đề được gọi là "cấu tạo từ" trong tiếng Việt*. Số 1. tr.: 3 - 20.
38. Nguyễn Đức Tồn. *Từ mối quan hệ giữa âm và nghĩa của tín hiệu ngôn ngữ nhìn lại vấn đề nguồn gốc của ngôn ngữ loài người*. Số 7. - tr.: 3 - 11.
39. Nguyễn Hoàng Trung. *Tính tác động - tham tố xác định thể của sự tình*. Số 8. - tr.: 17 - 31.
40. Nguyễn Lai. *Một vài trải nghiệm trong cách tiếp cận nhóm hư từ chỉ hướng vận động trong tiếng Việt*. Số 5. - tr.: 3 - 8.
41. Nguyễn Lai. *Một vài trải nghiệm trong cách tiếp cận ngôn ngữ văn chương*. Số 12. - tr.: 3 - 11.
42. Nguyễn Mạnh Tiến. *Biến thể biệt lập của các thành phần câu trong tiếng Việt*. Số 4. - tr.: 55 - 70.
43. Nguyễn Tất Thắng. *Câu có dạng bị động trong tiếng Việt dưới góc độ của lý thuyết điển mẫu*. Số 2. - tr.: 35 - 43.
44. Nguyễn Thanh Tú. *Ngôn ngữ và văn hóa (Tìm hiểu ngôn ngữ Hồ Chí Minh trong bối cảnh văn hóa châu Á)*. Số 9. - tr.: 16 - 25.
45. Nguyễn Thế Truyền. *Cách xử lý chính tả chữ Quốc ngữ của Lê Ngọc Trụ trong Việt ngữ chánh tả tự vị*. Số 10. - tr.: 47 - 56.
46. Nguyễn Thị Hai. *Một vài ghi nhận về tiếng Tuy Phước - An Nhơn - Bình Định*. Số 12. - tr.: 22 - 32.
47. Nguyễn Thị Hạnh Phương. *Sự phát triển ngữ nghĩa của từ ngon trong tiếng Việt trên cơ sở nghiệm thân (So sánh với đơn vị tương đương trong tiếng Anh)*. Số 6. - tr.: 58 - 68.
48. Nguyễn Thị Hương. *Sự chuyển di ý niệm ĂN sang các miền ý niệm khác trong tiếng Anh (So sánh với tiếng Việt)*. Số 3. - tr.: 56 - 65.

49. Nguyễn Thị Hương. *Đối chiếu nghĩa của từ eat trong tiếng Anh với từ ăn trong tiếng Việt từ góc độ ngữ nghĩa*. Số 8. - tr.: 56 - 67.
50. Nguyễn Thị Hoàng Chi. *Cơ sở lí thuyết BICS và CALP với giảng dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ*. Số 11. - tr.: 59 - 70.
51. Nguyễn Thị Nhung. *Nghĩa tình thái nhận thức của câu tiếng Việt (Khảo sát trong các văn bản văn học được giảng dạy ở trường trung học phổ thông)*. Số 8. - tr.: 40 - 55.
52. Nguyễn Thị Thu Dung. *Một vài đặc điểm về cảnh huống ngôn ngữ ở huyện Mường Chà - tỉnh Điện Biên*. Số 3. - tr.: 66 - 80.
53. Nguyễn Thị Thu Hiền. *Lời trích dẫn trong bản tin tiếng Anh dưới góc nhìn của ngữ pháp chức năng*. Số 9. - tr.: 50 - 58.
54. Nguyễn Thị Trà My. *Mối quan hệ giữa ngôn ngữ và nghề nghiệp (Khảo sát qua thành ngữ, tục ngữ, ca dao Việt Nam)*. Số 11. - tr.: 71 - 80.
55. Nguyễn Tô Chung. *Phương thức chuyển dịch thành ngữ Hán Nhật sang tiếng Việt*. Số 5. - tr.: 45 - 53.
56. Nguyễn Văn Lộc - Nguyễn Thị Thu Hà. *Về đặc điểm ngữ nghĩa của thành tố nguyên nhân trong câu nhân quả tiếng Việt*. Số 5. - tr.: 23 - 37.
57. Nguyễn Văn Phổ. *Ngữ pháp của lượng, số và số lượng*. Số 8. - tr.: 3 - 16.
58. Phạm Ngọc Hàm. *Hiện tượng đồng âm của công trong tiếng Hán và tiếng Việt*. Số 7. - tr.: 11 - 17.
59. Phạm Thị Hồng Nhung. *Diễn ngôn lớp học tiếng Anh sau bồi dưỡng tiếng Anh sư phạm và hàm ý về chuẩn năng lực của giáo viên ngoại ngữ*. Số 11. - tr.: 37 - 49.
60. Phạm Văn Lam. *Độc sách*. Số 2. - tr.: 73 - 80.
61. Phan Lương Hùng. *Mối quan hệ giữa tiếng Ca dong với tiếng nói của các nhóm địa phương Xơ đăng khác*. Số 3. - tr.: 37 - 47.
62. Phan Thị Nguyệt Hoa. *Về vấn đề nhận diện động từ nói năng trong tiếng Việt*. Số 4. - tr.: 71 - 80.
63. TCNN. *Mục lục tạp chí Ngôn ngữ năm 2016*. Số 12. - tr.: 76 - 80.
64. Tạ Thành Tấn - Dương Xuân Quang. *Ươ phải chăng là biến thể của Ua*. Số 8. - tr.: 74 - 80.
65. Tăng Thị Tuyết Mai. *Tốt nghĩa và xấu nghĩa trong tiếng Việt từ góc độ ngữ dụng học*. Số 10. - tr.: 57 - 69.
66. Tôn Nữ Mỹ Nhật. *Quốc văn giáo khoa thư với những giá trị giáo dục vượt thời gian - nhìn từ những đặc trưng ngôn ngữ*. Số 1. - tr.: 39 - 49.
67. Tôn Nữ Mỹ Nhật. *Từ khung tham chiếu chung châu Âu đến khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam*. Số 7. - tr.: 37 - 48.

68. Trần Phương Nguyên. *Chính sách và thực tiễn giáo dục song ngữ ở bậc tiểu học của người Chăm tại Thành phố Hồ Chí Minh*. Số 9. - tr.: 59 - 66.
69. Trần Thị Chung Toàn. *Biểu hiện thời gian và thời trong tiếng Việt*. Số 7. - tr.: 18 - 36.
70. Trần Thị Lam Thủy. *Từ loại và khả năng chuyển loại của con số trong thành ngữ, tục ngữ và ca dao Việt Nam*. Số 11. - tr.: 50 - 58.
71. Trần Thị Ngọc Liên. *Sự vi phạm phương châm chất trong hội thoại nhân vật qua hình thức nói quá (Trên ngữ liệu truyện ngắn Việt Nam và Mỹ đầu thế kỉ XX)*. Số 6. - tr.: 32 - 57.
72. Trần Thị Thu Phương. *Một số đặc điểm cấu tạo và ngữ nghĩa của các đơn vị từ vựng chỉ màu TRẮNG trong tiếng Hàn*. Số 2. - tr.: 60 - 72.
73. Trần Trí Dõi. *Hiện tượng tắc hóa (stopization) âm đầu trong lịch sử tiếng Việt*. Số 5. - tr.: 9 - 15.
74. Trần Trí Dõi. *Từ gần trong tiếng Việt không phải là từ gốc Hán “近” (JÌN/ CẬN)*. Số 9. - tr.: 3 - 15.
75. Trịnh Cẩm Lan. *Chức năng dụng học của các biểu thức xưng hô trong giao tiếp bạn bè của học sinh Hà Nội (Nghiên cứu trường hợp học sinh Trường THPT Đống Đa)*. Số 1. - tr.: 50 - 63.
76. Trịnh Sâm. *Phổ quát và đặc thù thông qua một số miền ý niệm nguồn tiếng Việt*. Số 10. - tr.: 23 - 34.
77. Võ Thị Minh Hà. *Lượng từ chỉ số lượng trong văn bản thư từ thế kỉ XVII - XIX của người công giáo*. Số 1. - tr.: 64 - 77.
78. Vũ Đức Nghiệu. *Biểu hiện của quá trình biến đổi các tổ hợp phụ âm đầu bl, ml, mn, tl trong ngữ liệu chữ Quốc ngữ thế kỉ XVII - đầu thế kỉ XIX*. Số 4. - tr.: 3 - 17.
79. Vũ Thị Hải Hà - Đinh Thị Hằng. *Sự ảnh hưởng của cường độ lên formant của nguyên âm trong lời nói to, bình thường và thì thầm*. Số 12. - tr.: 61 - 75.
80. Vũ Thị Thanh Hương. *Tình hình sử dụng tiếng Việt cùng với tiếng Gia-rai trong dạy học của giáo viên một số lớp 1 vùng dân tộc thiểu số Gia-rai ở Gia Lai*. Số 11. - tr.: 27 - 36.
81. Vũ Thị Sao Chi - Đỗ Thị Thanh Nga. *Đặc điểm hành vi ngôn ngữ tái hiện trong văn bản hành chính*. Số 2. - tr.: 3 - 25.
82. Vũ Thị Sao Chi - Đỗ Thị Thanh Nga. *Đặc điểm cấu trúc lập luận trong văn bản tờ trình*. Số 3. - tr.: 22 - 36.

MỤC LỤC TẠP CHÍ "NGÔN NGỮ" NĂM 2015

1. Phát biểu của đồng chí Lê Hồng Anh, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư tại Hội nghị tổng kết công tác năm 2014, triển khai nhiệm vụ năm 2015 của Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam (Hà Nội, ngày 26-01-2015). Số 2. - tr.: 3 - 7.
2. Bùi Minh Toán. *Hư từ tiếng Việt: Bức tranh thu nhỏ trong truyện ngắn Lão Hạc của Nam Cao*. Số 10. - tr.: 3 - 13.
3. Bùi Thị Hoàng Anh, *Sự tương đồng và khác biệt của thể và vậ trong tiếng Việt*. Số 12. - tr.: 16 - 27.
4. Đào Duy Tùng. *Phương pháp nhận dạng ẩn dụ ý niệm*. Số 3. - tr.: 40 - 48.
5. Đinh Lư Giang. *Lí thuyết mô phỏng trong giảng dạy ngoại ngữ nhìn từ góc độ giao tiếp ngôn ngữ*. Số 3. - tr.: 18 - 28.
6. Đoàn Văn Phúc. *Nghiên cứu ngôn ngữ dân tộc thiểu số ở Việt Nam trong 30 năm qua*. Số 8-9. - tr.: 54 - 65.
7. Đỗ Anh Vũ. *Sơ thảo về khái niệm tiền và các hoạt động liên quan đến tiền trong tiếng Việt*. Số 8-9. - tr.: 134 - 141.
8. Đỗ Minh Hùng. *Nhân kỉ niệm 100 năm ngày sinh Joseph Harold Greenberg (1915 - 2015) điểm lại những đóng góp quan trọng của ông*. Số 5. - tr.: 68 - 78.
9. Đỗ Thị Hiền. *Chiều sâu văn hóa qua ngôn ngữ truyện ngắn Cuộc báo thù cuối cùng của Cao Duy Sơn*. Số 8-9. - tr.: 110 - 116.
10. Đỗ Thúy Nhung. *Tính chính trị của ngôn ngữ (Thông qua khảo sát từ ngữ các báo cáo chính trị Đại hội Đảng Trung Quốc từ 12 đến 18)*. Số 11. - tr.: 47 - 54.
11. Đỗ Việt Hùng. *Chuyên khảo "Đặc trưng văn hóa - dân tộc của ngôn ngữ và tư duy": Một đóng góp lớn cho cho lí luận ngôn ngữ học*. Số 10. - tr.: 72 - 80.
12. Hoàng Công Bình. *Các nhân tố ảnh hưởng phương thức dịch câu bị động tiếng Anh sang tiếng Việt*. Số 2. - tr.: 47 - 56.
13. Hoàng Thị Châu. *Thử giải thích cách phân vùng ngữ tộc Nam Á trên cú liệu hệ thống số đếm*. Số 3. - tr.: 3 - 11.
14. Hoàng Quốc. *Giáo dục ngôn ngữ trong trường phổ thông vùng dân tộc Khmer (An Giang)*. Số 5. - tr.: 51 - 62.
15. Hoàng Thị Yên. *Các dạng hỏi đáp cho hành động hỏi trực tiếp (Trên ngữ liệu hội thoại tiếng Hàn và tiếng Việt)*. Số 2. - tr.: 36 - 46.

16. Hoàng Văn Vân. *Khái niệm "Thế nào là biết một ngoại ngữ?" và những hàm ý cho nghiên cứu về dạy và học ngoại ngữ*. Số 11. - tr.: 11 - 23.
17. Lê Thị Thanh Mai - Đỗ Thúy Hằng. *Đặc điểm của lời chào trong tiếng Hàn (Có sự liên hệ với tiếng Việt)*. Số 6. - tr.: 48 - 57.
18. Lê Đức Luận. *Tiếng Mường trong phương ngữ miền Trung*. Số 11. - tr.: 32 - 38.
19. Lê Thị Bích Thủy. *Việc dùng tên gọi bộ phận cơ thể người trong tiếng Đức và tiếng Việt xét trong mối quan hệ giữa ngôn ngữ, văn hóa và tư duy*. Số 3. - tr.: 58 - 68.
20. Lê Thị Sao Chi. *Động từ mang sắc thái thông tục trong tiểu thuyết Vòng tròn bội bạc (Chu Lai)*. Số 5. - tr.: 63 - 67.
21. Lê Trung Hoa. *Những hiện tượng và quy luật ngôn ngữ chi phối địa danh*. Số 1. - tr.: 17 - 22.
22. Lê Trung Hoa. *Những hiện tượng mang tính quy luật về ngữ âm dùng để xác định từ nguyên tiếng Việt*. Số 7. - tr.: 14 - 30.
23. Lý Tùng Hiếu. *Từ xưng hô tiếng Việt - tiếp cận từ góc nhìn dân tộc - ngôn ngữ học*. Số 6. - tr.: 30 - 42.
24. Mai Thị Hào Yến. *Xưng hô của cư dân vùng ven biển Quảng Xương - Thanh Hóa*. Số 12. - tr.: 28 - 35.
25. Mai Xuân Huy - Nguyễn Thu Huyền. *Khảo sát các giáo trình tiếng Việt dành cho người nước ngoài (trình độ B) hiện có ở Việt Nam*. Số 8-9. - tr.: 78 - 89.
26. N.V. Stankevich. *Một vài suy nghĩ về loại hình học và loại hình tiếng Việt*. Số 1. - tr.: 3 - 9.
27. Ngô Tuyết Phượng. *Ấn dụ bản thể trong thành ngữ, tục ngữ liên quan đến sông nước qua ý niệm hành trình đời người là hành trình của dòng sông*. Số 10. - tr.: 64 - 71.
28. Nguyễn Đăng Khánh. *Tổ chức điểm nói trong lối nói vòng vo*. Số 3. - tr.: 29 - 39.
29. Nguyễn Đình Hiền. *"Ươ" hay "ua"*. Số 6. - tr.: 43 - 47.
30. Nguyễn Đức Dân. *Về khái niệm lập luận trong sách giáo khoa*. Số 2. - tr.: 8 - 17.
31. Nguyễn Đức Dân. *Hàm ý thang độ*. Số 5. - tr.: 9 - 33.
32. Nguyễn Đức Dân. *Đọc tác phẩm dưới góc độ kí hiệu học*. Số 11. - tr.: 3 - 11.
33. Nguyễn Đức Dương. *Để đọc hiểu tục ngữ*. Số 11. - tr.: 39 - 46.
34. Nguyễn Đức Tồn. *Mối quan hệ giữa các quy luật chuyển nghĩa của từ*. Số 7. - tr.: 3 - 13.
35. Nguyễn Đức Tồn. *Ba mươi năm nghiên cứu từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt (1986 - 2015)*. Số 8-9. - tr.: 24 - 53.

36. Nguyễn Hoài Nguyên. *Ngôn từ thể hiện ý nghĩa trào phúng trong ví giặm Nghệ Tĩnh*. Số 1. - tr.: 23 - 29.
37. Nguyễn Hoàng Trung. *Cấu trúc ngữ nghĩa của danh ngữ và ý nghĩa thể của sự tình*. Số 6. - tr.: 17 - 29.
38. Nguyễn Lai. *Định danh mở rộng từ góc nhìn ngôn ngữ là hành động xã hội*. Số 1. - tr.: 10 - 16.
39. Nguyễn Lai. *Một số trải nghiệm từ cách tiếp cận tâm nhìn ngôn ngữ Hồ Chí Minh*. Số 5. - tr.: 3 - 8.
40. Nguyễn Mạnh Tiến. *Về vị trí cơ bản của trạng ngữ trong câu xét trong mối quan hệ kết trị với vị từ*. Số 7. - tr.: 46 - 58.
41. Nguyễn Hữu Hoàn. *Vị trí của tiếng Cơ Tu xét về mặt loại hình*. Số 8-9. - tr.: 90 - 98.
42. Nguyễn Thanh Hoa. *Phương thức chuyển dịch nhân danh và địa danh từ tiếng Pháp sang tiếng Việt (Trên ngữ liệu tác phẩm văn học Dịch hạch & Thỏ tá của nhà văn Patrick Deville)*. Số 12. - tr.: 36 - 53.
43. Nguyễn Thế Truyền. *Một số ý tưởng của Bình Nguyên Lộc về đặc tính của tên gọi*. Số 7. - tr.: 36 - 45.
44. Nguyễn Thị Bích Hợp. *Ảnh hưởng định hướng ý niệm "đồ ăn" trong tiếng Việt*. Số 6. - tr.: 58 - 67.
45. Nguyễn Thị Hương Giang. *Phạm trù ngữ nghĩa của GIÓ nhìn từ lí thuyết nguyên mẫu*. Số 7. - tr.: 59 - 70.
46. Nguyễn Thị Ly Kha. *Xây dựng bài tập mở rộng vốn từ hỗ trợ học sinh lớp 1 có khó khăn về đọc*. Số 4. - tr.: 18 - 31.
47. Nguyễn Thị Nhung. *Phân loại nghĩa tình thái của câu tiếng Việt*. Số 10. - tr.: 44 - 64.
48. Nguyễn Thị Thu Hằng. *Mạch lạc diễn ngôn hội thoại xét từ tiền giả định và hàm ý của các cặp thoại hỏi - đáp trong truyện ngắn Nam Cao*. Số 11. - tr.: 72 - 80.
49. Nguyễn Thị Thuận - Bùi Thị Hương. *Tính lịch sự của hành động cầu khiến (Trên tư liệu truyện ngắn Nguyễn Công Hoan)*. Số 4. - tr.: 32 - 51.
50. Nguyễn Thị Thùy. *Tìm hiểu ngữ nghĩa của nhóm từ tri giác bằng khứu giác thuộc phạm trù ẩm thực trong tiếng Việt từ góc độ ngôn ngữ học tri nhận*. Số 8-9. - tr.: 142 - 149.
51. Nguyễn Thị Uyên. *Bước đầu tìm hiểu về tên gọi đường, phố Hà Nội (Khảo sát 12 quận hiện nay của thành phố Hà Nội)*. Số 12. - tr.: 62 - 75.
52. Nguyễn Thiện Giáp. *Ngôn ngữ học tạo sinh của N.Chomsky: Lí thuyết chuẩn mở rộng và lí thuyết chuẩn mở rộng có điều chỉnh*. Số 2. - tr.: 18 - 27.

53. Nguyễn Thiện Giáp. *Một giải thuyết về từ thuần Việt*. Số 12. - tr.: 3 - 10.
54. Nguyễn Thụy Thùy Dương - Nguyễn Văn Nờ. *Thành ngữ cải biến trong truyện ngắn đồng bằng sông Cửu Long*. Số 1. - tr.: 57 - 68.
55. Nguyễn Văn Hiệp. *Ngôn ngữ học Việt Nam 30 năm đổi mới và phát triển*. Số 8-9. - tr.: 5 - 23.
56. Nguyễn Văn Lộc - Nguyễn Thị Thu Hà. *Góp thêm một số ý kiến về việc xác định hạt nhân ngữ nghĩa trong cấu trúc nghĩa biểu hiện của câu*. Số 10. - tr.: 14 - 26.
57. Nguyễn Văn Phỏ. *Ngữ pháp và ngữ nghĩa của một ít, một chút, một số, một vài*. Số 1. - tr.: 30 - 45.
58. Nguyễn Văn Phỏ. *Về các trạng ngữ đối lập "... lại"*. Số 10. - tr.: 27 - 43.
59. Nguyễn Xuân Hòa. *Hội ngôn ngữ học Hà Nội - 15 năm xây dựng và phát triển*. Số 1. - tr.: 78 - 80.
60. Phạm Ngọc Hàm. *Chữ 羊 (dương) trong ngôn ngữ - văn hóa Việt Nam và Trung Hoa*. Số 3. - tr.: 12 - 17.
61. Phạm Ngọc Hàm. *Đối chiếu ý nghĩa của từ 身份 (thân phận) trong tiếng Hán và từ thân phận trong tiếng Việt*. Số 12. - tr.: 11 - 15.
62. Phạm Tất Thắng. *Tình hình nghiên cứu tên riêng chỉ người trong Việt ngữ học*. Số 8-9. - tr.: 66 - 77.
63. Phạm Thị Hương Quỳnh. *Án dụ ý niệm CUỘC ĐỜI LÀ CUỘC HÀNH TRÌNH trong thơ Xuân Quỳnh*. Số 4. - tr.: 60 - 72.
64. Phạm Thị Hương Quỳnh. *Vài nét dẫn nhập về thi pháp học tri nhận*. Số 8-9. - tr.: 117 - 122.
65. Phạm Thị Như Hoa. *Hành động ngôn ngữ gián tiếp hỏi - tranh biện được thực hiện bằng câu hỏi tu từ trong thơ Chế Lan Viên*. Số 1. - tr.: 69 - 77.
66. Phạm Văn Đôn. *Đặc điểm cấu trúc văn bản điện tín hàng hải tiếng Anh*. Số 6. - tr.: 68 - 80.
67. Phan Thanh Bảo Trân. *Đơn vị cảm thán của tiếng Việt: Khái niệm, chức năng, phân loại*. Số 2. - tr.: 57 - 72.
68. Quách Thị Bích Thùy. *Tìm hiểu năng lực tư duy - ngôn ngữ của trẻ em giai đoạn tiền học đường*. Số 2. - tr.: 73 - 80.
69. TCNN: *Chúc mừng giáo sư Nonna V. Stankevich 80 tuổi*. Số 5. - tr.: 79 - 80.
70. TCNN: *Mục lục tạp chí Ngôn ngữ năm 2015*. Số 12. - tr.: 76 - 80.
71. Trần Hương Thục. *Miêu tả hệ thống thanh điệu thổ ngữ Cương Gián (Hà Tĩnh) dựa trên các kết quả phân tích bằng phần mềm máy tính*. Số 8-9. - tr.: 150 - 160

72. Trần Minh Thương. *Địa danh gốc Khmer qua ca dao của người Việt ở miền Tây Nam Bộ nhìn từ phương diện ngôn ngữ*. Số 3. - tr.: 49 - 57.
73. Trần Thị Minh Phương. *Bước đầu tìm hiểu về tiếp đuôi từ "~sa" (ㄝ) có chức năng danh hóa tính từ trong tiếng Nhật*. Số 3. - tr.: 69 - 80.
74. Trần Thị Ngọc Liên. *Đặc điểm của diễn ngôn mở thoại trong hội thoại nhân vật (Trên ngữ liệu truyện ngắn hiện đại của Việt Nam và Mỹ)*. Số 11. - tr.: 55 - 71.
75. Trần Thị Nhật. *"Bức tranh ngôn ngữ" về hình tượng Hồ Chí Minh thời trẻ trong Búp sen xanh và Bông sen vàng*. Số 12. -tr: 54 - 61.
76. Trần Trí Dồi. *Bàn thêm về vấn đề địa danh học ở Việt Nam*. Số 4. - tr.: 3 - 17.
77. Trịnh Thị Mai. *Đặc trưng ngôn ngữ giao tiếp của người Nghệ Tĩnh qua từ ngữ dùng để phủ định bác bỏ*. Số 2. - tr.: 28 - 35.
78. Trịnh Sâm. *Hình thức và nội dung nhìn từ tri nhận luận (Một vài ghi nhận)*. Số 7. - tr.: 31 - 35.
79. Trương Thị Nhân. *Đặc điểm ngữ nghĩa của từ chỉ sản vật địa phương trong tiếng Huế*. Số 4. - tr.: 52 - 59.
80. Trương Thị Nhân. *Về các kết cấu có yếu tố "chữ" trong ca dao xứ Huế*. Số 5. - tr.: 44 - 50.
81. Văn Tú Anh. *Tìm hiểu khả năng phát âm của trẻ khiếm thính được đeo máy trợ thính ở độ tuổi 3-4 (Khảo sát trên địa bàn Hà Nội)*. Số 7. - tr.: 71 - 80.
82. Vũ Đức Nghiệu. *Các biến đổi ngữ âm lịch sử với việc tạo từ tiếng Việt*. Số 6. - tr.: 3 - 16.
83. Vũ Thị Hương. *Cách dùng tại (在) và hữu (有) trong các tác phẩm: Sưu thần kí, Việt điện u linh, Lĩnh Nam chích quái*. Số 8-9. - tr.: 123 - 133.
84. Vũ Thị Sao Chi - Nguyễn Thị Thanh Huệ. *Về hành vi ngôn ngữ **nịnh** trong tiếng Việt*. Số 1. - tr.: 46 - 56.
85. Vũ Thị Sao Chi. *Đọc sách: Về chuyên luận: Những vấn đề của ngôn ngữ học cấu trúc dưới ánh sáng lí thuyết ngôn ngữ học hiện đại (Tác giả: GS.TS Nguyễn Đức Tồn, Nxb KHXH., 2014, 456tr)*. Số 4. - tr.: 73 - 80.
86. Vũ Thị Sao Chi. *Cách xưng hô bằng biểu thức miêu tả trong tiếng Việt*. Số 8-9. - tr.: 99 - 109.
87. Vũ Văn Đại. *Về thủ pháp dịch cải biên*. Số 5. - tr.: 34 - 43.
88. Vương Toàn. *Địa danh và thương hiệu hàng hóa*. Số 11. - tr.: 24 - 31.

 ĐÍNH CHÍNH

TCNN xin đính chính số thứ tự của các số tạp chí: 8-9; 10; 11/2015 là 315-316; 317; 318.

MỤC LỤC TẠP CHÍ "NGÔN NGỮ" NĂM 2014

1. *Andrea Hòa Phạm*. Ngôn ngữ biến đổi và số phận của nguyên âm /a/ trong giọng Quảng Nam. *Số 6*. - tr.: 10 - 18.
2. *Bùi Việt*. Tìm lại những từ tiếng Việt bị thất truyền. *Số 2*. - tr.: 64 - 70.
3. *Bùi Khánh Thế*. Lí thuyết về chuẩn ngôn ngữ và vấn đề chuẩn chính tả tiếng Việt. *Số 7*. - tr.: 3 - 16.
4. *Bùi Thị Minh Thùy*. Từ địa phương trong *Từ điển Việt - Bồ - La*. *Số 7*. - tr.: 28 - 37.
5. *Đào Duy Tùng*. Biến thể ngữ âm Hán Việt trong ca dao Nam Bộ. *Số 1*. - tr.: 65 - 78.
6. *Đặng Lưu*. Hai thao tác đối nghịch trong cách sử dụng từ ngữ của Nguyễn Tuân. *Số 12*. - tr.: 36 - 41.
7. *Đình Văn Tuấn*. Nguồn gốc hai chữ *sinh thì*. *Số 3*. - tr.: 31 - 40.
8. *Đỗ Ngọc Thống*. Tiếng Việt trong chương trình giáo dục phổ thông sau năm 2015. *Số 1*. - tr.: 28 - 36.
9. *Đỗ Thị Kim Liên*. Việc sử dụng sáng tạo thành ngữ, tục ngữ trong truyện ngắn và tiểu thuyết sau 1975. *Số 11*. - tr.: 6 - 15.
10. *Đỗ Thị Xuân Dung - Trần Văn Phước*. Vấn đề sử dụng từ ngữ của khẩu hiệu chính trị - xã hội tiếng Việt nhìn từ góc độ lí thuyết phân tích diễn ngôn phê phán. *Số 6*. - tr.: 47 - 56.
11. *Đỗ Việt Hùng*. Vai trò của các tham tố trong miêu tả và phân loại sự tình. *Số 1*. - tr.: 20 - 27.
12. *Đỗ Việt Hùng*. Lễ thường trong lập luận và văn hóa ứng xử của cộng đồng. *Số 10*. - tr.: 12 - 19.
13. *Hoàng Quốc*. Thực trạng sử dụng ngôn ngữ của người Hoa ở Kiên Giang. *Số 4*. - tr.: 45 - 58.
14. *Hoàng Thị Châu*. Quá trình hình thành số đếm phản ánh các bước phát triển nhận thức. *Số 9*. - tr.: 25 - 31.
15. *Hoàng Thị Châu*. Một khảo sát thực tế về sự hình thành các hệ đếm 5, hệ đếm 10 và hệ đếm 20. *Số 12*. - tr.: 3 - 9.

16. *Hoàng Trọng Canh*. Từ ngữ nghề biển vùng Thanh - Nghệ Tĩnh nhìn từ khía cạnh định danh, biểu trưng. *Số 11*. - tr.: 16 - 24.
17. *Hoàng Trọng Phiến*. Tuổi 45 làm rạng danh ngành ngôn ngữ học Việt Nam. *Số 10*. - tr.: 7 - 8.
18. *Hoàng Tuyết Minh*. Về hướng tiếp cận động lực học trong ngôn ngữ học tri nhận. *Số 5*. - tr.: 56 - 66.
19. *Hoàng Tuyết Minh*. Bước đầu xác định mô hình từ vựng hóa nghĩa tổ chi phương hướng của các sự tình chuyển động trong tiếng Việt dưới góc nhìn của ngữ nghĩa học tri nhận. *Số 10*. - tr.: 20 - 27.
20. *Hồ Lê*. Ngôn ngữ thi ca. *Số 7*. - tr.: 25 - 27.
21. *Hồ Xuân Mai*. Một số đặc điểm ngôn ngữ của câu hỏi - đáp trong giao tiếp của người miền Tây Nam Bộ. *Số 2*. - tr.: 37 - 45.
22. *Huỳnh Ngọc Mai Kha*. Ấn dụ ý niệm về kinh tế trong ngôn ngữ báo chí Việt Nam. *Số 10*. - tr.: 72 - 77.
23. *Lê Hồng My*. Tính thời sự - một đặc điểm nổi bật của ngôn ngữ văn xuôi hiện thực phê phán Việt Nam (1930-1945). *Số 5*. - tr.: 47 - 55.
24. *Lê Thanh Hà*. Đặc điểm về từ loại và cấu tạo của thuật ngữ du lịch tiếng Việt và tiếng Anh. *Số 7*. - tr.: 49 - 57.
25. *Lê Thị Kim Cúc*. Xung hô của người Việt trong truyện cổ tích *Tám Cám*. *Số 10*. - tr.: 35 - 42.
26. *Lê Thị Lâm*. Sự chuyển nghĩa của cặp từ ngữ Phật giáo ác - thiện. *Số 9*. - tr.: 73 - 80.
27. *Lê Thị Thúy Hà*. Sự khác biệt giới trong việc thực hiện hành động ngôn từ phê phán của người Anh. *Số 2*. - tr.: 71 - 80.
28. *Lý Tùng Hiếu*. Dấu vết hệ thống phụ tố Nam Á trong tiếng Việt (Kì I). *Số 10*. - tr.: 28 - 34.
29. *Lý Tùng Hiếu*. Dấu vết hệ thống phụ tố Nam Á trong tiếng Việt (Tiếp theo và hết). *Số 11*. - tr.: 44 - 51.
30. *Ngô Thị Huệ*. Tính phổ biến của phương thức lặp trong loại hình học ngôn ngữ dưới góc độ ngôn ngữ học tri nhận. *Số 8*. - tr.: 35 - 44.
31. *Ngô Tự Lập - Ngô Minh Thủy*. Voloshinov và những luận điểm cơ bản trong kiệt tác *Chủ nghĩa Marx và triết học ngôn ngữ*. *Số 6*. - tr.: 31 - 46.
32. *Nguyễn Đăng Khánh*. Các chiến lược của lối nói vòng vo. *Số 5*. - tr.: 31 - 46.

33. Nguyễn Đức Dân - Nguyễn Thùy Nương. Chính tả: chuẩn lí tưởng và chuẩn thực tế. Số 5. - tr.: 3 - 10.
34. Nguyễn Đức Dương. Mấy nguyên do khiến cho một số câu tục ngữ trở nên khó hiểu. Số 2. - tr.: 33 - 36.
35. Nguyễn Đức Dương. Bảng chữ cái tiếng Việt có cần được chuẩn hóa?. Số 11. - tr.: 3 - 5.
36. Nguyễn Đức Tôn. Về vấn đề chuẩn hóa ngữ âm của tiếng Việt hiện nay. Số 3. - tr.: 15 - 22.
37. Nguyễn Đức Tôn - Đồng Thị Hằng. "Ngôn ngữ giới trẻ" có phải là tiếng lóng cần chuẩn hóa. Số 8. - tr.: 3 - 21.
38. Nguyễn Đức Tôn. Tiếng Việt vẫn giữ được sự trong sáng vốn có?. Số 9. - tr.: 21 - 24.
39. Nguyễn Hoàng Trung. Vài suy nghĩ về cấu trúc bị động tiếng Pháp. Số 3. - tr.: 41 - 54.
40. Nguyễn Hữu Đạt. Thử khảo sát các động từ tri giác bằng thị giác trong tiếng Việt và tiếng Anh. Số 12. - tr.: 10 - 20.
41. Nguyễn Kim Châu - Trâm Thanh Tuấn. Nghệ thuật sử dụng phép tỉnh lược trong thơ thiên nhiên đời Trần. Số 8. - tr.: 45 - 54.
42. Nguyễn Mạnh Tiến. Về mối quan hệ cú pháp giữa trạng ngữ với bộ phận còn lại của câu nhìn từ góc độ kết trị của vị từ. Số 2. - tr.: 46 - 63.
43. Nguyễn Mạnh Tiến. Đối lập giữa chủ ngữ và bổ ngữ trong tiếng Việt nhìn từ góc độ kết trị của vị từ. Số 5. - tr.: 67 - 80.
44. Nguyễn Quang Hòa. Dùng từ gốc Hán và từ nước ngoài trên báo chí sao cho đúng chuẩn mực. Số 12. - tr.: 42 - 46.
45. Nguyễn Quang Hồng. Âm tiết tiếng Việt và sự thể hiện chức năng thi ca. Số 2. - tr.: 22 - 32.
46. Nguyễn Tài Thái. Đặc điểm phát âm biến thể thanh huyền qua các nhóm tuổi ở Sơn Tây. Số 11. - tr.: 72 - 80.
47. Nguyễn Thái Hòa. Đọc *Chùm thơ tân hình thức* (do Khê Iêm và Văn Giá tuyển chọn - Báo Nghệ thuật mới, Số 8, Tháng 9/2012, tr.19). Số 1. - tr.: 50 - 53.
48. Nguyễn Thái Hòa. Chuẩn mực tiếng Việt: Sự thống nhất trong đa dạng của các vùng miền Việt Nam. Số 6. - tr.: 3 - 9.
4. Nguyễn Thị Bích Hạnh. Phạm trù ý thức và vô thức trong ca từ Trịnh Công Sơn dưới ánh sáng của thuyết nghiệm thân. Số 7. - tr.: 38 - 48.

50. *Nguyễn Thị Như Ngọc*. Xác lập quy trình dịch ẩn dụ từ tiếng Anh sang tiếng Việt (Trên cứ liệu văn bản diễn thuyết của Mỹ). *Số 4*. - tr.: 59 - 71.
51. *Nguyễn Thị Thuận - Nguyễn Thị Hồng Toan*. Hành động hỏi trên tư liệu truyện ngắn Nguyễn Công Hoan. *Số 8*. - tr.: 22 - 34.
52. *Nguyễn Thị Thanh Huệ*. Hành vi *nịnh* ở các vai giao tiếp xét từ góc độ giới, quan hệ xã hội, quan hệ gia đình. *Số 10*. - tr.: 43 - 56.
53. *Nguyễn Thị Vân Anh*. Tín hiệu thẩm mỹ đôi *biển - núi, biển - trời* trong ca dao Nam Trung Bộ. *Số 3*. - tr.: 67 - 80.
54. *Nguyễn Thiện Giáp*. Ngữ nghĩa học tạo sinh - một lí thuyết ngữ nghĩa đối lập với ngữ nghĩa học thuyết giải. *Số 3*. - tr.: 23 - 30.
55. *Nguyễn Tuấn Đăng*. Phạm vi và tác động của mơ hồ cú pháp đối với nghĩa của câu tiếng Việt. *Số 3*. - tr.: 55 - 66.
56. *Nguyễn Thu Quỳnh*. Ấn dụ ý niệm "tức giận" trong *Truyện Kiều* (Nguyễn Du). *Số 6*. - tr.: 70 - 80.
57. *Nguyễn Văn Hiệp*. Điều văn truy điệu Phó Giáo sư Đào Thán. *Số 7*. - tr.: 77 - 80.
58. *Nguyễn Văn Lộc - Nguyễn Thị Thu Hà*. Câu nhân quả với vị ngữ được biểu hiện bằng động từ ngữ pháp trong tiếng Việt. *Số 5*. - tr.: 11 - 20.
59. *Nguyễn Văn Lộc - Nguyễn Mạnh Tiến*. Hệ thống thành phần câu tiếng Việt nhìn từ góc độ kết trị của từ. *Số 9*. - tr.: 45 - 64.
60. *Nguyễn Văn Thọ*. Phân lập trường nghĩa *lừa* trong tiếng Việt. *Số 12*. - tr.: 47 - 60.
61. *Nguyễn Văn Trào*. Về chiến lược dịch các từ mang đặc trưng văn hóa từ tiếng Việt sang tiếng Anh. *Số 4*. - tr.: 33 - 44.
62. *Nguyễn Xuân Lạc*. Từ *xuân* trong thơ. *Số 1*. - tr.: 54 - 58.
63. *Nguyễn Xuân Hòa*. Chúc mừng Tạp chí Ngôn ngữ tròn 45 tuổi. *Số 10*. - tr.: 9 - 10.
64. *Phạm Ngọc Hàm - Nguyễn Thị Thu Trang*. Các chữ 尊 (*tôn*) và 道 (*đạo*) với việc giảng dạy chữ Hán và đạo làm người. *Số 7*. - tr.: 17 - 24.
65. *Phạm Thị Hồng Nhung*. Đánh giá cấp độ phát triển tri năng ngữ dụng ở người học tiếng Anh như một ngoại ngữ thông qua khả năng nhận biết và lí giải vi phạm ngữ dụng. *Số 4*. - tr.: 24 - 32.
66. *Phạm Văn Đôn*. Điện tín hàng hải - một hình thức liên lạc đặc biệt trên biển. *Số 11*. - tr.: 62 - 71.

67. *Phạm Văn Đức*. Tạp chí Ngôn ngữ tiếp tục tích cực đẩy mạnh công cuộc giữ gìn và phát triển tiếng Việt, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. *Số 10*. - tr.: 3 - 6.
68. *Phạm Thị Thu Hà - Marc Brunelie*. Ngữ điệu và các tiêu từ cuối câu trong tiếng Chăm Đông. *Số 6*. - tr.: 57 - 69.
69. *Phan Thanh Bào Trân*. Các phương thức biểu thị ý nghĩa cảm thán trong tiếng Khmer (Đối chiếu với tiếng Việt). *Số 10*. - tr.: 57 - 71.
70. *TCNN*. Tin tức. *Số 8*. - tr.: 78 - 80.
71. *TCNN*. Các thể hệ Lãnh đạo Tạp chí Ngôn ngữ qua các thời kì. *Số 9*. - tr.: 14 - 20.
72. *TCNN*. Lời cảm ơn nhân dịp Lễ kỉ niệm 45 năm thành lập Tạp chí Ngôn ngữ và đón nhận Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ. *Số 10*. - tr.: 11.
73. *TCNN*. Mục lục Tạp chí *Ngôn ngữ* năm 2014. *Số 12*. - tr.: 75 - 80.
74. *Thái Duy Bào*. Chuyên di và thích ứng trong sử dụng tiếng Việt của cộng đồng di dân gốc Việt tại Úc. *Số 12*. - tr.: 21 - 35.
75. *Trần Hoàng Anh*. Lóp từ chỉ tên gọi cá ở Đồng Tháp Mười nhìn từ góc độ định danh. *Số 8*. - tr.: 55 - 62.
76. *Trần Thị Hương*. Về động từ *gada* và *oda* trong tiếng Hàn (Liên hệ với tiếng Việt). *Số 4*. - tr.: 72 - 80.
77. *Trịnh Cẩm Lan*. Bản ngữ trong dạy và học ngoại ngữ (Nghiên cứu trường hợp một số lớp học tiếng Anh tại Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG Hà Nội). *Số 11*. - tr.: 34 - 43.
78. *Trịnh Cẩm Lan*. Đọc sách: Công trình *Nghiã học Việt ngữ* của GS.TS Nguyễn Thiện Giáp (Nxb GD Việt Nam, Hà Nội, 2014). *Số 12*. - tr.: 71 - 74.
79. *Trịnh Thị Thom*. Vai trò của biểu thức tình thái trong chuyển dịch phát ngôn mang hàm ý phủ định từ tiếng Anh sang tiếng Việt. *Số 12*. - tr.: 61 - 70.
80. *Võ Minh Hà*. Đặc điểm ngữ pháp của *những, các* trong một số văn bản thư từ của người công giáo thế kỉ XVII - XIX. *Số 8*. - tr.: 63 - 77.
81. *Vũ Đức Nghiệu*. Cấu trúc danh ngữ tiếng Việt trong văn bản *Phật thuyết đại báo phụ mẫu ân trọng kinh*. *Số 1*. - tr.: 3 - 19.
82. *Vũ Đức Nghiệu*. Chứng tích của âm đầu */b/ trong một số văn bản viết bằng chữ Quốc ngữ thế kỉ XVII - đầu thế kỉ XX. *Số 9*. - tr.: 32 - 44.

83. *Vũ Ngọc Hoa*. Những yếu tố tạo nên sự nổi tiếng của diễn văn *Tôi có một giấc mơ* của Martin Luther King. *Số 11*. - tr.: 52 - 61.
84. *Vũ Thị Hải Hà*. Bản tin. *Số 10*. - tr.: 78 - 80.
85. *Vũ Thị Hương Giang*. Một số mô hình cấu trúc đồng dạng của câu đố về thực vật trong tiếng Việt. *Số 7*. - tr.: 67 - 76.
86. *Vũ Thị Hương - Vũ Thị Sao Chi*. Nguyên gốc tên quê hương nhà văn Nam Cao: *Nam Sang* hay *Nam Xang*. *Số 1*. - tr.: 59 - 64.
87. *Vũ Thị Sao Chi*. Lời phát biểu của Phó Tổng Biên tập Tạp chí *Ngôn ngữ* tại lễ công bố quyết định về nhân sự của Tạp chí *Ngôn ngữ*. *Số 1*. - tr.: 79 - 80.
88. *Vũ Thị Sao Chi*. Những vấn đề ngôn ngữ học trên tạp chí *Ngôn ngữ* năm 2013. *Số 2*. - tr.: 3 - 21.
89. *Vũ Thị Sao Chi*. Những vấn đề ngôn ngữ học trên tạp chí *Ngôn ngữ* năm 2013 (Tiếp theo và hết). *Số 3*. - tr.: 3 - 14.
90. *Vũ Thị Sao Chi*. Về khái niệm "phong cách ngôn ngữ". *Số 4*. - tr.: 13 - 23.
91. *Vũ Thị Sao Chi*. Về sự phân loại phong cách ngôn ngữ. *Số 5*. - tr.: 21 - 30.
92. *Vũ Thị Sao Chi*. Xác định phong cách ngôn ngữ bằng phương pháp định lượng. *Số 6*. - tr.: 19 - 30.
93. *Vũ Thị Sao Chi*. Tạp chí *Ngôn ngữ* 45 năm xây dựng và phát triển (9/1969 - 9/2014). *Số 9*. - tr.: 3 - 13.
94. *Vũ Thị Thanh Hương*. Lướt lời trong tương tác thầy - trò trong lớp học. *Số 11*. - tr.: 25 - 33.
95. *Vũ Văn Đại*. Về vấn đề thực tại hóa danh từ trong tiếng Việt. *Số 9*. - tr.: 64 - 72.
96. *Vương Toàn*. Hướng tới chuẩn hóa cách viết địa danh ở tỉnh Điện Biên. *Số 4*. - tr.: 3 - 12.

MỤC LỤC TẠP CHÍ "NGÔN NGỮ" 2013

1. *Ban Tổ chức Hội thảo*. Hội thảo khoa học Quốc tế Ngôn ngữ học Việt Nam trong bối cảnh đổi mới và hội nhập thành công tốt đẹp. *Số 6*. - tr.:77 - 80.
2. *Bình Thành*. Bàn thêm về vấn đề viết hoa một loại địa danh tiếng Việt chỉ địa phận hành chính. *Số 9*. - tr.:75 - 80.
3. *Bùi Khánh Thế*. Tiếp xúc ngôn ngữ và vấn đề song ngữ ở Việt Nam hiện nay. *Số 4*. - tr.:3 - 10.
4. *Bùi Minh Toán*. Điềm nhìn của chủ thể phát ngôn và sự tình thái hóa phát ngôn. *Số 3*. - tr.:10 - 16.
5. Diễn văn của GS.TS Nguyễn Xuân Thắng, Chủ tịch Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, đọc tại Lễ Ki niệm 60 năm thành lập Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam (02/12/1953 - 02/12/2013). *Số 12*. - tr.:9 - 21.
6. *Dương Quốc Cường*. Khảo sát mối tương quan về ngữ nghĩa - ngữ pháp giữa cụm "động từ + danh từ" và động từ cùng căn tố với danh từ tương ứng trong tiếng Nga hiện đại. *Số 11*. - tr.:75 - 80.
7. *Đình Văn Tuấn*. Một vài chữ Nôm và từ cổ đặc biệt trong *Truyện Kiều*. *Số 8*. - tr.:52 - 64.
8. *Đoàn Tiến Lực*. Về phương thức cấu tạo uyên ngữ. *Số 2*. - tr.:20 - 24.
9. *Đỗ Minh Hùng*. Phần phụ chú trong văn bản tiếng Anh. *Số 2*. - tr.:40 - 51.
10. *Đỗ Thị Hiền*. Vài nét về ngôn ngữ kí hiệu và việc dạy ngôn ngữ cho trẻ khiếm thính ở Việt Nam. *Số 1*. - tr.: 62 - 71.
11. *Hoàng Hữu Cường - Đình Thị Ánh Tuyết*. Sự tiếp thu một ngôn ngữ thứ hai: chủ động hay thụ động. *Số 11*. - tr.:66 - 74.
12. *Hoàng Kim Ngọc*. Biểu tượng *lưỡi* trong tiếng Việt. *Số 5*. - tr.:50 - 59.
13. *Hoàng Quốc*. Vấn đề tiếng mẹ đẻ của người Hoa ở An Giang. *Số 7*. - tr.:62 - 73.
14. *Hoàng Quốc*. Tình hình dạy - học và sử dụng ngôn ngữ trong trường phổ thông vùng dân tộc Khmer (An Giang). *Số 10*. - tr.:11 - 24.
15. *Hoàng Thị Yến*. Mối quan hệ giữa tính nghi vấn và hành động ngôn ngữ trong câu hỏi (Trên cứ liệu tiếng Hàn và tiếng Việt). *Số 6*. - tr.:42 - 54.
16. *Hoàng Thị Yến*. Nhận diện hành động hỏi gián tiếp trong tiếng Hàn và tiếng Việt. *Số 10*. - tr.:33 - 42.
17. *Hoàng Trọng Canh*. Qua khảo sát từ nghề biển Thanh - Nghệ Tĩnh, suy nghĩ về việc thu thập và nghiên cứu từ nghề nghiệp. *Số 9*. - tr.:3 - 12.

18. *Hoàng Văn Vân*. Tính đa chức năng: Nguyên tắc tổ chức của ngôn ngữ. *Số 7*. - tr.:14 - 34.
19. *Hoàng Văn Vân*. *Nóng, ấm, mát, lạnh* trong tiếng Việt và *hot, warm, cool, cold* trong tiếng Anh. *Số 12*. - tr.:27 - 38.
20. *Hồ Lê*. Một cách giải mã bài: *Phong Kiều dạ bạc* của Trương Kế. *Số 10*. - tr.:75 - 76.
21. *Lã Thị Thanh Mai*. Đối chiếu các phương tiện biểu hiện kính ngữ trong tiếng Hàn với các phương tiện tương đương trong tiếng Việt. *Số 3*. - tr.:69 - 80.
22. *Lã Thị Thanh Mai*. Đặc điểm xưng hô giữa vợ và chồng trong tiếng Hàn (Có liên hệ với tiếng Việt). *Số 10*. - tr.:43 - 50.
23. *Lê Đông - Nguyễn Văn Chính*. Suy nghĩ về một số tư tưởng ngôn ngữ học của Nguyễn Lai. *Số 9*. - tr.:71 - 74.
24. *Lê Kinh Thắng*. Cấu trúc tham tổ của tính từ tiếng Việt. *Số 9*. - tr.:29 - 35.
25. *Lê Thanh Hà*. Những con đường hình thành thuật ngữ du lịch tiếng Việt. *Số 8*. - tr.:74 - 80.
26. *Lê Thị Minh Hằng*. Câu điều kiện tiếng Việt và "cái cho sẵn". *Số 7*. - tr.:49 - 61.
27. *Lê Thị Hằng*. Phân tích nhu cầu học kỹ năng viết tiếng Anh của sinh viên không chuyên ngữ tại Trường Đại học Quảng Bình. *Số 10*. - tr.:61 - 74.
28. *Lê Thị Hương*. Khẩu ngữ trong thơ Nôm Nguyễn Bình Khiêm. *Số 4*. - tr.:57 - 63.
29. *Lê Thị Hương*. Điển tích, thi liệu Hán trong *Bạch Vân quốc ngữ thi tập* của Nguyễn Bình Khiêm. *Số 11*. - tr.:43 - 50.
30. *Lê Thị Tố Uyên*. Cách biểu hiện hành động hỏi - đề nghị trong tiếng Việt. *Số 6*. - tr.:55 - 62.
31. *Lê Thời Tân*. Nhận thức luận quan hệ ngôn ngữ - hiện thực của Trang Tử trong bối cảnh giải cấu trúc luận. *Số 9*. - tr.:36 - 44.
32. *Lê Thúy Hà*. Các chiến lược phê phán của người Việt. *Số 2*. - tr.:67 - 80.
33. *Lê Xuân Thại*. Tìm hiểu nghĩa của yếu tố Hán Việt trong các từ: *bầu cử, cung cấm...* *Số 2*. - tr.:25 - 29.
34. Lời phát biểu của đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam tại Lễ Kỷ niệm 60 năm thành lập Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam (02/12/1953 - 02/12/2013). *Số 12*. - tr.:3 - 8.
35. *Lưu Trọng Tuấn*. Quảng cáo là nơi tiếp xúc ngôn ngữ. *Số 3*. - tr.:40 - 58.
36. *Lý Tùng Hiếu*. Các khuynh hướng nghiên cứu văn hóa qua ngôn ngữ trên thế giới. *Số 4*. - tr.:38 - 51.
37. *Mai Xuân Huy*. Về mô hình giao tiếp và các nhân vật giao tiếp trong quảng cáo. *Số 1*. - tr.:39 - 49.
38. *Ngô Hữu Hoàng*. Tiếng Anh toàn cầu và giao tiếp liên văn hóa. *Số 3*. - tr.:29 - 39.

39. Ngô Quang Vinh - Lê Thị Thanh Nhân. Về phạm trù loại từ trong tiếng Việt. Số 6. - tr.:33 - 41.

40. Ngô Thị Minh Nguyệt. Đặc điểm phương thức chế biến qua tên gọi món ăn của người Trung Quốc. Số 10. - tr.:51 - 60.

41. Ngô Thị Thu Hương. Tên viết tắt các cơ quan, tổ chức chính trị xã hội ở Việt Nam hiện nay (Xét trên phương diện chính tả). Số 6. - tr.:63 - 74.

42. Nguyễn Cảnh Phúc. Hai điểm cần chú khi giảng bài thơ: *Phong Kiều dạ bạc*. Số 10. - tr.:77 - 80.

43. Nguyễn Đức Dân. Sơ lược về lí thuyết vết. Số 3. - tr.:3 - 9.

44. Nguyễn Đức Dân. Giới thiệu *Lô gích phi hình thức*. Số 7. - tr.:3 - 13.

45. Nguyễn Đức Tồn. Quan điểm mới về chuẩn ngôn ngữ và chuẩn hóa thuật ngữ. Số 1. - tr.:19 - 26.

46. Nguyễn Đức Tồn. Viện Ngôn ngữ học 45 năm xây dựng và phát triển (1968 - 2013). Số 5. - tr.:10 - 20.

47. Nguyễn Đức Tồn. Về nguyên lí tính hình tuyến và tính chất tâm lí của tín hiệu ngôn ngữ. Số 8. - tr.:3 - 5.

48. Nguyễn Đức Tồn. Về đơn vị được gọi là "từ" trong các ngôn ngữ. Số 11. - tr.:3 - 13.

49. Nguyễn Khắc Phi. Về thành ngữ, điển cố *Chém rắn đuổi hươu*. Số 4. - tr.:52 - 66.

50. Nguyễn Lai - Huỳnh Thị Minh Nguyệt. Thử xác định nhân tố *khái niệm trừu tượng* trong ẩn dụ khái niệm qua cách đặt vấn đề của G.Lakoff. Số 8. - tr.:6 - 15.

51. Nguyễn Mạnh Tiến - Nguyễn Văn Lộc. Một số khó khăn, hạn chế của việc vận dụng cách định nghĩa chủ ngữ và vị ngữ theo quan niệm truyền thống vào dạy học ngữ pháp. Số 8. - tr.:43 - 51.

52. Nguyễn Mạnh Tiến. Góp thêm một số ý kiến về việc phân biệt quan hệ cú pháp với quan hệ ngữ nghĩa. Số 11. - tr.:51 - 65.

53. Nguyễn Ngọc Lưu Ly. Về việc chuyển dịch các nhóm phụ từ tình thái xác tín tiếng Việt sang tiếng Pháp. Số 6. - tr.:17 - 26.

54. Nguyễn Thanh Dung. Dạy tiếng Anh chuyên ngành trong các trường đại học nghệ thuật ở Việt Nam. Số 4. - tr.:64 - 74.

55. Nguyễn Thị Chi Lê. Đặc điểm định danh các vị Đông dược trong tiếng Việt. Số 12. - tr.:49 - 61.

56. Nguyễn Thị Hoàng Chi. Một số đề xuất về đào tạo, đánh giá năng lực tiếng Việt cho người nước ngoài trên cơ sở khung tham chiếu châu Âu. Số 8. - tr.:65 - 73.

57. Nguyễn Thị Kim Loan. Tiếp cận cách hiểu khái niệm "Ngôn ngữ đô thị". Số 1. - tr.:72 - 80.

58. Nguyễn Thị Lan Chi. Chánh ngữ trong giáo thuyết nhà Phật là một nguyên lí giao tiếp. Số 9. - tr.:45 - 52.
59. Nguyễn Thị Ly Kha. Bài tập hỗ trợ học sinh lớp 1 bị chứng khó đọc tri nhận không gian. Số 8. - tr.:16 - 31.
60. Nguyễn Thị Phương. Một số vấn đề về ngôn ngữ kí hiệu. Số 5. - tr.:30 - 39.
61. Nguyễn Thị Thanh Ngân. Hình thành thói quen cầu khiến chuẩn mực cho trẻ mẫu giáo. Số 6. - tr.:27 - 32.
62. Nguyễn Thị Thu Nga. Hành vi thể và cấu trúc biểu thức ngữ vi thể trong tiếng Việt. Số 2. - tr.:30 - 39.
63. Nguyễn Thị Tuyết Mai. Những khó khăn trong việc phát âm trọng âm tiếng Anh của người Việt Nam. Số 5. - tr.:71 - 80.
64. Nguyễn Thị Vân Anh. Đặc trưng văn hóa vùng miền qua một số tín hiệu thẩm mỹ thuộc trường nghĩa thực vật trong ca dao Nam Trung Bộ. Số 12. - tr.:62 - 74.
65. Nguyễn Thiện Giáp. Đọc sách: *Ngôn ngữ học xã hội* (Tác giả: GS.TS Nguyễn Văn Khang, Nxb Giáo dục Việt Nam, 2012). Số 6. - tr.:75 - 76.
66. Nguyễn Thiện Giáp. Ngôn ngữ học tạo sinh của N. Chomsky: Lí thuyết chuẩn hay mô hình các bình diện. Số 10. - tr.:3 - 10.
67. Nguyễn Văn Hiệp. Viện Ngôn ngữ học Việt Nam trong bối cảnh đổi mới và hội nhập. Số 5. - tr.:3 - 9.
68. Nguyễn Văn Hiệp. Ngôn ngữ học Việt Nam trong bối cảnh đổi mới và hội nhập. Số 6. - tr.:3 - 5.
69. Nguyễn Văn Khang. Việt Nam với luật ngôn ngữ: Những cơ sở xã hội - ngôn ngữ cho việc xây dựng luật ngôn ngữ ở Việt Nam. Số 1. - tr.:3 - 18.
70. Nguyễn Văn Phó. Có... đâu! và Không...đâu!. Số 4. - tr.:19 - 26.
71. Nguyễn Văn Phó. Nhận xét về hiện tượng bất đối xứng ít - nhiều. Số 11. - tr.:34 - 42.
72. Park Ji Hoon. Sự biến đổi từ âm Hán Trung cổ sang Hán Việt và Hán Hàn. Số 4. - tr.:27 - 37.
73. Phạm Ngọc Hàm. Cười trong tiếng Hán và tiếng Việt nhìn từ góc độ tri nhận. Số 9. - tr.:23 - 28.
74. Phạm Thị Bền. Phát âm nhầm lẫn *l - n* trong tiếng Việt: Từ biểu hiện đến can thiệp. Số 10. - tr.:25 - 32.
75. Phạm Thị Hồng Nhung. Xu hướng nghiêng về cái *tôi tương trợ* thể hiện trong ngôn ngữ giao tiếp của người Việt. Số 2. - tr.:11 - 19.
76. Phạm Thị Hồng Nhung. Hình thái và chức năng hành vi chuyển mã của giáo viên tiếng Anh bậc tiểu học trong mối tương quan với ngữ năng. Số 6. - tr.:6 - 16.

77. *Phạm Thị Hồng Nhung*. Năng lực tri nhận nghĩa và chức năng của thân từ nguyên dạng ở người học tiếng Anh như một ngoại ngữ: Đánh giá từ góc độ diễn giải hoàn nguyên. *Số 11*. - tr.:22 - 33.

78. *Phạm Văn Hóa*. Hình tượng rừng trong sử thi Tây Nguyên. *Số 9*. - tr.:66 - 70.

79. *Phan Lương Hùng*. Lại bàn về vị trí tiếng Cao Lan trong các ngôn ngữ Tai. *Số 5*. - tr.:40 - 49.

80. *TCNN*. Lễ Kỉ niệm 60 năm thành lập Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam (02/12/1953 - 02/12/2013). *Số 12*. - tr.:22 - 26.

81. *TCNN*. *Mục lục tạp chí "Ngôn ngữ" 2013*. *Số 12*. - tr.:75 - 80.

82. *Tôn Nữ Mỹ Nhật*. Toán học như một thể loại diễn ngôn đa tín hiệu. *Số 3*. - tr.:17 - 28.

83. *Tôn Nữ Mỹ Nhật*. Tiếng Anh trong giáo dục đại học: Một số vấn đề và thực tiễn. *Số 9*. - tr.:13 - 22.

84. *Trần Thanh Tuấn*. Dữ, tương, cộng những nhãn tự nghệ thuật trong thơ đời Trần. *Số 4*. - tr.:75 - 80.

85. *Trần Thanh Tuấn*. Về đẹp ngôn từ của một áng Đường thi. *Số 9*. - tr.:61 - 65.

86. *Trần Minh Thương*. Khảo sát hiện tượng dẫn dịch *Kinh thi*, *Đường thi* trong hai tác phẩm *Cung oán ngâm khúc* và *Chinh phụ ngâm*. *Số 9*. - tr.:53 - 60.

87. *Trần Phương Nguyên*. Những nhân tố ảnh hưởng đến cảnh huống ngôn ngữ của người Chăm ở Nam Bộ. *Số 2*. - tr.:52 - 66.

88. *Trần Thanh Vân*. Đặc trưng giới tính qua việc sử dụng từ xưng hô trong phần dẫn nhập cuộc thoại mua bán ở chợ Đồng Tháp. *Số 3*. - tr.:59 - 68.

89. *Trần Thị Thu Hiền*. Một số biện pháp tu từ cú pháp trong ngôn ngữ quảng cáo tiếng Việt và tiếng Anh. *Số 5*. - tr.:60 - 70.

90. *Trần Trí Dõi*. Tên gọi Thánh "Dóng" và lễ hội "Phù Đổng": Góc nhìn từ ngữ âm lịch sử tiếng Việt. *Số 2*. - tr.:3 - 10.

91. *Trần Trí Dõi*. Trao đổi thêm về chuẩn ngôn ngữ và chuẩn chính tả trong tiếng Việt. *Số 11*. - tr.:14- 21.

92. *Trịnh Sâm*. *Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ* (Tác giả: Nguyễn Thiện Giáp, Nxb Giáo dục Việt Nam, 2012, sách dày 612 trang, khổ 16x 24 cm). *Số 7*. - tr.:74 - 75.

93. *Trương Thị Nhân*. Đặc điểm ngữ nghĩa của từ chỉ sản vật địa phương trong phương ngữ Huế. *Số 4*. - tr.:11 - 18.

94. *Văn Duy Đức*. Trao đổi về những vấn đề tiếng Việt trong hai cuốn sách *Tiếng Việt nâng cao và Từ xưng hô có nguồn gốc danh từ thân tộc* của Tiến sĩ Trương Thị Diễm. *Số 7*. - tr.:76 - 80.

95. *Vũ Thị Hải Hà*. Formant của nguyên âm [i, u, ɔ] trong quan hệ với thanh điệu tiếng Việt. *Số 12*. - tr.:39- 48.

96. *Vũ Thị Sao Chi - Phạm Thị Ninh*. Những tính chất cơ bản của ngôn ngữ hành chính. *Số 1*. - tr.:50 - 61.

97. *Vũ Thị Sao Chi - Phạm Thị Thu Thủy*. Hai ý niệm tương phản - nền tảng cho ẩn dụ tri nhận trong thơ Chế Lan Viên (Qua các tập *Điều tàn và Ánh sáng và phù sa*) (Kì I). *Số 7*. - tr.:35 - 48.

98. *Vũ Thị Sao Chi - Phạm Thị Thu Thủy*. Hai ý niệm tương phản - nền tảng cho ẩn dụ tri nhận trong thơ Chế Lan Viên (Qua các tập *Điều tàn và Ánh sáng và phù sa*). *Số 8*. - tr.:32 - 42.

99. *Vũ Thị Thanh Hương*. Năng lực ngoại ngữ và thái độ của giáo viên đối với chính sách ngoại ngữ hiện nay ở Việt Nam. *Số 1*. - tr.: 27 - 38.

100. *Vũ Thị Thanh Hương*. Năng lực ngoại ngữ và thái độ của học sinh, sinh viên đối với việc dạy - học ngoại ngữ trong nhà trường. *Số 5*. - tr.:21 - 29.

TIN BUỒN

GIÁO SƯ NGUYỄN CAO ĐÀM TỪ TRẦN

Giáo sư Tiến sĩ Nguyễn Cao Đàm, nguyên Cán bộ giảng dạy Khoa Ngôn ngữ học, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn - ĐHQG Hà Nội

- Huân chương Chiến thắng Hạng Ba
- Huân chương Kháng chiến Hạng Nhì
- Huân chương Lao động Hạng Ba
- Huy chương Vì sự nghiệp Giáo dục
- Huy chương Vì sự nghiệp Khoa học và Công nghệ
- Huy chương Vì sự nghiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật
- Huy hiệu Vì Nghĩa vụ quốc tế

đã từ trần ngày 30-9-2013 (tức ngày 26-8 năm Quý Ty), hưởng thọ 84 tuổi.

Giáo sư Tiến sĩ Nguyễn Cao Đàm sinh ngày 24-10-1930, tại Tp. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang; quê quán: làng Từ Dương, huyện Thương Tín, Hà Nội;

Giáo sư Nguyễn Cao Đàm là nhà khoa học đã tham gia tích cực các hoạt động của Viện Ngôn ngữ học, tạp chí Ngôn ngữ trong những năm vừa qua.

Viện Ngôn ngữ học, Tạp chí Ngôn ngữ xin gửi tới gia đình Giáo sư Nguyễn Cao Đàm, tới Khoa Ngôn ngữ học, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn - ĐHQG Hà Nội, lời chia buồn sâu sắc.

MỤC LỤC TẠP CHÍ "NGÔN NGỮ" NĂM 2012

1. *Bùi Duy Dương*. Tìm hiểu từ gốc Hán trong *Thiên Nam ngữ lục*. Số 11. - tr.: 59 - 69.
2. *Bùi Thanh Hoa*. Nhóm hư từ tiếng Việt mang ý nghĩa đánh giá "ít". Số 1. - tr.: 56 - 61.
3. *Cà Văn Chung - Trần Văn Hạc*. Nên dịch thơ Thái như thế nào? Số 4. - tr.: 71 - 74.
4. *Cao Thị Xuân Mỹ*. Các yếu tố cấu thành kí hiệu trong ngôn ngữ kí hiệu của người khiếm thính Việt Nam. Số 7. - tr.: 17 - 21.
5. *Châu Minh Hùng*. Quá trình Việt hóa thi pháp Hán trong thi ca Việt đến đầu thế kỉ XX. Số 5. - tr.: 35 - 49.
6. *Đào Thanh Lan*. Nhận diện hành động ngôn từ đe dọa trong tiếng Việt. Số 11. - tr.: 14 - 20.
7. *Đặng Kim Hoa*. Danh từ bộ phận trong định vị không gian qua tác phẩm *Ấn mây dĩ vãng* của Chu Lai. Số 10. - tr.: 60 - 65.
8. *Đặng Thị Hào Tâm*. Ấn dụ ý niệm vàng trong tiếng Việt nhìn từ góc độ miền nguồn. Số 12. - tr.: 19 - 26.
9. *Đinh Hồng Vân*. Dịch ngôn ngữ và dịch ngôn bản. Số 10. - tr.: 32 - 39.
10. *Đinh Kiều Châu*. Những lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh từ phương diện ngôn ngữ truyền thông xã hội. Số 11. - tr.: 37 - 48.
11. *Đinh Thị Xuân Hạnh*. Một số hiệu quả của việc sắp xếp trật tự về chính đứng trước về phụ trong câu ghép chính phụ. Số 9. - tr.: 59 - 70.
12. *Đinh Văn Tuấn*. "Quốc Tân La" hay "Nước Tân La". Số 1. - tr.: 51 - 55.
13. *Đinh Văn Tuấn*. Biểu tượng khởi thủy của *Địa chi Mão* là tên gọi con thỏ hay tên gọi con mèo? Số 3. - tr.: 75 - 80.
14. *Đinh Văn Tuấn*. Về chữ, nghĩa Thìn (辰), Long (龍) và Rồng. Số 7. - tr.: 68 - 74.
15. *Đoàn Văn Phúc*. Giáo dục tiếng mẹ đẻ trong trường tiểu học ở Đắc Lắc và thái độ của học sinh Ê đê. Số 9. - tr.: 33 - 45.

16. *Đỗ Thị Hiền*. Tật khiếm thính và một số kĩ năng giao tiếp cơ bản cần hình thành cho trẻ khiếm thính. *Số 1*. - tr.: 32 - 38.

17. *Đỗ Thị Thanh Nga*. Những yêu cầu khi sử dụng từ Hán Việt trong văn bản quản lí nhà nước. *Số 6*. - tr.: 57 - 66.

18. *Đỗ Thị Thu Hương - Nguyễn Đức Tồn*. Truy tìm nguồn gốc của một số thành ngữ thuần Việt có nhiều cách giải thích. *Số 9*. - tr.: 3 - 26.

19. *Đỗ Việt Hùng*. Nhận thức cộng đồng người Việt về thể giới (Thông qua phương thức định danh sự vật, hiện tượng của từ ghép chính phụ). *Số 12*. - tr.: 11 - 18.

20. *Hoàng Thị Ngọc Điểm*. Không gian tâm lí trong bản tin tiếng Anh và tiếng Việt. *Số 6*. - tr.: 29 - 39.

21. *Hoàng Văn Vân*. Hướng tới một lí thuyết dịch toàn diện: Một số vấn đề trong dịch liên ngôn. *Số 2*. - tr.: 28 - 38.

22. *Hoàng Văn Vân*. Biên soạn sách giáo khoa tiếng Anh tiểu học: Tiếp cận theo chủ đề. *Số 8*. - tr.: 3 - 12.

23. *Hồ Văn Hải - Nguyễn Thị Thu Hằng*. Giải mã bài thơ *Bài học đầu cho con* từ thao tác của kí hiệu học. *Số 4*. - tr.: 52 - 60.

24. *Huỳnh Kim Tường Vi - Hoàng Ngân*. Từ ngữ xưng hô trong thơ ca dân gian Nam Bộ. *Số 8*. - tr.: 72 - 80.

25. *La Nguyệt Anh*. Một số điểm sáng tạo về nhạc điệu trong *Thơ Mới* (1932 - 1945). *Số 9*. - tr.: 71 - 80.

26. *Lê Anh Xuân - Vũ Thị Dung*. Vị thế giao tiếp. *Số 3*. - tr.: 47 - 58.

27. *Lê Đức Luận*. Phân tích nghĩa vị tiếng Việt. *Số 3*. - tr.: 39 - 46.

28. *Lê Thị Thom*. Đặc trưng sự tinh phát ngôn tiếng Việt. *Số 5*. - tr.: 57 - 65.

29. *Lê Thị Tuyết Hạnh*. Tín hiệu thẩm mỹ "hoa" trong thơ Dương Thuần. *Số 7*. - tr.: 22 - 33.

30. *Lê Thời Tân*. Đại đạo vô ngôn của Lão Trang và Logos ngữ âm trung tâm của phương Tây (Liên hệ Lão Trang và J. Derida - Vài suy nghĩ về triết học ngôn ngữ học giải cấu trúc). *Số 3*. - tr.: 67 - 74.

31. *Lê Thu Hoài*. Cơ chế hình thành các mệnh đề ngầm ẩn trong câu hỏi tu từ. *Số 11*. - tr.: 49 - 58.

32. *Lê Trung Hoa*. Từ địa phương chỉ địa hình trong địa danh Nam Bộ. *Số 4*. - tr.: 32 - 38.

33. *Luong Thị Hiền*. Tìm hiểu cấu trúc trao đáp trong mối tương quan với nhân tố quyền lực ở phạm vi giao tiếp pháp đình tiếng Việt. *Số 12*. - tr.: 58 - 69.

34. *Lưu Chí Cường*. Tiếng Việt Nam tại Trung Quốc: Lịch sử và triển vọng. *Số 11*. - tr.: 21 - 29.

35. *Lưu Quý Khương - Trần Thị Minh Giang*. Nghiên cứu một số đặc trưng ngữ dụng của trạng từ tình thái nhận thức khẳng định và không khẳng định trong tiếng Anh. *Số 5*. - tr.: 50 - 56.

36. *Ngô Thị Thu Hương*. Tìm hiểu cách sáng tạo và sử dụng cụm từ mang tính thành ngữ mới trên báo chí (Từ năm 2000 đến nay). *Số 4*. - tr.: 61 - 70.

37. *Nguyễn Cảnh Phúc*. Một cách hiểu rất lạ về từ *cầu Kiều*. *Số 12*. - tr.: 70 - 74.

38. *Nguyễn Đại Cồ Việt*. Về nguồn gốc của vần O [ɔ] tiếng Việt hiện đại. *Số 8*. - tr.: 32 - 45.

39. *Nguyễn Đức Dân*. Ngữ nghĩa các từ hư: Nghĩa của cấu trúc trừu tượng. *Số 2*. - tr.: 15 - 27.

40. *Nguyễn Đức Dân*. Lí thuyết thanh chẩn X. *Số 7*. - tr.: 3 - 16.

41. *Nguyễn Đức Tôn*. Những vấn đề ngôn ngữ học trên Tạp chí *Ngôn ngữ* năm 2011. *Số 2*. - tr.: 3 - 14.

42. *Nguyễn Đức Tôn*. Những vấn đề ngôn ngữ học trên Tạp chí *Ngôn ngữ* năm 2011 (Tiếp theo và hết). *Số 3*. - tr.: 3 - 12.

43. *Nguyễn Đức Tôn - Vũ Thị Thu Huyền*. Về đặc điểm mô hình cấu tạo và việc chuẩn hóa thuật ngữ xây dựng là cụm từ trong tiếng Việt. *Số 5*. - tr.: 3 - 19.

44. *Nguyễn Lai*. Sự hình thành cấu trúc vận động không gian vào *Nam* (Từ góc nhìn tạo nghĩa của hoạt động nhận thức). *Số 12*. - tr.: 3 - 10.

45. *Nguyễn Lâm Trung*. Các giải pháp chuyển dịch mệnh đề phụ đảm nhận chức năng trạng ngữ chỉ điều kiện - giả thiết trong hai ngôn ngữ Pháp và Việt. *Số 10*. - tr.: 7 - 18.

46. *Nguyễn Mạnh Tiến*. Xác định thành tố chính của cụm chủ vị và thành phần chính của câu tiếng Việt dựa vào thuộc tính kết trị của vị từ. *Số 2*. - tr.: 70 - 80.

47. *Nguyễn Thị Bình*. Về phương pháp giảng dạy văn học Pháp. *Số 10*. - tr.: 40 - 48.

48. Nguyễn Thị Lương. Lí giải một số dạng trung gian của kiểu câu phân loại theo cấu tạo ngữ pháp. *Số 9*. - tr.: 46 - 53.
49. Nguyễn Thị Hồng Ngân. Cập thoại tiếng Việt trong hội thoại dạy học (Qua khảo sát hội thoại dạy học ở bậc Trung học cơ sở. *Số 12*. - tr.: 47 - 57.
50. Nguyễn Thị Phương - Nguyễn Đức Tôn. Mấy vấn đề về cú pháp của ngôn ngữ kí hiệu ở Việt Nam. *Số 4*. - tr.: 17 - 31.
51. Nguyễn Thị Quyết. Ấn dụ ý niệm về cuộc đời trong thơ tiếng Anh và tiếng Việt. *Số 6*. - tr.: 19 - 28.
52. Nguyễn Thị Thu Thủy. Tính tình thái chủ quan và tình thái khách quan trong các văn bản khoa học tiếng Anh và tiếng Việt. *Số 6*. - tr.: 40 - 56.
53. Nguyễn Thị Thu Trang. Kết từ vì trong lập luận tiếng Việt. *Số 3*. - tr.: 59 - 66.
54. Nguyễn Thiện Giáp. Ngôn ngữ học tạo sinh của N.Chomsky: Đối tượng và mục đích. *Số 4*. - tr.: 3 - 7.
55. Nguyễn Thiện Giáp. Đọc sách: *Lược khảo lịch sử từ vựng tiếng Việt*. Tác giả: PGS.TS Vũ Đức Nghiệu. Nxb GD Việt Nam, H., 2011, 515 trang. *Số 5*. - tr.: 77 - 80.
56. Nguyễn Thiện Giáp. Ngôn ngữ học tạo sinh của N.Chomsky: Mô hình ngôn ngữ thứ nhất. *Số 9*. - tr.: 27 - 32.
57. Nguyễn Thụy Phương Lan. Bước đầu tìm hiểu cấu trúc thể loại và đặc điểm ngôn ngữ của các bài tạp chí chuyên ngành kinh tế tiếng Anh. *Số 6*. - tr.: 67 - 80.
58. Nguyễn Văn Khang. Một số vấn đề về đời sống tiếng Chăm ở Việt Nam hiện nay. *Số 1*. - tr.: 3 - 18.
59. Nguyễn Văn Lộc. Bàn thêm về bình diện cú pháp và nghĩa cú pháp. *Số 6*. - tr.: 3 - 18.
60. Nguyễn Văn Phổ. Mặc dù, nhưng và quan hệ nhượng bộ. *Số 2*. - tr.: 39 - 57.
61. Nguyễn Việt Quang. Giữa hai nền văn hóa. *Số 10*. - tr.: 53 - 59.
62. Phạm Hương Quỳnh. Sóng - Xuân Quỳnh (Ngữ văn 12, Tập 1, Nxb GD, 2008). *Số 7*. - tr.: 75 - 80.
63. Phạm Ngọc Hàm - Cẩm Tú Tài. 心想 xin xiang trong tiếng Hán và nghĩ bụng trong tiếng Việt - nhìn từ góc độ ngôn ngữ học tri nhận. *Số 8*. - tr.: 26 - 31.

64. *Phạm Thị Hà*. Tiếp nhận lời khen của những người nổi tiếng qua hình thức giao lưu trực tuyến từ góc độ giới. *Số 5*. - tr.: 66 - 76.
65. *Phạm Văn Hóa*. Hình tượng rừng trong sử thi Tây Nguyên. *Số 9*. - tr.: 54 - 58.
66. *Phan Lương Hùng*. Vị trí của tiếng Cao Lan trong các ngôn ngữ Tai. *Số 8*. - tr.: 63 - 71.
67. *TCNN*. Mục lục Tạp chí "Ngôn ngữ" năm 2012. *Số 12*. - tr.: 75 - 80.
68. *Tôn Nữ Mỹ Nhật - Hà Thị Thanh Thúy*. Cấu trúc của thể loại Tiểu luận tuyển sinh trong tiếng Anh. *Số 3*. - tr.: 29 - 38.
69. *Trần Thanh Tuấn*. Nghệ thuật sử dụng phép điệp trong thơ thiên nhiên đời Trần. *Số 4*. - tr.: 75 - 80.
70. *Trần Đình Bình*. Ngôn ngữ học với việc dạy học tiếng Pháp. *Số 10*. - tr.: 49 - 52.
71. *Trần Kim Phượng - Mai Thanh Dung*. Danh ngôn vui trong tiếng Việt nhìn từ phương diện nội dung ngữ nghĩa và cách thức lập luận. *Số 12*. - tr.: 27 - 46.
72. *Trần Minh Thương*. Tiếng Việt gốc Khmer trong ngôn ngữ bình dân ở miền Tây Nam bộ - nhìn từ góc độ ca dao. *Số 7*. - tr.: 45 - 52.
73. *Trần Thị Hồng Hạnh*. Một số vấn đề ngôn ngữ và văn hóa thông qua ý niệm lòng, ruột, bụng, dạ trong tiếng Việt. *Số 11*. - tr.: 30 - 36.
74. *Trần Trọng Dương*. Thủy âm kép tiếng Việt thế kỉ XIV - XV qua các chữ Nôm cổ trong *Quốc âm thi tập*. *Số 8*. - tr.: 46 - 62.
75. *Trịnh Cẩm Lan - Đặng Thị Lan Anh*. Biến thể ngôn ngữ mang tính đánh dấu và việc sử dụng chúng trong các phương ngữ Việt hiện nay (Nghiên cứu trường hợp các biến thể của /ɛ/ và /ɔ/ ở huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. *Số 1*. - tr.: 19 - 31.
76. *Trịnh Cẩm Lan*. Mối quan hệ giữa thái độ ngôn ngữ và sự lựa chọn ngôn ngữ (Nghiên cứu trường hợp cộng đồng phương ngữ Bắc tại thành phố Hồ Chí Minh). *Số 11*. - tr.: 3 - 13.
77. *Trịnh Đức Thái*. Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Pháp: 50 năm xây dựng và trưởng thành. *Số 10*. - tr.: 3 - 6.
78. *Trịnh Đức Thái*. Ngữ đoạn mở đầu trong giao dịch mua bán ở Việt Nam và Pháp. *Số 10*. - tr.: 19 - 31.
79. *Trịnh Thanh Huệ*. Nghiên cứu ẩn dụ ở phương Tây. *Số 1*. - tr.: 62 - 80.

80. *Vi Trường Phúc*. Vài nét về sự tương đồng trong ẩn dụ. *Số 7*. - tr.: 34 - 44.
81. *Võ Thị Ánh Ngọc*. Liên từ đối lập mà trong quan hệ đồng nghĩa với nhưng. *Số 7*. - tr.: 53 - 67.
82. *Vũ Đức Nghiệu - Trần Hương Thục*. Hiện tượng lặp từ trong một số văn bản Nôm thời tiếng Việt cổ và Trung đại. *Số 3*. - tr.: 13 - 28.
83. *Vũ Ngọc Hoa*. Phương thức biến đổi cường độ lực ngôn trung câu khiến trong văn bản hành chính. *Số 2*. - tr.: 58 - 69.
84. *Vũ Thị Chín*. Quảng cáo với việc dạy và học ngoại ngữ (Trên ngữ liệu tiếng Nga). *Số 4*. - tr.: 39 - 51.
85. *Vũ Thị Chín*. Giải mã từ viết tắt trong tiếng Nga hiện đại (Trên ngữ liệu báo chí). *Số 5*. - tr.: 20 - 34.
86. *Vũ Thị Sao Chi*. Về vấn đề dạy học phân phong cách ngôn ngữ trong chương trình ngữ văn trung học phổ thông. *Số 1*. - tr.: 39 - 50.
87. *Vũ Thị Sao Chi - Phạm Thị Ninh*. Vấn đề sử dụng câu trong văn bản hành chính tiếng Việt. *Số 10*. - tr.: 66 - 80.
88. *Vũ Thị Thanh Hương*. Nhu cầu ngoại ngữ và thái độ của công chức đối với chính sách ngoại ngữ hiện nay ở Việt Nam. *Số 8*. - tr.: 13 - 25.
89. *Vũ Thị Thu Huyền - Nguyễn Đức Tôn*. Những con đường hình thành thuật ngữ xây dựng trong tiếng Việt. *Số 11*. - tr.: 70 - 80.
90. *Vương Toàn*. Tiến tới chuẩn hóa cách viết địa danh ở tỉnh Sơn La. *Số 4*. - tr.: 8 - 16.

MỤC LỤC TẠP CHÍ "NGÔN NGỮ" NĂM 2011

1. *Ahn Kyong Hwan - Jeong Mu Young*. Tìm hiểu về phủ định trong tiếng Việt và tiếng Hàn. *Số 12*. - tr.: 16 - 23.
2. *Bùi Khánh Thế*. Ngôn ngữ trong giáo dục và tiếp xúc ngôn ngữ ở Việt Nam hiện nay. *Số 2*. - tr.: 1 - 11.
3. *Bùi Mạnh Hùng*. Sự phân biệt về ý nghĩa và cách dùng giữa *một ít* và *một chút*. *Số 12*. - tr.: 24 - 37.
4. *Bùi Minh Toán*. Kiểm định những đặc tính của chất liệu ngôn ngữ chi phối nghệ thuật văn chương. *Số 4*. - tr.: 1- 9.
5. *Bùi Minh Toán*. Hoạt động hành chức của ngôn ngữ - những vận động bên trong. *Số 10*. - tr.: 1- 14.
6. *Châu Minh Hùng*. Âm và nghĩa của thi ca - từ cấu trúc luận đến giải cấu trúc luận. *Số 2*. - tr.: 34 - 50.
7. *Diệp Quang Ban*. Về phương pháp luận nghiên cứu dụng học: Từ cách tiếp cận phối cảnh. *Số 7*. - tr.: 14 - 26.
8. *Dư Ngọc Ngân*. Áp dụng mô hình tương tác vào việc dạy đọc hiểu cho người nước ngoài học tiếng Việt. *Số 12*. - tr.: 54 - 64.
9. *Đào Thanh Lan*. Nhận diện hành động mời và rù trong tiếng Việt. *Số 3*. - tr.: 14 - 19.
10. *Đào Thanh Lan*. Về việc phân loại hành động cầu khiến tiếng Việt. *Số 11*. - tr.: 59 - 66.
11. *Đặng Thị Hào Tâm*. Trường từ vựng - ngữ nghĩa *món ăn* và ý niệm *con người*. *Số 5*. - tr.: 25 - 34.
12. *Đặng Thị Thu Hiền*. Ý nghĩa biểu trưng của *gió (phong)* và các biểu thức chứa *gió* trong *Truyện Kiều*. *Số 10*. - tr.: 77 - 80.
13. *Đình Lưu Giang*. Vị trí ngôn ngữ quốc gia của tiếng Việt trên Wikipedia. *Số 2*. - tr.: 64 - 71.

14. *Đinh Lu Giang*. Hòa mã tiếng Khmer - Việt tại đồng bằng sông Cửu Long và sự phát triển từ vựng của tiếng Khmer Nam Bộ. *Số 8*. - tr.: 44 - 52.

15. *Đinh Văn Đức*. Nhận xét về hướng biến đổi của một số hiện tượng ngữ pháp tiếng Việt từ thế kỉ XVII đến thế kỉ XIX qua các quan sát văn bản (Nôm và Quốc ngữ). *Số 11*. - tr.: 16 - 29.

16. *Đinh Văn Tuấn*. Giải mã bí ẩn *Song Viét* 雙 日: *Song Viét* 雙 日 chính là chiết tự của chữ *Xương* 昌? *Số 3*. - tr.: 58 - 72.

17. *Đỗ Việt Hùng*. Xác định đặc điểm cấu tạo từ trên cơ sở cấu trúc nghĩa. *Số 2*. - tr.: 29 - 33.

18. *Đỗ Việt Hùng - Lê Thị Minh*. Giá trị biểu trưng của trầu cau trong ca dao tình yêu với truyền thống văn hoá của người Việt. *Số 10*. - tr.: 15 - 20.

19. *Hà Văn Hoàng*. Ý nghĩa biểu trưng của tín hiệu thẩm mỹ chi mùa xuân trong *Thơ Mới*. *Số 2*. - tr.: 71- 80.

20. *Hàn Ngọc Phú*. Địa danh tiếng Anh mang tên người. *Số 5*. - tr.: 76 - 80.

21. *Hoàng Dũng*. Kí ức về Giáo sư Nguyễn Tài Cẩn. *Số 4*. - tr.: 75 - 80.

22. *Hoàng Dũng*. Tốt nghĩa và xấu nghĩa trong tiếng Việt. *Số 12*. - tr.: 38 - 46.

23. *Hoàng Thái Sơn*. Tục ngữ, ca dao nói ngược. *Số 3*. - tr.: 43 - 46.

24. *Hoàng Văn Vân*. Vị thế của tiếng Anh trên thế giới và ở Việt Nam. *Số 1*. - tr.: 11- 18.

25. *Hoàng Văn Vân*. Hướng tới một lí thuyết dịch toàn diện: Một số khái niệm cơ bản. *Số 8*. - tr.: 11 - 21.

26. *La Văn Thanh*. Một vài nhận xét về tổ hợp song tiết Hán Việt Việt tạo trong tiếng Việt hiện đại. *Số 7*. - tr.: 41 - 48.

27. *Lê Đình Tường*. Phạm trù tiền giả định của cấu trúc cú có *hãy*, *đừng* hoặc *chớ*. *Số 8*. - tr.: 22 - 33.

28. *Lê Đức Luận*. Cơ chế ngôn ngữ của biểu tượng. *Số 5*. - tr.: 59 - 64.

29. *Lê Thanh Hà*. Mấy đặc điểm khái quát của thuật ngữ du lịch trong tiếng Việt và tiếng Anh. *Số 8*. - tr.: 70 - 76.

30. Lê Thị Lan Anh. Đặc điểm phát âm hệ thống phụ âm đầu tiếng Việt trong phương ngữ Thanh Hoá. *Số 10*. - tr.: 31 - 43.

31. Lê Thị Thu Hoà. Chức năng thực hiện các hành vi ngôn ngữ tại lời gián tiếp của câu hỏi tu từ. *Số 11*. - tr.: 67 - 80.

32. Lê Xuân Mậu. Âm và nghĩa trong thi ca - Bàn góp đôi lời. *Số 9*. - tr.: 68 - 72.

33. Lê Xuân Thại. Tìm hiểu nghĩa của yếu tố Hán - Việt trong các từ: *bỉ ối, hồ đồ, nhân hiệu, nhân mác*. *Số 4*. - tr.: 69 - 72.

34. Lê Xuân Thại. Tìm hiểu nghĩa của yếu tố Hán Việt trong các từ: *bao biện, chiêu tuyết, khẩn thiết, khúc chiết*. *Số 8*. - tr.: 77 - 80.

35. Lê Xuân Thại. Tìm hiểu nghĩa của các yếu tố Hán Việt trong các từ: *ác liệt, đê mê, lí lịch,...* *Số 9*. - tr.: 65 - 67.

36. Lương Minh Chung. Mẫu gốc của những hình ảnh - biểu tượng trong thơ Hoàng Cầm. *Số 6*. - tr.: 73 - 80.

37. Lương Thị Hiền. Tìm hiểu yếu tố quyền lực qua hành động ngôn từ hỏi và yêu cầu của Hội đồng xét xử (Trong phần xét hỏi của Tòa án). *Số 10*. - tr.: 61 - 76.

38. Lưu Trọng Tuán. Chơi chữ trong ngôn ngữ quảng cáo. *Số 6*. - tr.: 1 - 17.

39. Mai Thị Loan. Đặc điểm định danh của thuật ngữ sở hữu trí tuệ tiếng Việt. *Số 6*. - tr.: 8 - 26.

40. Nguyễn Đại Cồ Việt. Về sự đối ứng - *ung*: - *uông* trong âm Hán Việt và âm Hán Nôm hoá. *Số 4*. - tr.: 10 - 18.

41. Nguyễn Đức Chinh. Nguyễn Trường Tộ với việc phát triển ngôn ngữ ở Việt Nam thế kỉ XIX. *Số 3*. - tr.: 20 - 25.

42. Nguyễn Đức Tồn. Một số vấn đề về nghiên cứu, xây dựng và chuẩn hoá thuật ngữ tiếng Việt trong thời kì hội nhập, toàn cầu hoá hiện nay (Tiếp theo và hết). *Số 1*. - tr.: 1 - 10.

43. Nguyễn Đức Tồn - Nguyễn Thanh Gà. Cấu trúc ngữ nghĩa của nhóm từ chỉ kích thước trong tiếng Việt. *Số 3*. - tr.: 1 - 14.

44. Nguyễn Đức Tồn. Về các phương thức cấu tạo từ trong tiếng Việt từ góc độ nhân thức và bản thể (Kì I). *Số 8*. - tr.: 1 - 10.

45. *Nguyễn Đức Tồn*. Về các phương thức cấu tạo từ trong tiếng Việt từ góc độ nhận thức và bản thể (Tiếp theo và hết). *Số 9*. - tr.: 1 - 5.
46. *Nguyễn Hồng Cẩn*. Ngành Ngôn ngữ học - Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội 55 năm xây dựng và phát triển. *Số 11*. - tr.: 1 - 7.
47. *Nguyễn Khắc Phi*. Những điều không đơn giản quanh một tác phẩm tường chừng đơn giản. *Số 9*. - tr.: 51- 57.
48. *Nguyễn Lai*. Ngôn ngữ và đường dây biểu cảm trong tiếp nhận văn chương. *Số 5*. - tr.: 1 - 7.
49. *Nguyễn Quang*. Giả thuyết về quan hệ văn hoá - giao tiếp. *Số 1*. - tr.: 19 - 38.
50. *Nguyễn Thái Liên Chi*. Vấn đề danh từ chung, tên riêng và thành tố chung trong địa danh ở Đồng Nai. *Số 8*. - tr.: 53 - 60.
51. *Nguyễn Thị Hai*. Một vài suy nghĩ về hai con chữ I - Y và cách đặt dấu giọng. *Số 12*. - tr.: 47 - 54.
52. *Nguyễn Thị Hồng Ngân*. Hành vi khen trong hội thoại dạy học (Khảo sát ở bậc trung học cơ sở). *Số 10*. - tr.: 50 - 60.
53. *Nguyễn Thị Hương*. Kiểu lập luận trong diễn ngôn nghị luận báo chí tiếng Anh và tiếng Việt - ứng dụng trong dịch thuật. *Số 4*. - tr.: 48 - 54.
54. *Nguyễn Thị Ly Kha - Phạm Hải Lê*. Xây dựng nội dung chính âm cho trẻ dị tật bộ máy phát âm do hội chứng treacher collin. *Số 6*. - tr.: 56 - 72.
55. *Nguyễn Thị Ly Kha*. Nội dung đánh giá khả năng phát âm âm tiết của trẻ mẫu giáo. *Số 9*. - tr.: 6 - 17.
56. *Nguyễn Thị Mai*. Sự linh hoạt của tiêu điểm trong câu hỏi. *Số 12*. - tr.: 70 - 73.
57. *Nguyễn Thị Ngọc Diệp*. Câu dưới bậc và việc phân biệt câu dưới bậc với câu tinh lược. *Số 4*. - tr.: 19 - 30.
58. *Nguyễn Thị Thanh Tâm - Hiền Nhi*. Một số nét độc đáo của ngôn ngữ thơ Lê Đạt. *Số 7*. - tr.: 63 - 71.
59. *Nguyễn Thị Thuận - Lương Thị Vui*. Về giá trị của một số biện pháp tu từ cú pháp trong các văn bản đọc hiểu ở sách *Ngữ văn* trung học phổ thông. *Số 4*. - tr.: 55 - 64.

60. Nguyễn Thị Thu Thủy. Lập ý cho bài văn nghị luận của học sinh ở trường phổ thông. Số 7. - tr.: 72 - 80.

61. Nguyễn Thị Thu Thủy. Một số đặc điểm ngôn ngữ truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp. Số 10. - tr.: 44 - 49.

62. Nguyễn Thiện Giáp. Về ngôn ngữ học tri nhận. Số 9. - tr.: 44 - 50.

63. Nguyễn Tuấn Cường. Tiếng vang và cái bóng: Khảo luận nhan đề *Vang bóng một thời* của Nguyễn Tuấn (Qua ngữ liệu chữ Hán, Nôm, Quốc ngữ). Số 6. - tr.: 46 - 55.

64. Nguyễn Tương Lai. Văn hoá và ngôn ngữ phương Đông của GS.TS Mai Ngọc Chừ - công trình 2 giải thưởng. Số 4. - tr.: 73 - 74.

65. Nguyễn Văn Hiệp - Hoàng Thị Thu Thủy. Về chủ ngữ giả trong tiếng Việt. Số 11. - tr.: 47 - 58.

66. Nguyễn Văn Khang. Chính sách ngôn ngữ của Đảng và Nhà nước về công tác xóa mù chữ. Số 7. - tr.: 1 - 13.

67. Nguyễn Văn Nờ. Tìm hiểu triết lí về giao tiếp trong tục ngữ người Việt và tục ngữ các dân tộc khác. Số 2. - tr.: 51 - 59.

68. Nguyễn Văn Phó. Bắt đầu và thể khởi phát tiếng Việt. Số 2. - tr.: 12 - 28.

69. Nguyễn Xuân Hòa. Tượng đài người lính Điện Biên qua bài thơ *Giá từng thước đất* của Chính Hữu. Số 6. - tr.: 43 - 45.

70. Nguyễn Xuân Hòa. Một vài vấn đề nghiên cứu so sánh - lịch sử nhóm ngôn ngữ Việt - Mường (Tác giả: Trần Trí Dõi, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2011, 371 trang). Số 9. - tr.: 73 - 80.

71. Phạm Hùng Dũng. Phép ẩn dụ biểu hiện ý nghĩa "cực cấp". Số 12. - tr.: 65 - 69.

72. Phạm Ngọc Hàm. Chữ Hán với tín ngưỡng dân gian của người xưa. Số 9. - tr.: 58 - 64.

73. Phạm Thị Bền - Phạm Thị Hằng. Sử dụng tiếng Anh lẫn vào tiếng Việt: Cảm nhận từ một cuộc khảo sát các bài báo. Số 3. - tr.: 37 - 42.

74. Phạm Thị Hồng Thắm. Vấn đề tiếp nhận đoạn văn từ góc độ thể loại văn bản. Số 7. - tr.: 49 - 62.

75. Phạm Thị Thoan. Bước đầu tìm hiểu việc sử dụng chất liệu văn học trong ngôn ngữ báo chí ngành Công an đầu thế kỉ XXI. Số 8. - tr.: 61 - 69.

76. *Phan Lương Hùng*. Tình hình sử dụng ngôn ngữ của người Romăm ở làng Le. *Số 3*. - tr.: 26 - 36.

77. *Phan Quan Thông*. Khảo sát các đơn vị thành ngữ trong tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh. *Số 9*. - tr.: 18 - 26.

78. *TCNN*. Mục lục Tạp chí "Ngôn ngữ" năm 2011. *Số 12*. - tr.: 74 - 80.

79. *Tô Minh Thanh*. Câu tổng loại trong tiếng Việt và tiếng Anh. *Số 7*. - tr.: 27 - 40.

80. *Tôn Nữ Mỹ Nhật*. Những đặc trưng ngôn ngữ - xã hội của thể loại tạp bút. *Số 5*. - tr.: 35 - 49.

81. *Trần Thanh Tuấn*. Chiết tự chữ Hán trong thơ ca người Việt. *Số 3*. - tr.: 50 - 57.

82. *Trần Thanh Tuấn*. Nghĩ thêm về *Tĩnh dạ tư* của Lý Bạch: Từ văn bản đến chữ nghĩa. *Số 6*. - tr.: 38 - 42.

83. *Trần Bá Tiến*. Đánh giá giả thuyết Sapir - Whorf và ảnh hưởng của nó đối với xu hướng ngôn ngữ học hiện nay. *Số 1*. - tr.: 39 - 46.

84. *Trần Đức Hoàn*. Về một biểu tượng trong thơ Hoàng Cầm. *Số 3*. - tr.: 47 - 49.

85. *Trần Đức Tuấn*. Tên làng xưa ở Hoàng Hoá. *Số 2*. - tr.: 60 - 63.

86. *Trần Kim Phượng*. Từ *thôi* trong tiếng Việt nhìn từ ba bình diện: Kết học, nghĩa học và dụng học. *Số 5*. - tr.: 50 - 58.

87. *Trần Kim Phượng*. Những kết hợp bất thường trong ca từ Trịnh Công Sơn dưới góc độ ngữ pháp. *Số 10*. - tr.: 21 - 30.

88. *Trần Thanh Vân*. Những khác biệt giới tính biểu hiện qua hành động mặc cả của người mua ở chợ Đờng Tháp. *Số 1*. - tr.: 47 - 60.

89. *Trần Trí Dồi*. Khái niệm *từ thuần Việt* và *từ ngoại lai* từ góc nhìn của lịch sử tiếng Việt hiện nay. *Số 11*. - tr.: 8 - 15.

90. *Trần Trọng Dương*. Phật thuyết có phải là dịch phẩm Nôm của thế kỉ XII?. *Số 4*. - tr.: 31 - 47.

91. *Trần Văn Sáng*. Đặc điểm cấu tạo và ý nghĩa các địa danh có nguồn gốc ngôn ngữ Pacô - Taôi ở huyện A Lưới (Thừa Thiên Huế). *Số 1*. - tr.: 66 - 76.

92. *Trịnh Sâm*. Miền ý niệm sông nước trong tri nhận của người Việt. *Số 12*. - tr.: 1 - 15.

93. *Trương Văn Vỹ*. Những thay đổi ở cấp độ ngữ âm trong tiếng Nga hiện nay. *Số 4*. - tr.: 65 - 68.

94. *VNN&TCNN*. Tin buồn. *Số 3*. - tr.: 80.

95. *Võ Kim Hà*. Phân tích cơ chế tri nhận các ngữ biểu trung tiếng Việt có yếu tố *tay* (Đối chiếu với tiếng Anh). *Số 8*. - tr.: 34 - 43.

96. *Võ Vinh Quang*. Mạn đàm về nguồn gốc của từ *Tết* trong ngôn ngữ văn hoá Việt Nam. *Số 1*. - tr.: 61 - 65.

97. *Vũ Đức Nghiệu*. Vài kết quả khảo sát sơ bộ về từ vựng tiếng Việt cổ trong một số tác phẩm Nôm. *Số 5*. - tr.: 8 - 24.

98. *Vũ Đức Nghiệu*. Từ vựng văn học giai đoạn tiếng Việt cổ: Một số đặc điểm trong sự hình thành và phát triển. *Số 11*. - tr.: 30 - 46.

99. *Vũ Ngọc Hoa*. Biểu thức ngôn hành cầu khiến nguyên cấp chứa: *phải, cần, nên, được* trong văn bản hành chính. *Số 6*. - tr.: 27 - 37.

100. *Vũ Thị Chín*. Vấn đề sử dụng từ ngoại lai trong ngôn ngữ báo chí Nga hiện nay. *Số 5*. - tr.: 65 - 75.

101. *Vũ Thị Sao Chi*. Những phát hiện mới của công trình *Đặc trưng văn hoá - dân tộc của ngôn ngữ và tư duy* (Tác giả: GS.TS Nguyễn Đức Tồn, tái bản có chỉnh lí và bổ sung, Nxb Từ điển bách khoa, H., 2010, 635 trang). *Số 1*. - tr.: 77 - 80.

102. *Vũ Thị Sao Chi*. Những vấn đề ngôn ngữ học trên tạp chí *Ngôn ngữ* năm 2010. *Số 3*. - tr.: 73 - 79.

103. *Vũ Thị Thanh Hương*. Tình hình dạy - học và sử dụng tiếng Việt trong trường phổ thông vùng dân tộc thiểu số ở Việt Nam. *Số 9*. - tr.: 27 - 43.

MỤC LỤC TẠP CHÍ "NGÔN NGỮ" 2010

1. *Bùi Duy Dương*. Thành ngữ gốc Hán trong *Thiên Nam ngữ lục*. Số 11. - tr.: 58 - 66.

2. *Bùi Minh Toán*. Vai nghĩa của các tham thể trong sự chuyển hoá của vị từ. Số 3. - tr.: 1 - 9.

3. *Bùi Minh Toán*. Tiếp cận câu hỏi chính danh từ bình diện ngữ nghĩa. Số 10. - tr.: 1 - 8.

4. *Bùi Thị Lâm*. Chiến lược giao tiếp trong lời Thúy Kiều ở đoạn trích "Trao duyên" trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du. Số 11. - tr.: 76 - 80.

5. *Diệp Quang Ban*. Giới thiệu sơ bộ: "Phê bình ngôn ngữ học" - Sự nối kết ngôn ngữ học và văn học trong giai đoạn sau cấu trúc luận và kí hiệu học. Số 7. - tr.: 1 - 10.

6. *Dương Thị Thanh Hoa - Lan Hương*. Mấy nét về cảnh hưởng ngôn ngữ ở Thái Nguyên. Số 9. - tr.: 18 - 32.

7. *Đặng Thị Hào Tâm*. Vận động hội thoại trong trích đoạn *Thoát ra khỏi nghịch cảnh* (Trích *Hồn Trương Ba, da hàng thịt*, Sách giáo khoa Ngữ văn 12, Tập 1). Số 3. - tr.: 25 - 34.

8. *Đặng Thị Hào Tâm*. Thương lượng nội dung hội thoại và mối quan hệ giữa người nghệ sĩ với quần chúng nhân dân trong trích đoạn *Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài* - Nguyễn Huy Tưởng (Sách giáo khoa Ngữ văn 11, Nxb Giáo dục). Số 10. - tr.: 24 - 33.

9. *Đặng Thị Thu Hiền*. Từ các phương tiện ngôn ngữ chiếu vật biểu thị tình yêu trong *Truyện Kiều* đến quan niệm của Nguyễn Du về tình yêu. Số 4. - tr.: 41 - 54.

10. *Đoàn Văn Phúc*. Đặc điểm một số thổ ngữ Mdhur ở Gia Lai. Số 2. - tr.: 17 - 26.

11. *Đoàn Văn Phúc*. Quyết định số 53/CP với việc bảo tồn, phát huy ngôn ngữ và chữ viết các dân tộc thiểu số trong thời kì mới. Số 9. - tr.: 7 - 17.

12. *Đỗ Anh Vũ*. Một số tín hiệu thẩm mỹ đặc sắc trong thơ Nguyễn Bính trước 1945. Số 2. - tr.: 42 - 55.

13. *Đỗ Anh Vũ. Chào nguyên xuân và hành trình ẩn dụ ngôn từ của Bùi Giáng. Số 6. - tr.: 35 - 40.*
14. *Đỗ Hồng Dương. Một cách tiếp cận "chủ ngữ" từ góc độ loại hình học. Số 2. - tr.: 67 - 74.*
15. *Đỗ Hồng Dương. Về chủ ngữ trong một số kiểu câu có thành tố chỉ không gian đứng đầu. Số 11. - tr.: 46 - 57.*
16. *Đỗ Thị Hiền. Sự đổi mới về giọng điệu trong ngôn ngữ kể chuyện của Nguyễn Khải qua một số truyện ngắn tiêu biểu trước và sau 1975. Số 8. - tr.: 71 - 80.*
17. *Đỗ Việt Hùng. Một số khía cạnh ứng dụng trường nghĩa trong hoạt động giao tiếp. Số 3. - tr.: 10 - 13.*
18. *Đỗ Việt Hùng. Nhận thức giao tiếp hay văn hoá giao tiếp trong dạy học bản ngữ. Số 8. - tr.: 30 - 34.*
19. *Đỗ Việt Hùng. Một cách giải nghĩa hư từ. Số 10. - tr.: 9 - 13.*
20. *Đức Nguyễn. Việt ngữ tinh nghĩa từ điển (Tác giả: Long Điền Nguyễn Văn Minh, Nxb Từ điển Bách khoa, H., 2010 (tái bản), 463 tr.). Số 9. - tr.: 79 - 80.*
21. *Hà Minh Châu. Ngôn ngữ nghệ thuật trong văn xuôi Vũ Bằng. Số 12. - tr.: 32 - 41.*
22. *Hà Thanh Hải. "Nền kinh tế là một cơ thể sống": Ẩn dụ ý niệm trong báo chí kinh tế tiếng Anh và tiếng Việt. Số 11. - tr.: 67 - 75.*
23. *Hà Thị Tuyết Nga. Tiếp cận tiêu chí đánh giá sức sống ngôn ngữ. Số 7. - tr.: 29 - 39.*
24. *Hàm Man Tuyết. Bàn thêm về đối ứng thanh điệu trong âm Hán Nôm hoá. Số 4. - tr.: 23 - 32.*
25. *Hoàng Thị Châu. Cấu tạo từ của hệ thống số đếm trong các ngôn ngữ (Những bài toán trong các con số). Số 1. - tr.: 19 - 33.*
26. *Hoàng Văn Vân. Khái niệm tương đương trong lí luận và thực tiễn dịch thuật: Tương đương theo nghĩa nào? Số 2. - tr.: 1 - 16.*
27. *Hồ Xuân Tuyên. Phương thức ghép trong địa danh Bạc Liêu. Số 7. - tr.: 73 - 80.*
28. *Hữu Đạt. Sự hình dung không gian trong nghĩa biểu tượng của thành ngữ (Qua hai biểu tượng về "ứng xử đạo đức" và "tự do"). Số 1. - tr.: 39 - 45.*
29. *Lã Thị Minh Hằng. Khảo sát về bộ hòa và bộ mẽ trong chữ Hán và chữ Nôm. Số 8. - tr.: 35 - 46.*

30. *Lan Hương*. Đọc sách: *Cú pháp tiếng Việt*, Tác giả: Nguyễn Văn Hiệp, Nxb GD Việt Nam, H., 2009. *Số 5*. - tr.: 78 - 80.
31. *Lâm Uyên Bá*. Khảo sát từ kéo về ngữ pháp, ngữ nghĩa và ngữ dụng. *Số 12*. - tr.: 55 - 71.
32. *Lê Đông - Nguyễn Văn Chính*. Từ bèn trong tiếng Việt hiện đại. *Số 7*. - tr.: 11 - 17.
33. *Lê Thị Minh Hằng*. *Thế/ vậy* dưới góc độ thực hành tiếng. *Số 1*. - tr.: 68 - 80.
34. *Lê Thị Nhung*. Bước đầu tìm hiểu ngữ điệu phát thanh chương trình thời sự truyền hình. *Số 9*. - tr.: 33 - 37.
35. *Lê Thị Thơm*. Vị từ chỉ cách thức nói năng trong tiếng Việt. *Số 3*. - tr.: 63 - 69.
36. *Lê Thị Thơm*. Vị từ nói trong tiếng Việt. *Số 10*. - tr.: 75 - 80.
37. *Lê Thị Thu Hoài*. Liên từ "⇒" (kéo theo) lô gích và liên từ tương ứng trong ngôn ngữ tự nhiên (*Dựa trên tư liệu tiếng Việt*). *Số 2*. - tr.: 27 - 41.
38. *Lê Thị Tuyết Hạnh*. Lời nửa trực tiếp - hiện tượng làm nên nét phong cách tùy bút *Thăm thăm bóng người* (Đỗ Chu). *Số 6*. - tr.: 41 - 51.
39. *Lê Xuân Soan*. Cặp phụ từ hô ứng *càng... càng...* trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du. *Số 4*. - tr.: 61 - 65.
40. *Lê Xuân Thại*. Nên hay không nên dạy chữ Nho cho học sinh phổ thông?. *Số 2*. - tr.: 75 - 80.
41. *Lê Xuân Thại*. Tìm hiểu nghĩa của yếu tố Hán Việt trong các từ: *Chuẩn bị, dư luận, địa dư, khổ sở, nạp thái, vu quy*. *Số 6*. - tr.: 54 - 56.
42. *Lê Xuân Thại*. Có đúng thế không? *Số 12*. - tr.: 72 - 73.
43. *Lương Hình*. Các hình thức cảm ơn gián tiếp của người Việt. *Số 5*. - tr.: 38 - 45.
44. *Lương Thị Hiền*. Giá trị văn hoá - quyền lực được đánh dấu qua hành động cầu khiến trong giao tiếp gia đình người Việt. *Số 10*. - tr.: 66 - 74.
45. *Lưu Quý Khương*. Đặc trưng cấu trúc, ngữ nghĩa của tổ hợp chứa từ mẹ và cách chuyển dịch sang tiếng Anh. *Số 5*. - tr.: 46 - 53.
46. *Lưu Trọng Tuấn*. Cấu trúc tu từ trong ngôn ngữ quảng cáo. *Số 8*. - tr.: 47 - 60.
47. *Lưu Văn Din*. Trường ngữ nghĩa các yếu tố ngôn ngữ liên quan đến nước trong ca dao, tục ngữ người Việt. *Số 9*. - tr.: 71 - 78.

48. *Mai Thị Kiều Phương*. Giải pháp số lượng phụ âm đầu trong tiếng Việt. Số 5. - tr.: 62 - 68.
49. *Nguyễn Cảnh Phúc*. Bàn về nghĩa của từ *Sám Thương* trong sách giáo khoa *Ngữ văn 9*, Tập I. Số 12. - tr.: 52 - 54.
50. *Nguyễn Đại Cô Việt*. Vài suy nghĩ về phân tầng lịch sử âm Hán Nôm hoá (Kì I). Số 4. - tr.: 10 - 22.
51. *Nguyễn Đại Cô Việt*. Vài suy nghĩ về phân tầng lịch sử âm Hán Nôm hoá (Tiếp theo và hết). Số 5. - tr.: 69 - 77.
52. *Nguyễn Đức Dân*. Triết lí tiếng Việt trong một thành ngữ "phi lô gích". Số 6. - tr.: 1 - 4.
53. *Nguyễn Đức Dân*. Con đường chuyển nghĩa của từ cơ bản: Trường hợp của *lại*. Số 11. - tr.: 9 - 14.
54. *Nguyễn Đức Tôn*. Những cơ sở lí luận và thực tiễn khi xây dựng chính sách ngôn ngữ của Việt Nam trong thời kì công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế. Số 1. - tr.: 6 - 18.
55. *Nguyễn Đức Tôn*. Huyền thoại về cấu trúc nghĩa của từ. Số 4. - tr.: 1 - 9.
56. *Nguyễn Đức Tôn*. Một số vấn đề về nghiên cứu, xây dựng và chuẩn hóa thuật ngữ tiếng Việt trong thời kì hội nhập, toàn cầu hóa hiện nay. Số 12. - tr.: 1 - 9.
57. *Nguyễn Hồng Côn*. Đọc sách: *777 khái niệm ngôn ngữ học*, Tác giả: GS.TS Nguyễn Thiện Giáp, Nxb ĐHQG HN, 2010. Số 4. - tr.: 78 - 79.
58. *Nguyễn Hồng Côn*. Các kiểu cấu trúc thông tin của câu đơn tiếng Việt. Số 11. - tr.: 26 - 32.
59. *Nguyễn Hữu Chinh*. Hiện tượng "ông ảnh" trong tiếng Nam Bộ. Số 12. - tr.: 10 - 19.
60. *Nguyễn Hữu Chương*. Câu đồng nghĩa sử dụng lối nói vòng. Số 5. - tr.: 54 - 61.
61. *Nguyễn Lai*. Cảm nhận và suy nghĩ về tầm nhìn kinh điển trong hướng đi của ngôn ngữ học tri nhận. Số 8. - tr.: 1 - 11.
62. *Nguyễn Lai*. Thực thể trời tâm linh trong thế giới nhân quả *Truyện Kiều* qua bút pháp Nguyễn Du. Số 12. - tr.: 42 - 47.
63. *Nguyễn Mạnh Tiến*. Bàn thêm về các cấu trúc *bao giờ đi và đi bao giờ*. Số 10. - tr.: 60 - 65.
64. *Nguyễn Minh Hoạt*. Tên riêng người Ê Đê. Số 4. - tr.: 33 - 40.

65. Nguyễn Sỹ Tuấn. Về một số yếu tố mờ nghĩa gốc Môn-Khmer trong tiếng Việt hiện đại. Số 6. - tr.: 15 - 19.

66. Nguyễn Thái Hoà. Cái thực, cái nhu thực và cái đẹp (Khảo nghiệm qua cú liệu phương thức so sánh tu từ trong tác phẩm văn học). Số 1. - tr.: 34 - 38.

67. Nguyễn Thanh Tú. Sức mạnh của nghệ thuật ẩn dụ trào phúng trong văn xuôi Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh. Số 12. - tr.: 20 - 31.

68. Nguyễn Thị Bích Hạnh. Biểu tượng núi trong ca từ Trịnh Công Sơn. Số 1. - tr.: 61 - 67.

69. Nguyễn Thị Bích Hạnh. Ý nghĩa biểu trưng của số 3 trong tín ngưỡng, văn hoá tộc người Mông. Số 7. - tr.: 40 - 46.

70. Nguyễn Thị Hồng Ngân. Đặc điểm câu hỏi của giáo viên trên lớp học. Số 3. - tr.: 55 - 62.

71. Nguyễn Thị Lương. Các hình thức cảm ơn trực tiếp của người Việt. Số 3. - tr.: 14 - 24.

72. Nguyễn Thị Lương. Các hình thức giới thiệu trực tiếp của người Việt. Số 10. - tr.: 14 - 23.

73. Nguyễn Thị Ly Kha. Sự cần thiết của nội dung "Trị liệu ngôn ngữ cho trẻ mầm non" trong chương trình đào tạo và bồi dưỡng giáo viên mầm non. Số 6. - tr.: 60 - 63.

74. Nguyễn Thị Ngân Hoa. Sự chuyển hoá những giá trị biểu trưng từ bình diện ngôn ngữ văn hoá vào ngôn ngữ thơ ca. Số 3. - tr.: 75 - 80.

75. Nguyễn Thị Thanh Huyền - Bình Thành. Một số đặc điểm của cảnh huống ngôn ngữ ở Hà Giang. Số 9. - tr.: 52 - 62.

76. Nguyễn Thị Thanh Ngân. Vai trò của yếu tố xin trong câu ngôn hành tiếng Việt. Số 8. - tr.: 65 - 70.

77. Nguyễn Thị Thu Trang. Kết từ lập luận và lại trong tiếng Việt. Số 4. - tr.: 55 - 60.

78. Nguyễn Thiện Nam. Vấn đề dạy ngữ pháp trong giáo trình tiếng Việt cho người nước ngoài. Số 6. - tr.: 25 - 34.

79. Nguyễn Văn Hiệp. Bỏ ngữ giả và định ngữ biểu cảm trong tiếng Việt. Số 5. - tr.: 15 - 26.

80. Nguyễn Văn Hiệp. Câu đặc biệt trong tiếng Việt nhìn từ lí thuyết điển mẫu (prototype). Số 6. - tr.: 5 - 14.

81. Nguyễn Văn Khang. Diễn văn khai mạc Hội thảo ngôn ngữ học toàn quốc. Số 1. - tr.: 1 - 3.

82. *Nguyễn Văn Khang*. Sự tác động của xã hội đối với ngôn ngữ và những vấn đề đặt ra đối với chính sách ngôn ngữ ở Việt Nam hiện nay. *Số 8*. - tr.: 12 - 29.
83. *Nguyễn Văn Phó*. Nghĩa của mới. *Số 7*. - tr.: 18 - 27.
84. *Nguyễn Xuân Lạc*. Về đẹp một bài thơ của Bác (Nhìn từ góc độ cấu tứ thơ Đường). *Số 6*. - tr.: 52 - 53.
85. *Nguyễn Xuân Thắng*. Lời phát biểu chào mừng Hội thảo ngôn ngữ học toàn quốc. *Số 1*. - tr.: 4 - 5.
86. *Nonna v.stankevich*. Về một sự kiện đáng chú ý trong ngành Hán ngữ học của Nga. *Số 6*. - tr.: 57 - 59.
87. *Phạm Ngọc Thương*. Cách sử dụng đại từ xưng hô ngôi thứ nhất, số ít trong tiếng Nùng (Xét trong mối liên hệ với tiếng Việt). *Số 1*. - tr.: 46 - 52.
88. *Phạm Thị Như Hoa*. Câu hỏi tu từ có tình thái hỏi - khẳng định trong thơ Chế Lan Viên. *Số 7*. - tr.: 58 - 72.
89. *Phạm Thị Ninh - Hà Nguyên*. Tuyên ngôn độc lập, áng hùng văn bất hủ - âm vang từ những lời giản dị. *Số 9*. - tr.: 67 - 70.
90. *Quách Thị Bích Thủy*. Thông điệp được mang chờ qua lời nửa trực tiếp trong tùy bút *Thăm thăm bóng người* (Đỗ Chu). *Số 2*. - tr.: 56 - 66.
91. *Tạp chí Ngôn ngữ*. Mục lục Tạp chí "Ngôn ngữ" năm 2010. *Số 12*. - tr.: 74 - 80.
92. *Trần Kim Phượng*. Các phương pháp phân tích câu tiếng Việt. *Số 3*. - tr.: 35 - 47.
93. *Trần Kim Phượng*. Từ hết trong tiếng Việt nhìn từ ba bình diện: Kết hợp, nghĩa học và dụng học. *Số 10*. - tr.: 34 - 40.
94. *Trần Ngọc Thêm*. Về vấn đề giữ gìn sự trong sáng của ngôn ngữ và bảo tồn văn hoá trong kĩ nguyên toàn cầu hoá. *Số 9*. - tr.: 1 - 6.
95. *Trần Thị Chung Toàn*. Chủ thể văn bản và vấn đề giảng dạy chủ thể văn bản tiếng Nhật cho sinh viên Việt Nam. *Số 4*. - tr.: 66 - 77.
96. *Trần Thị Giang*. Hài - nghệ thuật lập luận trong tác phẩm *Đường Cách Mệnh* của Chủ tịch Hồ Chí Minh. *Số 1*. - tr.: 53 - 60.
97. *Trần Thị Minh - Nguyễn Thị Ái Vân*. Khả năng sử dụng một số từ định vị và định hướng không gian của sinh viên Hàn Quốc khi học tiếng Việt. *Số 7*. - tr.: 47 - 57.
98. *Trần Trí Dõi*. Thử tìm hiểu cách Hán Việt hoá tên riêng trong truyện cổ dân gian: Trường hợp truyện *Sự tích trâu cau*. *Số 11*. - tr.: 1 - 8.

MỤC LỤC TẠP CHÍ "NGÔN NGỮ" 2009

1. *Bùi Hiền*. Những vấn đề giáo dục ngoại ngữ trong quá trình hội nhập (Kì I). *Số 1*. - tr.: 71 - 80.

2. *Bùi Hiền*. Những vấn đề giáo dục ngoại ngữ trong quá trình hội nhập (Tiếp theo và hết). *Số 2*. - tr.: 74 - 80.

3. *Bùi Khánh Thế*. Chiều sâu tư tưởng và văn hoá qua các ẩn dụ trong ngôn ngữ của Chủ tịch Hồ Chí Minh. *Số 9*. - tr.: 10 - 19.

4. *Cao Thị Hảo*. Ngôn ngữ người trần thuật trong truyện ngắn của Nguyễn Bá Học và Phạm Duy Tốn. *Số 3*. - tr.: 23 - 27.

5. *Châu Minh Hùng*. Đặc sắc về ngôn ngữ và nhạc điệu trong tập thơ *Góc sân và khoảng trời* của Trần Đăng Khoa. *Số 2*. - tr.: 32 - 37.

6. *Diệp Quang Ban*. Thực hành phân tích điển ngôn (bài 1) *Lá rụng*. *Số 2*. - tr.: 69 - 73.

7. *Đào Thanh Lan*. Một số đặc điểm ngữ nghĩa - ngữ dụng của nhóm vị từ biểu thị hoạt động nói năng trong tiếng Việt. *Số 7*. - tr.: 1 - 6.

8. *Đào Thanh Lan*. Nhận diện hành động *nài/ nài nỉ* trong tiếng Việt. *Số 11*. - tr.: 37 - 42.

9. *Đào Thị Vân*. Về các kiểu phân phụ chú trong câu tiếng Việt có quan hệ *thời gian* với phần văn bản hữu quan. *Số 6*. - tr.: 5 - 14.

10. *Đặng Lưu*. Tu từ cú pháp trong câu văn Nguyễn Tuân. *Số 12*. - tr.: 16 - 24.

11. *Đình Kiều Châu*. Về một vài khía cạnh ngôn ngữ truyền thông với việc thiết kế thương hiệu (Trên tư liệu tiếng Việt). *Số 11*. - tr.: 63 - 72.

12. *Đình Văn Đức*. Bàn thêm về một vài khía cạnh dụng pháp của tính từ tiếng Việt. *Số 11*. - tr.: 12 - 21.

13. *Đỗ Hoài Nam*. Viện Khoa học xã hội Việt Nam 55 xây dựng và phát triển. *Số 1*. - tr.: 1 - 11.

14. *Đỗ Minh Hùng*. Động từ chỉ hoạt động thị giác trong tiếng Anh và tiếng Việt. *Số 1*. - tr.: 40 - 45.

15. *Hiên Nhi*. *Tây Tiến* (Quang Dũng, Ngữ văn 12, tập 1). *Số 3*. - tr.: 45 - 59.

16. *Hoàng Anh*. Một số kiểu kết thúc cơ bản trong phóng sự. *Số 2*. - tr.: 24 - 31.
17. *Hoàng Anh - Vũ Thị Ngọc Mai*. Các đặc điểm của đầu đề tác phẩm báo chí thể thao (*Qua khảo sát báo Thể thao hàng ngày, Bóng đá, Thể thao và Văn hoá*). *Số 10*. - tr.: 29 - 36.
18. *Hoàng Cao Cương*. Dạy học sinh Jrai tiếng Việt dựa vào *chuyển di ngữ pháp*. *Số 9*. - tr.: 45 - 59.
19. *Hoàng Thị Minh Phúc*. Cách dịch biểu thức ngôn ngữ cố định trong văn bản khoa học kĩ thuật tiếng Anh sang tiếng Việt. *Số 6*. - tr.: 15 - 26.
20. *Hoàng Thị Phượng - Lan Hương*. Đặc điểm định danh của địa danh huyện Việt Yên tỉnh Bắc Giang. *Số 9*. - tr.: 60 - 64.
21. *Hoàng Văn Vân*. Một số vấn đề liên quan đến việc dịch cụm danh từ trong các văn bản khoa học từ tiếng Anh sang tiếng Việt. *Số 4*. - tr.: 1 - 14.
22. *Hoàng Văn Vân*. Về phạm trù chủ ngữ. *Số 8*. - tr.: 1 - 13.
23. *Hồ Thuý Ngọc*. Sự gặp gỡ giữa một bài thơ hay của Giả Đảo và hai câu thơ nổi tiếng của Chế Lan Viên. *Số 6*. - tr.: 65 - 66.
24. *Lan Hương*. Đọc sách: *Các phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ* (GS.TS Nguyễn Thiện Giáp, Nxb GD, 2009). *Số 11*. - tr.: 78 - 80.
25. *Lã Thị Thanh Mai - Trần Thị Hương*: Đặc điểm xưng hô trong tiếng Hàn và tiếng Việt. *Số 6*. - tr.: 73 - 80.
26. *Lâm Thị Hoà*. Thực trạng lỗi chính tả của học sinh tiểu học (Trên tư liệu học sinh tiểu học ở huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định). *Số 8*. - tr.: 74 - 80.
27. *Lê Hoài Ân*. Chữ "đạt" trong dịch thuật. *Số 4*. - tr.: 41 - 51.
28. *Lê Sử*. Hướng dẫn học sinh tiếp cận văn bản nghị luận từ phương diện ngôn ngữ. *Số 4*. - tr.: 75 - 80.
29. *Lê Thị Minh Hằng*. Quan hệ nhân quả và câu điều kiện. *Số 8*. - tr.: 29 - 40.
30. *Lê Thị Ngọc Diệp*. Nhận xét về thành ngữ trong sách giáo khoa tiếng Việt bậc tiểu học. *Số 12*. - tr.: 67 - 73.
31. *Lê Thu Ngọc*. Ngôn ngữ thơ trong *Đây Việt Bắc* của Trần Dần. *Số 5*. - tr.: 58 - 63.
32. *Lê Xuân Mậu*. Cấu trúc ngôn ngữ thơ trong *Ngọn đèn đứng gác* (Thủ vận dụng lí thuyết thơ của Roman Jakobson). *Số 1*. - tr.: 66 - 70.

33. *Lê Xuân Mậu*. Kiến thức và biện pháp tu từ trong sách giáo khoa *Ngữ văn 6. Số 10*. - tr.: 78 - 80.

34. *Lê Xuân Thại*. Về lai lịch của tên gọi bốn mùa: *xuân, hạ, thu, đông*. *Số 3*. - tr.: 28 - 29.

35. *Lê Xuân Thại*. Tìm hiểu nghĩa của yếu tố Hán Việt trong các từ: *Bách niên giai lão, Cẩn tắc, Đại để, Hành dinh v.v...* *Số 5*. - tr.: 64 - 67.

36. *Lê Xuân Thại*. Tìm hiểu nghĩa của yếu tố Hán Việt trong các từ: *ái ngại, báo cô, cam kết, cam đoan, cật lực, đường hoàng*. *Số 7*. - tr.: 77 - 80.

37. *Lê Xuân Thại*. Tìm hiểu nghĩa của yếu tố Hán Việt trong các từ: *hàng hoá, hưởng ứng, khí hậu, lưu manh*. *Số 9*. - tr.: 65 - 67.

38. *Lê Xuân Thại*. Tìm hiểu nghĩa của yếu tố Hán Việt trong các từ: *áp dụng, bảo hành, bị vong lục, bức xúc, đặc tội...* *Số 12*. - tr.: 53 - 55.

39. *Ly Lan*. Biểu trưng tình cảm bằng các bộ phận cơ thể từ góc nhìn tri nhận của người bản ngữ tiếng Anh và tiếng Việt. *Số 12*. - tr.: 25 - 36.

40. *Lò Hồng Nhung*. Hệ thống hình ảnh trong "Quám chiến láng" của dân tộc Thái ở Việt Nam. *Số 10*. - tr.: 64 - 71.

41. *Lưu Bá Minh*. Đặc điểm cấu trúc - ngữ nghĩa và cú pháp của động từ nói năng với ý nghĩa bàn bạc trong tiếng Nga. *Số 7*. - tr.: 42 - 48.

42. *Lưu Trọng Tuấn*. Mô hình tịnh tiến toạ độ trong dịch thuật. *Số 2*. - tr.: 13 - 23.

43. *Lưu Trọng Tuấn*. Ấn dụ tình yêu trong thơ ca. *Số 10*. - tr.: 23 - 28.

44. *Minh Thương*. Điển tích qua các tác phẩm ngâm khúc hình thức song thất lục bát trong văn học Việt Nam trung đại. *Số 5*. - tr.: 68 - 75.

45. *Ngô Minh Nguyệt*. Một số yếu tố cấu tạo từ chỉ người trong tiếng Hán hiện đại. *Số 6*. - tr.: 47 - 53.

46. *Ngô Thị Diễm Hằng*. Thử phân tích truyện cổ tích *Sọ Dừa* từ cách nhìn biểu tượng. *Số 12*. - tr.: 46 - 52.

47. *Nguyễn Cảnh Phúc*. Lại bàn về "Lác đác bên sông chợ (rợ) mấy nhà". *Số 3*. - tr.: 73 - 74.

48. *Nguyễn Đại Cồ Việt*. Từ thí dụ cụ thể 市 *Thị*: *Chợ* bàn về âm Hán Nôm hoá (Kì I). *Số 8*. - tr.: 48 - 56.

49. *Nguyễn Đại Cồ Việt*. Từ thí dụ cụ thể 市 *Thị*: Chợ bàn về âm Hán Nôm hoá (Tiếp theo và hết). *Số 10*. - tr.: 72 - 77.
50. *Nguyễn Đức Dân*. Tri nhận thời gian trong tiếng Việt. *Số 12*. - tr.: 1 - 14.
51. *Nguyễn Đức Dương*. Nhận diện tục ngữ. *Số 2*. - tr.: 48 - 53.
52. *Nguyễn Đức Tồn*. Đặc trưng tư duy của người Việt qua ẩn dụ tri nhận trong thành ngữ (Tiếp theo và hết). *Số 1*. - tr.: 12 - 23.
53. *Nguyễn Đức Tồn - Trương Thị Mỹ*. Thủ tìm hiểu ý nghĩa của địa danh Võ Nhai (Thái Nguyên). *Số 6*. - tr.: 1 - 4.
54. *Nguyễn Đức Tồn*. Tạp chí "Ngôn ngữ": Bốn mươi năm phát triển cùng với ngành Ngôn ngữ học. *Số 9*. - tr.: 1 - 9.
55. *Nguyễn Hoà*. Một số đối lập giá trị văn hoá và quan niệm phổ biến trong giao tiếp liên văn hoá. *Số 5*. - tr.: 1 - 9.
56. *Nguyễn Hoàng Trung*. *Đang* - phương tiện biểu đạt thể chưa hoàn thành trong tiếng Việt. *Số 5*. - tr.: 33 - 44.
57. *Nguyễn Hồng Cẩn*. Cấu trúc cú pháp của câu tiếng Việt: Chủ - Vị hay Đề - Thuyết. *Số 2*. - tr.: 1 - 12.
58. *Nguyễn Lai*. Suy nghĩ về ẩn dụ khái niệm trong thể giới thơ ca từ góc nhìn của ngôn ngữ học tri nhận. *Số 10*. - tr.: 1 - 10.
59. *Nguyễn Ngọc Long*. Vấn đề chuyển di khi sử dụng từ Hán Việt trong hoạt động dịch từ tiếng Hán sang tiếng Việt. *Số 3*. - tr.: 18 - 22.
60. *Nguyễn Tất Thắng*. Lí thuyết điển mẫu và nhóm động từ ngoại động. *Số 7*. - tr.: 35 - 41.
61. *Nguyễn Thanh Tú*. Những lớp sóng ngôn từ bi kịch trong *Hồn Trương Ba da hàng thịt*. *Số 6*. - tr.: 42 - 46.
62. *Nguyễn Thế Lịch*. Yếu tố cơ sở so sánh trong cấu trúc so sánh nghệ thuật. *Số 3*. - tr.: 1 - 13.
63. *Nguyễn Thế Truyền*. Đặc điểm của phép tu từ nghịch ngữ trong tiếng Việt (Đối chiếu với tiếng Anh và tiếng Hán) (Kì I). *Số 5*. - tr.: 45 - 57.
64. *Nguyễn Thế Truyền*. Đặc điểm của phép tu từ nghịch ngữ trong tiếng Việt (Đối chiếu với tiếng Anh và tiếng Hán) (Kì II). *Số 6*. - tr.: 27 - 37.
65. *Nguyễn Thị Hương*. Đặc trưng ngữ nghĩa của danh từ đơn vị trong tiếng Anh. *Số 8*. - tr.: 65 - 73.
66. *Nguyễn Thị Ly Kha*. Một giải pháp cho chính tả phương ngữ. *Số 3*. - tr.: 30 - 36.

67. *Nguyễn Thị Ly Kha*. Việc dạy học ngữ pháp tiếng Việt cho học sinh tiểu học - nhìn từ sách giáo khoa. *Số 6*. - tr.: 54 - 64.

68. *Nguyễn Tô Chung*. Đặc điểm ngữ nghĩa thành ngữ Hán Nhật trong tiếng Nhật. *Số 7*. - tr.: 49 - 61.

69. *Nguyễn Tú Quyên*. Chức năng của biểu thức sở chỉ biểu thị nhân vật trong các tác phẩm văn chương. *Số 8*. - tr.: 57 - 64.

70. *Nguyễn Tuấn Đăng*. So sánh hiện tượng mơ hồ nghĩa câu trong tiếng Việt và tiếng Pháp. *Số 4*. - tr.: 52 - 66.

71. *Nguyễn Văn Chính*. Tìm hiểu đặc trưng ngữ nghĩa của từ tình thái *bèn* trong tiếng Việt hiện đại. *Số 11*. - tr.: 56 - 62.

72. *Nguyễn Văn Hiệp*. Về một số giải pháp miêu tả bình diện kết học của câu. *Số 11*. - tr.: 43 - 55.

73. *Nguyễn Văn Khang*. Những vấn đề chuẩn hoá ngôn ngữ và chuẩn hoá tiếng Việt (Nhân 40 năm thành lập Viện Ngôn ngữ học) (Tiếp theo và hết). *Số 1*. - tr.: 24 - 35.

74. *Nguyễn Văn Khang*. Đọc sách *Cơ sở ngữ nghĩa phân tích ngữ pháp* (Nguyễn Văn Hiệp, Nxb Giáo dục, 2008). *Số 5*. - tr.: 76 - 78.

75. *Nguyễn Văn Khang*. Một số vấn đề về lập pháp ngôn ngữ. *Số 9*. - tr.: 20 - 31.

76. *Nguyễn Văn Nở*. Dấu ấn văn hoá - dân tộc qua chất liệu biểu trưng của tục ngữ người Việt (Trên cơ sở so sánh với tục ngữ các dân tộc khác). *Số 3*. - tr.: 60 - 72.

77. *Nguyễn Văn Nở*. Về ngữ cảnh vận dụng, cấu trúc văn bản và nghĩa của một câu tục ngữ. *Số 10*. - tr.: 45 - 52.

78. *Nguyễn Văn Thành*. Một vài dạng cấu trúc nhân quả khó nhận biết trong diễn ngôn nghệ thuật ngôn từ. *Số 4*. - tr.: 67 - 74.

79. *Nguyễn Văn Phổ*. Nghĩa của *luôn*. *Số 2*. - tr.: 38 - 47.

80. *Nguyễn Văn Phổ*. Vị từ tri giác tiếng Việt. *Số 8*. - tr.: 14 - 28.

81. *Nguyễn Xuân Lạc*. *Chiếc thuyền ngoài xa* (Nguyễn Minh Châu, *Ngữ văn 12*, Tập 2). *Số 6*. - tr.: 67 - 72.

82. *Phạm Đăng Bình*. Về việc giảng dạy tiếng Anh hiện nay ở bậc tiểu học. *Số 7*. - tr.: 70 - 76.

83. *Phan Thị Nguyệt Hoa*. Một số tiền đề cần thiết để phân tích định lượng từ đa nghĩa từ vựng trong tiếng Việt. *Số 1*. - tr.: 46 - 53.

84. *Park, Ji Hoon*. Những dấu vết âm Hán Thượng cổ (hoặc hệ thống ngữ âm từ đời Đường về trước) trong tiếng Việt và tiếng Hàn. *Số 12*. - tr.: 37 - 42.

85. *Phạm Thị Hà - Trần Thị Minh*. Thủ thiết kế bộ giáo trình tiếng Việt mới cho người nước ngoài. Số 12. - tr.: 56 - 66.

86. *Phó Thị Mai*. Về ý nghĩa văn hoá của những lời chào thông dụng nhất trong tiếng Hán hiện đại. Số 7. - tr.: 62 - 69.

87. *Siriwong Hongswan*. Đối chiếu hành động bác bỏ gián tiếp thông qua hàm ý trong giao tiếp tiếng Thái và tiếng Việt. Số 1. - tr.: 54 - 65.

88. *Tạp chí Ngôn ngữ*. Mục lục năm 2009. Số 12. - tr.: 74 - 80.

89. *Trần Bá Tiến*. Ấn dụ về sự tức giận và niềm vui trong tiếng Anh và tiếng Việt. Số 7. - tr.: 22 - 34.

90. *Trần Đại Nghĩa*. Quan hệ cú pháp trong các tổ hợp tiếng Việt kiểu rất thích, rất mệt, rất lớn, rất xấu. Số 3. - tr.: 14 - 17.

91. *Trần Đại Nghĩa*. Các tổ hợp kiểu: *họ trả lời, nó ngủ, thầy đọc, học sinh nghe,...* trong cách phân tích cú pháp học Việt ngữ hiện thời. Số 7. - tr.: 12 - 21.

92. *Trần Đức Hoàn*. Cây tam cúc và giấc mơ Xe hồng. Số 6. - tr.: 38 - 41.

93. *Trần Thị Chung Toàn - Nguyễn Thu Thủy*. Diễn dạng và Hiến dạng của câu ghép tiếng Việt xét từ ngôn ngữ học đại cương (Qua khảo sát hoạt động của phát ngôn chứa cấu trúc {"Nếu... thì"}...). Số 5. - tr.: 10 - 25.

94. *Trần Thị Hồng Hạnh*. Một vài trao đổi về giảng dạy văn hoá Việt Nam cho sinh viên Trung Quốc học chuyên ngành Việt ngữ học. Số 11. - tr.: 73 - 77.

95. *Trần Thị Minh*. Hiện tượng chuyển nghĩa của các từ chỉ bộ phận cơ thể người trong tiếng Anh và tiếng Việt. Số 10. - tr.: 53 - 63.

96. *Trần Thị Ngọc Lang*. Chức năng văn hoá - xã hội của tiếng Việt ở Nam Bộ. Số 5. - tr.: 26 - 32.

97. *Trần Thị Nhân*. *Ngôn ngữ học đối chiếu* (Bùi Mạnh Hùng, Nxb GD, 2008). Số 3. - tr.: 75 - 79

98. *Trần Thị Nhân*. Ý nghĩa và chức năng của từ *đây*. Số 10. - tr.: 11 - 22.

99. *Trần Thị Thuỳ Linh - Nguyễn Đức Tôn*. Đặc điểm phong cách ngôn ngữ của nhà văn Chu Lai qua thủ pháp so sánh. Số 3. - tr.: 37 - 44.

100. *Trần Trí Dõi*. Về nguồn gốc lịch sử của dãy âm đầu mũi [m, n, ɲ, ŋ] hiện nay trong tiếng Việt. *Số 11*. - tr.: 1 - 11.
101. *Trần Văn Sáng*. Thế giới màu sắc trong ca dao. *Số 2*. - tr.: 63 - 68.
102. *Trần Văn Thư*. Những biểu hiện và khả năng chi phối của thông tin đến trật tự các thành tố trong tổ hợp cú pháp đẳng lập ở bậc câu. *Số 2*. - tr.: 54 - 62.
103. *Trịnh Cẩm Lan*. Khái niệm khu vực ngôn ngữ và một số khu vực ngôn ngữ ở châu Á. *Số 4*. - tr.: 15 - 28.
104. *Trương Văn Vỹ*. Những quan sát liên quan đến một vài biến đổi trong ngữ pháp tiếng Nga hiện nay. *Số 12*. - tr.: 43 - 45.
105. *Trương Xuân Tiếu*. Tìm hiểu nghệ thuật sử dụng từ ngữ và biện pháp tu từ của Nguyễn Du trong đoạn trích "Thúy Kiều ở lầu Ngưng Bích" (*Truyện Kiều*). *Số 1*. - tr.: 36 - 39.
106. *Vì Trường Phúc*. Thủ áp dụng lí thuyết điển dạng vào nghiên cứu từ loại. *Số 10*. - tr.: 37 - 44.
107. *VNNH*. Tin buồn. *Số 3*. - tr.: 80.
108. *VNNH*. Tin hội thảo. *Số 5*. - tr.: 79 - 80.
109. *Võ Lý Hoà*. Các đặc trưng ngôn ngữ cơ bản của văn bản tóm tắt. *Số 4*. - tr.: 29 - 40.
110. *Vũ Đức Nghiệu*. Biểu hiện phát triển của từ vựng tiếng Việt nửa sau thế kỉ XX qua tư liệu của một số từ điển. *Số 11*. - tr.: 22 - 36.
111. *Vũ Thị Nga*. Lời rào đón điều kiện sử dụng hành vi ở lời của phát ngôn trong giao tiếp tiếng Việt. *Số 8*. - tr.: 41 - 47.
112. *Vũ Thị Sao Chi*. *Đất nước* (Tiết số 28 - 29, *Ngữ văn 12*, Tập 1) (Trích *Mặt đường khát vọng*, Nguyễn Khoa Điềm). *Số 9*. - tr.: 68 - 80.
113. *Vũ Thị Thanh Hương*. Những tương đồng và khác biệt trong cách bày tỏ sự không hài lòng của người Việt và người Trung Quốc học tiếng Việt. *Số 9*. - tr.: 32 - 44.
114. *Vương Toàn*. Mấy nhận xét về địa danh ở Lạng Sơn. *Số 7*. - tr.: 7 - 11.

MỤC LỤC TẠP CHÍ "NGÔN NGỮ" 2008

1. *Châu Minh Hùng*. Nhạc điệu thơ Việt - những tiền đề lí thuyết căn bản. Số 2. - tr.: 33-42.
2. *Cho Jae Hyun - Bùi Mạnh Hùng*. Chương trình Ngữ văn của Hàn Quốc và kinh nghiệm đối với Việt Nam. Số 3. - tr.: 55-66.
3. *Diệp Quang Ban*. Cognition: Nhận tri và nhận thức. Concept: Ý niệm hay Khái niệm?. Số 2. - tr.: 1-12.
4. *Diệp Quang Ban*. Mạng mạch, mạch lạc, liên kết với việc dạy ngôn ngữ. Số 8. - tr.: 1-13.
5. *Diệp Quang Ban*. Tuyên ngôn độc lập. Số 10. - tr.: 1-6.
6. *Dương Bạch Nhật*. Chiến lược lịch sử trung tính trong môi và từ chối lời mời trong tiếng Anh Mỹ và tiếng Việt. Số 8. - tr.: 57-62.
7. *Dương Thị Hiền*. Về thuật ngữ Latinh trong tiếng Anh pháp lí. Số 1. - tr.: 33-46.
8. *Dương Văn Khoa*. Về bài giảng: Vào phủ chúa Trịnh (Sách Ngữ văn 11, Tập 1). Số 3. - tr.: 77 - 80.
9. *Dương Văn Khoa*. Học tập cách viết của Bác qua bài: Tầm hữu vị ngộ. Số 5. - tr.: 78-80.
10. *Dương Văn Khoa*. 150 năm nhớ Nguyễn Công Trứ (1858 - 2008). Số 9. - tr.: 61-65.
11. *Đào Thái Tôn*. Trao đổi với Phan Thanh Sơn: Về một số từ ngữ trong Truyện Kiều. Số 2. - tr.: 66-75.
12. *Đào Thanh Lan*. Chúc năng chỉ dẫn lực ngôn trung của tiểu từ *nhé* trong tiếng Việt. Số 11. - tr.: 22-26.
13. *Đào Thị Vân*. Từ một bất hợp lí của chữ viết tiếng Việt, lại bàn về hai chữ *gia* (trong *gia lúa*) và *gia* (trong *giặt gia*). Số 10. - tr.: 7-10.
14. *Đào Thuỷ Nguyên - Nguyễn Thị Thu Trang*. Nét đặc sắc của lời trần thuật trong truyện ngắn Ma Văn Kháng viết về đề tài dân tộc - miền núi sau 1975. Số 10. - tr.: 11-18.
15. *Đặng Thu Thuỷ*. Vài nhận xét về sự đổi mới ngôn ngữ thơ ca Việt Nam đương đại. Số 6. - tr.: 38-48.
16. *Đỗ Anh Vũ*. Sự phát triển dung lượng dòng thơ Việt Nam. Số 1. - tr.: 65-75.

17. *Đỗ Hồng Dương*. Bước đầu áp dụng lí thuyết điển mẫu vào nghiên cứu thành phần chủ ngữ trong câu tiếng Việt. *Số 11*. - tr.: 63-73.

18. *Đỗ Ngọc Thư - Bình Thành*. Hình ảnh mùa xuân trong thơ Xuân Diệu (*Từ cách tiếp cận lí thuyết tín hiệu thẩm mỹ*). *Số 10*. - tr.: 28-41.

19. *Đỗ Thị Hiền*. Ngôn ngữ kể chuyện trong truyện ngắn *Cỏ lau* của Nguyễn Minh Châu thể hiện một cái nhìn có chiều sâu nhân bản. *Số 3*. - tr.: 38-42.

20. *Đỗ Thị Thu Hương*. Những nhân tố làm chuyển hướng, lệch hướng đề tài trong hội thoại thường ngày (Trên tư liệu hội thoại thường ngày giữa bạn bè). *Số 3*. - tr.: 18-28.

21. *Hà Quang Năng*. Tin tức hoạt động: Hội thảo ngữ học trẻ xuân 2008. *Số 6*. - tr.: 80.

22. *Hà Quang Năng*. 40 năm nghiên cứu từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt của Viện Ngôn ngữ học. *Số 12*. - tr.: 27-42.

23. *Hoàng Anh*. Các đặc điểm của ngôn ngữ báo mạng điện tử. *Số 6*. - tr.: 8-18.

24. *Hoàng Thị Quỳnh Ngân*. Những yếu tố cơ bản tạo nên nét riêng của lời thoại trong văn xuôi Vi Hồng. *Số 10*. - tr.: 60-63.

25. *Hoàng Văn Vân*. Về vị trí và tổ chức của đề ngữ trong cú đơn và cú phức nhìn từ góc độ ngôn bản. *Số 4*. - tr.: 19-27.

26. *Hồ Xuân Tuyên*. Một số phương thức định danh trong phương ngữ Nam Bộ. *Số 8*. - tr.: 63-67.

27. *Hữu Đạt*. Văn hoá ngôn từ, phong cách ngôn ngữ thơ Hồ Chí Minh và việc dịch bài thơ *Chiều tối*. *Số 6*. - tr.: 62-67.

28. *Hữu Đạt*. Vài suy nghĩ về vai trò của ngôn ngữ học đối với nghiên cứu thơ ca và đóng góp mới của Nguyễn Tài Căn qua *Khảo sát về thơ Đinh Thân qua Thu dạ lữ hoài ngâm*. *Số 11*. - tr.: 48-56.

29. *Lâm Quang Đông*. Một số đặc điểm văn hoá, tâm lí và tính cách dân tộc trong tục ngữ Anh và tục ngữ Việt Nam. *Số 7*. - tr.: 33-43.

30. *Lê Đình Tường*. Thử phân tích một bài ca dao hài hước từ bình diện ngôn ngữ học tri nhận. *Số 9*. - tr.: 51-56.

31. *Lê Kính Thắng*. Vị từ ngoại động kém điển hình trong tiếng Việt. *Số 1*. - tr.: 24-32.

32. *Lê Sử*. Chất thơ của truyện ngắn *Hai đứa trẻ*. *Số 6*. - tr.: 49-52.

33. *Lê Thị Hương*. *Bạch Vân quốc ngữ thi tập* của Nguyễn Bình Khiêm với nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ văn học dân gian. *Số 6*. - tr.: 28-32.

34. *Lê Thị Thơm*. Sự tình phát ngôn trong truyện ngắn *Chí Phèo* của Nam Cao. *Số 3*. - tr.: 29-37.

35. *Lê Thị Thu Bình*. Tìm hiểu mối quan hệ giữa đoạn văn mở đầu với các thành phần khác trong truyện ngắn. *Số 9*. - tr.: 8-16.

36. *Lê Văn Mỹ*. Nghệ thuật sử dụng từ láy của Nguyễn Duy trong bài thơ *Áo trắng má hồng*. *Số 9*. - tr.: 47-50.

37. *Lê Xuân Mậu*. Dạy ngữ - Dạy văn. Chuyên tách - chuyên nhập. *Số 3*. - tr.: 67-71.

38. *Lê Xuân Mậu*. Về sự mở rộng, sự thu hẹp nghĩa từ. *Số 9*. - tr.: 77 - 80.

39. *Lê Xuân Thai*. Tìm hiểu nghĩa của yếu tố Hán Việt trong các từ ngữ: *ác giả ác báo, phân hoa, phù hoa, quốc gia, sa thải...* *Số 4*. - tr.: 72-75.

40. *Lê Xuân Thai*. Tìm hiểu nghĩa của yếu tố Hán Việt trong các từ *ái nam ái nữ, cầu toàn trách bị, tư vấn, vấn nạn, vân vân,...* *Số 9*. - tr.: 57-60.

41. *Lưu Quý Khương - Trần Thị Phương Thảo*. Nghi thức lời từ chối một đề nghị giúp đỡ trên cơ sở lí thuyết hành vi ngôn ngữ (tiếng Anh so sánh với tiếng Việt). *Số 2*. - tr.: 13-21.

42. *Lưu Trọng Tuấn*. Chuyên ngữ hiện tượng dư thừa trong ngôn ngữ. *Số 8*. - tr.: 28-34.

43. *Nguyễn Diệu Linh*. Đặc trưng thể loại thơ Chế Lan Viên qua *Di cảo thơ*. *Số 3*. - tr.: 50-54.

44. *Nguyễn Đức Dân*. Triết lí trong tục ngữ so sánh. *Số 4*. - tr.: 1-11.

45. *Nguyễn Đức Dân*. Lô gích ngữ nghĩa của từ *thì* (Kì I). *Số 11*. - tr.: 27-40.

46. *Nguyễn Đức Dân*. Lô gích ngữ nghĩa của từ *thì* (Tiếp theo và hết). *Số 12*. - tr.: 61-72.

47. *Nguyễn Đức Dương*. Sao không dạy tục ngữ cho học sinh tiểu học?. *Số 1*. - tr.: 76-80.

48. *Nguyễn Đức Tôn*. Bản chất của hoán dụ trong mối quan hệ với ẩn dụ. *Số 3*. - tr.: 1-6.

49. *Nguyễn Đức Tôn*. Về các khái niệm: *Tiếng Hà Nội, Tiếng Thủ đô* trong mối quan hệ với những khái niệm có liên quan (*ngôn ngữ toàn dân, ngôn ngữ dân tộc, ngôn ngữ văn học, phương ngữ, phương ngữ đô thị, phương ngữ nông thôn*). *Số 5*. - tr.: 18-25.

50. *Nguyễn Đức Tôn - Nguyễn Thị Phương*. Cấu trúc ngữ nghĩa của nhóm từ biểu thị cảm giác trong tiếng Việt. *Số 11*. - tr.: 1-9.

51. *Nguyễn Đức Tôn*. Viện Ngôn ngữ học: 40 năm xây dựng và phát triển. Số 12. - tr.: 1-7.
52. *Nguyễn Đức Tôn*. Đặc trưng tư duy của người Việt qua ẩn dụ tri nhận trong thành ngữ* (Kì I). Số 12. - tr.: 20-26.
53. *Nguyễn Hanh*. Về cấu trúc giao chéo trong một số thành ngữ tiếng Việt. Số 2. - tr.: 22-23.
54. *Nguyễn Hồng Cẩn*. Biến thể cú pháp và trình tự dạy các biến thể cú pháp cho người học tiếng Việt như ngôn ngữ thứ hai. Số 6. - tr.: 53-61.
55. *Nguyễn Huệ Yên - Vũ Thị Sao Chi*. Ẩn dụ trong thơ Tố Hữu. Số 10. - tr.: 42-48.
56. *Nguyễn Huy Kỳ - Bùi Thị Đào*. Một số khó khăn của người Hà Nội khi thể hiện ngữ điệu tiếng Anh: Nguyên nhân và cách khắc phục (Dựa trên cứ liệu khảo sát sư phạm và điều tra điền dã). Số 8. - tr.: 68-75.
57. *Nguyễn Khánh Hà*. Lí thuyết điển mẫu và câu điều kiện điển mẫu trong tiếng Việt. Số 8. - tr.: 35-45.
58. *Nguyễn Lai*. Chiều sâu văn hoá trong tầm nhìn ngôn ngữ Hồ Chí Minh. Số 5. - tr.: 10-17.
59. *Nguyễn Linh Chi*. Lỗi dùng đại từ nhân xưng của người Anh học tiếng Việt. Số 3. - tr.: 43-49.
60. *Nguyễn Linh Chi*. Lỗi trật tự từ của người bản ngữ tiếng Anh học tiếng Việt. Số 7. - tr.: 73 - 80.
61. *Nguyễn Ngọc Vũ*. Hoán dụ ý niệm "Bộ phận cơ thể biểu người biểu trưng cho sự chú ý" trong thành ngữ chứa yếu tố "mắt", "mũi" và "tai" tiếng Anh và tiếng Việt. Số 9. - tr.: 17-22.
62. *Nguyễn Quang Ngoạn*. Một số quan điểm và nghiên cứu về quyền lực trong giao tiếp ngôn từ. Số 4. - tr.: 63-71.
63. *Nguyễn Tất Thắng*. Áp dụng lí thuyết về khung nghĩa và nghĩa học bách khoa để phân tích mức độ phù hợp của một số câu ở dạng bị động trong tiếng Anh. Số 1. - tr.: 24-32.
64. *Nguyễn Tất Thắng*. Thị giác trong ngôn ngữ. Số 9. - tr.: 1-7.
65. *Nguyễn Thái Hoà*. Chức năng chỉ dẫn trong đoạn mở đầu truyện ngắn Nam Cao. Số 6. - tr.: 1-7.
66. *Nguyễn Thế Truyền*. Một số nhận xét về đặc điểm của phép tu từ nghịch ngữ trong tiếng Hán. Số 8. - tr.: 46-56.
67. *Nguyễn Thế Truyền*. Một số nhận xét về đặc điểm của phép tu từ nghịch ngữ trong tiếng Hán (Tiếp theo và hết). Số 9. - tr.: 35-46.

68. *Nguyễn Thị Hạnh Phương*. Đối thoại trong truyện ngắn *Hai đứa trẻ* của Thạch Lam. *Số 10*. - tr.: 49-53.
69. *Nguyễn Thị Hồng Vân*. Cấu tạo và chức năng thông báo của đề trong câu tiếng Việt. *Số 3*. - tr.: 7-17.
70. *Nguyễn Thị Kim Thoa*. Những tương ứng ngữ âm giữa tiếng Sán Diu ở Việt Nam và tiếng Hán hiện đại. *Số 2*. - tr.: 43-56.
71. *Nguyễn Thị Nhung*. Định tố tính từ có chức năng biểu thị hàm ý trong tiếng Việt. *Số 10*. - tr.: 19-27.
72. *Nguyễn Thị Thanh Nga*. Từ điển học 40 năm hình thành và phát triển (Tại Viện Ngôn ngữ học). *Số 12*. - tr.: 49-60.
73. *Nguyễn Thị Thu Hiền*. Đề kinh nghiệm trong văn bản thể loại tin chính trị Anh - Việt. *Số 7*. - tr.: 44-51.
74. *Nguyễn Thiện Giáp*. Nghiên cứu *giao tiếp phi ngôn từ qua các nền văn hoá*. *Số 7*. - tr.: 1-9.
75. *Nguyễn Thiện Giáp*. Sự phát triển của tiếng Việt giai đoạn cận đại. *Số 11*. - tr.: 14-21.
76. *Nguyễn Thu Trang - Lan Hương*. Hình tượng Bác Hồ trong thơ Chế Lan Viên dưới ánh sáng lí thuyết tín hiệu thẩm mỹ (Kì I). *Số 9*. - tr.: 23-34.
77. *Nguyễn Thu Trang - Lan Hương*. Hình tượng Bác Hồ trong thơ Chế Lan Viên dưới ánh sáng lí thuyết tín hiệu thẩm mỹ (Tiếp theo và hết). *Số 10*. - tr.: 64 - 80.
78. *Nguyễn Tú Quyên*. Các biểu thức ngôn ngữ *đồng sở chỉ* biểu thị nhân vật trong tác phẩm *Chí Phèo*. *Số 6*. - tr.: 33-37.
79. *Nguyễn Văn Khang*. Mối quan hệ giữa ngôn ngữ học xã hội với phương ngữ học trong tiếp cận phương ngữ với tư cách là đối tượng nghiên cứu. *Số 1*. - tr.: 1-11.
80. *Nguyễn Văn Khang*. Học tập tấm gương sử dụng ngôn ngữ của Chủ tịch Hồ Chí Minh: Giữ gìn, phát triển nét đẹp truyền thống và hiện đại của ngôn ngữ văn hoá thủ đô. *Số 5*. - tr.: 1 - 9.
81. *Nguyễn Văn Khang*. Những vấn đề chuẩn hoá ngôn ngữ và chuẩn hoá tiếng Việt (Nhân 40 năm thành lập Viện Ngôn ngữ học). *Số 12*. - tr.: 8-19.
82. *Nguyễn Văn Lộc*. Tìm hiểu những nhân tố chi phối hiện tượng tỉnh lược thành phần câu trong tiếng Việt. *Số 4*. - tr.: 12-18.
83. *Nguyễn Văn Nở*. Vài nét về sự dị biệt giữa biểu trưng của văn bản tục ngữ và biểu trưng của tục ngữ trong ngữ cảnh. *Số 7*. - tr.: 52-65.
84. *Nguyễn Văn Phổ*. Về lời dẫn trực tiếp. *Số 8*. - tr.: 14-27.

85. Nguyễn Xuân Hoà. Hội thảo khoa học: Học tập ngôn ngữ Hồ Chí Minh - Tiếng Hà Nội với ngôn ngữ và văn hoá Việt Nam (Hà Nội, 29-12-2007). Số 2. - tr.: 79-80.
86. Nguyễn Xuân Hoà. Đọc sách *Từ ngoại lai trong tiếng Việt* (Nguyễn Văn Khang, Nxb GD, H., 2007, 464 tr.). Số 4. - tr.: 76 - 80.
87. Nguyễn Xuân Hoà. Chủ tịch Hồ Chí Minh sử dụng từ ngữ và thành ngữ trong giao tiếp. Số 5. - tr.: 74-77.
88. Nguyễn Xuân Hoà. Đọc sách: *Đặc trưng văn hoá - dân tộc của ngôn ngữ và tư duy*. Số 11. - tr.: 74 -80.
89. Nguyễn Xuân Lạc. *Tự tình* (Bài II) (Hồ Xuân Hương). Số 3. - tr.: 72-76.
90. Phạm Minh Tiến. Văn hoá thể hiện qua hình ảnh tôn giáo và con người trong thành ngữ so sánh tiếng Hán và tiếng Việt. Số 7. - tr.: 66-72.
91. Phạm Ngọc Hàm. Một nét văn hoá Trung Hoa nhìn từ cấu tạo và sự phát triển nghĩa của chữ 玉 Ngọc. Số 4. - tr.: 37-43.
92. Phạm Ngọc Hàm. Chữ 人 nhân và quan niệm về con người của dân tộc Hán. Số 9. - tr.: 71-76.
93. Phạm Thị Thu. Vài nét so sánh về ngôn ngữ nhân vật trong truyện ngắn của Nam Cao (Việt Nam) và Akutagawa (Nhật Bản). Số 10. - tr.: 54-59.
94. Phạm Văn Cường. Cần có một cái tên thích hợp cho văn bản *Xin lập khoa luật* trong sách giáo khoa *Ngữ văn 11*. Số 6. - tr.: 78-79.
95. Phạm Văn Lam. Vài nét về sự phát triển nghĩa theo xu hướng loại suy. Số 1. - tr.: 58-64.
96. Phạm Văn Lam. *Ngữ nghĩa học* của GS.TS Lê Quang Thiêm. Số 8. - tr.: 76 - 80.
97. Phan Mậu Cảnh. Một số cách tổ chức ngôn ngữ thể hiện tính rõ ràng, lô gích và biểu cảm trong văn chính luận của Hồ Chí Minh. Số 5. - tr.: 54-62.
98. Phan Thanh Sơn. Về một số từ ngữ trong *Truyện Kiều*. Số 2. - tr.: 61-65.
99. Phan Thế Hưng. Mô hình tri nhận trong ẩn dụ ý niệm. Số 4. - tr.: 28-36.
100. Quách Phan Phương Nhân. Mạch lạc trong văn bản truyền thuyết *Bánh chưng, bánh giầy*. Số 4. - tr.: 56-62.
101. Tạ Văn Thông. Hệ thống từ ngữ xưng gọi trong tiếng Hre (So sánh với tiếng Việt). Số 7. - tr.: 22-32.

102. *Tạ Văn Thông*. Bốn mươi năm nghiên cứu ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam ở Viện Ngôn ngữ học. *Số 12*. - tr.: 43-48.
103. *Trần Đại Nghĩa*. Về tổ hợp "chiếc + danh từ chỉ bộ phận cơ thể người". *Số 4*. - tr.: 53-55.
104. *Trần Phỏng Diêu*. Sự giao lưu về ngôn ngữ giữa các dân tộc ở Nam Bộ. *Số 2*. - tr.: 57-60.
105. *Trần Thị Hồng Hạnh*. Bước đầu khảo sát mối quan hệ giữa ẩn dụ và cấu trúc hình thức của thành ngữ (Trên cứ liệu thành ngữ tiếng Việt). *Số 11*. - tr.: 57-62.
106. *Trần Thị Mai Đào*. Nhận xét cách chuyển dịch sang tiếng Việt của trạng từ làm gia ngữ chỉ phương thức tiếng Anh. *Số 1*. - tr.: 47-57.
107. *Trần Thị Nhàn*. Tính ngữ pháp hoá của từ có trong tiếng Việt. *Số 7*. - tr.: 10-21.
108. *Trần Trí Dôi*. Vấn đề lựa chọn ngôn ngữ trong tiếp nhận giáo dục ngôn ngữ ở một vài dân tộc thiểu số của Việt Nam. *Số 11*. - tr.: 10-13.
109. *Trần Văn Cơ*. Nghiên cứu ngôn ngữ Hồ Chí Minh dưới góc nhìn của ngôn ngữ học tri nhận (*Đặt vấn đề*). *Số 5*. - tr.: 26-41.
110. *Trần Văn Thư*. Tổ hợp cú pháp đẳng lập trong tiếng Việt với lập luận trong giao tiếp ngôn bản. *Số 6*. - tr.: 19-27.
111. *Trịnh Cẩm Lan*. Lí thuyết làn sóng trong nghiên cứu ngôn ngữ và văn hoá Thăng Long - Hà Nội. *Số 5*. - tr.: 63-73.
112. *Vũ Đức Nghiệu*. Các kênh tiếp nhận và tích lũy vốn từ của học viên Trung Quốc học tiếng Việt. *Số 11*. - tr.: 41-47.
113. *Vũ Thị Nga*. Hành vi rào đón và phép lịch sự trong hội thoại Việt ngữ. *Số 4*. - tr.: 44-52.
114. *Vũ Thị Sao Chi*. Nhịp điệu và các loại hình của nhịp điệu trong thơ văn. *Số 1*. - tr.: 12-23.
115. *Vũ Thị Sao Chi*. Giá trị của nhịp điệu trong văn chính luận Hồ Chí Minh. *Số 5*. - tr.: 42-53.
116. *Vũ Thị Sao Chi*. *Vi hành* (Nguyễn Ái Quốc). *Số 6*. - tr.: 68-77.
117. *Vũ Thị Sao Chi*. Về bài thơ *Tân xuất ngục, học đặng sơn* (Trích *Ngục trung nhật kí*, Hồ Chí Minh). *Số 9*. - tr.: 66-70.
118. *Vương Toàn*. Tưởng nhớ GS.TS Nguyễn Phú Phong nhân ngày giỗ đầu. *Số 2*. - tr.: 76-78.

MỤC LỤC TẠP CHÍ "NGÔN NGỮ" NĂM 2007

1. Alexis Michaud - Vũ Ngọc Tuấn. Các thanh điệu thanh hầu hoá và phi thanh hầu hoá dưới tác dụng của sự nhấn âm: Các giá trị hệ số mở tiến dẫn đến cực đại. Số 2. - tr.: 46 - 52.
2. Cao Thị Dương Liễu. Chuyện người con gái Nam Xương (Trích Truyện kì mạn lục - Nguyễn Dữ, Tiết 16 + 17, Ngữ văn 9, Tập 1). Số 3. - tr.: 65 - 70.
3. Cao Thị Thu - Nguyễn Thị Kim Nhung. Mục lục Tạp chí "Ngôn ngữ" năm 2007. Số 12. - tr.: 76 - 80.
4. Chủ Thị Bích. Hành động ngôn ngữ gián tiếp cho tặng trong giao tiếp của người Việt. Số 10. - tr.: 40 - 51.
5. Diệp Quang Ban. Tìm hiểu phân tích điển ngôn phê bình. Số 8. - tr.: 45 - 55.
6. Do-hurinville Danh Thành. Tính đơn nghĩa của đã trong tiếng Việt so sánh với các thì trong tiếng Pháp. Số 1. - tr.: 17 - 32.
7. Dương Hữu Biên. Sự tương tác giữa thể ngữ pháp và thể từ vựng trong ngữ pháp chức năng. Số 5. - tr.: 31 - 41.
8. Dương Tuyết Hạnh. Tham thoại dẫn nhập trong sự kiện lời nói nhờ. Số 3. - tr.: 12 - 19.
9. Dương Văn Khoa. Đề bức hoạ Bá Nha đánh đàn (Nguyễn Trãi). Số 6. - tr.: 45 - 47.
10. Dương Văn Khoa. 100 năm mất nhà thơ trào phúng lớn của dân tộc Trần Tế Xương (1907 - 2007). Số 9. - tr.: 70 - 73.
11. Đào Thanh Lan. Nhận xét sơ bộ về hoạt động của phó từ Hán Việt trong tiếng Việt (Trên tư liệu một số văn bản từ thế kỉ 18 đến thế kỉ 21). Số 2. - tr.: 11 - 17.
12. Đào Thanh Lan. Nhận diện hành động ngôn từ gián tiếp trên tư liệu lời hỏi - câu khiến tiếng Việt. Số 11. - tr.: 10 - 19.
13. Đào Thị Vân. Phần phụ chủ trong câu tiếng Việt xét từ phương diện quan hệ nghĩa với phần văn bản hữu quan. Số 12. - tr.: 1 - 10.
14. Đặng Thị Yến. Tìm hiểu nét nghĩa khác biệt của hai từ đồng nghĩa to và lớn trong hoạt động hành chức qua các văn bản trong sách giáo khoa Ngữ văn 6. Số 3. - tr.: 24 - 28.
15. Đỗ Minh Hùng. Lỗi trong sử dụng mạo từ tiếng Anh (của sinh viên tiếng Anh trường ĐHSP Đồng Tháp). Số 5. - tr.: 65 - 74.
16. Đỗ Thị Hoà. Giá trị biểu trưng của nhóm từ ngữ thuộc trường nghĩa "chìm chóc" trong ca dao người Việt. Số 6. - tr.: 18 - 23.
17. Hà Cẩm Tâm. Độ tin cậy của DCT trong nghiên cứu dụng học. Số 2. - tr.: 18 - 29.
18. Hoàng Anh Thi. Đặc trưng lịch sự - đặc trưng văn hoá trong tiếng Nhật. Số 11. - tr.: 28 - 39.
19. Hoàng Cao Cương. Cơ sở kết nối lời tiếng Việt (Kì I). Số 8. - tr.: 1 - 13.
20. Hoàng Cao Cương. Cơ sở kết nối lời tiếng Việt (Tiếp theo và hết). Số 9. - tr.: 31 - 49.

21. *Hoàng Quốc*. Một số đặc điểm về trạng thái song ngữ Việt - Hoa của người Hoa ở An Giang. Số 10. - tr.: 66 - 70.

22. *Hoàng Thị Châu*. Vai trò của *f, j, w, z* đối với việc phiên chuyển địa danh nước ngoài. Số 3. - tr.: 60 - 64.

23. *Hoàng Tuấn Phổ*. Chỉ nam ngọc âm giải nghĩa vấn đề tác giả và thời điểm biên soạn. Số 6. - tr.: 58 - 64.

24. *Hoàng Văn Vân*. Về khái niệm Đê ngữ trong ngôn ngữ học chức năng. Số 2. - tr.: 1 - 10.

25. *Hữu Đạt*. Thử áp dụng lí thuyết ngôn ngữ học tri nhận vào phân tích nhóm từ đồng nghĩa chỉ vận động "rời chỗ" trong tiếng Việt. Số 11. - tr.: 20 - 27.

26. *Kỳ Quảng Mưu*. Căn cứ để người Việt tạo ra từ ghép Hán Việt mới. Số 7. - tr.: 24 - 30.

27. *Lan Hương*. Đọc sách: *Những lĩnh vực ứng dụng của Việt ngữ học* (Nguyễn Thiện Giáp, Nxb ĐHQG Hà Nội, 2006, 300 tr.). Số 5. - tr.: 75 - 79.

28. *Lê Đình Tường*. Cú - đơn vị nghiên cứu hành động cầu khiến trong thơ tiếng Việt. Số 4. - tr.: 13 - 24.

29. *Lê Đông*. Một số đặc điểm nổi bật của ngữ pháp tiếng Việt thế kỉ XV - XVI qua một số văn bản Nôm. Số 9. - tr.: 9 - 17.

30. *Lê Hoài Ân*. Về một số phương thức cấu tạo của thuật ngữ kiểm toán tiếng Đức. Số 8. - tr.: 56 - 68.

31. *Lê Kinh Thắng*. Mở rộng diễn trị và sự chuyển loại vị từ trong tiếng Việt. Số 2. - tr.: 40 - 45.

32. *Lê Thị Thu Bình*. Xung quanh khái niệm *đoạn văn*. Số 6. - tr.: 24 - 31.

33. *Lê Thị Thu Hoài*. Liên từ "v" (*tuyển*) lô gích và liên từ tương ứng trong ngôn ngữ tự nhiên (Dựa trên tư liệu tiếng Việt và tiếng Anh). Số 11. - tr.: 40 - 54.

34. *Lê Xảo Bình*. Thử phân tích sự ảnh hưởng của tiếng Hán đối với ngữ pháp tiếng dân tộc Kinh. Số 6. - tr.: 1 - 9.

35. *Lê Xuân Thai*. Nhân mùa cưới nói chuyện lai lịch các từ: *giá thú, hôn nhân, nhạc phụ - nhạc mẫu*. Số 1. - tr.: 63 - 64.

36. *Lê Xuân Thai*. Lai lịch một số từ Hán Việt. Số 3. - tr.: 41 - 43.

37. *Lê Xuân Thai*. Tìm hiểu nghĩa của yếu tố Hán Việt. Số 6. - tr.: 48 - 50.

38. *Lê Xuân Thai*. Tìm hiểu nghĩa của yếu tố Hán Việt: *Chi li, Chi tiết, Hào chí...* Số 12. - tr.: 61 - 64.

39. *Lưu Trọng Tuấn*. Hiện tượng phái sinh ngược trong tiếng Anh. Số 7. - tr.: 46 - 53.

40. *Mai Thị Nhung*. Nghệ thuật sử dụng thành ngữ trong sáng tác của Tô Hoài. Số 12. - tr.: 11 - 16.

41. *Marina prévot*. Cực cấp trong tiếng Việt. Số 8. - tr.: 29 - 44.

42. *Ngô Thu Thủy*. Ngôn ngữ phóng sự 10 năm đổi mới (1986 - 1996). Số 12. - tr.: 49 - 55.

43. *Ngô Thuý Nga*. Phép đối lập - tương phản trong thơ Chế Lan Viên. Số 12. - tr.: 39 - 42.

44. *Nguyễn Đăng Khánh*. Cấu trúc của lối nói vòng vo. Số 9. - tr.: 18 - 30.

45. *Nguyễn Đức Dân - Đỗ Thị Thời*. Câu chất vấn (Kì I). Số 9. - tr.: 1 - 8.

46. *Nguyễn Đức Dân - Đỗ Thị Thời*. Câu chất vấn (Tiếp theo và hết). Số 10. - tr.: 15 - 30.

47. *Nguyễn Đức Tôn - Nguyễn Thị Minh Phượng*. Hiện tượng biến thể và đồng nghĩa của thành ngữ tiếng Việt. Số 3. - tr.: 1 - 11.

48. Nguyễn Đức Tôn - Văn Tú Anh. Vấn đề dạy từ địa phương cho học sinh trung học cơ sở. Số 6. - tr.: 51 - 57.
49. Nguyễn Đức Tôn. Để giúp thêm cho việc dạy khái niệm ẩn dụ. Số 9. - tr.: 62 - 69.
50. Nguyễn Đức Tôn. Bản chất của ẩn dụ. Số 10. - tr.: 1 - 9.
51. Nguyễn Đức Tôn. Bản chất của ẩn dụ (Tiếp theo và hết). Số 11. - tr.: 1 - 9.
52. Nguyễn Hoà. Hệ hình nhận thức trong nghiên cứu ngôn ngữ. Số 1. - tr.: 6 - 16.
53. Nguyễn Hoà. Sự tri nhận và biểu đạt thời gian trong tiếng Việt qua các ẩn dụ không gian. Số 7. - tr.: 1 - 8.
54. Nguyễn Huy Kỳ. Ngữ điệu tiếng Anh ở người Việt. Số 8. - tr.: 69 - 80.
55. Nguyễn Hữu Chính. Vài nét về phong cách ngôn ngữ thơ Hoàng Cầm. Số 3. - tr.: 52 - 59.
56. Nguyễn Hữu Chính. Đôi điều bàn lại về lí thuyết trong sách giáo khoa Ngữ văn 6. Số 1. - tr.: 73 - 80.
57. Nguyễn Hữu Chương. Nghĩa của các câu đồng nghĩa sử dụng các từ đảo nghĩa, các vị từ đối xứng. Số 10. - tr.: 31 - 39.
58. Nguyễn Hữu Hoàn. Vị trí tiếng Kháng trong các ngôn ngữ Mon-Khmer. Số 4. - tr.: 50 - 56.
59. Nguyễn Lai. Ngôn ngữ và đời sống thực tiễn qua một vài cấu trúc định danh mở rộng thường gặp. Số 1. - tr.: 1 - 5.
60. Nguyễn Minh Hoạt. Đại từ nhân xưng trong tiếng Êđê (Đối chiếu với tiếng Việt). Số 6. - tr.: 72 - 80.
61. Nguyễn Quang. Cận ngôn ngữ. Số 5. - tr.: 1 - 19.
62. Nguyễn Quang Ngoạn. Một số chiến lược phản bác thường dùng trong tiếng Việt. Số 7. - tr.: 39 - 45.
63. Nguyễn Quỳnh Hoa. Một cách thiết kế giáo án bài Thái sư Trần Thủ Độ (Ngữ văn 10, Tập 2, Chương trình nâng cao). Số 9. - tr.: 74 - 80.
64. Nguyễn Thái Ân. Hướng chuyển đi từ loại trong tiếng Anh. Số 7. - tr.: 54 - 60.
65. Nguyễn Thế Truyền. Giới thiệu thêm về trò chơi vui học môn tiếng Việt trung học cơ sở (Tiếp theo và hết). Số 1. - tr.: 65 - 72.
66. Nguyễn Thị Bích Thủy. Chiến lược nhận thức áp dụng trong đọc hiểu tiếng Anh của sinh viên không chuyên ngữ. Số 4. - tr.: 63 - 77.
67. Nguyễn Thị Hoa. Động từ *любить* trong bài thơ *Tôi yêu em* của A.X Puskin. Số 9. - tr.: 59 - 61.
68. Nguyễn Thị Hồng Thu. Thành ngữ tiếng Nhật trong sự đối sánh với khái niệm tương đương trong tiếng Việt. Số 4. - tr.: 25 - 31.
69. Nguyễn Thị Hương. Sơ bộ đối chiếu "từ khoá" trong văn bản hành chính - công vụ với các phương tiện liên kết của ngôn ngữ học văn bản. Số 10. - tr.: 59 - 65.
70. Nguyễn Thị Nhung. Về chức năng ngữ pháp chính của tính từ tiếng Việt. Số 4. - tr.: 57 - 62.
71. Nguyễn Thị Nhung. Định tố tính từ thông tin trong danh ngữ tiếng Việt. Số 12. - tr.: 17 - 26.
72. Nguyễn Thị Phương Thảo. Rèn luyện kĩ năng phân tích biện pháp tu từ so sánh trong giờ học tác phẩm văn chương trung học phổ thông. Số 3. - tr.: 44 - 51.

73. *Nguyễn Thị Phương Thùy*. Phân tích bài thơ *Trăng vàng trăng ngọc* (Trong tập *Đau thương*) của Hàn Mặc Tử từ góc độ ngôn ngữ học. Số 11. - tr.: 55 - 60.

74. *Nguyễn Thị Quy*. Góp ý một số điểm trong chương trình ngữ pháp tiếng Việt ở phổ thông. Số 4. - tr.: 78 - 80.

75. *Nguyễn Thị Thu Hiền*. Vai trò của cấu trúc đề ngữ trong tổ chức văn bản tin tiếng Anh. Số 7. - tr.: 61 - 69.

76. *Nguyễn Thị Tố Ninh*. Hàm ý và nội dung ngầm ẩn của các phát ngôn có sử dụng phương tiện và biện pháp tu từ. Số 12. - tr.: 27 - 33.

77. *Nguyễn Thu Quỳnh*. Mối quan hệ giữa độ dài câu và dung lượng ngữ nghĩa của câu trong "Mảnh trăng cuối rừng" của Nguyễn Minh Châu. Số 12. - tr.: 43 - 48.

78. *Nguyễn Thúy Liễu*. Đặc điểm sử dụng đơn vị từ vựng đồng nghĩa trong văn xuôi Nam Cao. Số 3. - tr.: 29 - 37.

79. *Nguyễn Tú Quyên*. Vai trò của các phương tiện ngôn ngữ đồng sở chỉ đối với việc thể hiện vị thế và mối quan hệ thân sơ giữa các nhân vật giao tiếp trong tác phẩm *Truyện Kiều*. Số 12. - tr.: 34 - 38.

80. *Nguyễn Văn Hiệp*. Một số phạm trù tình thái chủ yếu trong ngôn ngữ. Số 8. - tr.: 14 - 28.

81. *Nguyễn Văn Hiệu*. Những tương ứng phần vần giữa các từ gốc Hán trong tiếng Mông với các từ thuộc tiếng Hán Quan thoại Tây Nam (Trên cứ liệu từ gốc Hán trong tiếng Mông Lênh ở Việt Nam). Số 4. - tr.: 38 - 49.

82. *Nguyễn Văn Nở*. Tục ngữ - ngữ cảnh và hình thức thể hiện. Số 2. - tr.: 53 - 64.

83. *Nguyễn Văn Phổ*. Vài nhận xét về ngữ nghĩa vị từ cảm giác. Số 5. - tr.: 56 - 64.

84. *Nguyễn Xuân Lạc*. Bài thơ chúc Tết năm Đinh Hợi của Bác Hồ. Số 3. - tr.: 38 - 40.

85. *Nguyễn Xuân Lạc*. "Đầu súng trăng treo" (Thơ viết về người lính). Số 12. - tr.: 56 - 60.

86. *Park, Ji hoon*. So sánh ý nghĩa từ Hán - Việt và từ Hán - Hàn. Số 7. - tr.: 31 - 38.

87. *Phạm Đình Ân*. Thế Lữ với việc rèn giũa thơ văn. Số 12. - tr.: 65 - 70.

88. *Phạm Ngọc Hàm*. Đôi nét về cách sử dụng đại từ nhân xưng trong giao tiếp tiếng Hán. Số 7. - tr.: 70 - 77.

89. *Phạm Ngọc Liên*. Đã tìm đọc được chữ Việt cổ của tổ tiên ta thời dựng nước được ghi lại trên đĩa đất nung Lam Gan, rìu đồng lưỡi xéo Đông Sơn và bãi đá cổ Sa Pa (Kì I). Số 5. - tr.: 42 - 55.

90. *Phạm Ngọc Liên*. Đã tìm đọc được chữ Việt cổ của tổ tiên ta thời dựng nước được ghi lại trên đĩa đất nung Lam Gan, rìu đồng lưỡi xéo Đông Sơn và bãi đá cổ Sa Pa (Tiếp theo và hết). Số 6. - tr.: 32 - 41.

91. *Phạm Tấn Thắng*. Đọc sách: *Ngôn ngữ quảng cáo dưới ánh sáng của lý thuyết giao tiếp* (Mai Xuân Huy, Nxb KHXH, H., 2005, 312 tr.). Số 7. - tr.: 78 - 80.

92. *Phạm Thị Hồng Nhung*. Áp đặt trong lời mời của văn hoá Á Đông là hành động đe dọa thể diện âm tính hay chiến lược lịch sự dương tính: Tiếp cận từ góc độ Nho giáo (Trên cứ liệu tiếng Việt, tiếng Trung và tiếng Nhật). Số 3. - tr.: 71 - 80.

93. *Phan Thế Hưng*. So sánh trong ẩn dụ. Số 4. - tr.: 1 - 12.

94. *Phan Thế Hưng*. Ẩn dụ ý niệm. Số 7. - tr.: 9 - 18.

95. Phan Thị Huyền Trang. Những liên tưởng ngữ nghĩa của từ hoa trong *Truyện Kiều* - Nguyễn Du. *Số 11*. - tr.: 68 - 77.
96. Thanh Sơn. Đọc sách: *Ngôn ngữ học tri nhận (Ghi chép và suy nghĩ)* của PGS.TSKH Trần Văn Cơ. *Số 12*. - tr.: 71 - 75.
97. Thu Bình. Yếu tố gây cười trong nghệ thuật mở truyện của Nguyễn Công Hoan. *Số 9*. - tr.: 50 - 53.
98. Tôn Nữ Mỹ Nhật. Dạy tiếng Anh chuyên ngành: những vấn đề cần cân nhắc. *Số 4*. - tr.: 32 - 37.
99. Trần Đại Nghĩa. Giá trị thi pháp từ pháp tên gọi nhân vật *Chi Phèo*. *Số 1*. - tr.: 61 - 62.
100. Trần Đại Nghĩa. Phân tích cú pháp đối với các đoạn ngữ kiểu *dã học bài, dã ăn cơm, dã viết xong*. *Số 6*. - tr.: 10 - 17.
101. Trần Kim Phụng. 101 bài tập xác định từ loại. *Số 10*. - tr.: 71 - 80.
102. Trần Thị Chung Toàn. Lược sử hình thành chữ viết tiếng Nhật. *Số 1*. - tr.: 33 - 43.
103. Trần Thị Hồng Hạnh. Sự trùng hợp và khác biệt trong việc lựa chọn các ẩn dụ trong các nền văn hoá (Trên cứ liệu thành ngữ tiếng Việt). *Số 11*. - tr.: 61 - 67.
104. Trần Thuỷ Vịnh. Mơ hồ cú pháp trong tiếng Việt và tiếng Anh. *Số 2*. - tr.: 65 - 75.
105. Trần Văn Cơ. Nhận thức, tri nhận - hai hay một (Tìm hiểu thêm về ngôn ngữ học tri nhận). *Số 7*. - tr.: 19 - 23.
106. Triều Nguyên. Vấn đề ẩn dụ trong câu đố. *Số 2*. - tr.: 30 - 39.
107. Trương Xuân Tiếu. Tìm hiểu nghệ thuật sử dụng từ xưng hô của Nguyễn Du trong lời thoại của nhân vật Thuý Kiều đêm "trao duyên". *Số 6*. - tr.: 42 - 44.
108. Vi Trường Phúc. Bước đầu khảo sát ẩn dụ tình cảm trong thành ngữ tiếng Hán và tiếng Việt. *Số 1*. - tr.: 52 - 60.
109. Viện ngôn ngữ học và Tạp chí Ngôn ngữ. Chúc mừng sinh nhật lần thứ 70 của PGS. TS Nguyễn Xuân Hoà. *Số 5*. - tr.: 80.
110. Viện ngôn ngữ học và Tạp chí Ngôn ngữ. Vô cùng thương tiếc Phó giáo sư Cao Xuân Hạo. *Số 11*. - tr.: 78 - 80.
111. Võ Kim Hà. Khả năng chuyển đổi cấu trúc của thành ngữ so sánh tiếng Pháp (đối chiếu với tiếng Việt). *Số 2*. - tr.: 76 - 80.
112. Vũ Lộc. Một không phải là số từ. *Số 10*. - tr.: 10 - 14.
113. Vũ Thị Chín. Từ trái nghĩa trong các tiêu đề trên báo chí Nga. *Số 1*. - tr.: 44 - 51.
114. Vũ Thị Chín. Phép lặp từ trong tiêu đề báo chí Nga. *Số 10*. - tr.: 52 - 58.
116. Vũ Thị Sao Chi. *Mộ* (Trích *Ngục trung nhật kí*, Hồ Chí Minh, Ngữ văn 12, Tập 1). *Số 6*. - tr.: 65 - 71.
117. Vũ Thị Sao Chi. *Tảo giải* (Trích *Ngục trung nhật kí*, Hồ Chí Minh). *Số 9*. - tr.: 54 - 58.
115. Vũ Thị Thanh Hương. Dạy ngữ pháp theo cách tiếp cận giao tiếp (Ứng dụng vào dạy tiếng Việt cho người nước ngoài). *Số 5*. - tr.: 20 - 30.
118. Vũ Tố Nga. Cấu trúc *Nếu... thì...* với sự biểu thị hiệu lực ở lời của hành vi cam kết. *Số 3*. - tr.: 20 - 23.

MỤC LỤC TẠP CHÍ “NGÔN NGỮ” NĂM 2006

1. *Bùi Đăng Bình*. Năng lực chính tả của học sinh tiểu học và trung học cơ sở hiện nay. *Số 9*. - tr.: 46 - 57.

2. *Bùi Minh Toán - Lê Thị Lan Anh*. Câu quan hệ tiếng Việt: Sự hiện thực hoá các thành tố của sự tình quan hệ. *Số 10*. - tr.: 1 - 11.

3. *Bùi Thị Lân*. Cách phân tích đoạn văn dựa theo tính mạch lạc của văn bản. *Số 3*. - tr.: 47 - 51.

4. *Cao Thị Thu - Nguyễn Thị Kim Nhung*. Mục lục Tạp chí “Ngôn ngữ” năm 2006. *Số 12*. - tr.: 73 - 80.

5. *Chu Bích Thu*. Đọc sách: *Đọc Kiểm kê từ điển học Việt Nam*. *Số 8*. - tr.: 77 - 80.

6. *Chử Thị Bích*. Tìm hiểu ngữ nghĩa nhóm từ đồng nghĩa cho tặng trong tiếng Việt. *Số 11*. - tr.: 75 - 80.

7. *Diệp Quang Ban*. Lựa chọn một lí thuyết loại hình sự thể thích hợp với ngữ pháp chức năng tiếng Việt. *Số 10*. - tr.: 12 - 20.

8. *Dương Thị Nụ*. Bước đầu tìm hiểu từ thân tộc trong ẩn dụ (Trên cơ sở đối chiếu tương phản Anh - Việt). *Số 7*. - tr.: 28 - 38.

9. *Dương Tuyết Hạnh*. Hành vi chủ hướng hàm ẩn trong tham thoại. *Số 6*. - tr.: 1 - 6.

10. *Đào Thán*. *Logic hình thức và logic phi hình thức* - cuốn sách nhập môn cần cho mọi người. *Số 5*, - tr.: 75 - 76.

11. *Đào Tiến Thi*. Hãy đọc kĩ trước khi phê phán. *Số 6*. - tr.: 74 - 77.

12. *Đặng Thị Hảo Tâm*. Tìm hiểu lời tiền dẫn nhập cho sự kiện lời nói rú. *Số 10*. - tr.: 53 - 62.

13. *Đặng Thị Thu Hiền*. Phép thể đồng nghĩa và phép liên tưởng trong văn bản *Tờ hoa* của Nguyễn Tuân. *Số 10*. - tr.: 63 - 71.

14. *Đình Thị Loan*. Phân biệt câu đúng và câu sai có nét gân gù về ý nghĩa và cấu trúc. *Số 6*. - tr.: 46 - 52.

15. *Đỗ Thị Hằng*. Ấn dụ bổ sung - một hiện tượng ngôn ngữ độc đáo được sử dụng như một phương tiện nghệ thuật đặc sắc trong sáng tạo văn học. *Số 1*. - tr.: 62 - 70.

16. *Đỗ Thị Hiền*. Hai cách tự sự “kể lại nội dung” và “viết nội dung” trong một số truyện ngắn Nguyễn Khải trước và sau năm 1975. *Số 3*. - tr.: 67 - 72.

17. *Đỗ Thị Kim Liên*. Khảo sát các tục ngữ Việt có nhóm từ chỉ quan hệ thân tộc biểu thị quan hệ so sánh. *Số 5*. - tr.: 10 - 18.

18. *Đỗ Việt Hùng*. Sự hiện thực hoá các thành phần nghĩa của từ trong tác phẩm văn chương. *Số 10*. - tr.: 21 - 34.

19. *Hà Đan*. Từ chữ *nghĩa* trong ca dao, tìm về một nét ứng xử trong truyền thống văn hoá người Việt. *Số 12*. - tr.: 58 - 62.

20. *Hiển Nhi*. Có mỗi tình nào quê mùa, dân dã, đầy tình người như mỗi tình Chí Phèo - Thị Nở?. *Số 9*. - tr.: 31 - 34.

21. *Hoàng Anh*. Một số thủ pháp nhằm tăng cường tính biểu cảm trong ngôn ngữ báo chí. *Số 9*. - tr.: 24 - 30.

22. *Hoàng Anh Thi*. Bàn về tính gián tiếp trong giao tiếp tiếng Nhật. *Số 11*. - tr.: 20 - 32.

23. *Hoàng Ngọc Hùng*. Về thuật ngữ tổng kết (hội nghị, hội thảo) từ góc nhìn lãnh đạo, quản lí. *Số 12*. - tr.: 41 - 46.

24. *Hoàng Thị Yến*. Lời chào hỏi với đặc trưng ngôn ngữ và văn hoá dân tộc của người Hàn (Trong đối sánh với tiếng Việt). *Số 7*. - tr.: 59 - 67.

25. *Hoàng Văn Vân*. Chuyển tác và khiến tác: Hai mô hình giải thích thế giới kinh nghiệm trong ngôn ngữ. *Số 9*. - tr.: 10 - 17.

26. *Hoàng Yến*. Phân biệt biểu thức chê với một số biểu thức có đích ở lời khác dễ nhầm lẫn. *Số 7*. - tr.: 68 - 72.

27. *Hồng Vân*. Phần đề trong câu ghép tiếng Việt. *Số 9*. - tr.: 18 - 23.

28. *Kiều Thị Thu Hương*. Cách đáp lại lời khen trong tiếng Anh và tiếng Việt: Bình diện phân tích hội thoại. *Số 1*. - tr.: 32 - 43.

29. *LH (Sưu tầm)*. Chuyện vui ngôn ngữ. *Số 3*. - tr.: 80.

30. *Lâm Quang Đông*. Phương pháp nhận diện vai nghĩa của các tham thể trong cấu trúc nghĩa biểu hiện của câu với vị từ đa trị như *cho*, *tặng*, *gửi*. *Số 7*. - tr.: 49 - 58.

31. *Lê Anh Xuân*. Một cách trả lời gián tiếp cho câu hỏi chính danh - trả lời bằng sự im lặng. *Số 5*. - tr.: 43 - 48.

32. Lê Đình Tường. Thử phân tích truyện ngắn *Chiếc lược ngà* từ bình diện hoạt động của ngữ pháp chức năng. *Số 12*. - tr.: 30 - 40.
33. Lê Hoài Ân. Tương đương dịch thuật và tương đương thuật ngữ. *Số 5*. - tr.: 61 - 74.
34. Lê Hồng My. Tiếng lóng trong văn Nguyên Hồng. *Số 12*. - tr.: 47 - 52.
35. Lê Kính Thắng. Rút gọn diễn tri và sự chuyển loại vị từ trong tiếng Việt. *Số 5*. - tr.: 57 - 60.
36. Lê Quang Thiêm. Tầng nghĩa và kiểu nghĩa chức năng từ vựng. *Số 3*. - tr.: 1 - 10.
37. Lê Quang Thiêm. Về khuynh hướng ngữ nghĩa học tri nhận. *Số 11*. - tr.: 6 - 19.
38. Lê Thị Hồng Hạnh. Một số đặc điểm của thơ văn xuôi. *Số 10*. - tr.: 72 - 80.
39. Lê Thị Lan Anh. Phương thức định tính và phương thức đồng nhất trong sự tình quan hệ thâm nhập. *Số 2*. - tr.: 56 - 62.
40. Lê Thị Thu Hoài. Liên từ \wedge lô gích và liên từ tương ứng trong ngôn ngữ tự nhiên (Dựa trên cú liệu tiếng Việt và tiếng Anh). *Số 4*. - tr.: 55 - 68.
41. Lê Thiếu Ngân. Mối quan hệ qua lại giữa ngữ pháp và từ vựng trong lĩnh vực kết hợp từ. *Số 2*. - tr.: 30 - 38.
42. Lê Xuân Mậu. Ngôn ngữ ca dao "tạo hình" hay "biểu hiện". *Số 4*. - tr.: 76 - 80.
43. Lê Xuân Mậu. Điển cố trong văn chương. *Số 12*. - tr.: 23 - 26.
44. Lý Toàn Thắng. Luật bằng trắc trong *Truyện Kiều*. *Số 6*. - tr.: 27 - 41.
45. Mai Ngọc Chừ. Tính nhạc trong thơ ca Việt Nam (Từ góc nhìn ngữ âm tiếng Việt). *Số 5*. - tr.: 77 - 80.
46. Mai Thị Kiều Phương. Đặc trưng văn hoá dân tộc trong nghĩa hàm ẩn của phát ngôn hỏi khi giao tiếp mua bán bằng tiếng Việt. *Số 9*. - tr.: 72 - 80.
47. Nguyễn Duy Thịnh. Đôi điều bàn luận về phương pháp giảng dạy tích cực. *Số 3*. - tr.: 73 - 74.
48. Nguyễn Đức Dân. Lô gích - ngữ nghĩa của từ mà. *Số 5*. - tr.: 1 - 9.
49. Nguyễn Đức Thuận. Ngôn ngữ của tiểu thuyết trên *Nam Phong tạp chí* (1917 - 1934). *Số 6*. - tr.: 7 - 13.

50. Nguyễn Đức Tôn. Vấn đề dạy và khả năng nhận diện của học sinh về cấu tạo, nguồn gốc và ý nghĩa của từ trong nhà trường hiện nay. *Số 3*. - tr.: 52 - 66.
51. Nguyễn Đức Tôn - Hà Quang Năng. Vấn đề dạy và học từ đa nghĩa và từ đồng âm trong nhà trường hiện nay (Kì I). *Số 7*. - tr.: 73 - 80.
52. Nguyễn Đức Tôn - Hà Quang Năng. Vấn đề dạy và học từ đa nghĩa và từ đồng âm trong nhà trường hiện nay (Tiếp theo và hết). *Số 8*. - tr.: 68 - 76.
53. Nguyễn Hoàng Anh. Vài nét về định ngữ tính từ trong danh ngữ tiếng Việt. *Số 8*. - tr.: 34 - 38.
54. Nguyễn Hồng Cẩn. Lược sử về dịch thuật. *Số 8*. - tr.: 22 - 33.
55. Nguyễn Hồng Cẩn. Lược sử nghiên cứu dịch thuật. *Số 11*. - tr.: 33 - 44.
56. Nguyễn Huệ Chi. Nét ngài và Mày ngài. *Số 9*. - tr.: 35 - 45.
57. Nguyễn Hữu Thọ. Tìm hiểu về "giống" trong tiếng Pháp. *Số 1*. - tr.: 11 - 20.
58. Nguyễn Thái Ân. Tính sản sinh trong quá trình tạo từ trong tiếng Anh. *Số 8*. - tr.: 39 - 44.
59. Nguyễn Thế Lịch. Đọc bài thơ *Cánh khuya*. *Số 12*. - tr.: 27 - 29.
60. Nguyễn Thế Truyền. 18 trò chơi vui học tiếng Việt trung học cơ sở. (Kì 1). *Số 1*. - tr.: 71 - 80.
61. Nguyễn Thế Truyền. 18 trò chơi vui học tiếng Việt trung học cơ sở. (Tiếp theo và hết). *Số 2*. - tr.: 69 - 80.
62. Nguyễn Thế Truyền: Giới thiệu thêm về trò chơi vui học môn tiếng Việt trung học cơ sở. *Số 12*. - tr.: 63 - 73.
63. Nguyễn Thị Hoàng Yến. Vấn đề xưng hô trong phát ngôn chệ. *Số 1*. - tr.: 53 - 61.
64. Nguyễn Thị Hồng Vân. Phân đề trong câu - một thành tố với chức năng tạo văn bản. *Số 6*. - tr.: 21 - 26.
65. Nguyễn Thị Lương. Lời chào gián tiếp của người Việt với phép lịch sự. *Số 5*. - tr.: 33 - 42.
66. Nguyễn Thị Lương. Phân biệt trạng ngữ với một số thành phần khác trong câu tiếng Việt. *Số 10*. - tr.: 45 - 52.
67. Nguyễn Thị Ngân Hoa. Tìm hiểu những nhân tố tác động tới quá trình biến đổi ý nghĩa của biểu tượng trong ngôn ngữ nghệ thuật. *Số 10*. - tr.: 35 - 44.

68. *Nguyễn Thị Phương Thùy*. Sự cách tân cấu trúc của thơ Việt Nam hiện đại (Trên tư liệu phân tích chùm thơ 3 bài của Nguyễn Trọng Hoàn). *Số 11*. - tr.: 66 - 74.

69. *Nguyễn Thị Tân*. Đặc điểm sử dụng thành ngữ gốc Hán trong một số thể loại văn bản tiếng Việt. *Số 12*. - tr.: 15 - 22.

70. *Nguyễn Thị Thanh Bình*. Một số xu hướng lí thuyết của việc dạy tiếng mẹ đẻ trong nhà trường. *Số 4*. - tr.: 13 - 24.

71. *Nguyễn Thị Yến*. Về bài viết *Hãy đọc kĩ trước khi phê phán*. *Số 6*. - tr.: 75 - 76.

72.* *Nguyễn Thiện Giáp*. Chính sách ngôn ngữ ở Việt Nam qua các thời kì lịch sử. *Số 1*. - tr.: 1 - 10.

73. *Nguyễn Thuỷ Minh*. Nghiên cứu thực nghiệm về chuyển di ngữ dụng tiêu cực trong sử dụng hành vi ngôn ngữ phê phán của người Việt Nam học tiếng Anh như một ngoại ngữ. *Số 2*. - tr.: 20 - 29.

74. *Nguyễn Thượng Hùng*. Ý nghĩa của ngôn từ trong những nền văn hoá khác nhau. *Số 6*. - tr.: 67 - 73.

75. *Nguyễn Trọng Hoàn*. Địa danh văn chương - Những địa chỉ tâm hồn. *Số 3*. - tr.: 31 - 36.

76. *Nguyễn Tuấn Đăng*. Nghiên cứu hiện tượng mơ hồ nghĩa câu trong tiếng Việt. *Số 7*. - tr.: 39 - 48.

77. *Nguyễn Văn Hiệp*. Về hàm ngôn quy ước (Trên tư liệu tiếng Việt). *Số 2*. - tr.: 1 - 12.

78. *Nguyễn Văn Hiệp*. Nghĩa chủ đề và những cách tiếp cận về nghĩa chủ đề. *Số 11*. - tr.: 45 - 56.

79. *Nguyễn Văn Hiệu*. Xem xét các từ ghép gốc Hán trong tiếng Mông Lệnh ở Việt Nam. *Số 4*. - tr.: 69 - 75.

80. *Nguyễn Văn Hiệu*. Những tương ứng phụ âm đầu giữa các từ gốc Hán trong tiếng Mông với các từ thuộc tiếng Hán Quan thoại Tây Nam (Trên cứ liệu từ gốc Hán trong tiếng Mông Lệnh ở Việt Nam). *Số 11*. - tr.: 57 - 65.

81. *Nguyễn Văn Khang*. Một số vấn đề về "cái chết của ngôn ngữ" trong thời đại hiện nay. *Số 8*. - tr.: 1 - 12.

82. *Nguyễn Xuân Hoà*. Một cuốn sách lí luận cơ bản về từ đồng nghĩa. *Số 6*. - tr.: 78 - 80.

83. *Nguyễn Xuân Lạc*. Khái quát văn học dân gian Việt Nam (Bài 2, Ngữ văn 10, Tập 1). *Số 6*. - tr.: 63 - 66.

84. *N.V. Stankevitch*. Vài nhận xét về các hư từ tiếng Việt thế kỉ 16 (Tư liệu rút từ *Truyền kì mạn lục giải âm*). Số 9. - tr.: 1 - 9.
85. *Phạm Thị Ninh*. Thử vận dụng lí thuyết mạch lạc phân tích truyện ngắn *Hai đứa trẻ*. Số 3. - tr.: 37 - 44.
86. *Phạm Thị Phương Thái*. Từ *Cư trần lạc đạo phú* của Trần Nhân Tông, nhận biết một số hiện tượng về ngôn ngữ trong *Quốc âm thi tập* của Nguyễn Trãi. Số 6. - tr.: 14 - 20.
87. *Phan Thị Sen*. Nghệ thuật thể hiện con người cá nhân trong thơ Tú Xương. Số 6. - tr.: 53 - 58.
88. *Quang Minh*. Thêm một cách nhìn về một số biểu hiện của *sự kì thị giới tính* trong việc sử dụng tiếng Việt. Số 2. - tr.: 13 - 19.
89. *Tạ Thị Thanh Tâm*. Nghi thức giao tiếp và một vài cách tiếp cận. (Kì 1). Số 2. - tr.: 48 - 55.
90. *Tạ Thị Thanh Tâm*. Nghi thức giao tiếp và một vài cách tiếp cận (Tiếp theo và hết). Số 3. - tr.: 23 - 30.
91. *Tạ Văn Thông*. Loại từ *Hrê* và sự ghi nhận cách hình dung thế giới khách quan của người *Hrê*. Số 7. - tr.: 18 - 27.
92. *Tôn Nữ Mỹ Nhật*. Cấu trúc và cấu trúc chức năng của diễn ngôn. Số 8. - tr.: 45 - 54.
93. *Trần Đại Nghĩa*. Giá trị thi pháp cú pháp của nhan đề truyện ngắn *Chí Phèo* Nam Cao. Số 3. - tr.: 45 - 46.
94. *Trần Ngọc Dung*. Đặc điểm lời văn "tả chân" trong phóng sự Việt Nam 1932 - 1945. Số 2. - tr.: 39 - 47.
95. *Trần Tiến Khôi*. Tìm hiểu từ *yên hoa* trong bài thơ *Hoàng Hạc lâu* *tống Mạnh Hạo* *Nhiên chi Quảng Lăng*. Số 6. - tr.: 42 - 45.
96. *Trần Thị Chung Toàn* - *Khúc Thị Hồng Chuyên*. Từ ngoại lai trong tiếng Nhật hiện đại. Số 1. - tr.: 21 - 31.
97. *Trần Thị Ngân Giang*. *Rằng* và cách dùng từ *rằng* trong quá trình phát triển tiếng Việt. Số 2. - tr.: 63 - 68.
98. *Trần Thị Nhân*. Vấn đề dạy và học kiểu câu đặc biệt, câu rút gọn trong trường phổ thông hiện nay. Số 4. - tr.: 37 - 45.
99. *Trần Thị Thìn*. Khả năng nắm bắt cụm từ và thành phần câu của học sinh lớp 9. Số 4. - tr.: 46 - 54.

100. *Trần Thuỷ Vịnh*. Mơ hồ từ vựng trong tiếng Việt và tiếng Anh. *Số 1*. - tr.: 44 - 52.
101. *Trần Trí Dõi*. Thử giải thích hiện tượng có 5 thanh điệu trong một vài phương ngữ Việt. *Số 8*. - tr.: 13 - 21.
102. *Trần Trí Dõi*. Những đóng góp chính của F.de Saussure cho ngôn ngữ học so sánh - lịch sử thế kỉ XX. *Số 11*. - tr.: 1 - 5.
103. *Trần Trọng Dương*. Khảo sát hệ thống từ cổ trong bản giải nghĩa *Thiên tông khoá hư ngữ lục* của Tuệ Tĩnh. *Số 8*. - tr.: 55 - 67.
104. *Trần Văn Cơ*. Ngôn ngữ học tri nhận là gì? *Số 7*. - tr.: 1 - 17.
105. *Trần Xuân Diệp*. Ảnh hưởng của sự chuyển trọng tâm nghiên cứu ngôn ngữ đối với việc dạy ngoại ngữ. *Số 9*. - tr.: 58 - 66.
106. *Triều Nguyên*. Phân biệt thành ngữ và tục ngữ bằng mô hình cấu trúc. *Số 5*. - tr.: 19 - 32.
107. *Trương Xuân Tiếu*. Góp phần tìm hiểu nội dung thẩm mỹ đích thực một đoạn trích tiêu biểu trong tác phẩm *Truyện Kiều* của Nguyễn Du. *Số 6*. - tr.: 59 - 62.
108. *Vũ Đức Nghiệu*. Hư từ tiếng Việt thế kỉ XV trong *Quốc âm thi tập* và *Hồng Đức quốc âm thi tập*. *Số 12*. - tr.: 1- 14.
109. *Vũ Kim Bảng*. Về năng lực sử dụng dấu câu tiếng Việt của học sinh trung học cơ sở hiện nay. *Số 4*. - tr.: 25 - 36.
110. *Vũ Tố Nga*. Hành vi cam kết và các động từ biểu thị hành vi cam kết. *Số 5*. - tr.: 49 - 56.
111. *Vũ Thị Sao Chi*. Thiết kế bài giảng bài ca dao: *Mười cái trứng*. *Số 3*. - tr.: 75 - 79.
112. *Vũ Thị Sao Chi*. Đám tang lão Gôriô (Trích tiểu thuyết *Lão Gôriô*, Banzăc, Văn 11- Phần Văn học nước ngoài). *Số 9*. - tr.: 67 - 71.
113. *Vũ Thị Sao Chi*. *Thư gửi mẹ* (Êxênin, Văn 12 - Phần văn học nước ngoài). *Số 12*. - tr.: 53 -57.
114. *Vũ Thị Thanh Hương*. Từ khái niệm "năng lực giao tiếp" đến vấn đề dạy và học tiếng Việt trong nhà trường phổ thông hiện nay. *Số 4*. - tr.: 1 - 12.
115. *Wassana NamPhong*. Một số vấn đề về cách dùng loại từ trong tiếng Thái Lan và tiếng Việt. *Số 3*. - tr.: 11 - 22.

MỤC LỤC TẠP CHÍ "NGÔN NGỮ" NĂM 2005

1. *Bình Thành* (sưu tầm). Chuyện vui ngôn ngữ. Số 3. - tr.: 80.
2. *Bùi Khánh Thế*. Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh với công cụ ngôn ngữ. Số 9. - tr.: 1 - 9.
3. *Bùi Thị Thanh Lương*. Một vài nhận xét về cách sáng tạo và sử dụng từ ngữ mới trên tư liệu báo Nhân dân giai đoạn 1986 - 2000. Số 1. - tr.: 51 - 59.
4. *Cao Hồng*. Lời văn nghệ thuật trong truyện ngắn Lê Minh Khuê sau 1975. Số 9. - tr.: 27 - 35.
5. *Cao Thị Thu*. Hình ảnh *Nguyệt* và *Trăng* trong *Mảnh trăng cuối rừng*. Số 3. - tr.: 38 - 42.
6. *Diệp Quang Ban*. Cú và việc ứng dụng vào ngữ pháp tiếng Việt. Số 1. - tr.: 1 - 8.
7. *Diệp Quang Ban*. Một hướng tiếp cận các yếu tố chỉ "tính thời gian" của tiếng Việt. Số 10. - tr.: 1 - 11.
8. *Dương Văn Khoa*. Trở lại cách dịch hai câu kết trong bài thơ *Hoành sơn vọng hải ca*. Số 6. - tr.: 76 - 78.
9. *Dương Văn Khoa*. *Ký Hữu - Gửi bạn*, Một bài thơ chữ Hán của Nguyễn Du. Số 9. - tr.: 39 - 41.
10. *Đào Thanh Lan*. Vai trò của hai động từ *mong*, *muốn* trong việc biểu thị ý nghĩa cầu khiến ở tiếng Việt. Số 7. - tr.: 12 - 17.
11. *Đào Thanh Lan*. Cách biểu hiện hành động cầu khiến gián tiếp bằng câu hỏi - cầu khiến. Số 11. - tr.: 28 - 32.
12. *Đào Thị Hà Ninh*. George Lakoff và một số vấn đề về lí luận ngôn ngữ học tri nhận. Số 5. - tr.: 69 - 76.
13. *Đặng Hiền*. *Ngôi buồn nhớ mẹ ta xưa* của Nguyễn Duy, một bài thơ hay về mẹ. Số 6. - tr.: 34 - 35.
14. *Đặng Lưu*. Nguyễn Tuân dùng từ ngữ Hán - Việt. Số 3. - tr.: 43 - 50.

15. *Đình Văn Đức - Lê Xuân Thọ*. Trạng ngữ ngữ dụng - một thành tố cú pháp giao tiếp của phát ngôn tiếng Việt. *Số 8*. - tr.: 13 - 22.

16. *Đình Văn Đức - Kiều Châu*. Vài nhận thức về ngoại ngữ và việc giảng dạy ngoại ngữ chuyên ngành ở bậc học đại học. *Số 12*. - tr.: 60 - 68.

17. *Đoàn Thị Kim Nhung*. Đổi mới kiểm tra - đánh giá môn *Tiếng Việt thực hành* theo hình thức câu hỏi trắc nghiệm khách quan và tự luận. *Số 9*. - tr.: 51 - 55.

18. *Đoàn Văn Phúc*. Xu hướng phiên chuyển từ vay mượn các ngôn ngữ German trong tiếng Indonesia. *Số 2*. - tr.: 49 - 60.

19. *Đoàn Văn Phúc*. Chuẩn hoá chính tả tên riêng dân tộc thiểu số trong tiếng Việt. *Số 10*. - tr.: 75 - 80.

20. *Đỗ-Hurinville Danh Thành*. Thời và Thể trong tiếng Việt. *Số 2*. - tr.: 1 - 12.

21. *Đỗ Lai Thúy*. Nguyễn Tài Căn - Con đường từ ngôn ngữ đến văn hoá. *Số 11*. - tr.: 3 - 7.

22. *Đỗ Thị Hằng*. Khảo sát và đánh giá giá trị biểu đạt các kiểu ẩn dụ bổ sung trong thơ và văn xuôi Việt Nam từ 1930 đến nay. *Số 9*. - tr.: 19 - 26.

23. *Đức Bình* (sưu tầm). Chuyện vui ngôn ngữ. *Số 9*. - tr.: 80.

24. *Đức Nguyễn*. Đọc sách: *Giáo trình Lịch sử tiếng Việt* (sơ thảo) (Tác giả: PGS.TS Trần Trí Dõi, Nxb ĐHQG, H., 2005, 267 tr.). *Số 8*. - tr.: 79 - 80.

25. *Hà Nguyên*. Hoàng Hạc lâu tống Mạnh Hạo Nhiên chi Quảng Lăng (Lý Bạch, Văn 10 - phần văn học nước ngoài). *Số 6*. - tr.: 62 - 69.

26. *Hà Thành Chung*. Cách dịch mệnh đề phân từ tiếng Anh sang tiếng Việt. *Số 4*. - tr.: 56 - 67.

27. *Hoàng Anh*. Ngôn ngữ tác giả và ngôn ngữ nhân vật trong tác phẩm báo chí. *Số 12*. - tr.: 34 - 39.

28. *Hoàng Anh Thi*. Về từ tượng thanh, tượng hình trong tiếng Nhật. *Số 8*. - tr.: 51 - 60.

29. *Hoàng Kiến Hồng*. Phân tích hiện tượng những kết cấu cú pháp khẩu ngữ xuyên thâm vào phong cách chức năng khác trong tiếng Việt. *Số 10*. - tr.: 48 - 55.

30. *Hoàng Kinh Luân*. Có phải là thứ chữ Nôm Mường mới sáng tạo?. *Số 12*. - tr.: 58 - 59.

31. *Hoàng Văn Vân*. Đổi mới phương pháp dạy kỹ năng nói tiếng Anh ở trung học phổ thông. Số 10. - tr.: 56 - 64.

32. *Hồ Xuân Tuyên*. Chọn chuẩn chính tả cho những trường hợp lưỡng khả. Số 8. - tr.: 37 - 43.

33. *Hương Lan* (sưu tầm). Chuyện vui ngôn ngữ. Số 12. - tr.: 72.

34. *Hữu Đạt*. Nhận xét về sự phân bố từ vựng và phong cách trong truyện ngắn của một vài nhà văn Việt Nam nửa sau thế kỉ XX. Số 11. - tr.: 33 - 42.

35. *Huỳnh Thị Ái Nguyên*. Bàn về câu tồn tại trong tiếng Anh và tiếng Việt như là phương tiện nhấn mạnh về mặt thông tin. Số 4. - tr.: 13 - 26.

36. *Lan Hương*. Thủ pháp phân biệt để viết đúng chính tả một số chữ khó thường bị sai. Số 3. - tr.: 51 - 52.

37. *Lan Hương*. Đọc sách: *Lược sử Việt ngữ học* (Tập một) (Chủ biên: GS.TS Nguyễn Thiện Giáp, Nxb GD, H., 2005, 430 tr). Số 7. - tr.: 79 - 80.

38. *Lâm Minh Hoa*. Vài nét về chỉ tố thì và thành phần chủ đề trong câu tiếng Việt. Số 4. - tr.: 27 - 32.

39. *Lâm Quang Đông*. Về sự hiện diện/ không hiện diện của giới từ *cho* trong câu chứa vị từ có ý nghĩa *cho/ tặng*. Số 12. - tr.: 26 - 33.

40. *Lê Quang Thiêm*. Những bước tiến về kiến giải nghĩa của tín hiệu ngôn ngữ. Số 11. - tr.: 8 - 20.

41. *LH* (sưu tầm). Chuyện vui ngôn ngữ. Số 6. - tr.: 79.

42. *Lê Thị Anh Thư - Hồng Dân*. Về cách viết hoa tiếng Việt trong sách của Nhà xuất bản Giáo dục. Số 7. - tr.: 66 - 70.

43. *Lê Văn Tấn*. Cá dâu dớp động dưới chân bèo?. Số 2. - tr.: 61 - 64.

44. *Lê Xảo Bình - Vi Thụ Quan*. Mối quan hệ giữa âm Hán Việt và phương ngữ tiếng Hán nhìn từ đặc điểm âm đầu. Số 10. - tr.: 25 - 34.

45. *Lê Xuân Mậu*. Tiếp nhận ca dao cần một phương thức khác. Số 3. - tr.: 62 - 63.

46. *Lê Xuân Mậu*. Ý tại ngôn ngoại - những bí ẩn dần được khám phá. Số 7. - tr.: 71 - 78.

47. *Lương Đình Dũng*. Phép nối và một vài suy nghĩ về phương pháp dạy phép nối trong tiếng Việt. Số 6. - tr.: 38 - 47.

48. *Lương Đình Khánh*. Quan hệ nghĩa giữa các phát ngôn, giá trị tu từ của từ và trong liên kết văn bản tiếng Việt. Số 4. - tr.: 41 - 46.
49. *Mai Ngọc Chừ*. Một số đặc điểm ngữ âm của các ngôn ngữ Malay và Tagalog (Trong sự so sánh với các ngôn ngữ Malayopolynesia ở Việt Nam). Số 5. - tr.: 7 - 14.
50. *Mai Thị Kiều Phương*. Nghĩa hàm ẩn và cơ chế tạo ra các ý nghĩa hàm ngôn của hành động hỏi trong hội thoại mua bán bằng tiếng Việt. Số 2. - tr.: 34 - 48.
51. *Ngô Đức Thọ*. Tìm thấy gia huy Nguyễn Du trong bản *Kiều Nôm Duyệt Minh Thị 1872*. Số 7. - tr.: 7 - 11.
52. *Ngô Thị Bích Hương*. Chúc năng thông tin của vị ngữ phụ trong câu tiếng Việt (Vị ngữ phụ với thông tin đã biết từ ngữ cảnh). Số 7. - tr.: 52 - 56.
53. *Ngô Văn Thư*. Những cách tân ngôn ngữ văn học trong tiểu thuyết của Khải Hưng. Số 3. - tr.: 28 - 37.
54. *Nguyễn Bảo Trang*. Tại sao cần dạy ngoại ngữ theo phương pháp giao tiếp? Số 6. - tr.: 51 - 56.
55. *Nguyễn Cảnh Phúc*. Một bài báo có quá nhiều sai sót. Số 8. - tr.: 74 - 78.
56. *Nguyễn Đăng Khánh*. Lối nói vòng vo - nhìn từ quan điểm giao tiếp. Số 5. - tr.: 27 - 36.
57. *Nguyễn Đức Dân*. Những giới từ không gian: Sự chuyển nghĩa và ẩn dụ. Số 9. - tr.: 42 - 50.
58. *Nguyễn Đức Khuê*. Nhân 240 năm sinh thi hào Nguyễn Du, đọc lại *Truyện Kiều* - Cảm nhận tình quê trong *Thúy Kiều*. Số 12. - tr.: 54 - 57.
59. *Nguyễn Đức Tồn*. Vấn đề dạy từ đồng nghĩa trong nhà trường hiện nay. Số 10. - tr.: 65 - 74.
60. *Nguyễn Đức Tồn*. Vấn đề dạy từ đồng nghĩa trong nhà trường hiện nay (tiếp theo và hết). Số 12. - tr.: 43 - 53.
61. *Nguyễn Hà Linh*. *Sài Gòn tôi yêu* (Minh Hương, Ngữ văn 7, Tập 1). Số 3. - tr.: 64 - 70.
62. *Nguyễn Hoà*. Phân tích diễn ngôn phê phán là gì? (Critical discourse analysis - CDA). Số 2. - tr.: 13 - 26.
63. *Nguyễn Hoà*. Khía cạnh văn hoá của phân tích diễn ngôn. Số 12. - tr.: 15 - 25.

64. Nguyễn Hoàng Tuấn. Vận dụng khái niệm *thể diện* vào việc phân tích ngôn ngữ nhân vật. Số 6. - tr.: 23 - 28.
65. Nguyễn Hữu Chấn. Bước đầu tìm hiểu khả năng sử dụng các đại từ quy chiếu chỉ định *this/these* và *that/those* trong liên kết văn bản tiếng Anh qua các bài viết của sinh viên năm thứ hai. Số 5. - tr.: 47 - 56.
66. Nguyễn Hữu Chính. Bàn thêm về cấu trúc thông báo trong đoạn văn. Số 1. - tr.: 60 - 71.
67. Nguyễn Hữu Thọ. Cách nói phủ định của tiếng Việt bằng tên gọi một vài loài vật. Số 9. - tr.: 72 - 78.
68. Nguyễn Khánh Nông. Một số đặc điểm của phép lặp trong văn chính luận của Hồ Chủ tịch. Số 5. - tr.: 57 - 68.
69. Nguyễn Kiên Trường. Đổi mới giáo dục và đổi mới dạy - học môn ngữ văn ở thành phố Hồ Chí Minh: Hiệu quả - thực trạng - nguyên nhân và giải pháp. Số 9. - tr.: 60 - 65.
70. Nguyễn Lai. Về một đường lối quần chúng trong tầm nhìn ngôn ngữ Hồ Chí Minh. Số 5. - tr.: 1 - 6.
71. Nguyễn Phú Phong. Con cái, cái con, con và cái. Danh từ, loại từ và quán từ. Số 10. - tr.: 12 - 24.
72. Nguyễn Quang Hồng. Chuyển dịch từ ngữ song tiết Hán văn sang từ ngữ văn Nôm trong bản giải âm *Truyện kỳ mạn lục*. Số 8. - tr.: 1 - 12.
73. Nguyễn Tài Cẩn. Về hai giả thuyết: Trong các bản Kiều Nôm cổ đang còn lưu lại một số vết tích kỹ huý đời Lê Trịnh, và chắc *Truyện Kiều* đã được cơ bản hoàn thành trong khoảng 1786 - 1790. Số 7. - tr.: 1 - 6.
74. Nguyễn Thái Hoà. Đọc lại *Tràng Giang* của Huy Cận. Số 6. - tr.: 48 - 50.
75. Nguyễn Thanh Lợi. Địa danh ở Bến Tre. Số 6. - tr.: 70 - 75.
76. Nguyễn Thanh Tú. Nghệ thuật trào phúng độc đáo, đặc sắc trong *Vi hành* của Nguyễn Ái Quốc. Số 6. - tr.: 13 - 17.
77. Nguyễn Thế Lịch. Yếu tố chuẩn trong cấu trúc so sánh nghệ thuật. Số 7. - tr.: 57 - 65.
78. Nguyễn Thế Lịch. Yếu tố chuẩn trong cấu trúc so sánh nghệ thuật (tiếp theo và hết). Số 8. - tr.: 68 - 73.
79. Nguyễn Thế Truyền. Một số kinh nghiệm thiết kế bài tập vui tiếng Việt cho học sinh lớp 6 và lớp 7. Số 2. - tr.: 65 - 80.

80. *Nguyễn Thế Truyền*. Nghịch ngữ - phép tu từ của những mâu thuẫn thống nhất. Số 8. - tr.: 23 - 36.

81. *Nguyễn Thị Bích Thủy*. Cấu trúc của tử dụ trong thơ Tố Hữu. Số 6. - tr.: 18 - 22.

82. *Nguyễn Thị Hương*. Tìm hiểu mạch lạc theo quan hệ nguyên nhân và quan hệ lập luận trong một số văn bản hành chính (cấp chính quyền cơ sở). Số 4. - tr.: 33 - 40.

83. *Nguyễn Thị Kim Thoa*. Bước đầu mô tả hệ thống ngữ âm tiếng Sán Dìu ở Việt Nam. Số 11. - tr.: 68 - 80.

84. *Nguyễn Thị Phương Thủy*. Một vài nét về sự chuyển biến và cách tân của cấu trúc thơ từ 1945 đến 1975 (Trên tư liệu thơ của một số nhà thơ - nhà giáo). Số 11. - tr.: 53 - 67.

85. *Nguyễn Thị Quỳnh Vân*. Thêm một nhận xét về việc dịch từ xưng hô trong *Ngục trung nhật ký* của Bác Hồ. Số 6. - tr.: 36 - 37.

86. *Nguyễn Thị Tân*. Đặc điểm của thành ngữ gốc Hán xét từ bình diện hình thái cấu trúc. Số 6. - tr.: 1 - 12.

87. *Nguyễn Thị Tân*. Thành ngữ gốc Hán nhìn từ góc độ ngữ nghĩa. Số 12. - tr.: 1 - 14.

88. *Nguyễn Thị Thanh Bình*. Dấu chấm với tư cách là hiện tượng chính tả trong văn bản tiếng Việt. Số 1. - tr.: 9 - 20.

89. *Nguyễn Thị Thuận*. Bàn thêm về tính chất trung gian của động từ tình thái *phải* trong mối quan hệ với các động từ tình thái *nên, cần, và bị, được*. Số 4. - tr.: 47 - 55.

90. *Nguyễn Thị Yến*. Về khái niệm "Tóm tắt truyện của nhân vật chính". Số 9. - tr.: 79.

91. *Nguyễn Văn Hiệu*. Những địa danh gốc Hán ở một số vùng dân tộc Mông - Dao ở Việt Nam (Trên cứ liệu địa danh hành chính tỉnh Lào Cai). Số 11. - tr.: 43 - 52.

92. *Nguyễn Văn Phổ*. Ngữ cảnh và lời dẫn trong hội thoại nhìn từ lí thuyết quan yếu. Số 4. - tr.: 1 - 12.

93. *Nguyễn Xuân Lạc*. Dạy - học phân truyện - kí ở lớp 9 như thế nào?. Số 6. - tr.: 57 - 61.

94. *Nguyễn Xuân Lạc*. Tuyên ngôn độc lập áng thiên cổ hùng văn của thời đại mới. Số 9. - tr.: 36 - 38.

95. *Phạm Ngọc Hàm*. Góc văn hoá truyền thống Trung Hoa, nhìn từ cách cấu tạo chữ 安 (An). Số 12. - tr.: 69 - 71.

96. *Phạm Quang Ái*. Đặc điểm tiếng lóng của giới buôn bán trâu bò ở huyện Can Lộc - Hà Tĩnh. Số 5. - tr.: 37 - 46.

97. *Phạm Thanh Hằng*. Bàn thêm về hiện tượng từ ghép tạo bởi hai thành tố đồng nghĩa, gần nghĩa trong tiếng Việt. Số 10. - tr.: 35 - 41.

98. *Phạm Thị Kim Anh*. Về hai bình diện của tín hiệu văn chương - thơ ca. Số 4. - tr.: 68 - 77.

99. *Phạm Văn Tình*. Đọc sách: *Đi tìm cội nguồn của ngôn ngữ và ý thức* (Tác giả Trần Đức Thảo, Nxb KHXH, H., 2003). Số 1. - tr.: 78 - 80.

100. *Phan Quý Bích*. Nghiên cứu, phê bình văn chương và nghiên cứu Việt ngữ. Số 7. - tr.: 18 - 26.

101. *Phong Hồng Anh*. Tín hiệu thơ - cuộc đối thoại giữa nhà thơ và bạn đọc (bình diện Dạng học của tín hiệu thơ). Số 9. - tr.: 10 - 18.

102. *Phong Lê*. Kho chữ *Truyện Kiều* và những bến bờ thời sự. Số 12. - tr.: 40 - 42.

103. *Tạ Thị Thanh Tâm*. Vai giao tiếp và phép lịch sự trong tiếng Việt. Số 1. - tr.: 31 - 40.

104. *TCNN*. Lời phát biểu chúc mừng của Tổng biên tập Tạp chí Ngôn ngữ. Số 11. - tr.: 1 - 2.

105. *TCNN*. Mục lục tạp chí "Ngôn ngữ". Số 12. - tr.: 73 - 80.

106. *Trần Chi Mai*. Cách biểu hiện hành vi từ chối lời cầu khiến bằng các phát ngôn láng tránh (trên cứ liệu tiếng Anh và tiếng Việt). Số 1. - tr.: 41 - 50.

107. *Trần Đại Nghĩa*. Về hai cách phân tích cú pháp đối với các tổ hợp kiểu *Tất cả những cái con người bạc ác ấy*. Số 1. - tr.: 72 - 77.

108. *Trần Đại Nghĩa*. Phân loại các tổ hợp *loại từ - danh từ* trong tiếng Việt. Số 5. - tr.: 77 - 80.

109. *Trần Kim Phượng*. Ý nghĩa *thời, thể, tình thái* và cách sử dụng của phó từ *đang* trong tiếng Việt. Số 1. - tr.: 21 - 30.

110. *Trần Thị Mỹ*. Động từ tình thái *pouvoir* (có thể), *devoir* (phải) trong câu tiếng Pháp và tiếng Việt. Số 3. - tr.: 24 - 27.

111. *Trần Trí Dồi*. Tiếp tục tìm hiểu về xuất xứ và ý nghĩa địa danh *Cổ Loa* (Qua cách giải thích địa danh này của Giáo sư Đào Duy Anh). Số 11. - tr.: 21 - 27.

112. *Trần Trương Mỹ Dung*. Tìm hiểu ý niệm "buồn" trong tiếng Nga và tiếng Anh. *Số 8*. - tr.: 61 - 67.

113. *Trần Văn Dũng*. Đặc điểm về cấu tạo của địa danh ở Dak Lăk. *Số 3*. - tr.: 71 - 79.

114. *Trần Xuân Điệp*. Tính đa dạng của ngôn ngữ và việc giảng dạy ngoại ngữ. *Số 10*. - tr.: 42 - 47.

115. *Trịnh Cẩm Lan*. Sự biến đổi cách phát âm các thanh điệu của người Nghệ Tĩnh ở Hà Nội. *Số 7*. - tr.: 41 - 51.

116. *Trương Xuân Tiếu*. Tìm hiểu nghệ thuật hành văn và sử dụng từ ngữ của Nguyễn Du trong một đoạn trích *Truyện Kiều* được giảng dạy ở trường phổ thông trung học. *Số 6*. - tr.: 29 - 33.

117. *Vũ Kim Bảng*. Nhận xét về sự khác biệt ngữ âm giữa nội thành và hai huyện Gia Lâm, Đông Anh. *Số 5*. - tr.: 15 - 26.

118. *Vũ Ngọc Cân*. Từ người qua những chặng đường sáng tác của thơ Tố Hữu. *Số 3*. - tr.: 53 - 61.

119. *Vũ Thị Chín*. Chất hài trong báo chí Nga. *Số 8*. - tr.: 44 - 50.

120. *Vũ Thị Nga*. Một số chiến lược rào đón trong hội thoại của người Việt. *Số 3*. - tr.: 16 - 23.

121. *Vũ Thị Sao Chi*. Một số vấn đề về nhịp điệu trong ngôn ngữ thơ văn Việt Nam. *Số 3*. - tr.: 1 - 15.

122. *Vũ Thị Sao Chi*. *Chí Phèo* (Nam Cao, Văn học 11, Tiết 99). *Số 9*. - tr.: 66 - 71.

123. *Vũ Văn Thi*. Khảo sát sự biến đổi chức năng của từ đi dưới góc độ quá trình ngữ pháp hoá trong tiếng Việt. *Số 2*. - tr.: 27 - 33.

124. *Vương Lộc*. Tưởng nhớ Giáo sư Hoàng Phê. *Số 4*. - tr.: 78 - 80.

125. *Vương Thị Thu Minh*. Khảo sát các phương thức tiếp nhận thuật ngữ y học tiếng Anh trong tiếng Việt. *Số 7*. - tr.: 27 - 40.

126. *Xuân Nguyễn*. Hai gương mặt "Đất nước" trong thơ. *Số 9*. - tr.: 56 - 59.

MỤC LỤC TẠP CHÍ "NGÔN NGỮ" NĂM 2004

1. *Bình Thành (sưu tầm)*. Chuyện vui ngôn ngữ. - Số 3. - tr.: 80.
2. *Bùi Khánh Thế*. Vấn đề chọn mô hình miêu tả ngữ pháp tiếng Việt hiện thời. - Số 9. - tr.: 13 - 18.
3. *Bùi Trọng Ngoãn*. Đặc điểm ngữ nghĩa của các động từ tình thái nhận thức - phản thực hữu và động từ tình thái nhận thức - không thực hữu. - Số 4. - tr.: 36 - 44.
4. *Cao Thị Thu*. Phân biệt cách dùng một số động từ tiếng Anh thường bị mắc lỗi ở người Việt. - Số 10. - tr.: 72 - 77.
5. *Cao Xuân Hạo*. "Song viết" (雙 写) là gì? vài luận cứ nhỏ cho một vấn đề vẫn tồn nghi. - Số 1. - tr.: 53 - 60
6. *Chu Thị Thuỷ An*. Về phương pháp hình thành các khái niệm từ vựng, ngữ pháp cho học sinh tiểu học. - Số 8. - tr.: 67 - 73.
7. *Diệp Quang Ban*. Góp một vài cách thức cụ thể vào việc giảng dạy "Tiếng Việt" phổ thông trung học (sách chỉnh lí hợp nhất dùng từ năm 2000). - Số 3. - tr.: 42 - 48.
8. *Dương Văn Khoa*. Nhân 195 năm sinh Cao Bá Quát (1809 - 2004), đọc "Hoành sơn vọng hải ca". - Số 6. - tr.: 34 - 37.
9. *Dương Thị Nụ*. Một số khác biệt cơ bản về nghĩa của từ thân tộc trong tiếng Anh và tiếng Việt nhìn từ góc độ văn hoá. - Số 10. - tr.: 34 - 40.
10. *Đào Nguyên Phúc*. Một số chiến lược lịch sự trong hội thoại Việt ngữ có sử dụng hành vi ngôn ngữ "xin phép". - Số 10. - tr.: 49 - 57.
11. *Đào Thanh Lan*. Cách tiếp cận câu tiếng Việt theo 3 bình diện kết học - nghĩa học - dụng học thống nhất trong chỉnh thể cấu trúc để phân tích thành phần câu. - Số 4. - tr.: 12 - 22.
12. *Đào Thanh Lan*. Ý nghĩa cấu khiến của các động từ "nên, cần, phải" trong câu tiếng Việt. - Số 11. - tr.: 23 - 29.
13. *Đào Tiến Thi*. Sự phức tạp của vấn đề viết hoa hiện nay. - Số 6. - tr.: 75 - 79.
14. *Đình Lư Giang*. Khảo sát hiện tượng verlan (từ đảo) trong tiếng Pháp. - Số 8. - tr.: 55 - 62.
15. *Đoàn Thị Kim Nhung*. Áp dụng phương pháp tích cực khi dạy học văn miêu tả trong sách "Ngữ văn 6". - Số 6. - tr.: 60 - 65.
16. *Đỗ Hoài Nam*. Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia 50 năm xây dựng và phát triển. - Số 1. - tr.: 1 - 9.
17. *Đỗ Việt Hùng*. Nét nghĩa và hoạt động của nét nghĩa trong kết hợp từ. - Số 2. - tr.: 21 - 29.
18. *Đức Nguyễn*. "Đặc điểm cấu tạo thuật ngữ thương mại Nhật - Việt", một cuốn sách có giá trị trong lĩnh vực nghiên cứu thuật ngữ ở Việt Nam. - Số 10. - tr.: 78 - 79.
19. *Đường Công Minh*. Ngôn ngữ học đối chiếu và nghiên cứu đối chiếu Pháp - Việt. - Số 8. - tr.: 47 - 54.
20. *Hiển Nhi*. "Một con người ra đời" của M.Gorki. - Số 3. - tr.: 64 - 69.

21. *Hiển Nhi*. "Vội vàng" (Xuân Diệu). - Số 12. - tr.: 62 - 69.
22. *Hoàng Cao Cương*. Về chữ quốc ngữ hiện nay (Tiếp theo và hết). - Số 1. - tr.: 29 - 35.
23. *Hoàng Dũng*. Về các thành tố phụ sau trung tâm trong danh ngữ tiếng Việt. - Số 4. - tr.: 24 - 34.
24. *Hoàng Ngọc Hùng*. Thuật ngữ "quản lý" và "quản lý hành chính" dưới góc độ từ nguyên. - Số 3. - tr.: 38 - 41.
25. *Hoàng Ngọc Hùng*. Góp phần quản lí chất lượng biên dịch tiếng Việt ở nước ngoài. - Số 12. - tr.: 56 - 57.
26. *Hoàng Văn Vân*. Vấn đề thiết kế bài thi học sinh giỏi tiếng Anh trung học phổ thông cấp quốc gia. - Số 3. - tr.: 52 - 63.
27. *Hoàng Văn Vân*. Phương pháp giảng dạy ngoại ngữ hợp lí và có hiệu quả ở Việt Nam đầu thế kỉ XXI. - Số 9. - tr.: 49 - 57.
28. *Hoàng Yến Phi*. Chế Lan Viên qua "Thơ di cảo" - xét trên một số yếu tố biểu hiện giọng điệu. - Số 6. - tr.: 51 - 55.
29. *Hồ Văn Hải*. Tiếp cận bài thơ "Tre Việt Nam" từ góc độ ngôn ngữ học. - Số 9. - tr.: 31 - 34.
30. *Hồ Xuân Tuyền*. Dị bản của một số bài ca dao - cái nhìn từ mô hình quan hệ liên tưởng trong ngôn ngữ. - Số 9. - tr.: 35 - 41.
31. *Huỳnh Mộng Xuyên*. Về đẹp của bút pháp và ngôn ngữ trong tùy bút "Một thứ quà của lúa non: Cốm" (Thạch Lam). - Số 3. - tr.: 49 - 51.
32. *Hữu Đạt*. Về việc chuẩn hoá từ vựng trong các văn bản luật thời kì đổi mới. - Số 11. - tr.: 50 - 59.
33. *Kim Phượng*. Về khả năng của "sẽ" trong vai trò đánh dấu thời tương lai tiếng Việt. - Số 8. - tr.: 39 - 46.
34. *Kỳ Quảng Mưu*. Một số đặc điểm về ngữ nghĩa của từ Hán - Việt. - Số 12. - tr.: 33 - 40.
35. *Lại Cao Nguyên*. Tính chất ba vùng của đại từ tiếng Việt. - Số 1. - tr.: 10 - 18.
36. *Lê Đức Luận*. Phương thức nối kết trong ca dao. - Số 5. - tr.: 41 - 45.
37. *Lê Thị Anh Thư*. Nghĩa của mối quan hệ cú pháp giữa hai phần Đề và Thuyết trong các đơn vị tục ngữ. - Số 7. - tr.: 30 - 34.
38. *Lê Thị Minh Hằng*. Một đề nghị phân loại câu điều kiện tiếng Việt. - Số 2. - tr.: 41 - 52.
39. *Lê Trung Hoa*. Nguồn gốc và ý nghĩa một số địa danh ở miền Đông Nam Bộ. - Số 9. - tr.: 71 - 74.
40. *Lê Trung Hoa*. Những nét đặc thù của địa danh hành chính Nam Bộ. - Số 12. - tr.: 70 - 73.
41. *Lê Xuân Mậu*. Đa nghĩa - vẫn là chuyện chữ nghĩa. - Số 6. - tr.: 26 - 29.
42. *Lê Xuân Mậu, Nguyễn Ngọc Quận*. Từ sự phân tích một bài thơ. - Số 9. - tr.: 75 - 79.
43. *Mai Ngọc Chừ*. Một số vấn đề về chính sách ngôn ngữ ở Malaysia. - Số 7. - tr.: 48 - 59.
44. *Mai Thị Kiều Phượng*. Từ xưng hô và cách xưng hô trong câu hỏi mua bán bằng tiếng Việt. - Số 6. - tr.: 15 - 25.
45. *Mai Xuân Huy*. Về hiện tượng xưng hô trong giao tiếp quảng cáo (Trên cứ liệu tiếng Việt). - Số 8. - tr.: 19 - 29.

46. Ngô Minh Thủy. Một số vấn đề về thành ngữ và thành ngữ học tiếng Nhật. - Số 4. - tr.: 54 - 62.
47. Ngô Văn Cảnh. Khoảng lặng trữ tình trong lời hát Giặm Nghệ Tĩnh. - Số 12. - tr.: 27 - 30.
48. Nguyễn Đức Dân. Ý tại ngôn ngoại, Những thông tin chìm trong ngôn ngữ báo chí. - Số 2. - tr.: 1 - 10.
49. Nguyễn Đức Dân. Vận dụng tục ngữ, thành ngữ và danh ngôn trên báo chí. - Số 10. - tr.: 1 - 7.
50. Nguyễn Hoà. Lí luận phân tích diễn ngôn và ứng dụng trong dạy viết tiểu luận tiếng Anh cho người Việt - Một trường hợp cụ thể. - Số 3. - tr.: 1 - 13.
51. Nguyễn Hồng Cẩn, Bùi Thị Diên. Dạng bị động và vấn đề câu bị động trong tiếng Việt. - Số 7. - tr.: 1 - 12.
52. Nguyễn Hồng Cẩn, Bùi Thị Diên. Dạng bị động và vấn đề câu bị động trong tiếng Việt (Tiếp theo và hết). - Số 8. - tr.: 8 - 18.
53. Nguyễn Hồng Cẩn. Cơ sở ngôn ngữ học của nghiên cứu dịch thuật và bộ môn dịch thuật học. - Số 11. - tr.: 30 - 39.
54. Nguyễn Hữu Hoàn. Về mối quan hệ ngôn ngữ giữa các nhóm địa phương thuộc dân tộc Giẻ - Triêng. - Số 7. - tr.: 60 - 68.
55. Nguyễn Hữu Thọ. Lại nói về "Lờ" và "Ờ". - Số 9. - tr.: 42 - 45.
56. Nguyễn Khánh Nông. Nhân bản về từ loại và chức năng của một từ tiến tới một quy tắc ngữ pháp. - Số 5. - tr.: 69 - 74.
57. Nguyễn Khắc Bảo. Nguyễn Du hiểu về từ "Quan họ". - Số 5. - tr.: 56 - 58.
58. Nguyễn Mai Linh Đan. Chuyện vui ngôn ngữ. - Số 12. - tr.: 74.
59. Nguyễn Phú Phong. Đi tìm "(cái) tôi". - Số 8. - tr.: 1 - 7.
60. Nguyễn Phương Chi. Một số chiến lược từ chối thường dùng trong tiếng Việt. - Số 3. - tr.: 22 - 29.
61. Nguyễn Quang Hồng. Hệ thống vẫn cái trong giọng nói vùng Trà Kiệu. - Số 5. - tr.: 1 - 9.
62. Nguyễn Quảng Tuân. Không có từ "song viết" trong "Phật thuyết đại báo phụ mẫu ân trọng kinh". - Số 8. - tr.: 74 - 77.
63. Nguyễn Tất Thắng. Sự đa dạng về ngữ nghĩa và cấu trúc ngữ pháp của từ "có". - Số 7. - tr.: 13 - 19.
64. Nguyễn Thanh Du. Vấn đề phân tích ca dao - dân ca. - Số 3. - tr.: 32 - 37.
65. Nguyễn Thanh Tú. So sánh đặc sắc trong "Người lái đò sông Đà" của Nguyễn Tuân. - Số 6. - tr.: 30 - 33.
66. Nguyễn Thế Lịch. Nhịp thơ. - Số 1. - tr.: 61 - 69.
67. Nguyễn Thế Lịch. Nội dung và trật tự dạy văn trong "Tiếng Việt lớp 1". - Số 6. - tr.: 42 - 50.
68. Nguyễn Thế Lịch. Nội dung và trật tự dạy văn trong "Tiếng Việt lớp 1" (Tiếp theo và hết). - Số 7. - tr.: 69 - 77.
69. Nguyễn Thế Truyền. Tìm hiểu tính chính xác của ngôn ngữ luật pháp tiếng Việt. - Số 1. - tr.: 36 - 43.
70. Nguyễn Thế Truyền. Vài điều lí thú về phép so sánh. - Số 9. - tr.: 26 - 30.

71. Nguyễn Thị Kim Nhung. "Buổi học cuối cùng" (Chuyện của một em bé người An-dát). - Số 9. - tr.: 64 - 70.
72. Nguyễn Thị Kim Thanh. Vài nét về đặc điểm định danh của thuật ngữ tin học - viễn thông tiếng Việt. - Số 12. - tr.: 16 - 26.
73. Nguyễn Thị Ngân Hà. Các yếu tố ngôn điệu và phát triển kĩ năng nghe - nói tiếng Pháp. - Số 10. - tr.: 67 - 71.
74. Nguyễn Thị Phương Thủy. Vấn, thanh điệu, nhịp điệu trong câu thơ mới bảy chữ (Trên tư liệu các tập thơ của Xuân Diệu, Tố Hữu). - Số 11. - tr.: 68 - 79.
75. Nguyễn Thị Tân. Các dạng thức tồn tại của thành ngữ gốc Hán trong tiếng Việt. - Số 10. - tr.: 24 - 33.
76. Nguyễn Thiện Giáp. "Ngôn ngữ học qua các nền văn hoá". - Số 1. - tr.: 79 - 80.
77. Nguyễn Thiện Giáp. Sách mới: "Lược sử ngôn ngữ học" của R.H.Robins (Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2004). - Số 7. - tr.: 78 - 80.
78. Nguyễn Thuý Khanh. Sự thâm nhập của từ địa phương vào ngôn ngữ toàn dân (dưới cách nhìn của từ điển học). - Số 7. - tr.: 39 - 47.
79. Nguyễn Tuấn Đăng. Sự chông chéo giữa các phạm trù "thì, thức, thể" và sự biểu hiện của chúng trong tiếng Việt. - Số 3. - tr.: 14 - 21.
80. Nguyễn Văn Độ. Hành động thỉnh cầu trong tiếng Anh và tiếng Việt (dưới ánh sáng đối liên văn hoá). - Số 2. - tr.: 30 - 40.
81. Nguyễn Văn Hiệp. Về một khía cạnh phát triển của tiếng Việt (thể hiện qua hiện tượng ngữ pháp hoá hình thành một số tiểu từ tình thái cuối câu). - Số 11. - tr.: 40 - 49.
82. Nguyễn Văn Hiệu. Mối quan hệ giữa thành tố trung tâm với các bổ tố trong ngữ vị từ chuyển động có mục tiêu trong tiếng Mông Lênh. - Số 4. - tr.: 63 - 68.
83. Nguyễn Văn Hiệu. Xem xét thành phần trạng tố chỉ mục đích trong ngữ vị từ hành động tiếng Mông Lênh. - Số 11. - tr.: 60 - 67.
84. Nguyễn Văn Khang. Vốn từ tiếng Việt với những hiểu biết và khám phá của Giáo sư Hoàng Văn Hành. - Số 6. - tr.: 1 - 7.
85. Nguyễn Văn Phổ. Một vài quan sát về giới từ trong quan hệ chủ cách - tặng cách (đích) tiếng Việt. - Số 5. - tr.: 15 - 24.
86. Nguyễn Văn Thạch. Tiếp xúc học và từ điển học. - Số 4. - tr.: 1 - 10.
87. Nguyễn Xuân Hoà. Tiếp cận nguồn gốc và cách sử dụng nhóm thành ngữ phản ánh nền văn hoá dân tộc, lịch sử và phong tục tập quán dân tộc (trên ngữ liệu thành ngữ Nga và thành ngữ Việt). - Số 3. - tr.: 70 - 74.
88. Nguyễn Xuân Lạc. Một số vấn đề cần lưu ý khi dạy phần truyện, kí ở lớp 8. - Số 6. - tr.: 56 - 59.
89. Nguyễn Xuân Lạc. Sức xuân trong thơ Bác. - Số 9. - tr.: 46 - 48.
90. Nguyễn Xuân Lạc. Dạy thơ ở lớp 8 như thế nào?. - Số 12. - tr.: 58 - 61.
91. Nhuệ Giang (sưu tầm và dịch). Chuyện vui ngôn ngữ. - Số 6. - tr.: 80.
92. Nhữ Thị Sâm Nhung. Câu hỏi để phát hiện dụng ý tạo nghĩa theo hướng bình giá trong cấu trúc định danh mở rộng. - Số 7. - tr.: 35 - 38.
93. Phạm Danh Môn. Quy tắc chính tả mới của tiếng Đức. - Số 5. - tr.: 59 - 68.
94. Phạm Đình Ân. Nhân đọc bốn bài thơ liên hoàn thể bốn câu của Thế Lữ, tìm hiểu ngôn ngữ thơ của tác giả mở đầu phong trào Thơ Mới. - Số 3. - tr.: 30 - 31.

95. *Phạm Đức Sử*. Dạy / học môn đọc hiểu văn bản tiếng Pháp tại các trường phổ thông trung học Việt Nam. - Số 8. - tr.: 63 - 66.
96. *Phạm Hiến*. Viết hoa hiệu danh: thực trạng và giải pháp. - Số 1. - tr.: 44 - 52.
97. *Phạm Hùng Linh*. Phương tiện điều chỉnh sự chú ý của người nghe trong hội thoại Việt ngữ. - Số 10. - tr.: 58 - 66.
98. *Phạm Ngọc Hàm*. Một số cách kết hợp của đại từ nhân xưng tạo tổ hợp xưng hô trong tiếng Hán. - Số 12. - tr.: 9 - 15.
99. *Phạm Quang Ái*. Về một chữ trong bài thơ "Bài thơ về tiểu đội xe không kính." - Số 6. - tr.: 38 - 41.
100. *Phạm Tất Thắng*. Nên viết địa danh "Thành phố Hồ Chí Minh" như thế nào. - Số 3. - tr.: 77 - 79.
101. *Phạm Tất Thắng*. Đọc sách: "Thực trạng giáo dục ngôn ngữ ở vùng dân tộc miền núi ba tỉnh phía Bắc Việt Nam - Những kiến nghị và giải pháp". - Số 8. - tr.: 78 - 80.
102. *Phạm Thị Kim Anh*. Một số ý kiến về những ưu thế và hạn chế của tín hiệu văn chương. - Số 12. - tr.: 1 - 8.
103. *Phạm Thị Luyến*. Về việc giảng dạy từ ngữ trong giờ giảng văn ở bậc THPT theo phương pháp mới. - Số 9. - tr.: 58 - 63.
104. *Phạm Văn Cường*. Hình tượng mặt trời trong bài thơ "Lên núi". - Số 12. - tr.: 31 - 32.
105. *Phan Thị Hải Yến*. Từ chỉ thời gian trong phương ngữ Nghệ Tĩnh. - Số 5. - tr.: 25 - 29.
106. *Phan Thị Thạch*. Bàn thêm về cơ sở dùng dấu câu trong tiếng Việt. - Số 6. - tr.: 8 - 14.
107. *Tạp chí Ngôn ngữ*. Mục lục Tạp chí "Ngôn ngữ" năm 2004. - Số 12. - tr.: 75 - 80.
108. *Thục Phương (sưu tầm và biên soạn)*. Câu đối ngày xuân. - Số 2. - tr.: 77 - 80.
109. *Tôn Nữ Mĩ Nhật*. Những đặc trưng của đề ngữ trong ngôn ngữ quảng cáo du lịch tiếng Anh. - Số 4. - tr.: 46 - 53.
110. *Tôn Thiện Quỳnh Trâm*. Một số nhận xét về việc dịch thành ngữ trong phim truyện truyền hình tiếng Anh. - Số 5. - tr.: 46 - 51.
111. *Trần Đại Nghĩa*. Ngữ pháp đại từ "nó" trong bài thơ "Năm mới chúc nhau" của Trần Tế Xương. - Số 3. - tr.: 75 - 76.
112. *Trần Đan Phượng*. Tôi yêu em (Puskin). - Số 6. - tr.: 66 - 70.
113. *Trần Hữu Mạnh*. Cấu trúc thông tin ở cấp độ câu. - Số 10. - tr.: 8 - 23.
114. *Trần Kim Bảo*. Các phạm trù "tự nghĩa" và "khiếm nghĩa" trong văn bản và ngôn bản. - Số 10. - tr.: 41 - 48.
115. *Trần Kim Phượng*. Những nhân tố ảnh hưởng tới ý nghĩa thể của phó từ "đã" trong tiếng Việt. - Số 5. - tr.: 30 - 34.
116. *Trần Thị Ánh Thu*. Vài ghi nhận về công trình "Tiếng Việt và nhà văn hoá lớn Hồ Chí Minh" (Nguyễn Lai, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, 2003). - Số 5. - tr.: 75 - 78.
117. *Trần Thị Chung Toàn*. Cách và việc nghiên cứu vai trò ngữ nghĩa của cách trong tiếng Nhật. - Số 1. - tr.: 19 - 28.
118. *Trần Thị Giang*. Kết cấu ngữ nghĩa của một số lập luận phức hợp. - Số 9. - tr.: 19 - 25.
119. *Trần Thị Mai Đào*. Xây dựng bảng từ thử cho trắc nghiệm các dạng lỗi phát âm phụ âm tiếng Anh cho học sinh Việt Nam. - Số 1. - tr.: 70 - 78.

120. *Trần Thị Ngân Giang*. Nghĩa của từ "nhịn" trong tiếng Việt và chữ "nhịn" trong văn hoá ứng xử người Việt. - Số 6. - tr.: 71 - 74.
121. *Trần Thị Tuyên*. Phân biệt "Bách khoa thư" và "Từ điển bách khoa" với các loại từ điển khác. - Số 5. - tr.: 52 - 55.
122. *Trần Thị Vân Anh*. "Mạch lạc" theo quan hệ thời gian - một biểu hiện của thiên tài Nguyễn Du trong nghệ thuật bố cục "Truyện Kiều". - Số 5. - tr.: 35 - 40.
123. *Trần Trí Dồi*. Về việc phân định các giai đoạn lịch sử trong quá trình phát triển của tiếng Việt. - Số 11. - tr.: 1 - 10.
124. *Trần Xuân Tuyết*. Cần dùng đúng tiếng Việt khi tường thuật bóng đá. - Số 10. - tr.: 80.
125. *Viện NNH và TCNN*. Chúc mừng sinh nhật lần thứ 70 của Nhà giáo ưu tú Giáo sư tiến sĩ Hoàng Thị Châu. - Số 4. - tr.: 11.
126. *Viện NNH và TCNN*. Chúc mừng sinh nhật lần thứ 70 của Nhà giáo Nguyễn Xuân Lương. - Số 4. - tr.: 23.
127. *Viện NNH và TCNN*. Chúc mừng sinh nhật lần thứ 70 của Nhà giáo ưu tú Giáo sư tiến sĩ Hoàng Trọng Phiến. - Số 4. - tr.: 35.
128. *Viện NNH và TCNN*. Chúc mừng sinh nhật lần thứ 70 của Nhà giáo ưu tú Giáo sư tiến sĩ Đoàn Thiện Thuật. - Số 4. - tr.: 45.
129. *Viện NNH và TCNN*. Tin buồn. - Số 9. - tr.: 80.
130. *Viện NNH và TCNN*. Tin buồn. - Số 11. - tr.: 80.
131. *Võ Đại Quang*. Lí thuyết thanh biến thể phạm trù (X-bar theory): Một công cụ hữu hiệu trong phân tích cú pháp. - Số 2. - tr.: 53 - 62.
132. *Võ Đại Quang*. Lịch sự: Chiến lược giao tiếp hướng cá nhân hay chuẩn mực xã hội?. - Số 8. - tr.: 30 - 38.
133. *Võ Văn Chương*. Liên kết hồi quy trong ngôn ngữ học văn bản "vài kiến nghị về cách xác định và phân loại". - Số 7. - tr.: 20 - 29.
134. *Vũ Đức Nghiệu*. Một số hệ quả của xu thế đơn tiết hoá và đa tiết hoá trong quá trình phát triển của tiếng Việt. - Số 2. - tr.: 11 - 20.
135. *Vũ Đức Nghiệu*. Một số điểm cần được nhìn nhận lại trong cấu tạo từ tiếng Việt. - Số 11. - tr.: 11 - 22.
136. *Vũ Lộc*. Một cách xử lí vấn đề thể của động từ tiếng Nga trong từ điển Nga - Việt. - Số 5. - tr.: 10 - 14.
137. *Vũ Thị Sao Chi*. Về một hiện tượng biến thanh trong tiếng Việt. - Số 2. - tr.: 63 - 67.
138. *Vũ Thị Sao Chi*. Một số kiểu tổ chức nhịp điệu trong văn chính luận của Chủ tịch Hồ Chí Minh. - Số 9. - tr.: 1 - 12.
139. *Vũ Thị Thanh Hương*. Sử dụng phương pháp vấn đáp và câu hỏi nhận thức trên lớp học ở trường trung học cơ sở hiện nay. - Số 4. - tr.: 69 - 80.
140. *Vũ Văn Thi*. Một số vấn đề dạy ngữ âm và chữ viết tiếng Việt cho người nước ngoài. - Số 12. - tr.: 41 - 48.
141. *Vương Toàn*. Đối chiếu để dạy và học ngôn ngữ: tương đồng và khác biệt giữa tiếng Việt và tiếng Pháp. - Số 2. - tr.: 68 - 76.

MỤC LỤC TẬP CHÍ "NGÔN NGỮ" NĂM 2003

TT	TÁC GIẢ	TÊN BÀI	SỐ, TRANG
1	BÙI KHÁNH THẾ	Giáo sư Hoàng Tuệ và vấn đề tiếng Việt như ngôn ngữ thứ hai.....	6, 1-5
2	BÙI KHÁNH THẾ	Đi tìm một mô hình thoả đáng để dạy - học tiếng Việt như ngôn ngữ thứ hai.....	12, 43-48
3	BÙI MẠNH HÙNG	Bàn về vấn đề phân loại câu theo mục đích phát ngôn.....	2, 47-57
4	DIỆP QUANG BAN	Phân biệt ba bình diện văn bản, giao tiếp, biểu hiện trong ngữ pháp câu.....	7, 11-16
5	DƯƠNG VĂN KHOA	Bài thơ <i>Nguyên tiêu</i> của Chủ tịch Hồ Chí Minh...	6, 30-32
6	DƯƠNG VĂN KHOA	Về bài thơ <i>Xuân sớm</i> của Mạnh Hạo Nhiên.....	12, 39-40
7	ĐÀO THẢN	Ngôn ngữ giao tiếp trên lớp học của giáo viên và học sinh tiểu học hiện nay.....	5, 57-68
8	ĐÀO THẢN	Trích dẫn... theo trí nhớ.....	12, 73-74
9	ĐÀO TIẾN THI	Trao đổi về cách bắt lỗi sách giáo khoa.....	6, 70-76
10	ĐÀO NGUYỄN PHÚC	Biểu thức rào đón trong hành vi ngôn ngữ <i>xin phép</i> tiếng Việt trên cơ sở lí thuyết về phương châm hội thoại của P.Grice.....	6, 24-29
11	ĐINH VĂN ĐỨC	Một vài nhận diện lí luận cho việc biên soạn một cuốn sách "Ngữ pháp tiếng Việt" (phổ thông) hiện nay.....	5, 1-7
12	ĐOÀN THỊ KIM NHUNG	Phát huy tính chủ động sáng tạo của sinh viên trong giảng dạy môn: "Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt ở trường cao đẳng sư phạm.	6, 51-55
13	ĐOÀN THỊ KIM NHUNG	Phát huy tính chủ động, sáng tạo của học sinh khi dạy văn <i>Nghị luận</i> trong sách Tập làm văn 8, 9	12, 58-63
14	ĐOÀN VĂN PHÚC	Chuẩn hoá chính tả ở In-đô-nê-xi-a, <i>Thành tựu và bài học kinh nghiệm</i>	11, 66-74
15	ĐỖ HỒNG HẠNH	Bình giảng một khổ thơ trong bài thơ <i>Thăm mã cũ bên đường</i> của Tấn Đà.....	6, 77-79
16	ĐỖ LAI THUY	Nguyễn Đình Thi-Một cánh én bay qua mùa xuân	9, 52-59
17	ĐƯỜNG CÔNG MINH	Phân tích <i>ngữ trung gian</i> với giảng dạy tiếng Pháp ở các trường đại học ngoại ngữ.....	2, 75-80

18	ĐƯỜNG CÔNG MINH	Cấu trúc có thành phần hỏi chỉ với ý nghĩa đại từ quan hệ trong tiếng Việt.....	4, 24-30
19	HÀ QUANG NĂNG	<i>Lịch sử từ vựng tiếng Việt thời kì 1858 - 1945</i> (Lê Quang Thiêm, Nhà xuất bản khoa học xã hội, H., 2003).....	5, 78-80
20	HOÀNG ANH	Chơi chữ trên báo chí.....	6, 18-23
21	HOÀNG CAO CƯỜNG	Vài suy nghĩ bước đầu về việc chuẩn bị hành trang ngôn ngữ cho trẻ em vào lớp Một chương trình mới.....	6, 42-50
22	HOÀNG CAO CƯỜNG	Về chữ quốc ngữ hiện nay.....	12, 1-8
23	HOÀNG DŨNG - BÙI MẠNH HÙNG	Vấn đề phạm trù "thì" trong tiếng Việt (qua một cuộc đối thoại).....	7, 27-36
24	HOÀNG KIM NGỌC	Ẩn dụ hoá - một trong những cơ chế cấu tạo các đơn vị định danh bậc hai.....	9, 22- 26
25	HOÀNG MAI DIỄN	Bước đầu tìm hiểu nghệ thuật lập luận của Hồ Chí Minh trong <i>Tuyên ngôn độc lập</i>	9, 38-43
26	HOÀNG TẮT THẮNG	Địa danh ở Đà Nẵng từ cách tiếp cận ngôn ngữ học.....	2, 58-64
27	HOÀNG VĂN HÀNH	Thành ngữ ẩn dụ hoá phi đối xứng trong tiếng Việt.....	6, 6-17
28	HỒ LÊ	Ngữ pháp và ngữ nghĩa của loại từ.....	11, 14-21
29	HỒ XUÂN TUYẾN	Xác định yêu cầu luyện đọc đúng cho đối tượng học sinh Bạc Liêu trong môn tập đọc ở tiểu học	9, 48-51
30	KAREN'S LINGUISTICS ISSUES	Những dạng lược bỏ âm tiết trong tiếng Anh giao tiếp hàng ngày (Người dịch: Cao Thị Thu)	11, 75-80
31	KỶ QUẢNG MỤU	Tâm lí văn hoá của người Việt phản ánh trong sự chuyển nghĩa từ.....	6, 61-69
32	LÃ DUY LAN	Quan ôn quan dịch.....	9, 73-77
33	LÊ ĐÌNH TƯ	Tìm một giải thuyết mô tả ngữ âm tiếng Việt cho sinh viên ngành ngoại ngữ.....	4, 14-23
34	LÊ ĐÔNG - NGUYỄN VĂN HIỆP	Khái niệm tình thái trong ngôn ngữ học.....	7, 17-26
35	LÊ ĐÔNG - NGUYỄN VĂN HIỆP	Khái niệm tình thái trong ngôn ngữ học.....	8, 56-65
36	LÊ ĐỨC LUẬN	Phát ngôn giản lược trong ca dao dân ca.....	7, 65-70
37	LÊ KHÁNH HÙNG - TRẦN CẢNH - LÊ HỒNG MINH	Đặt dấu vào đâu?.....	9, 78-79
38	LÊ QUỐC HẠNH	Vài suy nghĩ về mối liên hệ giữa văn hoá và ngôn ngữ thông qua một khảo sát nhỏ về việc nhận diện địa danh "Lường" trong bài dân ca Nghệ An <i>Giận mà thương</i>	4, 62-70

39	LÊ THỊ LỆ THANH	Hôm - định vị thời gian hiện tại, quá khứ, hay tương lai?.....	5, 8-19
40	LÊ XUÂN MẬU	Chàng rể hiếu thuận.....	3, 78-79
41	LÊ XUÂN MẬU	Từ so sánh đến... so sánh.....	12, 9-15
42	LÊ XUÂN THẠI	Nhân mùa cưới nói chuyện lai lịch chữ <i>Song hỉ</i> .	12, 41-42
43	LÝ TOÀN THẮNG	Viện Ngôn ngữ học: <i>35 năm xây dựng và trưởng thành</i>	11, 1-7
44	MAI ANH	Cẩn thận trọng hơn trong việc viết tên các địa danh của nước ta.....	10, 78-80
45	MAI NGỌC CHƯ	Từ <i>đâu</i> và những cấu trúc chứa <i>đâu</i>	3, 60-62
46	MAI XUÂN HUY	Về khái niệm tắt tở và các kiểu định danh tắt trong tiếng Việt.....	10, 11-17
47	MAI VĂN MÔ	Một vài nhận xét về năng lực sử dụng tiếng Việt của đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên và những ảnh hưởng của nó đối với sự phát triển	12, 53-57
48	NGŨ THIỆN HÙNG	Bàn về điều kiện sử dụng của một số quán ngữ tình thái nhận thức dưới góc độ lí thuyết quan yếu (trên cứ liệu tiếng Anh và tiếng Việt)	9, 1-13
49	NGUYỄN ĐÌNH LUẬN	Ngôn ngữ học và phương pháp dạy ngoại ngữ	4, 51-57
50	NGUYỄN ĐỨC DÂN	Những nghịch lí ngữ nghĩa.....	4, 1-13
51	NGUYỄN ĐỨC TÔN	Tạp chí Ngôn ngữ với công cuộc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt	7, 1-10
52	NGUYỄN ĐỨC TÔN	Cần phân biệt hai bình diện nhận thức và bản thể trong nghiên cứu ngôn ngữ học.....	11, 8-13
53	NGUYỄN HOÀNG ANH	(zhè/nà) trong danh ngữ tiếng Hán - đối chiếu với tiếng Việt.....	7, 55-64
54	NGUYỄN HỒNG CỐN	Về vấn đề phân định từ loại trong tiếng Việt...	2, 36-46
55	NGUYỄN HỮU CHINH	Văn hoá với dạy - học ngoại ngữ.....	3, 73-77
56	NGUYỄN HỮU CHÍNH	Về việc chọn nội dung cho thuật ngữ <i>Đoạn văn</i> trong sách tiếng Việt ở trường phổ thông.	8, 66-71
57	NGUYỄN HỮU HOÀNH	Tình hình giao tiếp ngôn ngữ của các dân tộc thiểu số trên địa bàn xã Noong Lay huyện Thuận Châu tỉnh Sơn La.....	2, 65-74
58	NGUYỄN HỮU THỌ	Một số suy nghĩ về việc viết danh từ riêng Việt Nam trong các văn bản tiếng Pháp.....	8, 72-78
59	NGUYỄN KHẮC BẢO	Tìm lại nghĩa của từ <i>trần trọng</i> trong <i>Truyện Kiều</i>	6, 36-37
60	NGUYỄN KHẮC HUẤN	Bàn thêm về khái niệm tiếng có nghĩa - tiếng vô nghĩa trong tiếng Việt.....	7, 43-54
61	NGUYỄN KIẾN TRƯỜNG	Mấy ý kiến về phân từ loại và câu trong một công trình cú pháp tiếng Việt.....	10, 68-75

62	NGUYỄN LAI - NHỮ THỊ SÂM NHUNG	Ngôn ngữ và những mạch ngầm văn hoá trong tác phẩm nghệ thuật ngôn từ.....	10, 6-10
63	NGUYỄN NGỌC TRÂM	Về cấu trúc vĩ mô của từ điển tiếng Việt cỡ lớn..	8, 1-17
64	NGUYỄN PHÚ PHONG	Đại từ chỉ ngôi trong tiếng Việt và tiếng Mường	10, 1-5
65	NGUYỄN PHƯƠNG CHI	Một số cơ sở của các chiến lược từ chối.....	8, 18-28
66	NGUYỄN QUANG HỒNG - NGUYỄN PHƯƠNG TRANG	Tổng quan về hệ thống vần cái tiếng Việt hiện đại.....	2, 1-15
67	NGUYỄN TÀI CẢN	Lại bàn thêm về hai chữ: <i>Song viết</i>	1, 1-12
68	NGUYỄN THẾ LỊCH	Nhìn lại một bước ngoặt trong lịch sử dạy đọc chữ quốc ngữ.....	4, 71-80
69	NGUYỄN THẾ LỊCH	Các nguyên tắc triển khai việc dạy chữ và âm trong tiếng Việt lớp 1.....	10, 62-67
70	NGUYỄN THỊ BÍCH NGA	Thiên nhiên trong thơ lục bát Nguyễn Duy.....	12, 49-52
71	NGUYỄN THỊ DỰ	Thử tìm hiểu tính từ chỉ kích thước trong việc mô tả con người (trên ngữ liệu Anh - Việt).....	9, 14-21
72	NGUYỄN THỊ HỒNG NGỌC	Một số hình thức hỏi biểu thị cảm thán trong tiếng Việt.....	10, 37-43
73	NGUYỄN THỊ HỒNG THU	Về những dạng thức của thành ngữ gốc Hán trong tiếng Việt và tiếng Nhật.....	8, 29-37
74	NGUYỄN THỊ KIM LOAN	Hình thức chính tả sau dấu hai chấm trong văn bản tiếng Việt hiện nay.....	12, 26-31
75	NGUYỄN THỊ KIM NHUNG	<i>Cổng trường mở ra</i> (Bài 1, Ngữ văn 7).....	9, 69-72
76	NGUYỄN THỊ LƯƠNG	Các hình thức chào trực tiếp của người Việt..	3, 16-28
77	NGUYỄN THỊ NGÂN HOA	Sự thay đổi chuẩn so sánh và giá trị biểu hiện của cấu trúc so sánh tu từ trong thơ <i>Xuân Diệu</i>	3, 38-43
78	NGUYỄN THỊ NHUNG	Đôi điều trao đổi với các tác giả Ngữ văn 6, Tập 1.....	3, 63-67
79	NGUYỄN THỊ TÂN	Nhận diện thành ngữ gốc Hán trong tiếng Việt..	12, 16-25
80	NGUYỄN THỊ THANH BÌNH	Một số khuynh hướng nghiên cứu về mối liên hệ giữa <i>giới</i> và sự phát triển ngôn ngữ ở trẻ em.	1, 26-38
81	NGUYỄN THỊ THANH BÌNH	Vai trò tích cực của con người trong ứng xử ngôn từ ở một cộng đồng đa dân tộc, đa ngôn ngữ	11, 34-40
82	NGUYỄN THỊ THANH NGA	Đặc điểm của từ vựng khẩu ngữ và cách xử lý chúng trong <i>Từ điển tiếng Việt cỡ lớn</i>	11, 48-56

83	NGUYỄN THỊ QUỲNH HOA	Bàn về câu đảo ngữ tiếng Anh có mô hình "Space adjunct + verb + subject", đối chiếu với tiếng Việt.....	10, 27-36
84	NGUYỄN THỊ THÌN	Về mạch lạc của văn bản viết (ứng dụng vào phân tích truyện ngắn <i>Đám ma kì lạ nhất mà tôi chứng kiến</i> của Ezra M.Cox).....	3, 44-57
85	NGUYỄN THỊ THÌN-HÀ QUANG NĂNG	Nên chăng cải tiến việc dạy bài <i>Thơ lục bát và Thơ thất ngôn bát cú Đường luật</i> ở lớp 11 THPT	9, 63-68
86	NGUYỄN TUẤN CƯỜNG	Về chữ Thìn 辰 trong bản <i>Kiều Nôm Liễu Văn đường</i> 1871.....	9, 44-47
87	NGUYỄN VĂN HIỆP	Cấu trúc câu tiếng Việt nhìn từ góc độ ngữ nghĩa	2, 26-35
88	NGUYỄN VĂN KHANG	Ngôn ngữ tự nhiên và vấn đề chuyển mã trong giao tiếp hội thoại (trên cơ sở tư liệu trạng thái đa ngữ xã hội ở Việt Nam).....	1, 13-25
89	NGUYỄN VĂN KHANG	Vị thế của tiếng Việt đối với ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam: Từ chủ trương, chính sách đến thực tế.....	11, 22-33
90	NGUYỄN VĂN LỘC	Thử nêu một định nghĩa về chủ ngữ trong tiếng Việt.....	3, 1-15
91	NGUYỄN XUÂN LẠC	Thánh Gióng.....	3, 68-72
92	NGUYỄN XUÂN LẠC	Vận dụng thi pháp thơ Đường để dạy bài thơ <i>Xa ngắm thác núi Lư</i>	12, 64-67
93	PARK, JI HOON	Những đặc điểm của âm Hán Việt qua so sánh với âm Hán Hàn.....	10, 44-52
94	PHẠM TẮT THẮNG	Một cách phân loại tên riêng trong tiếng Việt.	5, 31-37
95	PHẠM TẮT THẮNG	Các kiểu cấu trúc tên chính của người Việt.....	11, 41-47
96	PHẠM THỊ LUYẾN	Kim Trọng trở lại vườn Thúy (Trích <i>Truyện Kiều</i> của Nguyễn Du).....	6, 56-60
97	PHẠM VĂN TÌNH	Tính lược đồng sở chỉ trong hội thoại.....	10, 18-26
98	PHAN HUY DŨNG	"Mộng" của Huy Cận trong tập <i>Lửa thiêng</i>	6, 38-41
99	PHAN THIẾU - TÔN QUANG CƯỜNG	Phương diện tâm lí học của giáo pháp học dạy tiếng.....	1, 73-80
100	TẠ VĂN THÔNG	Tình hình sử dụng ngôn ngữ trong trường tiểu học Chiềng Xôm.....	5, 38-49
101	TẠP CHÍ NGÔN NGỮ	Mục lục Tạp chí "Ngôn ngữ" năm 2003.....	12, 75-80
102	TÔN NỮ MỸ NHẬT	Cấu trúc đề - thuyết với thực tiễn phân tích diễn ngôn.....	8, 38-45
103	TỪ THU MAI	Sự phản ánh các phương diện văn hoá trong địa danh Quảng Trị.....	12, 68-72

104	THANH THẢO NGUYỄN MẬU TÚ	Mạch lạc của phóng sự nghệ thuật <i>Cạm bẫy người</i>	5, 20-30
105	TRẦN ĐẠI NGHĨA	Đại từ ngôi ba "họ" trong một bài thơ của Trần Tế Xương	3, 58-59
106	TRẦN ĐẠI NGHĨA	Bản chất ngữ pháp của <i>Hiên ngang Cu Ba</i>	10, 76-77
107	TRẦN HOÀNG	Một số suy nghĩ xung quanh việc dạy học "phân loại câu tiếng Việt theo cấu tạo ngữ pháp".....	5, 69-77
108	TRẦN QUANG BÌNH	Dạy viết trong quy trình đào tạo ngoại ngữ..	4, 58-61
109	TRẦN THỊ CHUNG TOÀN	Hình vị trong tiếng Nhật.....	1, 56-72
110	TRẦN THỊ NHÀN	Khái niệm ngữ pháp hoá và lí thuyết về ngữ pháp hoá.....	8, 46-55
111	TRẦN THỊ NHÀN	Khái niệm ngữ pháp hoá và lí thuyết về ngữ pháp hoá.....	10, 53-61
112	TRẦN VĂN THƯ	Đặc điểm cấu trúc và ngữ nghĩa của nhóm vị từ đánh giá - nhận xét trong nhóm vị từ ba ngữ trị của tiếng Việt (qua khảo sát tại câu, văn bản)..	5, 50-56
113	TRẦN XUÂN ĐIỆP	Sự kì thị giới tính trong ngôn ngữ qua những danh hiệu và những từ tôn xưng.....	7, 37-42
114	TRỊNH CẨM LAN	Một số vấn đề về phương ngữ thành thị dưới góc nhìn của phương ngữ địa - xã hội.....	1, 39-50
115	VŨ HƯƠNG GIANG	Giáo dục song ngữ ở một số địa bàn miền núi phía Bắc - vấn đề còn nan giải.	9, 60-62
116	VŨ KIM BẢNG	Các Hội nghị khoa học quốc tế về ngữ âm học và các khoa học liên ngành.....	8, 79-80
117	VŨ KIM BẢNG	Đặt dấu thanh trong chính tả tiếng Việt, hiện trạng và giải pháp.....	11, 57-65
118	VŨ LỘC	Vấn đề cụm từ trong tiếng Nga.....	1, 51-55
119	VŨ NGỌC VINH	Đối chiếu từ ngữ từ góc độ ngôn ngữ - văn hoá trong dạy học ngoại ngữ.....	4, 39-44
120	VŨ THỊ AN	Trường nghĩa của từ <i>ýêu</i> trong thơ Xuân Diệu (so sánh với thơ Nguyễn Bính).....	9, 27-37
121	VŨ THỊ THANH HƯƠNG	Ngôn ngữ phản hồi của giáo viên trên lớp học ở bậc tiểu học.....	7, 71-80
122	VŨ VĂN ĐẠI	Phương pháp định lượng và định tính trong nghiên cứu phục vụ giảng dạy ngoại ngữ.....	4, 31-38
123	VŨ XUÂN	Dịch phim: Quan điểm ngôn ngữ và dịch thuật..	4, 45-50
124	VŨ XUÂN ĐOÀN	Những yếu tố ngôn ngữ thể hiện sắc thái chủ quan hoặc khách quan trong diễn ngôn.....	3, 29-37
125	VƯƠNG TOÀN	Tiếng Việt và Việt ngữ học ở nước ngoài.....	2, 16-25
126	XUÂN NGUYỄN	Vẻ đẹp của tình bạn cách mạng (về bài thơ <i>Tám hữu vị ngộ của Bác</i>).....	6, 33-35
127	XUÂN THỊ NGUYỆT HÀ	Vài nét về cách sử dụng từ láy để miêu tả trong các tiểu thuyết viết về đề tài miền núi của Tô Hoài.	12, 32-38

MỤC LỤC TẠP CHÍ "NGÔN NGỮ" NĂM 2002

TT	TÁC GIẢ	TÊN BÀI	SỐ, TRANG
1	B.C, PAN-PHI-LÓP	Một lần nữa về phạm trù thi trong tiếng Việt.....	7, 1-7
2	BÙI DUY TÂN - BÙI DUY DƯƠNG	Thành ngữ gốc Hán trong <i>Quốc âm thi tập</i>	16, 21-27
3	BÙI MINH TOÁN	Nhân diện cụm chủ - vị trong tiếng Việt.....	6, 73-80
4	BÙI THỊ PHẦN	Hung Yên làm gì để có cách phát âm chuẩn.....	4, 63-65
5	BÙI THỊ THANH LƯƠNG	Tìm hiểu chức năng ngữ pháp và vai trò thông báo của vai nghĩa thời gian trong câu tiếng Việt....	4, 32-36
6	CAO THỊ THU	Dạy đại từ chỉ định trong tiếng Việt cho sinh viên nước ngoài.....	8, 35-42
7	CAO XUÂN HẠO	Giáo dục thẩm mỹ trong giờ Tiếng Việt.....	8, 51-56
8	CAO XUÂN HẠO	"Bất buộc" và "tuy ý" về hai cách biểu đạt nghĩa trong ngôn ngữ	9, 1-23
9	CAO XUÂN HẠO	Câu và kết cấu chủ vị.....	13, 1-6
10	CHỬ THỊ BÍCH	Một số biện pháp sử dụng ngôn ngữ biểu hiện phép lịch sự trong hành vi <i>cho, tặng</i>	5, 52-56
11	DIỆP QUANG BAN	Ngữ pháp truyện và một vài biểu hiện của tính mạch lạc trong truyện.....	10, 68-78
12	DƯƠNG THỊ NỤ	Tìm hiểu cấu trúc ngữ nghĩa cơ bản của từ thân tộc trong tiếng Anh.....	3, 31-40
13	DƯƠNG THỊ NỤ	Từ chỉ quan hệ thân tộc trong tri nhận của người Anh và người Việt	12, 67-80
14	DƯƠNG VĂN KHOA	Để hiểu đúng hơn về câu thơ "Sắc đành đòi một, tài đành họa hai" trong <i>Truyện Kiều</i> của Nguyễn Du.....	4, 48-49
15	DƯƠNG VĂN KHOA	Bảng khung trước đôi con chữ.....	9, 76-78
16	DƯƠNG VĂN KHOA	Đà Lạt trắng mờ của Hàn Mặc Tử.....	12, 34-35
17	ĐÀO THẢN	Đọc sách <i>Ngôn ngữ báo chí</i>	10, 79-80
18	ĐÀO THẢN	Ngữ nghĩa của khuôn <i> nào... ấy, bao... ấy</i> trong các ngữ cố định.....	13, 7-10
19	ĐÀO THỊ VÂN	Bước đầu tìm hiểu về hành động nói của phần phụ chú trong câu tiếng Việt.....	1, 36-40
20	ĐẶNG NGỌC ĐỨC	Bàn về tiếp thu ngôn ngữ và các yếu tố tác động..	12, 36-41
21	ĐẶNG THỊ SƠI	Hướng dẫn học sinh tiểu học tập nhận diện ngôi kể qua các bài tập đọc trích từ các tác phẩm tự sự và qua các truyện đọc, truyện kể.....	4, 59-60
22	ĐINH ĐIỂN	Ứng dụng ngữ liệu song ngữ Anh - Việt điện tử trong ngành ngôn ngữ học so sánh.....	3, 49-58

23	ĐINH TRÍ DŨNG	Về Hồ Biểu Chánh và trích đoạn tiểu thuyết <i>Cha con nghĩa nặng</i>	4, 66-68
24	ĐINH VĂN ĐỨC- NGUYỄN VIỆT HÀ	Diện mạo chung của cấu trúc cú pháp tiếng Việt qua một số văn bản chữ Quốc ngữ thế kỉ XVIII.....	14, 1-12
25	ĐOÀN TRỌNG THIỂU	Nhịp kể trong <i>Truyện Kiều</i>	3, 67-70
26	ĐOÀN VĂN PHÚC	Loại từ tiếng Indonesia trong sự so sánh với loại từ tiếng Êđê và tiếng Việt.....	7, 12-24
27	ĐOÀN VĂN PHÚC	Câu bị động trong tiếng Indonesia.....	15, 31-40
28	ĐỖ ĐÌNH TỐNG	Bảo vệ và phát triển tiếng Việt trong quá trình đổi mới.	12, 54-58
29	ĐỖ HOÀNG NGÂN	Một số nhận xét về thành ngữ có từ chỉ bộ phận cơ thể con người trong tiếng Nhật.....	8, 68-74
30	ĐỖ LAI THUY	Quang Dũng - Mây trắng xứ Đoài.....	8, 43-50
31	ĐỖ LAI THUY	Nguyễn Xuân Sanh với <i>Buôn xưa</i>	16, 41-45
32	ĐỖ NGỌC PHƯƠNG	Tư duy <i>thể - tương</i> và câu chuyện loại từ trong tiếng Việt.....	2, 25-30
33	ĐỖ NGỌC PHƯƠNG	" <i>Sắc đành đòi một, tài đành họa hai</i> ": Mốc so sánh ở đâu?.....	15, 72-73
34	ĐỖ THỊ KIM LIÊN	Ngữ nghĩa của kết hợp có số từ chỉ lượng <i>một</i> trong tục ngữ Việt Nam.....	15, 11-19
35	ĐỖ TUẤN MINH	Vai trò của quá trình danh hoá trong ngôn bản khoa học tiếng Anh.....	13, 56-61
36	ĐỖ VIỆT HÙNG	Ý và nghĩa - hai quan niệm về ngữ nghĩa học.....	16, 15-20
37	ĐỨC NGUYỄN	Thủ pháp giúp học sinh phân biệt để nói và viết cho đúng <i>nên hay lên</i>	2, 78-80
38	ĐỨC NGUYỄN	Để giúp thêm cho việc dạy và học về từ đồng âm ở lớp 6.....	7, 75-80
39	HÀ QUANG NĂNG- VŨ THU HUYẾN	Bước đầu khảo sát phương thức định danh và đặc điểm ngữ nghĩa của tổ hợp "cười + x".....	7, 31-37
40	HOÀNG CAO CƯƠNG	Về biểu diễn âm vị học cho trường hợp tiếng Việt....	3, 11-22
41	HOÀNG HỮU BỘI	Về một phương án đổi mới phương pháp giảng dạy bài thơ <i>Mùa xuân nho nhỏ</i> ở lớp 9.....	4, 69-74
42	HOÀNG LIÊN BẢO	"Ngôi sao trong mộng của Bác Hồ".....	4, 43-44
43	HOÀNG THỊ YẾN	Về nhóm danh từ quan hệ thân tộc trong tiếng Hàn..	12, 59-62
44	HOÀNG TRỌNG CANH	Sự khác biệt về ngữ nghĩa của một số kiểu từ địa phương Nghệ Tĩnh so với từ toàn dân.....	2, 51-58
45	HOÀNG VĂN MA	Cách thức xưng hô trong tiếng Tây.....	1, 15-26
46	HOÀNG VĂN VÂN	Ngữ pháp, ngữ pháp học và việc mô tả ngữ pháp của một ngôn ngữ.....	11, 13-23
47	HỒ SĨ HIỆP	Cái vỏ hình thức thơ Đường trong SGK văn học	8, 16-23
48	HỘI NGÔN NGỮ HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Cần một nội dung mới cho SGK tiếng Việt (Về đề án chương trình môn Tiếng Việt ở trường phổ thông từ lớp 1 đến lớp 12).....	8, 57-62
49	LÃ DUY LAN	"Thần cây đa, ma cây gạo" và "Ao Việt, giếng Việt".....	8, 75-76
50	LÊ HOÀNG	Thử bàn về cái gọi là mác đánh dấu Để trong tiếng Nhật và tiếng Việt.....	6, 28-36
51	LÊ HOÀNG	Thử bàn về Chủ ngữ trong tiếng Việt qua kinh nghiệm của các nhà nghiên cứu tiếng Nhật.....	14, 13-23

52	LÊ HÙNG TIẾN	Cấu trúc phát triển nhận thức điển hình trong văn bản luật pháp tiếng Việt - so sánh đối chiếu với tiếng Anh.....	11, 35-47
53	LÊ THỊ HỒNG MINH	Vài nét về vai trò của ngôn ngữ nhân vật trong <i>Truyện Kiều</i>	2, 71-77
54	LÊ THỊ LAN ANH	Vai nghĩa phương tiện và các chức năng ngữ pháp của nó trong câu tiếng Việt.....	4, 25-31
55	LÊ THỊ MINH HẰNG- NGUYỄN VĂN PHỔ	Vài thể hiện của từ ở trong tiếng Việt so sánh với tiếng Nhật.....	1, 57-65
56	LÊ THỊ THU HÀ	Hiểu thêm về giá trị bài <i>Bình Ngô đại cáo</i> của Nguyễn Trãi trong chương trình văn học trung học phổ thông...	8, 24-30
57	LÊ TRUNG HOA	Các phương pháp cơ bản trong việc nghiên cứu địa danh.....	7, 8-11
58	LÊ TRUNG HOA	Hiện tượng dị hoá trong một số từ ngữ song tiết tiếng Việt.....	2, 17-19
59	LÊ VĂN TẤN	Về hai động từ <i>chạy</i> và <i>lấn</i> trong bài thơ <i>Bác ơi!</i> của Tố Hữu.....	8, 31-34
60	LÊ VĂN THANH- LÝ TOÀN THẮNG	Ba giới từ tiếng Anh: <i>at, on, in</i> (thử nhìn từ góc độ cơ chế tri nhận không gian trong sự so sánh đối chiếu với tiếng Việt).....	9, 31-41
61	LÊ XUÂN THAI	Mấy suy nghĩ về quan niệm Đề - Thuyết của GS Cao Xuân Hạo.....	14, 71-80
62	LỤC ĐÌNH QUANG	Thể thái và biến thái trong tiếng Anh xét từ góc độ ngữ pháp chức năng hệ thống.....	13, 50-55
63	LƯU BÁ MINH	Chu cảnh cú pháp - đặc trưng hành chức cơ bản của nhóm từ vựng ngữ nghĩa	12, 13-18
64	LƯU QUỲ KHƯƠNG	Khảo sát câu so sánh lô-gích và câu so sánh tu từ học trên ngữ liệu Anh - Việt.....	16, 1-7
65	LYONS, JOHN	Các hành động ngôn từ và lực ngôn trung (tiếp theo và hết).....	1, 66-73
66	LÝ TOÀN THẮNG	Bảng trắc thơ bảy chữ Xuân Diệu.....	4, 37-42
67	MAI NGỌC CHỮ	Dạy tiếng Việt với tư cách một ngoại ngữ.....	5, 65-69
68	MAI NGỌC CHỮ	Phương thức láy trong tiếng Malay.....	15, 1-10
69	MAI XUÂN DƯƠNG	Một số ý kiến về mảng Thơ Mới 1932-1945 trong sách giáo khoa Văn 11 chính lí hợp nhất.....	16, 50-56
70	MARTINET, ANDRÉ	Hiện tượng lặp lại lời nói.....	5, 77-80
71	MIÊN ĐÌNH	Một số hiện tượng văn học (Chương trình văn học THPT, sách chính lí hợp nhất).....	8, 77-80
72	NGÔ BÍCH HƯƠNG	Xuân Diệu - một hồn thơ rạo rực trần gian.....	4, 61-62
73	NGÔ HỮU HOÀNG	Vài suy nghĩ về cụm từ cố định nói chung và quán ngữ nói riêng.....	7, 25-30
74	NGÔ VĂN CẢNH	Cấu trúc lời hát đố, hát đối trong hát phường vải.....	1, 41-52
75	NGÔ VĂN THƯ	Nghệ thuật xây dựng truyện của Nguyễn Tuân trong <i>Chữ người tử tù</i>	8, 1-7
76	NGUYỄN CHÍ HOÀ	Một vài đặc điểm của phát ngôn đơn có "phần thêm" được hình thành bằng phương thức lặp trong giao tiếp khẩu ngữ.....	9, 24-30
77	NGUYỄN ĐÌNH CAO	Nên hướng học sinh phát âm, đọc và nói theo giọng chuẩn nào?.....	4, 50-58

78	NGUYỄN ĐỨC DÂN- LÊ TÔ THUY QUỲNH	Phương pháp lập luận trong tranh cãi pháp lí.....	5, 10-18
79	NGUYỄN ĐỨC KHUÊ	Tự tình (I)- Bài thơ giàu chất nhân văn, chất người của Hồ Xuân Hương	11, 66-67
80	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	Về giới và ngôi ở những từ xưng hô trong giao tiếp tiếng Việt.....	2, 59-70
81	NGUYỄN ĐỨC TÔN	Thử đề xuất phương pháp xác định mức độ gần gũi về tư duy ngôn ngữ giữa các dân tộc.....	5, 1-9
82	NGUYỄN HOÀ	Nhận xét thêm về các đối lập ngữ pháp tạo ra bởi mối quan hệ giữa quán từ và danh từ trong tiếng Anh.....	2, 9-16
83	NGUYỄN HOÀ	Ngữ cảnh trong lí luận phân tích diễn ngôn.....	11, 1-12
84	NGUYỄN HOÀI NGUYỄN	Đặc trưng ngữ âm phần vần của phương ngữ Nghệ Tĩnh.....	7, 54-59
85	NGUYỄN HUY KÍ	Trọng âm từ, xuất phát điểm của việc nghiên cứu nhịp điệu tiếng Anh.....	13, 42-49
86	NGUYỄN HỮU CHINH	Phân biệt một số kiểu câu phức biểu thị quan hệ nguyên nhân và mục đích trong tiếng Nga.....	12, 42-47
87	NGUYỄN HỮU CHÍNH	Quan hệ ngữ pháp trong văn bản.....	6, 49-59
88	NGUYỄN HỮU CHƯƠNG	Câu đồng nghĩa trong tiếng Việt.....	10, 35-50
89	NGUYỄN HỮU HOÀNH	Những đặc điểm cơ bản trong cách xưng hô của người Dao Tiền	5, 45-51
90	NGUYỄN KHÁNH NÔNG	Góp thêm vài ý kiến về vấn đề phân loại câu theo cấu tạo ngữ pháp trong sách giáo khoa tiếng Việt phổ thông hiện hành.....	15, 74-80
91	NGUYỄN LÂN TRUNG	Vài suy nghĩ về các giải pháp chuyển dịch mệnh đề phụ đảm nhiệm chức năng trạng ngữ chỉ thời gian trong hai ngôn ngữ Pháp - Việt.....	12, 3-12
92	NGUYỄN LÊ ANH- TRẦN DUY LAI	Tiếng Việt và ngôn ngữ học thống kê.....	1, 27-35
93	NGUYỄN NGỌC TRÂM	Về hai xu hướng trong phát triển từ vựng tiếng Việt.	6, 1-10
94	NGUYỄN QUANG	Các chiến lược lịch sự dương tính trong giao tiếp..	11, 48-55
95	NGUYỄN QUANG	Các chiến lược lịch sự dương tính trong giao tiếp (tiếp theo và hết).....	13, 28-41
96	NGUYỄN TÀI CẢN	Một vài chỗ cần cân nhắc thêm trong hai bản <i>Kiểu Liễu Văn Đường/1871</i> và <i>Duy Minh Thi/1872</i>	11, 60-65
97	NGUYỄN TÀI CẢN	Chữ huý trong hai bản <i>Kiểu Nôm 1871, 1872</i>	1, 1-7
98	NGUYỄN THẾ KỶ - PHẠM VĂN TÌNH	Tính ngẫu phát của các chương trình truyền hình.....	16, 8-14
99	NGUYỄN THẾ LỊCH	Xây dựng luận cứ khoa học cho việc biên soạn sách Tiếng Việt lớp 1.....	14, 51-60
100	NGUYỄN THẾ TRUYỀN	Cách thức để giúp sinh viên ngữ văn học tốt các phân môn Ngôn ngữ học.....	16, 57-61
101	NGUYỄN THỊ HOÀI NHÂN	Sử dụng từ trái nghĩa trong giao tiếp.....	12, 63-66
102	NGUYỄN THIỆN GIÁP	M.A.K Halliday - Một trong ba gương mặt tiêu biểu của trường phái Luận Đôn.....	5, 19-25

103	NGUYỄN THỊ HỒNG THU	Dạy tiếng Việt với tư cách một ngoại ngữ.....	13, 67-73
104	NGUYỄN THỊ KIM LAN	Sóng - Xuân Quỳnh.....	8, 63-67
105	NGUYỄN THỊ THANH HÀ	Hiện tượng láy với việc tạo tính nhạc trong thơ ca.	4, 1-9
106	NGUYỄN THỊ THANH HÀ	Hiện tượng láy với việc tạo tính nhạc trong thơ ca (tiếp theo và hết).....	5, 59-64
107	NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG	Trích dẫn trong báo tiếng Anh.....	14, 24-34
108	NGUYỄN THỊ THANH NGÀ	<i>Chiều và bể</i>	7, 60-62
109	NGUYỄN THỊ THÌN	Các từ <i>thì, mà, nhưng</i> ở đầu câu trong chức năng liên kết nghĩa học.....	5, 31-37
110	NGUYỄN THỊ THU THỦY	Về khái niệm "Truyện kể ở ngôi thứ ba" và "người kể chuyện ở ngôi thứ ba".....	9, 52-57
111	NGUYỄN THỊ THUẬN	Tình thái của những câu chứa 5 động từ tình thái <i>nên, cần, phải, bị, được</i>	9, 42-51
112	NGUYỄN THỊ THUẬN	Tình thái của những câu chứa 5 động từ tình thái <i>nên, cần, phải, bị, được</i> (tiếp theo và hết).....	10, 51-58
113	NGUYỄN THỊ VÂN ANH	Tham thoại tiền dẫn nhập trong sự kiện lời nói xin	4, 20-24
114	NGUYỄN THỊ VIỆT THANH	Một số nhận xét loại câu bị động của tiếng Nhật và tiếng Việt.....	3, 25-30
115	NGUYỄN THUY KHANH	<i>Cảm tử và liêu chết</i>	3, 80
116	NGUYỄN THUY KHANH	Một vài suy nghĩ về việc xử lí các thí dụ trong <i>Từ điển tiếng Việt cỡ lớn</i>	15, 64-71
117	NGUYỄN TRỌNG KHÁNH-TRẦN TIẾN ANH	Để tìm hiểu một câu thơ.....	12, 31-33
118	NGUYỄN VĂN CHIẾN	<i>Nước</i> - một biểu tượng văn hoá đặc thù trong tâm thức người Việt và từ <i>nước</i> trong tiếng Việt. (Nghiên cứu Ngôn ngữ - Văn hoá học).....	15, 41-49
119	NGUYỄN VĂN HIỆP	Vài nét về lịch sử nghiên cứu cú pháp tiếng Việt...	10, 16-34
120	NGUYỄN VĂN KHANG	Một vài nhận xét về từ ngữ tiếng Mường Bi trong sự liên hệ với từ ngữ tiếng Việt	6, 23-27
121	NGUYỄN VĂN LỘC	Các mô hình kết trị của động từ tiếng Việt.....	2, 20-24
122	NGUYỄN VĂN LỢI	Thanh điệu một vài thổ ngữ Nghệ An, từ góc nhìn đồng đại và lịch đại.....	3, 1-12
123	NGUYỄN VĂN LỢI- PHẠM HÙNG VIỆT- NGÔ TRUNG VIỆT	Một số vấn đề tiếng Việt và công nghệ thông tin	10, 1-15
124	NGUYỄN VĂN LỢI	Trường đại học ngoại ngữ - Đại học quốc gia Hà Nội, 35 năm xây dựng và trưởng thành.....	12, 1-2
125	NGUYỄN VĂN MẠNH	Loại hình văn bản trong dạy - học ngoại ngữ.....	13, 74-80
126	NGUYỄN VĂN PHỔ	Một số vấn đề chung quanh vị từ <i>nói</i>	6, 37-48
127	NGUYỄN VIỆT TIẾN	Phân tích hội thoại dưới góc độ văn hoá.....	13, 62-66

128	NGUYỄN XUÂN HOÀ	Nhân tố văn hoá - xã hội trong đối chiếu ngôn ngữ.....	4, 75-79
129	NGUYỄN XUÂN THOM	Các phương thức biểu thị tình thái giảm nhẹ trong diễn ngôn đàm phán thương mại quốc tế.....	11, 24-34
130	PHẠM ĐĂNG BÌNH	Thử đề xuất một cách phân loại lỗi của người học ngoại ngữ nhìn từ góc độ dụng học giao thoa ngôn ngữ-văn hoá.....	9, 58-72
131	PHẠM ĐĂNG BÌNH	Một số vấn đề cần quan tâm khi dạy đọc hiểu tiếng Anh cho người Việt Nam.....	11, 68-80
132	PHẠM ĐÌNH AN	Bài thơ <i>Yêu</i> của Thế Lữ.....	16, 28-29
133	PHẠM HÙNG VIỆT	Về việc biên soạn <i>Từ điển tiếng Việt cỡ lớn</i> trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin để xây dựng ngân hàng dữ liệu và hỗ trợ công tác biên soạn....	15, 20-30
134	PHẠM KIM ANH	Hình thức ngôn ngữ và ý nghĩa biểu trưng của tín hiệu thẩm mỹ "liều" trong Thơ Mới.....	7, 63-74
135	PHẠM QUANG TRƯỜNG	Thời và thể tiếng Pháp.....	12, 48-53
136	PHẠM THỊ HÀ- NGUYỄN THỊ THÌN	Câu hỏi trong thơ trữ tình.....	10, 59-67
137	PHẠM THỊ HOÀ	Một cách hiểu về động từ nói năng tiếng Việt.....	5, 41-44
138	PHẠM THỊ LY	Tiểu từ tình thái cuối câu - Một trong những phương tiện chủ yếu diễn đạt ý nghĩa tình thái trong tiếng Việt (đối chiếu với những phương tiện diễn đạt tương ứng trong tiếng Anh).....	13, 18-27
139	PHẠM VĂN CƯỜNG	Một hướng tiếp nhận bài thơ <i>Mồng hai tết vắng cô Kí</i> của Tú Xương.....	4, 45-47
140	PHẠM VĂN TÌNH	Im lặng - Một dạng tỉnh lược ngữ dụng.....	5, 26-30
141	PHẠM VIỆT LONG	Hình ảnh gia đình qua tấm gương tục ngữ, ca dao	4, 16-19
142	PHAN PHƯƠNG DUNG	Các phương tiện biểu đạt tình lễ phép và vấn đề dạy học sinh tiểu học sử dụng chúng trong giao tiếp	16, 33-40
143	PHAN THANH SƠN	Một vài đặc điểm ngôn ngữ của thể hát nói.....	6, 70-72
144	PHAN THỊ HẢI YẾN	Một số câu thành ngữ tiếng Việt có thể hiểu theo nghĩa khác ở địa phương Nghệ Tĩnh.....	16, 30-32
145	STEINDL MICHAEL,	Ngôn ngữ của chúng ta phải chăng là việc của nam giới.....	2, 1-8
146	TIỂU BAN TIẾNG VIỆT TRONG NHÀ TRƯỜNG (HỘI NNH TP. HCM)	Ngữ pháp chức năng, cấu trúc Đề - Thuyết và ngữ pháp tiếng Việt.....	14, 61-70
147	TÔN NỮ MÍ NHẬT	Trang quảng cáo du lịch Việt Nam dưới ánh sáng của lí thuyết phân tích diễn ngôn.....	6, 60-69
148	TỪ THU MAI	Về các địa danh mang yếu tố Đông Hà ở Quảng Trị.....	16, 68-70
149	TRẦN ANH HÀO	Một số vấn đề giảng dạy phong cách học tiếng Việt ở Đại học.....	16, 46-49
150	TRẦN ĐẠI NGHĨA	Trở lại với câu thơ " <i>Sắc đành đòi một, tài đành họa hai</i> ".....	9, 73-75
151	TRẦN ĐẠI NGHĨA	Kiến giải về các tổ hợp kiểu <i>con ơi, con lươn</i>	15, 50-55

152	TRẦN ĐÔNG MINH	Người lái đò sông Đà.....	16, 62-67
153	TRẦN HOÀNG	Những sắc thái độc đáo của tiếng cười dân gian Nam Bộ qua Truyện kể Ba Phi.....	8, 8-15
154	TRẦN THỊ NGỌC LANG	Vài điểm khác biệt về ngữ pháp của phương ngữ Nam Bộ so với phương ngữ Bắc Bộ.....	2, 31-38
155	TRẦN TRÍ DŨI	Thanh điệu tiếng Việt ở Cửa Lò (Nghệ An).....	5, 38-40
156	TRẦN XUÂN ĐIỆP	Sự kì thị giới tính trong ngôn ngữ trong những cách biểu đạt mang tính định kiến về giới nhìn từ góc độ lịch sử.....	3, 41-48
157	TRẦN XUÂN ĐIỆP	Khoảng trống từ vựng - một biểu hiện của sự kì thị giới tính trong ngôn ngữ.....	11, 56-59
158	TRINH CẨM LAN	Sự tiếp xúc giữa các phương ngữ ở Hà Nội.....	7, 47-53
159	TRỊNH THANH TRÀ	Một số mô hình cấu trúc của sự kiện lời nói điều khiển.....	4, 10-15
160	TRỊNH THỊ KIM NGỌC	Tiềm năng ngôn ngữ trong nghiên cứu con người và văn hoá.....	14, 42-50
161	TRÚC THÔNG	Nếu thay "có" vào "không" trong bài thơ <i>Tiếng thu</i> của Lưu Trọng Lư?	5, 57-58
162	TRƯƠNG DÍNH	Tổ chức và sử dụng tình huống có vấn đề trong việc dạy ngữ pháp (Vận dụng vào một bài dạy cụ thể ở lớp 10).....	1, 53-56
163	VI THỤ QUAN	Những sai khác ngữ pháp giữa tiếng Tây, Nùng Việt Nam và tiếng Choang Trung Quốc	2, 39-42
164	VIỆN NNH-TCNN	Chúc mừng sinh nhật lần thứ 70 của GS Hồ Lê	9, 79-80
165	VIỆN NNH, TCNN	Chúc mừng sinh nhật lần thứ 70 của GS Đỗ Hữu Châu.....	16, 71-72
166	VÕ ĐẠI QUANG	Đồng hoá âm (assimilation)-một thuộc tính của diễn ngôn tiếng Anh.....	5, 70-76
167	VÕ ĐẠI QUANG	Vài nét của các mục tiêu về lí thuyết ngôn ngữ.....	12, 19-30
168	VÕ LÍ HOÀ	Một vài đặc trưng ngôn ngữ học của tóm tắt văn bản tiếng Việt trong hoạt động thông tin khoa học.....	2, 43-50
169	VÕ XUÂN QUẾ	Một số tài liệu chữ quốc ngữ thế kỉ XVII, XVIII đang lưu trữ tại các thư viện và lưu trữ ở Rôma.....	1, 74-80
170	VŨ ĐÌNH GIÁP	Một số vấn đề cơ sở lí thuyết về từ tương liên trong tiếng Nga.....	14, 35-41
171	VŨ ĐỨC NGHIỆU	So sánh ngữ nghĩa, ngữ pháp của <i>được, bị, phải</i> trong tiếng Việt với <i>ban, trau</i> trong tiếng Khmer ...	3, 13-24
172	VŨ KIM BẢNG	Hệ fomant của 9 nguyên âm đơn tiếng Hà Nội.....	15, 56-63
173	VŨ THỊ THANH HƯƠNG	Khái niệm thể diện và ý nghĩa đối với việc nghiên cứu ứng xử ngôn ngữ.....	1, 8-14
174	VŨ TIẾN DŨNG	Tìm hiểu một vài biểu thức tình thái gắn với tính lịch sự của nữ giới trong giao tiếp.....	3, 59-66
175	VŨ VĂN ĐẠI	Phân tích cấu trúc danh ngữ tiếng Việt trong diễn ngôn.....	13, 11-17
176	VŨ XUÂN LƯƠNG	Thiết lập giao diện biên soạn từ điển giải thích ngôn ngữ trên máy tính.....	7, 38-46
177	XUÂN THỊ NGUYỆT HÀ	Nghệ thuật tả cảnh trong các tiểu thuyết viết về đề tài miền núi của Tô Hoài.....	3, 71-79

MỤC LỤC TẬP CHÍ “NGÔN NGỮ” NĂM 2001

TT	TÁC GIẢ	TÊN BÀI	SỐ, TRANG
1	ANH ĐÀO	<i>Bù nhìn rơm</i> - Một bài ca dao hiện đại	11, 58-59
2	BÙI KHÁNH THẾ	Ngôn ngữ học Việt Nam bước vào thế kỉ XXI - hành trang và thách thức	11, 3-12
3	BÙI THỊ LÝ	Phép liên kết quy chiếu và phương pháp dạy phép quy chiếu	14, 67-72
4	CAO THỊ THU	Thủ pháp dạy cho sinh viên nước ngoài cách đặt câu hỏi có từ để hỏi trong tiếng Việt	8, 37-40
5	CAO TỔNG NGÀ	Vài suy nghĩ về hệ thống câu hỏi trong bài giảng văn trên tinh thần đổi mới	12, 69-72
6	CAO XUÂN HẠO	Về khái niệm quy tắc ngữ pháp	1, 13-18
7	CAO XUÂN HẠO	Về khái niệm quy tắc ngữ pháp (tiếp theo và hết)	2, 12-18
8	CAO XUÂN HẠO	Hai phép tính <i>cộng</i> và <i>trừ</i> trong ngôn ngữ học	10, 1-12
9	CHU BÍCH THU	Một vài hướng phát triển từ vựng và vấn đề chuẩn hoá...	3, 9-19
10	CHU BÍCH THU	Giới thiệu sơ lược về từ điển và từ điển học Việt Nam	14, 12-26
11	CHU THỊ THUYẾT AN	Phân tích đặc điểm ngữ pháp - ngữ nghĩa của động từ trong mối liên hệ với chức năng cấu tạo câu cầu khiến	2, 26-31
12	CHU VĂN SƠN	<i>Nguyệt Cầm</i> - Sự thăng hoa của hồn thơ Xuân Diệu.....	9, 56-63
13	DIỆP QUANG BAN	Đề nghị một giải pháp đối với “con mèo”, “trên ấy”	5, 12-16
14	DIỆP QUANG BAN	Ứng dụng cách nhìn dụng học vào việc giải thích một số yếu tố có mặt trong câu - phát ngôn	7, 17-20
15	DIỆP QUANG BAN	Có phải trong ngôn ngữ học chỉ có <i>cộng</i> và <i>trừ</i> ? Và bàn thêm về câu bị động tiếng Việt	13, 1-11
16	DƯƠNG NGỌC NGÂN	Về giới ngữ trong tiếng Việt	1, 29-35
17	ĐÀO THẮN	Hiểu và giải thích một câu tục ngữ	3, 62-65
18	ĐÀO THẮN	Một bài thơ, một tượng đài vợ lính trong lòng dân cả nước	5, 73-74
19	ĐÀO THẮN	<i>Ai biết tên các anh</i>	9, 64-66
20	ĐÀO THẮN	Bàn thêm về nội dung dạy từ ngữ ở nhà trường	15, 65-67
21	ĐÀO THỊ VĂN	Phân phụ chú được cấu tạo từ số từ trong câu tiếng Việt	7, 37-43
22	ĐẶNG NGỌC LỆ	Trở lại vấn đề viết hoa tên riêng trên sách báo tiếng Việt	1, 19-28
23	ĐẶNG THỊ HẢO TÂM	Bước đầu tìm hiểu khả năng sử dụng hành vi ngôn ngữ gián tiếp trong hội thoại ở trẻ em lứa tuổi tiểu học (7-11 tuổi)	7, 21-29
24	ĐẶNG THỊ HẢO TÂM	Bước đầu tìm hiểu cơ chế lí giải nghĩa hàm ẩn của một số hành vi ngôn ngữ gián tiếp trong hội thoại	14, 34-39
25	ĐINH VĂN ĐỊNH	Đôi điều nói thêm về tư tưởng khoa học của công nghệ giáo dục	3, 66-72
26	ĐINH VĂN ĐỨC	Tìm hiểu ngữ trị của các từ loại thực từ tiếng Việt	5, 1-6

27	ĐINH VĂN ĐỨC	Về nội dung ngữ pháp trong chương trình và sách giáo khoa tiếng Việt ở bậc phổ thông tới đây	11, 60-65
28	ĐOÀN MẠNH TIẾN	Một cách dạy bài <i>So sánh và ẩn dụ</i> (Tiếng Việt 10)	16, 37-38
29	ĐOÀN MINH NGỌC	Danh nhân văn hoá Nguyễn Bình Khiêm - Người đã làm rạng danh nước Việt	12, 34-37
30	ĐOÀN VĂN PHÚC	Giáo dục ngôn ngữ trong trường phổ thông ở Indônêxia những năm cuối thế kỉ XX	14, 27-33
31	ĐỖ HỮU CHÂU	Nghiệp vụ sư phạm và khoa học ngôn ngữ ở Trường đại học sư phạm Hà Nội	7, 1-6
32	ĐỖ MINH HOÀNG	Một số lưu ý khi dịch các thuật ngữ về kinh doanh từ tiếng Anh sang tiếng Việt	14, 40-46
33	ĐỖ THỊ KIM LIÊN	Một số nhận xét về cách định nghĩa trong SGK TV 10 và TV 11 (Phần cấu trúc - ngữ nghĩa của câu)	11, 66-69
34	ĐÔNG LA	Đôi nét về thơ hiện đại và cách tiếp cận	2, 57-66
35	ĐỨC NGUYỄN	Để giúp thêm cho việc dạy và học bài "Từ nghiều nghĩa" ở lớp 6	1, 69-73
36	ĐỨC NGUYỄN	Các tên gọi kiểu "Bộ trưởng Bộ ngoại giao" và "Bộ trưởng ngoại giao" có gì khác nhau?	6, 52-53
37	ĐỨC NGUYỄN	Làm thế nào để xác định được thành tố chính, thành tố phụ trong từ ghép chính phụ	8, 77-78
38	ĐỨC NGUYỄN	Về bản chất của mối liên hệ giữa các ý nghĩa trong một từ đa nghĩa	15, 60-64
39	FERLUS, MICHEL - TRẦN TRÍ ĐÔI	Chữ Lai Pao	5, 19-27
40	HALLIDAY, M.A.K	Dẫn luận ngữ pháp chức năng (tiếp theo kì trước)	2, 74-80
41	HALLIDAY, M.A.K	Dẫn luận ngữ pháp chức năng (tiếp theo kì trước)	3, 76-80
42	HALLIDAY, M.A.K	Dẫn luận ngữ pháp chức năng (tiếp theo và hết)	7, 72-78
43	HÀ CẨM TÂM	Thông số xã hội và ngôn ngữ giao tiếp	9, 17-23
44	HÀ QUANG NĂNG	Một số ý kiến thảo luận về cách viết, cách đọc tên riêng nước ngoài trong các văn bản nhà nước	2, 67-70
45	HÀ QUANG NĂNG	Đặc trưng của phép ẩn dụ trong ca dao Việt Nam	15, 7-16
46	HÀ THỊ HẢI YẾN	An ủi - lời hỏi đáp tích cực cho hành vi cảm thán	7, 44-46
47	HÀ THỊ QUYẾN	Một cách hướng dẫn học sinh lớp 12 nhận diện và chữa lỗi sai trong bài tập làm văn	12, 30-33
48	HOÀNG DŨNG	Mấy ý kiến về phần tiếng Việt trong chương trình trung học cơ sở (thí điểm)	13, 71-73
49	HOÀNG HÙNG	"Nhất tự vi sư, bán tự vi sư" trong học văn và học võ	16, 30-36
50	HOÀNG THỊ TUYẾN LINH	Kiểu định nghĩa dựa vào từ trái nghĩa trong từ điển giải thích tiếng Việt	16, 9-15
51	HOÀNG VĂN HÀNH	Các kiểu thành ngữ ẩn dụ hoá đối xứng	8, 1-6
52	HOÀNG VĂN VÂN	Ngôn ngữ học chức năng hệ thống	6, 12-19
53	HOÀNG VĂN VÂN	Ngôn ngữ học chức năng hệ thống (tiếp theo và hết)	9, 41-50
54	HOÀNG XUÂN HOA	So sánh đối chiếu cách diễn đạt tiếng Anh và tiếng Việt với việc phát triển kĩ năng viết đoạn cho sinh viên đại học	6, 69-77
55	HỒNG DIỆU	Một cách nói của ngôn ngữ thơ	3, 53-55

56	HUỶNH MINH CẢNH	Vài nhận xét về sách <i>Tiếng Việt 10</i>	5, 75-80
57	HUNG AN	Ai là người đầu tiên viết ra sách <i>Linh Nam chích quái?</i> ...	16, 52
58	JAKOBSON, R.O	Ngôn ngữ học và thi học	14, 51-58
59	KHIẾU THỊ HOÀI	Bài thơ: <i>Kỉ niệm buồn ở biển</i> những mặn nồng trong nghịch lí một tình yêu	5, 71-72
60	KHIẾU THỊ HOÀI	Bài thơ <i>Giấc mơ</i> của Phạm Đình Ân - sự biến ảo kì lạ của em và niềm khao khát của tôi	6, 60-62
61	KIẾU THỊ THU HƯƠNG	Các yếu tố phi ngôn ngữ và việc dạy - học ngoại ngữ	9, 24-30
62	KIẾU THU HOẠCH	<i>Từ điển từ cổ</i> của Vương Lộc - một cuốn sách công cụ có giá trị	9, 75-78
63	LÊ A	Dạy tiếng Việt là dạy một hoạt động và bằng hoạt động	4, 61-65
64	LÊ ANH XUÂN	Trả lời dưới dạng câu nghi vấn để thực hiện hành vi khẳng định một cách gián tiếp	2, 19-25
65	LÊ ĐẠT	Mấy ý kiến ngắn về thơ	3, 49-52
66	LÊ HUY QUANG	Thơ - bất chợt những vui buồn	5, 68-70
67	LÊ PHƯƠNG NGA	Một vài thủ pháp luyện phát âm theo chuẩn và đọc diễn cảm cho sinh viên Khoa giáo dục tiểu học	8, 31-36
68	LÊ QUANG THIÊM	Mấy vấn đề ngôn ngữ văn bản Đông Kinh Nghĩa Thục	5, 28-33
69	LÊ QUANG THIÊM	Bước chuyển của từ vựng xã hội - chính trị tiếng Việt 30 năm đầu thế kỉ XX (1900-1930)	11, 17-24
70	LÊ TÂM CHÍNH	Nguyễn Đình Thi - Câu chuyện về thơ và 10.000 loại phong lan	8, 41-43
71	LÊ THỊ HỒ QUANG	Mùa thu còn là một biểu tượng thời gian trong con mắt Xuân Diệu	15, 48-51
72	LÊ THỊ LAN ANH	Tìm hiểu sự hiện thực hoá các vai nghĩa và các thành phần câu trong văn bản tiếng Việt	4, 18-19
73	LÊ THỊ LỆ THANH	Ý niệm về các chiết đoạn thời gian ngắn trong tiếng Việt	15, 17-24
74	LÊ THỊ NGỌC QUỲNH	Thế giới thiên nhiên trong thơ Xuân Quỳnh	12, 7-16
75	LÊ TRUNG HOA	Làm thế nào để viết đúng hỏi, ngã?	4, 51-53
76	LÊ TRUNG THÀNH	Dạy học nêu vấn đề và việc giảng dạy Ngữ pháp lớp 5	8, 55-58
77	LÊ VĂN TẤN	Đoàn tàu đã cháy bùng lên khát vọng	8, 29-30
78	LÊ VĂN TRƯỜNG	Những từ gốc Hán có phụ âm đầu /t/ trong tiếng Tây	5, 64-66
79	LÊ VĂN TÙNG	Về tính đa nghĩa của bài thơ <i>Thế non nước</i> (Tản Đà)	14, 47-50
80	LÊ XUÂN MẬU	Hàm ngôn và dạy hàm ngôn	8, 73-76
81	LÝ TOÀN THẮNG - NGUYỄN VĂN LỢI	Về sự phát triển của ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam trong thế kỉ XX	2, 1-11
82	LÝ TOÀN THẮNG	Sự hình dung không gian trong ngữ nghĩa của loại từ và danh từ chỉ đơn vị	3, 1-8
83	LÝ TOÀN THẮNG	Bảng trắc lục bát truyện "Kiều"	4, 26-31
84	LÝ TOÀN THẮNG	Đôi điều cảm nghĩ về Giáo sư Nguyễn Tài Cẩn	5, 7-8
85	LÝ TOÀN THẮNG	Bản sắc văn hoá: thử nhìn từ góc độ tâm lý - ngôn ngữ	15, 1-6
86	MAI NGỌC CHỮ	Quan điểm giao tiếp - thực tiễn trong việc viết giáo trình tiếng Việt và dạy tiếng Việt cho người nước ngoài ở giai đoạn đầu	14, 8- 11
87	NGÔ BÍCH HƯƠNG	<i>Màu thời gian</i> - Sắc màu tâm trạng	12, 24-25

88	NGÔ THỊ HOÀ	Vài suy nghĩ về việc đổi mới phương pháp dạy học qua giờ giảng văn	12, 52-55
89	NGUYỄN BÁ	Phân tích cấu trúc ý nghĩa của thuật ngữ <i>giáo dục</i>	16, 1-5
90	NGUYỄN BÁ KHOA	Để hiểu thêm về khái niệm hệ thuật ngữ	10, 76-79
91	NGUYỄN BÁ NGỌC	Thành ngữ tiếng Anh với người dạy, người học Việt Nam	9, 11-16
92	NGUYỄN CÔNG THÀNH	Tâm trạng Thuý Kiều trong đoạn trích <i>Thúc Sinh từ biệt Thuý Kiều</i>	4, 46 - 48
93	NGUYỄN ĐĂNG SỬU	Nghiên cứu đối chiếu câu nghi vấn không đích thực trong tiếng Anh và tiếng Việt	15, 37-43
94	NGUYỄN ĐÌNH KHẢI	Góp thêm ý kiến về thân phận người phụ nữ trong truyện <i>Người con gái Nam Xương</i> của Nguyễn Dữ (Văn học 9, Tập 1)	16, 70
95	NGUYỄN ĐỨC DÂN	Những quan điểm cơ bản về ngôn ngữ học của Z.Harris	7, 7-16
96	NGUYỄN ĐỨC DÂN	Vài suy nghĩ nhân bài <i>Các lí thuyết ngôn ngữ học cuối thế kỉ XX</i>	11, 13-16
97	NGUYỄN ĐỨC DƯƠNG	Về những nguyên nhân khiến giải nghĩa sai tục ngữ	15, 68-73
98	NGUYỄN ĐỨC MẬU	Nghệ thuật sử dụng ngôn từ trong một bài thơ tứ tuyệt...	3, 56
99	NGUYỄN ĐỨC TỐN	Cách nhận diện và phân biệt từ thuần Việt với từ Hán Việt	2, 45-50
100	NGUYỄN HOÀ	Về tính giao tiếp và tính ký hiệu của diễn ngôn	6, 3-11
101	NGUYỄN HOÀNG ANH	So sánh từ chỉ số nhiều trong tiếng Việt và tiếng Hán	13, 41-45
102	NGUYỄN HỒNG CỐN	Bàn thêm về cấu trúc thông báo của câu tiếng Việt	5, 43-53
103	NGUYỄN HỒNG CỐN	Về vấn đề tương đương trong dịch thuật	11, 50-55
104	NGUYỄN HỮU HOÀNH - TẠ VĂN THÔNG	Đời sống ngôn ngữ của người Dao ở Việt Nam.....	2, 32-38
105	NGUYỄN KHẮC HUẤN	Một góc nhìn về đơn vị "tiếng" trong Việt ngữ	3, 41-48
106	NGUYỄN KHẮC PHI	Dạy học tiếng Việt trong nhà trường phổ thông	8, 51-54
107	NGUYỄN KHẮC PHI	Từ một từ, nghĩ đến việc phiên âm chữ Hán	16, 53-55
108	NGUYỄN MINH BẮC	Đọc bài <i>Đợi</i> của Vũ Quần Phương	4, 49-50
109	NGUYỄN MINH THUYẾT	Mấy quan điểm cơ bản trong việc biên soạn sách giáo khoa Tiếng Việt (thử nghiệm) bậc tiểu học và bậc trung học cơ sở	4, 57-60
110	NGUYỄN NGỌC THIỆN	"Con chim vành khuyên" bay vào vườn thơ	10, 59-61
111	NGUYỄN PHÚ PHONG	Cái nhìn đối chiếu giữa hai chữ viết tiếng Việt	13, 24-33
112	NGUYỄN QUANG	Tính phù hợp và áp lực quyền lực trong giao tiếp nội văn hoá và giao văn hoá	6, 20-31
113	NGUYỄN QUANG HỒNG	Các ngữ tố chung giữa hai ngôn ngữ Việt và Choang	13, 12-23
114	NGUYỄN QUỐC HÙNG	Một vài đặc điểm đáng lưu ý về tư duy ngôn ngữ ở người Anh	8, 69-72
115	NGUYỄN TÀI CẢN	Một giả thuyết nữa về lai lịch của tên "chần" trong "chần tinh" và "bà chần"	5, 9-11
116	NGUYỄN TÀI CẢN	<i>Dụng học Việt ngữ</i> - Một cuốn sách giáo khoa tốt cho sinh viên	11, 25
117	NGUYỄN THẾ HẠ	Dạy từ ngữ văn chương qua một số bài thơ của Hồ Xuân Hương.....	4, 32-37
118	NGUYỄN THẾ LỊCH	Ngữ pháp của thơ (tiếp theo kì trước)	1, 58-64

119	NGUYỄN THẾ LỊCH	Cấu trúc so sánh trong tiếng Việt	7, 62-71
120	NGUYỄN THẾ LỊCH	Cấu trúc so sánh trong tiếng Việt (tiếp theo và hết)	9, 67-74
121	NGUYỄN THẾ LỊCH	Phương diện ngôn ngữ học của việc dạy môn Tiếng Việt lớp 1 cải cách giáo dục	10; 62-69
122	NGUYỄN THẾ LỊCH	Phương diện ngôn ngữ học của việc dạy môn Tiếng Việt lớp 1 cải cách giáo dục (tiếp theo và hết)	11, 70-77
123	NGUYỄN THỊ ANH	Sự thể hiện của đề trong câu tiếng Việt và câu tiếng Anh	1, 36-44
124	NGUYỄN THỊ BÍCH	Giảng bài <i>Văn tế Trương Quỳnh Như</i>	16, 65-69
125	NGUYỄN THỊ BÍCH HÀ	Đọc sách: <i>Ngữ pháp tiếng Nhật</i>	9, 79-80
126	NGUYỄN THỊ BÍCH NGÀ	Câu thơ lục bát Nguyễn Duy	12, 20-23
127	NGUYỄN THỊ HAI	Hành động từ chối trong tiếng Việt hội thoại	1, 1-12
128	NGUYỄN THỊ GIANG	<i>Mảnh trăng cuối rừng</i> của Nguyễn Minh Châu	12, 56-61
129	NGUYỄN THỊ HOÀNG YẾN	Thành phần mở rộng và các yếu tố lịch sự trong phát ngôn chệ	4, 14-17
130	NGUYỄN THỊ KIM DUNG - LAN HƯƠNG	Dạy từ trái nghĩa cho học sinh trung học cơ sở	3, 57 - 61
131	NGUYỄN THỊ KIM LAN	Cảm nhận về sự hoà hợp độc đáo bút pháp cổ điển và bút pháp hiện đại của thơ nghệ thuật Hồ Chí Minh qua bài thơ <i>Chiều tối</i>	12, 3-6
132	NGUYỄN THỊ LY KHA	Tính đếm được của nhóm danh từ Hán Việt chỉ động vật	13, 34-40
133	NGUYỄN THỊ MAI ANH	Từ nhận xét của Nguyễn Tuân thấy ngọt ngào "cái dư vị và cái nhả thứ" của văn Thạch Lam	12, 73-77
134	NGUYỄN THỊ NGÂN HOA	Biểu tượng chiếc áo trong đời sống tinh thần người Việt qua thơ ca	8, 15-21
135	NGUYỄN THỊ NGÂN HOA	Biểu tượng đôi giầy trong văn hoá và ngôn ngữ thơ ca Việt Nam	15, 52-59
136	NGUYỄN THỊ NGỌC	Về chương trình và sách giáo khoa Tiếng Việt trong nhà trường phổ thông	8, 47-50
137	NGUYỄN THỊ NGỌC HÂN	Tiểu từ tình thái cuối câu <i>nhé</i> : hàm ý của người nói.....	16, 6-8
138	NGUYỄN THỊ NHUNG	Thêm cách hiểu về một câu tục ngữ	6, 78-80
139	NGUYỄN THỊ NHUNG	Vài suy nghĩ về phương pháp "hướng tập trung vào học sinh" qua bài giảng văn	12, 47-51
140	NGUYỄN THỊ THANH HÀ	Dạy từ láy cho học sinh trung học cơ sở	2, 51-56
141	NGUYỄN THỊ THANH HÀ	Nhìn nhận lại hiện tượng láy trong tiếng Việt	8, 7-14
142	NGUYỄN THỊ THANH HÀ	Một vài suy nghĩ về thực hiện cải cách biên soạn SGK qua bộ sách Ngữ văn thí điểm lớp 6	12, 38-41
143	NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG	Một số nhận xét về đặc điểm ngôn ngữ của các đầu đề trong báo chí tiếng Anh hiện đại	9, 31-40
144	NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG	Một số nhận xét về đặc điểm ngôn ngữ của các đầu đề trong báo chí tiếng Anh hiện đại (tiếp theo và hết)	10, 45-54
145	NGUYỄN THỊ THANH NGÀ	Phương thức chuyển nghĩa và tạo đơn vị từ vựng mới trên cơ sở nghĩa biểu trưng trong giao tiếp lời nói hàng ngày	4, 5-13

146	NGUYỄN THỊ THÌN - PHÙNG THỊ THANH	Câu hỏi trong hội thoại dạy học ở trường phổ thông trung học	6, 63-68
147	NGUYỄN THỊ THÌN - HÀ QUANG NĂNG	Vài suy nghĩ về việc dạy bài <i>Một số lỗi dùng từ nên tránh</i> ở chương trình tiếng Việt lớp 10	14, 73-78
148	NGUYỄN THỊ THU THUY	Phép lặng - một hành vi ngôn ngữ gián tiếp và một biện pháp tu từ trong lời kể của truyện	4, 20-25
149	NGUYỄN THỊ THUẬN	Thử giải thuyết tính chất "chuyển tiếp" của động từ tình thái <i>phải</i> trong mối quan hệ với các động từ tình thái <i> nên, cần và bị, được</i>	7, 30-36
150	NGUYỄN THỊ THUẬN	Bàn về nội dung và cách dạy câu phức, câu ghép trong <i>Tiếng Việt 10</i>	8, 59-68
151	NGUYỄN THỊ TRUNG THÀNH	Nhận xét về những từ ghép song tiết đẳng lập chỉ trạng thái tình cảm con người	15, 25-29
152	NGUYỄN THỊ VIỆT THANH	Về một số hiện tượng ngôn ngữ đặc trưng của văn bản tin tiếng Việt	11, 37-41
153	NGUYỄN THIỆN GIÁP	Một số chứng tích về ngôn ngữ, văn tự và văn hoá - một tuyển tập có giá trị của GS Nguyễn Tài Cẩn	5, 17-18
154	NGUYỄN THIỆN GIÁP	<i>Những vấn đề dạy và học tiếng Việt trong nhà trường - Một cuốn sách bổ ích đối với giáo viên và học sinh</i>	13, 77-79
155	NGUYỄN THU HẰNG	Bước đầu tìm hiểu các đặc điểm của tên chùa Hà Nội....	15, 44-47
156	NGUYỄN THUY KHANH	Về nhóm từ đồng nghĩa: <i> hai - đôi - cặp</i>	14, 79-80
157	NGUYỄN THUY NGA	<i>Tràng giang</i> - Bài thơ hiện đại mang đậm màu sắc cổ điển	12, 26-29
158	NGUYỄN TRỌNG HOÀN	Lượm	4, 66-69
159	NGUYỄN VĂN HIỆP	Hướng đến một cách miêu tả và phân loại các tiểu từ tình thái cuối câu tiếng Việt	5, 54-63
160	NGUYỄN VĂN HIỆP	Về một khía cạnh phân tích tâm tác động tình thái	11, 42-49
161	NGUYỄN VĂN HIỆP	Các hành động ngôn từ và lực ngôn trung	15, 74-80
162	NGUYỄN VĂN LỢI	Mấy suy nghĩ về nội dung và phương pháp giảng dạy một số tác phẩm thơ hiện đại trong chương trình trung học phổ thông	16, 62-64
163	NGUYỄN XUÂN KHOA	Dạy trẻ thay đổi cấu trúc cú pháp của câu bằng cấu trúc đồng nghĩa	16, 39-43
164	NGUYỄN XUÂN KÍNH	Giải thích tục ngữ	4, 77-78
165	NGUYỄN XUÂN LẠC	Tình người đẹp trong <i>Mùa xuân chín</i>	16, 27-29
166	NGUYỄN XUÂN THƠM	Khái niệm mệnh đề nghĩa (proposition) trong cách nhìn của R.A. Jacobs và M.A.K Halliday	6, 37-44
167	PHẠM ĐĂNG BÌNH	Vai trò của nhân tố văn hoá trong quá trình giao tiếp bằng tiếng nước ngoài	4, 70-76
168	PHẠM ĐĂNG BÌNH	Một số quan niệm khác nhau về lỗi trong quá trình dạy và học tiếng nước ngoài	14, 59-66
169	PHẠM QUANG TRƯỜNG	Thời quá khứ trong tiếng Pháp	13, 74-76
170	PHẠM TẮT THẮNG	Đọc sách: Ngôn ngữ học xã hội - những vấn đề cơ bản	2, 71-73

171	PHẠM THỊ HẰNG	Sự biến đổi về ý nghĩa biểu cảm của từ vựng trong văn kiện Đảng 1930-1945	3, 29-33
172	PHẠM TRỌNG TÂN	Phân biệt trạng ngữ với đề ngữ, với vế phụ trong câu ghép chính phụ (<i>Tiếng Việt 7</i>)	10, 70-75
173	PHẠM VĂN TÌNH	Cấu trúc giả định của các phát ngôn tình lược	1, 74-79
174	PHẠM XUÂN MAI	Câu phức với liên từ <i>который</i> trong tiếng Nga và các phương tiện thể hiện chúng trong tiếng Việt	15, 30-36
175	PHAN HỒNG XUÂN	Mấy nhận xét về cách sử dụng ẩn dụ của các nhà Thơ Mới trong <i>Thi nhân Việt Nam</i>	4, 38-45
176	PHAN HỒNG XUÂN	Mấy nhận xét về cách sử dụng ẩn dụ của các nhà Thơ Mới trong <i>Thi nhân Việt Nam</i> (tiếp theo và hết).....	8, 22-28
177	PHAN HUY DŨNG	Nhận diện nhịp điệu thơ trữ tình	16, 16-20
178	PHAN MẬU CẢNH	Xung quanh vấn đề câu và phát ngôn (<i>Sách Tiếng Việt 10 và Tiếng Việt 11</i>)	13, 67-70
179	PHAN PHƯƠNG DUNG	Dạy kể chuyện theo thể loại	16, 44-48
180	PHAN THỊ THẠCH	Tìm hiểu một số trường hợp dùng dấu phẩy để tách biệt chủ ngữ, vị ngữ	4, 1-4
181	PHAN THỊ MINH THUY	Về cách diễn đạt ý nghĩa thể trong tiếng Nga và tiếng Việt	1, 45-51
182	PHAN THỊ MINH THUY	Cách diễn đạt ý nghĩa thời gian trong tiếng Việt	10, 13-19
183	TẠ VĂN THÔNG	Cách viết tên các dân tộc ở Việt Nam	10, 26-32
184	TẠ VĂN THÔNG	Cách xưng gọi trong <i>Đế Mên phiêu lưu ký</i>	16, 21-26
185	THẠCH KIM HƯƠNG	Xung quanh việc biên soạn phần tác giả Nguyễn Du trong chương trình <i>Văn học 10</i> (<i>Sách chính lí hợp nhất</i>)	16, 49-51
186	THU THU	<i>Linh chường</i> hay <i>linh trường</i>	10, 80
187	THY NGỌC	Dòng chảy của thơ	5, 67
188	TIỂU BAN BIÊN SOẠN CHƯƠNG TRÌNH TIẾNG VIỆT	Về dự thảo chương trình tiếng Việt tiểu học năm 2000....	4, 54-56
189	TIỂU BAN BIÊN SOẠN CHƯƠNG TRÌNH TIẾNG VIỆT	Về dự thảo chương trình tiếng Việt tiểu học năm 2000 (tiếp theo và hết)	8, 44-46
190	TÔN NỮ MỸ NHẬT	Những đặc trưng văn hoá - ngôn ngữ của đoạn thoại yêu cầu trong tiếng Anh và tiếng Việt	13, 46-59
191	TRẦN ĐẠI NGHĨA	Tổ hợp <i>con lếu</i> trong <i>Quốc âm thi tập</i> của Nguyễn Trãi - một manh mối về lịch sử loại từ tiếng Việt	10, 20-25
192	TRẦN ĐAN PHỤNG	Vài suy nghĩ về vai trò của người thầy trong việc đổi mới phương pháp dạy học	12, 42-46
193	TRẦN ĐÌNH SỬ	Về vấn đề dạy làm văn (tạo lập văn bản) trong chương trình sách giáo khoa tiếng Việt, làm văn ở trường phổ thông (từ lớp 1 đến lớp 12)	16, 56-61
194	TRẦN HỮU MẠNH	Mấy nét về quá trình xây dựng và trưởng thành của Khoa ngôn ngữ và văn hoá Anh - Mỹ Trường đại học ngoại ngữ, Đại học quốc gia Hà Nội	6, 1-2
195	TRẦN HỮU MẠNH	Bàn về mối quan hệ liên môn và việc dạy lí thuyết tiếng Anh ở Trường đại học ngoại ngữ Việt Nam đầu thế kỉ XXI	9, 1-10

196	TRẦN HỮU MẠNH	Bàn về mối quan hệ liên môn và việc dạy lý thuyết tiếng Anh ở Trường đại học ngoại ngữ Việt Nam đầu thế kỉ XXI (tiếp theo và hết)	10, 39-44
197	TRẦN KIM PHƯƠNG	Về các điều kiện của động từ ngôn hành tiếng Việt	2, 39-44
198	TRẦN MINH	Về <i>Tập bản đồ ngôn ngữ Trung Quốc</i>	13, 60-63
199	TRẦN NGỌC THÈM	Từ ngữ pháp chức năng, nghĩ về ngữ pháp của tương lai	14, 1-7
200	TRẦN NHUẬN MINH	Ngôn ngữ thơ hiểu thế nào cho phải?	6, 54-55
201	TRẦN QUANG HẢI	Dịch các giới ngữ chỉ quan hệ vị trí trong không gian từ tiếng Việt sang tiếng Anh và ngược lại: khó mà dễ	1, 65-68
202	TRẦN THỊ NGỌC TUYẾT	Sơ lược về phép đối và điệp trong tác phẩm <i>Quốc âm thi tập</i> của Nguyễn Trãi	13, 64-66
203	TRẦN THỊ NHÀN	Đọc sách: Loại từ trong các ngôn ngữ ở Việt Nam	3, 73-75
204	TRẦN THỊ THANH	Vẻ đẹp của ngôn ngữ văn chương qua tác phẩm <i>Chi Phèo</i> - Nam Cao	12, 17-19
205	TRẦN TRÍ DỐI	Khảo sát nhu cầu tiếp nhận giáo dục tiếng mẹ đẻ ở một vài dân tộc thiểu số một số tỉnh miền núi phía Bắc	11, 31-36
206	TRẦN XUÂN DIỆP	Vấn đề kỳ thị giới tính trong ngôn ngữ trong mối quan hệ giữa ngôn ngữ và tư duy	6, 45-51
207	TRẦN XUÂN DIỆP	Vấn đề kỳ thị giới tính trong ngôn ngữ trong mối quan hệ giữa ngôn ngữ và tư duy (tiếp theo và hết)	9, 51-55
208	TRẦN XUÂN ĐÌNH	Phát huy những thành tựu đạt được, Giáo dục - đào tạo Hải Phòng vững vàng tiến vào thế kỉ XXI ngay từ năm học đầu tiên của thế kỉ mới	12, 1-2
209	TRỊNH THANH SƠN	Bàn về ngôn ngữ thơ	6, 56-59
210	TRÚC THÔNG	Vài ý nghĩ về <i>chữ và thơ</i>	7, 59-61
211	TRÚC THÔNG	Tìm hiểu biến động ngôn ngữ thơ sau Cách mạng Tháng Tám qua khảo sát một bài thơ của Hữu Loan	10, 55-58
212	TRÚC THÔNG	Phát biểu gọn về "chi tiết trong thơ"	11, 56-57
213	VÕ ĐẠI QUANG	Ngữ điệu - Một loại hình dấu hiệu ngữ vi (IFID) nổi trội trong tiếng Anh	6, 32-36
214	VÕ LÝ HOÀ	Vai trò của văn bản tóm tắt và các cơ sở nghiên cứu tóm tắt văn bản	3, 34-40
215	VŨ DUY THÔNG	Ngôn ngữ <i>Thơ Mới</i> và ngôn ngữ thơ kháng chiến	1, 52-57
216	VŨ ĐỨC NGHIỆU	Nửa sau thế kỉ XX - một chặng đường nghiên cứu lịch sử tiếng Việt	5, 34 - 42
217	VŨ ĐỨC NGHIỆU	Ngữ pháp, ngữ nghĩa của hai kiểu danh ngữ: <i>hạt dưa...</i> , <i>một hạt dưa</i>	11, 26-30
218	VŨ THẾ KHÔI	Một đóng góp của Nga ngữ học Việt Nam (Về công trình <i>Sử dụng động từ tiếng Nga</i> của Trần Thống)	10, 33-38
219	VŨ THỊ KIM HOA	Từ ghép Hán - Việt - Những biến đổi về ngữ âm, cấu tạo, ngữ nghĩa so với từ ghép Hán tương đương	7, 47-55
220	VŨ TỔNG	Một cách biểu thị hành vi cam kết trong đời sống hàng ngày	7, 56-58
221	VŨ VĂN ĐẠI	Tính giao tiếp: Một nguyên tắc trong hoạt động dịch	3, 20-28
222	VƯƠNG LỆ THUY	Một hướng tiếp cận và giảng dạy <i>Bài thơ số 28</i> của Rabindranat Tago	12, 62-68

MỤC LỤC TẠP CHÍ “NGÔN NGỮ” NĂM 2000

TT	TÁC GIẢ	TÊN BÀI	SỐ, TRANG
1	ANH ĐÀO - THU THU	Đọc sách: “ <i>Tiếng Việt trong trường học</i> ” (Tập III)	7, 65 - 67
2	ANH ĐÀO	Dạy yếu tố Hán Việt cho học sinh	10, 66 - 67
3	APRESJAN, JU.D.	Thông tin ngữ dụng đối với từ điển giải thích	7, 68 - 80
4	APRESJAN, JU.D.	Thông tin ngữ dụng đối với từ điển giải thích (tiếp theo kì trước)	8, 68 - 80
5	APRESJAN, JU.D.	Thông tin ngữ dụng đối với từ điển giải thích (tiếp theo kì trước)	9, 74 - 80
6	BẰNG THANH	Một số quy tắc phiên âm tên riêng tiếng Anh	8, 59 - 65
7	BETH NICOLSON	Tiếng Nùng ở tỉnh Lạng Sơn	2, 57 - 66
8	BIỆT MINH ĐIỂN	Về tính từ chỉ màu sắc trong thơ Nguyễn Khuyến	7, 48 - 55
9	BÙI KHÁNH THẾ	Ngôn ngữ của cuộc sống hiện thực (tiếp tục con đường học tập di sản ngôn ngữ của Bác Hồ)	9, 19 - 28
10	BÙI MẠNH HÙNG	Về một số đặc trưng ngữ nghĩa - ngữ pháp của “ <i>những</i> ” và “ <i>các</i> ”	3, 16 - 26
11	BÙI MẠNH HÙNG	Về vấn đề quán từ và nhận diện quán từ trong tiếng Việt	12, 1 - 16
12	BÙI MINH TOÀN - NGÔ THỊ BÍCH HƯƠNG	Vị ngữ phụ trong câu tiếng Việt: Bình diện ngữ nghĩa	11, 27 - 33
13	CAO THỊ THU	Để dạy tốt bài “ <i>Cấu tạo của từ</i> ” cho học sinh lớp 6	11, 48 - 52
14	CAO XUÂN HẠO	Ý nghĩa “ <i>hoàn tất</i> ” trong tiếng Việt	5, 9 - 15
15	DIỆP QUANG BAN	Thử điểm qua việc nghiên cứu ngữ pháp tiếng Việt trong nửa thế kỉ qua	9, 41 - 47
16	DIỆP QUANG BAN	Thử bàn về một số vấn đề liên quan đến môn Ngữ pháp tiếng Việt trong nhà trường	11, 55 - 58
17	DIỆP QUANG BAN - NGUYỄN THỊ THUẬN	Lại bàn về vấn đề câu bị động trong tiếng Việt	7, 14 - 21
18	ĐÀO THẢN	Điển tích trong văn thơ	8, 66 - 67
19	ĐINH TRỌNG LẠC - BÙI CÔNG CẢN	Trường cú trong tiếng Việt	6, 25 - 34
20	ĐINH VĂN ĐỨC	Ngôn ngữ báo chí tiếng Việt đầu thế kỉ XX: Một quan sát về ngôn ngữ của báo chí cách mạng Việt Nam (giai đoạn 1925 - 1945)	3, 1 - 10
21	ĐINH VĂN ĐỨC	Góp thêm một vài nhận thức vào việc tìm kiếm giải pháp cho “ <i>cách viết và cách đọc các tên riêng nước ngoài ở nước ta</i> ”	5, 70 - 72
22	ĐỖ HỮU CHÂU	Xã hội Việt Nam hiện nay, tiếng Việt hiện nay và sự nghiệp giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt	1, 1 - 8

23	ĐỖ HỮU CHÂU	Tìm hiểu văn hoá qua ngôn ngữ	10, 1 - 18
24	ĐỖ KIM HỒI	Thêm một lời nói ngắn về việc dạy/học làm văn	6, 65 - 67
25	ĐỖ KIM HỒI	Bàn thêm về khái niệm "vấn đề" trong tập làm văn nghị luận	11, 38 - 40
26	ĐỨC NGUYỄN	Về hệ phương pháp dạy nghĩa của từ cho học sinh trung học cơ sở	1, 69 - 76
27	ĐỨC NGUYỄN	Về một cách xưng hô của học sinh đối với thầy giáo	3, 72 - 74
28	HALLIDAY	Dẫn luận ngữ pháp chức năng	12, 62 - 66
29	HOÀNG CAO CƯƠNG	Sự phát triển ngôn ngữ và ngôn ngữ đã phát triển: trường hợp tiếng Việt	1, 36 - 45
30	HOÀNG DŨNG - NGUYỄN THỊ LY KHA	Ngữ nghĩa và ngữ pháp của danh từ riêng	12, 17 - 29
31	HOÀNG THỊ CHÂU	Sự hình thành một phương ngữ Việt ngoài lãnh thổ quốc gia	4, 23 - 25
32	HOÀNG TUỆ	Phân tích văn bản <i>Tuyên ngôn độc lập</i>	9, 3 - 9
33	HOÀNG TUỆ - HÀ NHỊ	Các quan điểm chuẩn mực hoá ngôn ngữ thời hiện đại ở Đức	1, 55 - 57
34	HOÀNG VĂN HÀNH	Những định hướng và bình diện của công cuộc giữ gìn sự trong sáng và chuẩn hoá tiếng Việt	2, 1 - 5
35	HOÀNG VĂN HÀNH	Những quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh từ góc độ ngôn ngữ học về ngôn ngữ và giao tiếp ngôn ngữ	9, 10 - 18
36	HOÀNG VĂN VÂN	Xây dựng chính sách ngôn ngữ: kinh nghiệm của Úc	1, 58 - 68
37	HỒ LÊ	Những đặc điểm lô gích - ngữ pháp của một loại câu	7, 1 - 13
38	HUỶNH MINH CẢNH	Nhận xét cách phân loại câu theo cấu tạo ngữ pháp trong hai bộ sách giáo khoa trung học	4, 68 - 72
39	HUỶNH VĂN THÔNG	Mấy nhận xét về vị từ tình thái và ý nghĩa <i>thể</i> (aspect) trong tiếng Việt	8, 51 - 58
40	HUỶNH VĂN THÔNG	Mấy nhận xét về vị từ tình thái và ý nghĩa <i>thể</i> (aspect) trong tiếng Việt (tiếp theo và hết)	10, 49 - 55
41	HỮU ĐẠT - TRẦN THỊ MỸ	Ảnh hưởng của thói quen nói kiểu ngôn ngữ đơn lập với hiệu quả của việc dạy và học tiếng Pháp trong nhà trường	6, 52 - 59
42	LÊ ANH XUÂN	Các dạng trả lời gián tiếp cho câu hỏi chính danh	4, 43 - 51
43	LÊ HUY THỰC	Vấn đề phiên âm và viết tắt từ ngữ nước ngoài trong báo chí viết	3, 75 - 80
44	LÊ QUANG THIÊM	Về vấn đề ngôn ngữ quốc gia	1, 30 - 35
45	LÊ TRUNG HOA	Hiện tượng đồng hoá trong một số từ ngữ song tiết tiếng Việt	4, 52 - 58
46	LÊ TRUNG HOA	Nghĩ về công việc của người nghiên cứu địa danh và biên soạn từ điển địa danh	8, 1 - 6
47	LÊ THANH	Nhận thức về "năm" trong tiếng Việt và tiếng Đức	2, 40 - 46
48	LỮ THANH HÀ	Một nét đẹp văn hoá Thái phản ánh qua lời chào	10, 62 - 65
49	LÝ TOÀN THẮNG	Về cấu trúc ngữ nghĩa của câu	5, 1 - 8
50	LÝ TOÀN THẮNG	Nhớ những lần được gặp đồng chí Phạm Văn Đồng	6, 15 - 16
51	MAI HẢO YẾN	Lý thuyết hội thoại và những đặc điểm của thoại dẫn	8, 33 - 40

52	MAI NGỌC CHỮ	Về cách dùng "sau" và "sau khi", "trước" và "trước khi".....	6, 68 - 69
53	MAI NGỌC CHỮ	Cách dùng các từ "cho" và "để"	10, 68 - 69
54	NGUYỄN DUY QUÝ	Tạp chí "Ngôn ngữ" hãy góp phần xứng đáng vào công cuộc bảo vệ và phát triển tiếng Việt	9, 1 - 2
55	NGUYỄN ĐỨC DÂN	Dịch máy	7, 22 - 28
56	NGUYỄN ĐỨC DƯƠNG	Nghĩa của "đều", "cũng" và "vẫn"	2, 15 - 25
57	NGUYỄN ĐỨC TỎN	Cảnh huống và chính sách ngôn ngữ ở Liên bang Nga.....	1, 9 - 18
58	NGUYỄN ĐỨC TỎN	Cảnh huống và chính sách ngôn ngữ ở Liên bang Nga (tiếp theo kỳ trước)	2, 6 - 14
59	NGUYỄN ĐỨC TỎN	Vấn đề dạy và học từ ngữ trong sách giáo khoa tiếng Việt trung học cơ sở	11, 1 - 13
60	NGUYỄN HOÀNG ANH	Vài nét về cơ sở tri nhận và cơ sở ngữ nghĩa của trật tự từ ngữ trong danh ngữ tiếng Hán	5, 54 - 58
61	NGUYỄN HỒNG CỎN	Về sự phi đối xứng giữa hình thức và ý nghĩa trong các đơn vị ngữ pháp	7, 36 - 47
62	NGUYỄN NGỌC LAM	Việt hoá tiếng nước ngoài hay quốc tế hoá tiếng Việt?	7, 62 - 64
63	NGUYỄN NGỌC TRÂM	Từ Hán - Việt trong sự phát triển từ vựng tiếng Việt giai đoạn hiện nay	5, 16 - 29
64	NGUYỄN NHÃ BẢO	Từ điển phương ngữ - một dạng thức đối chiếu đặc biệt...	5, 30 - 35
65	NGUYỄN QUANG HỒNG	<i>Riu tiếng</i> và <i>tiếng riu</i> trong tiếng Việt	3, 11 - 15
66	NGUYỄN TÀI CẨN	Bàn thêm về chuyện tên rỗng	11, 22 - 26
67	NGUYỄN THANH BÌNH	Về cuốn "Đề thi tuyển sinh năm học 1999 - 2000 - Môn tiếng Anh"	11, 59 - 60
68	NGUYỄN THẾ LỊCH	Về phương diện ngôn ngữ học của việc dạy môn tiếng Việt lớp 1 của Trung tâm Công nghệ giáo dục	6, 35 - 44
69	NGUYỄN THẾ LỊCH	Về phương diện ngôn ngữ học của việc dạy môn tiếng Việt lớp 1 của Trung tâm Công nghệ giáo dục (tiếp theo)	7, 29 - 35
70	NGUYỄN THẾ LỊCH	Ngữ pháp của thơ	11, 14 - 21
71	NGUYỄN THẾ LỊCH	Ngữ pháp của thơ (tiếp theo)	12, 54 - 60
72	NGUYỄN THỊ ẢNH	Tiếng Việt có "thái bị động" không?	5, 36 - 47
73	NGUYỄN THỊ BÍCH HÀ	Về đặc điểm định danh của thuật ngữ thương mại tiếng Việt	3, 37 - 47
74	NGUYỄN THỊ TÂN	"Sáng lửa tối đèn" hay "Tối lửa tắt đèn"	12, 61
75	NGUYỄN THỊ THANH HÀ	Bàn thêm về hiện tượng "Từ láy đảo được trật tự".....	11, 41 - 47
76	NGUYỄN THỊ THANH HÀ - LAN HƯƠNG	Thủ pháp nhận diện và phân biệt từ láy với từ ghép có hình thức ngữ âm giống từ láy	7, 56 - 61
77	NGUYỄN THỊ THÌN	Quán ngữ tiếng Việt	9, 64 - 68
78	NGUYỄN THỊ THANH NGA	Ý nghĩa và tác dụng của phương thức láy trong khẩu ngữ	2, 29 - 39
79	NGUYỄN THỊ THÚY	Về cấu trúc thông báo của câu trả lời trực tiếp cho câu hỏi chính danh (khái niệm - phân loại)	8, 41 - 50
80	NGUYỄN THỊ VIỆT THANH	Một số đặc điểm của thành phần chủ ngữ trong tiếng Nhật	8, 24 - 32
81	NGUYỄN THIỆN GIÁP	Mấy suy nghĩ về cách phiên chuyển từ ngữ nước ngoài sang tiếng Việt	2, 67 - 80
82	NGUYỄN THIỆN GIÁP	Nghiên cứu một vài khái niệm mới trong ngôn ngữ học, nhớ lại những lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh	6, 8 - 14

83	NGUYỄN THIỆN GIÁP	Quá trình hiện đại hoá tiếng Việt từ sau Cách mạng Tháng Tám đến nay	9, 29 - 40
84	NGUYỄN THIỆN NAM	Một số nhận xét về việc dạy người nước ngoài đọc báo tiếng Việt	2, 47 - 56
85	NGUYỄN TRỌNG BÁU	Về vấn đề phiên chuyển từ ngữ nước ngoài ra tiếng Việt	9, 69 - 73
86	NGUYỄN TRỌNG KHÁNH	Đối chiếu danh ngữ tiếng Lào với danh ngữ tiếng Việt và một số ngôn ngữ khác trong khu vực	3, 27 - 36
87	NGUYỄN VĂN CHƯƠNG	"Tối lửa tắt đèn" hay "Sáng lửa tối đèn"?.....	11, 61
88	NGUYỄN VĂN KHANG	Chuẩn hoá thuật ngữ, nhìn lại từ góc độ bối cảnh xã hội	1, 46 - 54
89	NGUYỄN VĂN KHANG	Những vấn đề đặt ra đối với việc xử lí từ ngữ nước ngoài trong tiếng Việt	10, 70 - 76
90	NGUYỄN VĂN LỢI	Một số vấn đề về chính sách ngôn ngữ ở các quốc gia đa dân tộc	1, 19 - 29
91	NGUYỄN VĂN LỢI	V.M. Solntsev, nhà ngôn ngữ học lớn, chuyên gia hàng đầu về các ngôn ngữ phương Đông	6, 17 - 24
92	SOLNCEV, V.M	Ngôn ngữ học trước ngưỡng cửa thế kỷ XXI	4, 1 - 22
93	STEPANOV, JU.S	"Hình ảnh ngôn ngữ" thay đổi trong khoa học thế kỷ XX	4, 73 - 80
94	STEPANOV, JU.S	"Hình ảnh ngôn ngữ" thay đổi trong khoa học thế kỷ XX (tiếp theo kì trước)	5, 75 - 80
95	STEPANOV, JU.S	"Hình ảnh ngôn ngữ" thay đổi trong khoa học thế kỷ XX (tiếp theo kì trước)	6, 70 - 80
96	PHẠM ĐỨC DƯƠNG	Giải quyết mối quan hệ giữa ngôn ngữ quốc gia và ngôn ngữ các dân tộc ít người ở Việt Nam - vấn đề và giải pháp	10, 19 - 27
97	PHẠM HỒNG VINH	Ứng dụng phương pháp U - li - pô trong việc dạy và học tiếng nước ngoài (trên cơ sở minh hoạ bằng tiếng Pháp)	5, 59 - 69
98	PHẠM HÙNG VIỆT	Viết hoa tên riêng trong tiếng Việt	6, 45 - 51
99	PHẠM THỊ KIM ANH	Sự biểu đạt bằng ngôn ngữ tín hiệu thẩm mĩ "Lúa" trong "Thơ mới"	6, 60 - 64
100	PHAN MẬU CẢNH	Xung quanh kiểu phát ngôn tỉnh lược trong tiếng Việt	8, 16 - 23
101	PHẠM NGỌC THƯỜNG	Từ thân tộc trong xung hô của người Nùng (Tiếp cận dưới góc độ ngôn ngữ và văn hoá)	3, 55 - 58
102	PHẠM THỊ HOÀ	Sự chuyển biến ý nghĩa của các động từ biểu thị hành động vật lí sang biểu thị hành động nói năng	5, 48 - 53
103	PHẠM VĂN ĐỒNG	Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.....	6, 1 - 7
104	ROLAND JACQUES	Nguồn gốc và ý nghĩa các tên gọi "Hoa lang" và "Hoa lang đạo"	8, 7 - 15
105	TCNN	Tạp chí "Ngôn ngữ" tổ chức kỉ niệm 30 năm ngày thành lập và đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhất.....	9, 48 - 57
106	TCNN	Chúc mừng sinh nhật lần thứ 70 của GS.TS Phạm Đức Dương	10, 77 - 78
107	TCNN	Chúc mừng sinh nhật lần thứ 70 của GS.TSKH Nguyễn Lai	10, 79 - 80

108	TCNN	Chúc mừng sinh nhật lần thứ 70 của PGS Cao Xuân Hạo	12, 67 - 68
109	TCNN	Chúc mừng sinh nhật lần thứ 70 của PGS.TS Nguyễn Cao Đàm	12, 69 - 70
110	TCNN	Chúc mừng sinh nhật lần thứ 70 của PGS Vương Lộc ...	12, 71 - 72
111	TẠ VĂN THÔNG	Danh ngữ và "loại từ" tiếng Hà Nhi	3, 48 - 54
112	TRẦN ĐẠI NGHĨA	Nghĩa của loại từ <i>chiếc</i>	4, 26 - 33
113	TRẦN ĐẠI NGHĨA	Đọc mới bài thơ <i>Qua đèo Ngang</i> của Bà Huyện Thanh Quan	11, 34 - 37
114	TRẦN HOÀNG	Tìm hiểu về đặc điểm ngữ pháp và ngữ nghĩa của phụ từ trong đoán ngữ vị từ tiếng Việt các thế kỷ XIII - XVI qua một số văn bản phiên âm (Đối chiếu với tiếng Việt hiện đại)	12, 40 - 53
115	TRẦN THỊ NGÂN GIANG - ANH ĐÀO	Tìm hiểu nghĩa của hình vị mang thanh hỏi trong <i>ngày xưa ngày xưa, đêm nào đêm nào, tận đâu tận đâu</i> ,... trong tiếng Việt	2, 26 - 28
116	TRẦN THỊ NGÂN GIANG (ST)	Bài ca một trăm con mắt	11, 62
117	TRẦN THỊ NHÀN	Đọc sách: "Thành phần câu tiếng Việt".....	1, 77 - 80
118	TRIỀU NGUYỄN	Thử xác định hệ thống phân loại động vật trong tiếng Việt)	3, 67 - 71
119	TRỊNH ĐĂNG KHÁNH - NGUYỄN ANH TUẤN	Chương trình biến đổi ngược tuyến âm, một công cụ để nghiên cứu tham số cấu âm các nguyên âm tiếng Việt	9, 58 - 63
120	TRỊNH ĐĂNG KHÁNH - NGUYỄN ANH TUẤN	Chương trình biến đổi ngược tuyến âm, một công cụ để nghiên cứu tham số cấu âm các nguyên âm tiếng Việt (tiếp theo và hết)	10, 56 - 61
121	TRỊNH SÂM	Nghệ thuật tổ chức văn bản trong truyện cười bác Ba Phi	12, 30 - 39
122	VÕ ĐẠI QUANG	Một số đặc điểm ngữ nghĩa - ngữ dụng của các kiểu loại câu hỏi trong tiếng Anh (liên hệ với tiếng Việt)	3, 59 - 66
123	VÕ ĐẠI QUANG	Một số đặc điểm ngữ nghĩa - ngữ dụng của các kiểu loại câu hỏi trong tiếng Anh (liên hệ với tiếng Việt) (tiếp theo và hết)	4, 34 - 42
124	VŨ ĐỨC NGHIỆU	Nhìn lại việc nghiên cứu cội nguồn tiếng Việt qua các công trình thuộc nửa đầu thế kỷ XX	10, 28 - 38
125	VŨ BÁ HÙNG	Cần có cách nhìn thoả đáng đối với vấn đề phiên chuyển từ ngữ nước ngoài sang tiếng Việt	4, 59 - 67
126	VŨ THỊ THANH HƯƠNG	Chiến lược lịch sự thay đổi mức lợi - thiệt trong lời cầu khiến tiếng Việt	10, 39 - 48
127	VƯƠNG HIỂN HOÈ	Khái quát về giáo dục ngữ văn ở nước ngoài	11, 64 - 77
128	VƯƠNG LỘC	Hỏi đáp về chữ Nôm	5, 73 - 74
129	VƯƠNG LỘC	Tìm hiểu về các từ: " <i>chỉ</i> ", " <i>lục</i> ", " <i>kiến văn</i> ".....	11, 53 - 54

THÔNG BÁO

Do giá giấy và các chi phí khác đều tăng, Tạp chí Ngôn ngữ phải điều chỉnh giá. Từ số 1 năm 2001 giá mỗi cuốn là 12.000đ. Toà soạn mong bạn đọc thông cảm.

MỤC LỤC TẠP CHÍ “NGÔN NGỮ” NĂM 1999

TT	TÁC GIẢ	TÊN BÀI	SỐ, TRANG
1	АРУТЮНОВА Н.Д. ПАДУЧЕВА Е.В.	Nguồn gốc, vấn đề và phạm trù của dụng học.....	7, 66 - 80
2	АРУТЮНОВА Н.Д. ПАДУЧЕВА Е.В.	Nguồn gốc, vấn đề và phạm trù của dụng học (tiếp theo kỳ trước).....	8, 62 - 74
3	BÙI MẠNH HÙNG	Những hình thức thể hiện hành động cảnh báo trong tiếng Việt.....	3, 31 - 38
4	BÙI MINH YẾN	Ngôn ngữ xung hô bạn bè trong nhà trường hiện nay (khảo sát trên địa bàn Hà Nội)	3, 48 - 61
5	CAO XUÂN HẠO	Nghĩa của "loại từ".....	2, 1 - 16
6	CAO XUÂN HẠO	Nghĩa của "loại từ" (tiếp theo kỳ trước).....	3, 9 - 23
7	CAO XUÂN HẠO	Nhận định tổng quát, phủ định tổng quát, phủ nhận tính tổng quát của nhận định tổng quát và phủ định tổng quát	8, 1 - 8
8	CHỨC NGƯỠNG TU - THÀNH HÁN BÌNH	Tiếng Việt tại Trung Quốc - nhìn từ góc độ người giảng dạy.....	7, 20 - 25
9	DIỆP QUANG BAN	Hai giai đoạn của ngôn ngữ học văn bản và tên gọi "phân tích diễn ngôn"	2, 20 - 24
10	DIỆP QUANG BAN - LÙ THỊ HỒNG NHÂM	Cặp phụ từ và cặp đại từ hô ứng với các kiểu quan hệ giữa hai vế câu	8, 9 - 16
11	ĐÀO THẮN	Cây lúa, tiếng Việt và nét đẹp văn hoá, tâm hồn Việt Nam	5, 43 - 48
12	ĐÀO THẮN	Một công trình chuyên khảo mới của Giáo sư Nguyễn Đức Dân: ngữ dụng học	5, 73 - 73
13	ĐINH TRÍ DŨNG	Độc thoại nội tâm trong tiểu thuyết Vũ Trọng Phụng	8, 52 - 55
14	ĐINH VĂN ĐỨC - NGUYỄN HOÀ	Quan yếu trong cấu trúc diễn ngôn bản tin chính trị - xã hội trong báo tiếng Anh và tiếng Việt	2, 25 - 34
15	ĐỖ THỊ KIM LIÊN	Về việc dạy văn hội thoại trong nhà trường	6, 18 - 26
16	ĐỨC NGUYỄN	Độc sách "Cơ sở ngôn ngữ học" của Nguyễn Thiện Giáp	1, 78 - 79
17	ĐỨC NGUYỄN	Độc sách "Từ điển tiếng địa phương Nghệ Tĩnh" (Nguyễn Nhã Bản chủ biên)	8, 75 - 77
18	HOÀNG ANH THỊ	Về nhóm từ xung hô thân tộc trong tiếng Nhật và tiếng Việt.....	9, 43 - 55
19	HOÀNG DŨNG	Bàn thêm về vấn đề nhận diện từ láy tiếng Việt	2, 35 - 49
20	HOÀNG PHÊ	Hoàng Tuệ - nhà khoa học có tài năng, khí phách, tâm huyết	5, 77 - 78
21	HOÀNG TUỆ - HÀ NHỊ	Giới thiệu vấn đề chuẩn mực và chuẩn mực ngôn ngữ	2, 17 - 19
22	HỒ LÊ	Những biểu hiện tích cực và tiêu cực trong tiếng Việt văn học hiện nay có liên quan đến bản sắc văn hoá dân tộc	4, 38 - 46
23	HUỆ THIÊN	Thử đi tìm nguồn gốc của dạng "Láy ba"	3, 62 - 65
24	JEROLD A. EDMONDSON - NGUYỄN VĂN LỢI - HOÀNG VĂN MA - TẠ VĂN THÔNG	Nùng Vên (Ênh) - Một ngôn ngữ thuộc nhóm Ka Đại mới được phát hiện.....	5, 12 - 21

25	LÊ ANH HIỂN	Tiếng Việt trong "Quốc âm thi tập" của Nguyễn Trãi	4, 61 - 65
26	LÊ TRUNG HOA	Xác định nguồn gốc một số từ	9, 17 - 21
27	LÊ XUÂN THẠI	Về chính sách ngôn ngữ văn tự ở Trung Quốc trong sự liên hệ với cùng vấn đề ở Việt Nam	7, 1 - 9
28	LÊ THANH	Sự nhận thức về thán ngữ trong tiếng Việt và tiếng Đức hiện đại	2, 63 - 72
29	LÝ TOÀN THẮNG - VÕ XUÂN QUẾ	Chữ quốc ngữ từ năm 1687 đến 1770 (qua một số văn bản viết tay mới sưu tầm được)	1, 1 - 8
30	LÝ TOÀN THẮNG	Giới thiệu giả thuyết "tính tương đối ngôn ngữ" của Sapir - Whorf	4, 23 - 31
31	NGHIÊM THẤN TÙNG	Khái quát về tính phỏng hình của ngôn ngữ	2, 73 - 80
32	NGÔ NHƯ BÌNH	Khắc phục một số trở ngại trong việc dạy tiếng Việt cho người bản ngữ tiếng Anh ở giai đoạn đầu	3, 73 - 79
33	NGUYỄN CHÍ HOÀ	Về khái niệm ngữ pháp hoá và câu ghép không liên từ	9, 22 - 29
34	NGUYỄN ĐỨC DÂN	Sơ lược về lí thuyết tam thoại	3, 1 - 8
35	NGUYỄN ĐỨC TỐN	Suy nghĩ qua một hiện tượng chuyển âm cấu tạo từ trong tiếng Việt: "Lui" và "Lùi"	3, 24 - 30
36	NGUYỄN ĐỨC TỐN & LÊ XUÂN THẠI	Tạp chí "Ngôn ngữ": Ba mươi năm phát triển cùng với ngành ngôn ngữ học nước nhà	9, 1 - 7
37	NGUYỄN ĐỨC TỐN	Hoạt động ngôn ngữ phát thanh và truyền hình từ cách nhìn của tâm lý ngôn ngữ học	9, 8 - 16
38	NGUYỄN HỮU CẦU	Phân tích đối chiếu ngữ nghĩa đất nước học hai ngôn ngữ Hán - Việt và việc giảng dạy tiếng Hán	7, 59 - 65
39	NGUYỄN HỮU HOÀNH	Về sự phân định các ngôn ngữ của nhóm Việt - Mường	5, 35 - 42
40	NGUYỄN HỮU TIẾN	Quan hệ liên câu trong văn bản tiếng Việt	1, 52 - 59
41	NGUYỄN LAI - VĂN CHÍNH	Một vài suy nghĩ về từ hư từ góc nhìn ngữ dụng học (qua cứ liệu tiếng Việt)	5, 49 - 54
42	NGUYỄN NHẢ BẮN - ĐỖ THỊ KIM LIÊN	40 năm xây dựng và trưởng thành của Khoa ngữ văn ĐHSP Vinh (1959 - 1999)	6, 9 - 10
43	NGUYỄN PHÚ PHONG	Những phương tiện hình thái học trong tiếng Việt	1, 9 - 21
44	NGUYỄN QUANG HỒNG - NGÔ THANH NHÂN - ĐỖ BÀ PHƯỚC - NGÔ TRUNG VIỆT	Chữ Nôm: văn hoá cổ truyền và thông tin hiện đại	4, 11 - 22
45	NGUYỄN THẾ KỶ	Vài nhận xét về dạng thức nói trên đài truyền hình (từ vai giao tiếp với công chúng)	4, 76 - 81
46	NGUYỄN THỊ BÍCH HÀ	Mấy nhận xét về đặc điểm thuật ngữ thương mại tiếng Việt ..	6, 73 - 80
47	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	Đặc trưng ngữ nghĩa của nhóm tục ngữ chứa các từ chỉ quan hệ thân tộc	6, 27 - 33
48	NGUYỄN THỊ LY KHA	Phải chăng danh ngữ tiếng Việt là kết quả sao phỏng ngữ pháp Âu châu?	4, 66 - 75
49	NGUYỄN THỊ THANH NGA	Từ vay mượn mang phong cách khẩu ngữ	3, 66 - 72
50	NGUYỄN THỊ THUẬN	Phương diện dụng học (hành động ngôn ngữ) của các động từ tình thái "nên", "cần", "phải"	1, 60 - 77
51	NGUYỄN THỊ THUẬN	Các động từ tình thái "phải, bị, được" xét từ phương diện dụng học (hành động ngôn ngữ)	9, 30 - 42
52	NGUYỄN THỊ VIỆT THANH	Hiện tượng phân biệt giới tính của người sử dụng ngôn ngữ trong tiếng Nhật	8, 56 - 61
53	NGUYỄN VĂN ĐỘ	Những yếu tố làm biến đổi lực ngôn trung của lời thỉnh cầu trong tiếng Anh và tiếng Việt	1, 44 - 51
54	NGUYỄN VĂN ĐỘ	Lời thỉnh cầu "bóng gió" trong tiếng Anh và tiếng Việt ...	6, 54 - 62

55	NGUYỄN VĂN KHANG	Tiếng Hán ở Việt Nam hiện nay với tư cách là một ngoại ngữ	7, 46 - 53
56	NGUYỄN VĂN LỢI	Các ngôn ngữ nguy cấp và việc bảo tồn sự đa dạng văn hoá, ngôn ngữ tộc người ở Việt Nam	4, 47 - 60
57	NGUYỄN VĂN LỢI - JEROLD A. EDMONDSON	Tiếng La Chí ở thượng nguồn sông Lô	5, 1 - 11
58	NHÃ BẢN - NHƯ THUY	Về địa danh Hội An	6, 11 - 17
59	PHẠM THỊ HẰNG	Sự biến đổi trong cách dùng các từ "cái, sự, cuộc, việc" từ đầu thế kỷ đến nay	8, 38 - 47
60	PHẠM VĂN ĐỒNG	Trở lại vấn đề: Vì sự trong sáng và phát triển của tiếng Việt	6, 1 - 8
61	PHẠM VĂN TÌNH	Về khái niệm "tính lược"	9, 56 - 68
62	PHAN MẬU CẢNH	Về kiểu phát ngôn tách biệt trong văn bản tiếng Việt	3, 42 - 47
63	PHAN THỊ HỒNG XUÂN	Cơ chế chuyển nghĩa theo phương thức ẩn dụ của từ chỉ bộ phận cơ thể người trong tiếng Việt (bậc phân loại toàn bộ - bộ phận)	5, 55 - 64
64	PHÓ THÀNH CẤT	Cách xưng hô của tiếng Hán và tiếng Việt với văn hoá truyền thống của hai nước Trung - Việt	7, 10 - 19
65	TCNN	Giới thiệu một số nhà ngôn ngữ học Trung Quốc	7, 54 - 58
66	TIẾN MẪN NHỮ	Quan niệm tổng quát về giao tiếp học kinh tế	7, 30 - 45
67	TOMITA KENJI	Một khảo sát về hệ thống sản sinh từ vựng trong tiếng Việt nhằm góp phần nghiên cứu lịch sử tiếng Việt	1, 29 - 33
68	TÔN DIỄN PHONG	Tìm hiểu sự sai lệch ngữ nghĩa của người thụ ngôn trong ngôn giao xuyên văn hoá	7, 26 - 29
69	TÔN NỮ MỸ NHẬT	Bước đầu tìm hiểu các đặc trưng ngôn ngữ - văn hoá trong hành vi yêu cầu của người Việt	8, 31 - 37
70	TRẦN ANH HÀO	Vai trò của đoạn mở, đoạn kết với tiếng cười trong truyện ngắn Nguyễn Công Hoan	8, 48 - 51
71	TRẦN ĐẠI NGHĨA	Từ "cái đũa" và "chiếc đũa" dụng chạm một chút đến bài thơ "Mèo con đi học"	3, 39 - 41
72	TRẦN NGỌC THÊM	Ngữ dụng học và văn hoá - ngôn ngữ học	4, 32 - 37
73	TRẦN THỊ THÌN	Vấn đề dạy và học tiếng Việt đối với học sinh các dân tộc ít người (dưới góc độ ngữ âm)	9, 69 - 73
74	TRƯƠNG THỊ ĐIỂM	Nghĩa và sự chi phối cách sử dụng các danh từ thân tộc <i>ky, chắt, chú, vợ, chồng, dậu, rế</i>	6, 63 - 72
75	VNNH - TCNN	Chúc mừng Giáo sư Hoàng Phê thượng thọ 80 tuổi	5, 74 - 74
76	VNNH - TCNN	Chúc mừng Phó giáo sư, nhà giáo ưu tú Nguyễn Văn Tu thượng thọ 80 tuổi	5, 75 - 75
77	VNNH - TCNN	Chúc mừng 70 năm ngày sinh của Phó giáo sư Bùi Khắc Việt	5, 76 - 76
78	VŨ BÁ HÙNG	Về một câu hỏi: có nên hoặc có cần cải tiến chữ quốc ngữ không ?	2, 50 - 62
79	VŨ BÁ HÙNG	Về đặc trưng cơ bản của thanh điệu tiếng Việt ở trạng thái tĩnh (trên cơ sở các cứ liệu phân tích thực nghiệm)	6, 34 - 53
80	VŨ ĐỨC NGHIỆU	Các mức độ tương đồng và tách biệt trong một kiểu tổ chức nhóm từ của tiếng Việt	1, 22 - 28
81	VŨ ĐỨC NGHIỆU	Các đơn vị từ vựng song tiết đẳng lập tiếng Việt trong bối cảnh một số ngôn ngữ Đông Nam Á	5, 22 - 34
82	VŨ KIM BẰNG	Khái niệm ngữ âm học	5, 65 - 72
83	VŨ KIM BẰNG	Về hội nghị ngữ âm học quốc tế lần thứ 14	8, 78 - 79
84	VŨ THỊ THANH HƯƠNG	Gián tiếp và lịch sự trong lời cầu khiến tiếng Việt	1, 34 - 43
85	VŨ THỊ THANH HƯƠNG	Giới tính và lịch sự	8, 17 - 30
86	VƯƠNG LỘC	Một vài nhận xét bước đầu về ngôn ngữ trong "Hồng Đức quốc âm thi tập"	4, 3 - 10

MỤC LỤC TẠP CHÍ “NGÔN NGỮ” NĂM 1998

TT	TÁC GIẢ	TÊN BÀI	SỐ, TRANG
1	BENEDICT PAUL KING	Dòng xuyên ngữ hệ ở Đông Nam Á	3, 9 - 20
2	BÙI ĐÌNH MỸ	Năng lực học thuộc văn bản	5, 47 - 58
3	BÙI MẠNH HÙNG	Bản về hô ngữ (trên cứ liệu tiếng Việt và tiếng Bun-ga-n) ..	1, 56 - 63
4	CAO XUÂN HẠO	Về ý nghĩa “thí” và “thế” trong tiếng Việt	5, 1 - 32
5	CHU BÍCH THU	Thêm một nhận xét về sự hình thành từ láy trong tiếng Việt	2, 58 - 66
6	DIỆP QUANG BAN	Về mạch lạc trong văn bản	1, 47 - 55
7	DƯƠNG NGỌC NGÂN	Đặc điểm định vị không gian trong tiếng Việt	2, 36 - 41
8	DƯƠNG HỮU BIÊN	Quan hệ nghĩa học - chức năng: một phạm trù cần yếu cho việc phân tích nghĩa của câu	5, 59 - 67
9	ĐÀO THẢN	Láy với “iếc” - một dạng láy đặc biệt trong lời nói	1, 1 - 8
10	ĐÀO THẢN	Một cuốn sách cần thiết và bổ ích: “ <i>Kĩ thuật và ngôn ngữ soạn thảo văn bản quản lý nhà nước</i> ”	1, 74 - 75
11	ĐÀO THẢN	Đọc: “ <i>Từ điển từ láy tiếng Việt</i> ”	2, 75 - 77
12	ĐÀO THẢN	Giáo sư Lê Khả Kế - một tấm gương lao động khoa học ...	3, 77 - 78
13	ĐẶNG NGỌC LỆ	Về cách viết tên cơ quan, tổ chức, đoàn thể trên sách báo.	2, 50 - 52
14	ĐINH VĂN ĐỨC - KIẾU CHÂU	Góp thêm đôi điều vào việc nghiên cứu danh ngữ tiếng Việt	1, 39 - 46
15	HÀ QUANG NĂNG	Đọc sách: “ <i>Tiếng Việt trong trường học</i> ” (tập II) (Nhiều tác giả, Nxb KHXH, H., 1997)	4, 77 - 79
16	HOÀNG DŨNG	Mấy vấn đề về âm tắc bên (lateral stops) Việt trong bối cảnh các ngôn ngữ khu vực	2, 3 - 13
17	HOÀNG THỊ CHÂU	Xem lại quan hệ giữa tiếng Việt và ngành Thái qua một số tộc từ	3, 39 - 44
18	HOÀNG TUỆ - HÀ NHỊ	Về những thuật ngữ vốn gốc ngôn ngữ nước ngoài	6, 21 - 22
19	HOÀNG VĂN HÀNH	Từ láy đôi trong tiếng Mường	1, 27 - 38
20	HOÀNG VĂN MA	Về quan hệ của tiếng La Chí với một số ngôn ngữ trong khu vực (xét dưới góc độ từ vựng)	3, 56 - 66
21	HỒ LÊ	Tiếng Việt ở bậc tiểu học - một cách tiếp cận	4, 13 - 21
22	LÊ ĐÔNG	“ <i>Logic và tiếng Việt</i> ” với những tìm tòi và gợi mở nhiều ý nghĩa (Đọc “ <i>Logic và tiếng Việt</i> ” của Nguyễn Đức Dân)	1, 71 - 73
23	LÊ THỊ HỒNG MINH	Xác định ngôn ngữ độc thoại, đối thoại của nhân vật trong <i>Truyện Kiều</i>	4, 50 - 62
24	LÊ XUÂN THẠI	Mấy vấn đề liên quan đến tình thực hành của giáo dục ngôn ngữ	6, 13 - 20
25	LÝ CẨM PHƯƠNG	Khái quát chung về tiếng Pu Can	6, 63 - 76
26	LÝ TOÀN THẮNG	Viện ngôn ngữ học: 30 năm hoạt động và phát triển ...	6, 1 - 6
27	NGUYỄN ĐỨC DÂN	Biểu thức ngữ vi	2, 14 - 22

28	NGUYỄN ĐỨC DÂN	Lý thuyết lập luận	5, 33 - 46
29	NGUYỄN ĐỨC DƯƠNG	Cấu trúc cú pháp của các đơn vị tục ngữ	6, 23 - 40
30	NGUYỄN ĐỨC TÔN	Về các từ đồng nghĩa <i>cho, biểu, tặng</i>	2, 53 - 57
31	NGUYỄN ĐỨC TÔN	Vấn đề dạy từ đồng nghĩa ở trường trung học cơ sở ...	4, 1 - 12
32	NGUYỄN HỮU TIẾN	Mạch lạc và vai trò của các từ ngữ chuyển tiếp chỉ quan hệ so sánh, tuyển chọn trong văn bản	4; 63 - 69
33	NGUYỄN LƯƠNG NGỌC	Về một tiểu loại động từ khiến tạo trong tiếng Anh và tiếng Việt	2, 29 - 35
34	NGUYỄN NGỌC SAN	Một cuốn sách giúp chúng ta dùng từ chính xác đã ra đời..	1, 76 - 79
35	NGUYỄN TÀI CẨN	Thử phân kì lịch sử 12 thế kỉ của tiếng Việt	6, 7 - 12
36	NGUYỄN THẾ LỊCH	Về các tính chất của ngôn ngữ nghệ thuật	4, 22 - 33
37	NGUYỄN THỊ LY KHA	Thử tìm hiểu thêm về danh từ thân tộc của tiếng Việt ..	6, 41 - 54
38	NGUYỄN THỊ THƯ HƯƠNG	Tim lại ý nghĩa một số câu tục ngữ và châm ngôn châu Âu (đọc cuốn " <i>Tục ngữ và châm ngôn châu Âu</i> ").	5, 77 - 79
39	NGUYỄN THỊ VIỆT THANH	Một số nét khái quát về thành phần chủ đề trong câu tiếng Nhật	3, 67 - 74
40	NGUYỄN THIÊN GIÁP	Đọc: " <i>Một số vấn đề từ điển học</i> " của Viện ngôn ngữ học (Nxb KHXH, H., 1997)	2, 78 - 79
41	NGUYỄN VĂN LỢI	Paul King Benedict - Nhà nghiên cứu các ngôn ngữ Đông Nam Á	3, 1 - 8
42	NGUYỄN VĂN LỢI - NGUYỄN HỮU HOÀNH - TẠ VĂN THÔNG	Vị trí của tiếng Măng trong các ngôn ngữ Mon-Khmer	3, 45 - 55
43	PHẠM VĂN HẢO	Để góp phần lý giải thanh hỏi trong lối nói phương ngữ " <i>ổng</i> ", " <i>chỉ</i> ", " <i>ngoải</i> "	4, 70 - 76
44	PHAN MẬU CẢNH	Bản về các phát ngôn đơn phần tiếng Việt (khái niệm, phạm vi, phân loại)	1, 64 - 70
45	PHI TUYẾT HINH	Từ láy không rõ thành tố gốc và vấn đề biểu trưng ngữ âm trong từ biểu tượng tiếng Việt	1, 9 - 20
46	QUẾ LAI	Chữ viết Thái Lan hiện đại	5, 68 - 76
47	THURGOOD GRAHAM	Các ngôn ngữ Tai-Kadai và Nam Đảo: Bản chất của mối quan hệ lịch sử	3, 21 - 38
48	TRẦN ĐẠI NGHĨA	Một cách xác định loại từ trong tiếng Việt	4, 34 - 49
49	TRẦN HOÁN	Vai trò chủ ngữ và vị ngữ trong cấu trúc câu chủ vị	2, 23 - 28
50	TRẦN HỮU TÁ	Khoa ngữ văn Trường đại học sư phạm thành phố Hồ Chí Minh - một chặng đường xây dựng và trưởng thành ..	2, 1 - 2
51	TRỊNH SÂM	Về cơ chế ngữ nghĩa tâm lý trong tổ hợp song tiết chính - phụ tiếng Việt	2, 42 - 49
52	TRƯƠNG THỊ THU HƯƠNG	Cấu tạo của một số từ ngữ địa phương thường dùng ở vùng nông thôn Thừa Thiên - Huế	2, 67 - 74
53	VÕ XUÂN QUẾ	Tim hiểu thêm về một kiểu từ láy tư trong tiếng Việt ...	1, 21 - 26
54	VŨ THẾ THẠCH	Đọc sách: " <i>Tiếng Việt không son phấn</i> " của giáo sư Nguyễn Đình Hoà	2, 75 - 76
55	VŨ TRỌNG KHÁNH - CHẶN PHỒMMAVÔNG	Sự chuyển nghĩa của các từ chỉ bộ phận cơ thể con người trong tiếng Lào (có sự liên hệ với tiếng Việt)	6, 55 - 62

MỤC LỤC TẠP CHÍ "NGÔN NGỮ" NĂM 1997

TT	Tác giả	Tên bài	Số, trang
1	BÙI ĐÌNH MỸ	Vai trò của văn hoá chung thời đại trong bài khoá ngoại ngữ	1, 39-42
2	DƯƠNG HỮU BIÊN	Vài ghi nhận về logic và hàm ý	1, 17-21
3	FERLUS M.	Những sự không hài hoà thanh điệu trong tiếng Việt-Mường và những mối liên quan lịch sử của chúng	3, 14-23
4	HOÀNG TRỌNG PHIẾN	Về " <i>Việt ngữ nghiên cứu</i> " của học giả Phan Khôi	1, 67-71
5	HOÀNG TUỆ	Nhìn lại thời tiếng Việt tiếp xúc với tiếng Pháp	3, 1-5
6	HOÀNG VĂN MA	Loại từ trong tiếng Tày Nùng	2, 39-46
7	HỒ LÊ	Cần tháo gỡ những điều rắc rối về "loại từ"	2, 14-22
8	LÊ XUÂN THẠ	Loại từ trong tiếng Việt và trong tiếng Hán- đồng nhất và khác biệt	2, 33-38
9	LƯU VĂN LĂNG	Một số vấn đề về loại từ trong tiếng Việt	2, 23-32
10	LÝ TOÀN THẮNG	Loại từ và các tiểu loại danh từ trong tiếng Việt	2, 1-13
11	LÝ TOÀN THẮNG- VÕ XUÂN QUẾ- LÊ THANH KIM	Chữ Quốc ngữ trong sách " <i>Nhật trình kim thư nhất chính chúa giáo</i> " của Philipê Bình	3, 24-33
12	NGUYỄN ĐỨC DÂN	Về âm và chính tả các từ tiếng Việt gốc Pháp	3, 40-44
13	NGUYỄN ĐỨC TÔN	Phương pháp giải thích và tìm sự khu biệt ngữ nghĩa các từ đồng nghĩa	2, 56-63
14	NGUYỄN ĐỨC TÔN	Từ đặc trưng dân tộc của định danh nhìn nhận lại nguyên lí vô đoán của kí hiệu ngôn ngữ	4, 1-9
15	NGUYỄN HỮU HOÀNH	Tình hình sử dụng ngôn ngữ của người Hmông	1, 53-61
16	NGUYỄN KHẮC VIỆN	- La francophonie au Vietnam illusion-perspectives - Francophonie ở Việt Nam-ảo tưởng và triển vọng	3, 6-9 3, 10-13
17	NGUYỄN NHÃ BẢN- PHAN THỊ VỆ	Chơi chữ trong thơ ca dân gian Nghệ Tĩnh	2, 71-76
18	NGUYỄN THANH NGA	Vài nhận xét về việc chú từ loại trong từ điển tiếng Việt	1, 30-38
19	NGUYỄN THẾ LỊCH	Phương diện ngôn ngữ học của việc dạy và học tiếng Việt ở bậc học phổ thông	4, 14-29

TT	Tác giả	Tên bài	Số, trang
20	NGUYỄN THIÊN NAM	"Sốc" văn hoá trong tiến trình thủ đắc ngoại ngữ và tiếng Việt đối với người nước ngoài	4, 49-54
21	NGUYỄN THUY KHANH	Đặc điểm về tư duy liên tưởng về thế giới động vật của người Việt-phẩm chất và chiến lược (trên tư liệu thực nghiệm liên tưởng tự do)	4, 40-48
22	NGUYỄN VĂN LỢI- EDMONDSON J. A.	Thanh điệu và chất giọng (voice quality) trong tiếng Việt hiện đại (phương ngữ Bắc Bộ): khảo sát thực nghiệm	1, 1-16
23	NINH XUÂN NHAM	Giới thiệu đặc trưng và phương pháp nghiên cứu của ngôn ngữ học lí thuyết đương đại Mi	4, 59-74
24	PHẠM NGỌC THƯỜNG	Đặc điểm cách xưng hô trong tiếng Nùng (xét trong mối liên hệ với tiếng Việt)	1, 62-66
25	PHẠM THU	Chữ quốc ngữ và việc dạy tiếng Việt (đầu thế kỉ XX) trên "Đông Dương tạp chí"	4, 55-58
26	PHẠM VĂN THẤU	Hiệu lực ở lời gián tiếp: cơ chế và sự biểu hiện	1, 22-29
27	PHAN THIỀU	Giáo pháp học dạy tiếng thuộc lĩnh vực giáo dục học hay lĩnh vực ngôn ngữ học?	4, 10-13
28	PHÓ THÀNH CẬT- TRIỆU TẬP	Từ chữ Hán trong tiếng Triều Tiên	4, 30-39
29	ПЛЮНГЯН. В. А.- РАХ ИЛИНА. Е. В.	Về một số khuynh hướng của ngôn ngữ học Pháp hiện đại	3, 57-79
30	TẠ VĂN THÔNG	Loại từ trong tiếng Mảng	2, 47-55
31	TRẦN THỊ NGỌC TUYẾT	Máy nhận xét về phép đối và điệp trong câu đối Việt Nam	2, 64-70
32	VI ĐẠT	Thêm tiền tố, hậu tố-một phương pháp cấu tạo động từ tiếng Choang	1, 72-77
33	VŨ BÁ HÙNG	Về sự tiếp nhận ngôn ngữ thứ nhất của trẻ em ở lứa tuổi tiền học đường	1, 43-52
34	VŨ VĂN ĐẠI	Cấu trúc danh ngữ tiếng Pháp và tiếng Việt	3, 45-50
35	VƯƠNG LỘC	Henri Maspéro và công trình "Nghiên cứu ngữ âm lịch sử tiếng Việt-các âm đầu"	3, 34-39
36	VƯƠNG TOÀN	Giao lưu văn hoá Việt-Pháp--những dấu ấn trong ngôn ngữ	3, 51-56
37	VƯƠNG TOÀN	Đọc sách: Nguyễn Phú Phong với "Những vấn đề ngôn ngữ học tiếng Việt: loại từ và chỉ từ"	4, 75-77

MỤC LỤC TẠP CHÍ NGÔN NGỮ NĂM 1996

TT	Tác giả	Tên bài	Số	Trang
1	AH NKYONGHWAN	So sánh trật tự các thành tố trong danh ngữ tiếng Việt và tiếng Hàn	1	32
2	AH NKYONGHWAN	Tiểu từ cách trong tiếng Hàn	2	30
3	AHN-SANG-CHEOL	Một lý thuyết âm vị học âm tiết có sửa đổi	2	36
4	BÙI MINH TOÁN	Từ loại tiếng Việt: khả năng thực hiện hành vi hỏi	2	63
5	CHONG-HI-JA	Xem xét lại vấn đề THÌ trong tiếng Hàn	2	15
6	ĐÀO THẮN	Đọc sách: "Từ điển chính tả" và "Từ điển vần", hai công trình mới về tiếng Việt của giáo sư Hoàng Phê	4	71
7	ĐÀO THANH LAN	Phương pháp phân tích để xác định đề và thuyết của câu đơn hai thành phần tiếng Việt trên bình diện cú pháp	3	40
8	ĐINH VĂN DỨC	Bốn mươi năm-một chặng đường đào tạo và phát triển	3	2
9	HỒNG NGỌC	Đọc sách: "Tiếng Việt trong trường học"	1	72
10	HÙNG-PHẦN RẤT-TẠ-NÁ-VÔNG	Chữ Quỳ Châu của nhóm cư dân Lào-Tày là kiểu chữ quá độ từ chữ tượng hình Trung Quốc thành chữ mẫu tự Ấn Độ	1	43
11	HÙNG-PHẦN RẤT-TẠ-NÁ-VÔNG	Chữ Quỳ Châu của nhóm cư dân Lào-Tày là kiểu chữ quá độ từ chữ tượng hình Trung Quốc thành chữ mẫu tự Ấn Độ (tiếp theo)	2	68
12	HUYỀN VĂN THÔNG	Tìm hiểu một vài vấn đề về kết thúc lượt lời trong hội thoại tiếng Việt	4	64
13	HỮU DẠT	Đặc điểm phong cách ngôn ngữ của thơ và ca dao (nhìn từ góc độ giao tiếp ngôn ngữ)	4	58
14	KIM-IN-SUK	Những đặc trưng loại hình học của các tiểu cú liên hệ trong tiếng Hàn và tiếng Anh: Vị trí đặt trước danh từ (SOV) và đặt sau danh từ (SOV)	2	1
15	JACQUES, ROLAND	Để hiểu nguồn gốc chữ quốc ngữ: Một bức thư chưa được công bố của Francisco de Pina	3	46
16	KIM KI TAE	Về việc dạy và học tiếng Việt tại Hàn Quốc	2	60
17	LÊ ĐÔNG- NGUYỄN VĂN HIỆP	Cấu trúc đề thuyết của một kiểu câu tiếng Việt	3	22
18	LÊ PHƯƠNG NGA	Xây dựng bài tập dạy đọc hiểu cho học sinh tiểu học	1	57
19	LÊ XUÂN THẠİ	Bồi dưỡng hứng thú của học sinh đối với môn tiếng Việt	4	1

TT	Tác giả	Tên bài	Số	Trang
20	LÝ TOÀN THẮNG	Về vai trò của Alexandre de Rhodes đối với sự chế tác và hoàn chỉnh chữ quốc ngữ	1	1
21	MAI XUÂN HUY	Thử khảo sát các cung bậc của ngôn ngữ trong giao tiếp vợ chồng người Việt	4	42
22	NGUYỄN ĐỨC DÂN	Biểu hiện và nhận diện thời gian trong tiếng Việt	3	5
23	NGUYỄN ĐỨC TỒN	Phương pháp xác lập và cấu trúc dây đồng nghĩa trong biên soạn từ điển đồng nghĩa tiếng Việt	4	26
24	NGUYỄN LAI	Tìm hiểu sự chuyển hoá từ mã ngôn ngữ sang mã hình tượng	3	20
25	NGUYỄN NGỌC SAN	"Giáo trình lịch sử ngữ âm tiếng Việt (sơ thảo) một bước tiến trên con đường nghiên cứu ngữ âm lịch sử tiếng Việt	3	58
26	NGUYỄN PHÚ PHONG	Đại từ nhân xưng tiếng Việt	1	8
27	NGUYỄN PHÚ PHONG	Từ chỉ biệt trong tiếng Việt	3	14
28	NGUYỄN THÁI HOÀ	Tiếp đoạn trong một dòng thơ	1	20
29	NGUYỄN THẾ LỊCH	Văn bản dạy đọc chữ quốc ngữ 3 62		
30	NGUYỄN VĂN HIỆP	Đọc sách: "Vị từ hành động tiếng Việt và các tham tố của nó"	1	76
31	NHƯ MAI	Gác phượng - lâu xanh?	1	53
32	PHẠM VĂN KHOÁI	Đóng góp của Lê Quý Đôn đối với ngữ văn học truyền thống Việt Nam	1	36
33	PHI TUYẾT HINH	Thử tìm hiểu về ngôn ngữ của cử chỉ, điệu bộ	4	35
34	PHƯƠNG TRANG	Nhận xét về cách ghi các vần cái tiếng Việt trong Sách số sang chép các việc (1822) của Philiphé Bình	4	12
35	TẠ VĂN THÔNG	Chữ viết đối với các dân tộc rất ít người	4	20
36	TẠP CHÍ "NGÔN NGỮ" VIỆN NGÔN NGỮ HỌC	Vô cùng thương tiếc nhà bác học André - Georges Haudricourt	3	1
37	TẠP CHÍ "NGÔN NGỮ" VIỆN NGÔN NGỮ HỌC KHOA NGÔN NGỮ HỌC (ĐHQG-Hà Nội)	Kỷ niệm lần thứ 70 ngày sinh của Giáo sư Nguyễn Tài Cẩn	3	35
38	THERAPHAN L. THONG KUM	Lúa từ cách nhìn của người Thái và người Nyah Kur (Chao Bon)	4	52
39	TRẦN THỊ NGỌC LANG	Ngôn ngữ Hồ Biểu Chánh: Những phương diện cần nghiên cứu	1	27
40	TRẦN TRÍ DỐI	Các ngôn ngữ thành phần của nhóm Việt - Mường	3	28
41	VŨ ĐỨC NGHIỆU	Mấy nhận xét vắn tắt về những từ có nghĩa tương tự nhau và có liên hệ với nhau ở lịch sử âm đầu trong tiếng Việt	3	37

MỤC LỤC TẠP CHÍ NGÔN NGỮ NĂM 1995

TT	Tác giả	Tên bài	Số	Trang
1	BAN BIÊN TẬP TẠP CHÍ NGÔN NGỮ	Vô cùng thương tiếc PGS Nguyễn Kim Thân	4	20
2	CHU BÍCH THU	Một số nét khái quát về cấu trúc vi mô của từ điển giải thích (trên cơ sở tư liệu từ điển giải thích tiếng Việt)	4	27
3	CHU THỊ THANH TÂM	Hành vi mời và đoạn thoại mời	1	47
4	CHU THỊ THANH TÂM	Ngữ pháp hội thoại và việc nghiên cứu đề tài điển ngôn	4	52
5	CHỨC NGƯỠNG TU	Vài vấn đề về đặc điểm ngữ âm, vấn tự tiếng Việt và tiếng Hán theo cách nhìn của người học ngoại ngữ	3	48
6	DIỆP QUANG BAN	Một hướng phân tích câu từ các mặt: sử dụng, ý nghĩa, cú pháp	4	44
7	ĐINH TRỌNG LẠC	Về phong cách báo	4	23
8	ĐỖ LAI THUY	Dấu vân tay hàn lên từng con chữ (Về phong cách ngôn ngữ thơ Hồ Xuân Hương)	3	57
9	ĐỖ THỊ KIM LIÊN	Quan hệ ngữ nghĩa trong câu ghép không liên từ	2	69
10	HOÀNG ANH THI	Một số đặc điểm văn hoá Nhật - Việt qua việc khảo sát hệ thống từ xưng hô	1	59
11	HOÀNG THỊ CHÂU	50 năm hoà nhập phương ngữ, thổ ngữ vào ngôn ngữ toàn dân	3	8
12	HOÀNG TRỌNG CANH	Một vài nhận xét bước đầu về âm và nghĩa từ địa phương Nghệ Tĩnh	1	31
13	HOÀNG TUỆ	Về sự phát triển của ngôn ngữ học ở Việt Nam từ Cách mạng Tháng Tám	3	1
14	HOÀNG VĂN HÀNH	Nhìn lại chính sách ngôn ngữ của Đảng và nhà nước ta 50 năm qua	4	1
15	HỒ LÊ	Một số nét chính về quá khứ, hiện tại và tương lai của ngôn ngữ học (tiếp theo kì trước)	1	24
16	KIBRIK A. E	Như thế nào hay tại sao ? (về vấn đề cơ bản của loại hình học)	2	41

17	LÊ ANH HIỀN	Cách xưng gọi- sự phản ánh một phần tâm thế các nhân vật trong "Truyện Kiều"	4	15
18	LÊ ĐÔNG- HÙNG VIỆT	Nhấn mạnh như một hiện tượng ngữ dụng và đặc trưng ngữ nghĩa-ngữ dụng của một số trợ từ nhấn mạnh trong tiếng Việt	2	11
19	LÊ THỊ TUYẾT HẠNH	Thời gian như một yếu tố cấu trúc nghệ thuật của truyện	3	63
20	LÙ THỊ HỒNG NHÂM	Mối quan hệ giữa danh từ chỉ loại và một số yếu tố khác trong cụm danh từ tiếng Thái vùng Tây Bắc Việt Nam (xét trong mối liên hệ với danh từ chỉ loại tiếng Việt)	4	47
21	LƯU VĂN LĂNG	Hệ thống thành tố cú pháp với nòng cốt câu	1	1
22	NGÔ TRUNG VIỆT	Vấn đề sắp xếp các từ tiếng Việt theo trật tự từ điển trên máy tính	3	74
23	NGUYỄN THÀNH	Một số nguyên tắc khi đọc chữ tắt tiếng Việt trên sách báo	1	77
24	NGUYỄN ĐỨC DÂN	Các phương pháp giảng dạy ngoại ngữ	1	11
25	NGUYỄN ĐỨC DÂN	Câu đồng nghĩa	3	12
26	NGUYỄN KIM THÂN	Sự phát triển của tiếng Việt trong 50 năm qua-những tiền đề trực tiếp và gián tiếp	3	4
27	NGUYỄN MINH THUYẾT	Các tiền phó từ chỉ thời-thể trong tiếng Việt	2	1
28	NGUYỄN NHẢ BÀN- HOÀI NGUYỄN	Nhất cật thời gian trong tâm thức người Nghệ	4	65
29	NGUYỄN NGỌC SAN	An Nam dịch ngữ-cứ liệu quan trọng để nghiên cứu tiếng Việt thế kỷ XV,XVI	4	68
30	NGUYỄN NGỌC TRÂM	Vấn đề từ vay mượn Âu-Mỹ trong "Từ điển tiếng Việt"	3	24
31	NGUYỄN PHƯƠNG TRANG	Nhận xét về sự khác biệt giữa các vần cái tiếng Việt qua cứ liệu An Nam dịch ngữ (thế kỉ XV-XVI)	2	29
32	NGUYỄN THANH TÚ	Chất hài trong câu văn Nguyễn Công Hoan	1	67

33	NGUYỄN THỊ LƯƠNG	Một số tiểu từ tình thái dứt câu tiếng Việt với phép lịch sự trong giao tiếp	2	58
34	NGUYỄN THUÝ KHANH	Một vài nhận xét về thành ngữ so sánh có tên gọi động vật	3	69
35	NGUYỄN VĂN ĐỘ	Về việc nghiên cứu lịch sử trong giao tiếp	1	53
36	NGUYỄN VĂN LỢI	Vị thế của tiếng Việt ở nước ta hiện nay	4	7
37	PHẠM NGỌC THƯỜNG	Xung hô giữa dân, rể với các thành viên trong gia tộc Tày-Nùng	2	51
38	PHẠM VĂN QUẾ	Các con vật và một số đặc trưng của chúng được cảm nhận từ góc độ dân gian và khai thác để đưa vào kho tàng thành ngữ tiếng Việt	4	59
39	ROLAND JACQUES	"Phát hiện sách học Quốc ngữ" bản viết tay thế kỉ XVII chưa hề được công bố	2	18
40	TẠ VĂN THÔNG- NGUYỄN HỮU HOÀNH	Ngữ âm tiếng Mường	3	38
41	TRẦN THỊ THÌN	Một ý kiến nhỏ về cách ghi dấu thanh trên văn bản tiếng Việt	1	72

Dính chính

Trên tạp chí Ngôn ngữ số 3, 1995 trang 53 in thiếu một số kí hiệu phiên âm:

Dòng	in nhầm là	sửa lại là
3↓	[wi]	[wɨ]
	[l]	[lɨ]
	["jù]	["jũ"]
11↓	[]	[-ŋ]
17↓	[-]	[-ŋ]
19↓	[]	[-x]
20↓	[káp]	[kápɤ]
22↓	[- ^o]	[-ŋ ^o]
	[- ^o][-k ^o]	[-ɤŋ ^o][-ɤk ^o]
	[-o ^o][-ok ^o]	[-ɤŋ ^o][-ɤk ^o]
24↓	[-]/[k] và[-o]	[-ŋ]/[ɔk] và [-oŋ]

Tòa soạn xin tác giả và bạn đọc thứ lỗi.

MỤC LỤC TẠP CHÍ NGÔN NGỮ NĂM 1994

TT	Tác giả	Tên bài	Số	Trang
1	ALLETON VIVIANNE	Khái niệm "đề" trong ngữ pháp tiếng Hán	3	32
2	BÙI MINH YẾN	Xung hô giữa ông, bà và cháu trong gia đình người Việt	2	31
3	ĐÀO THẢN	Ngôn ngữ thơ của Nguyễn Huy Tự trong <i>Hoa Tiên</i>	3	14
4	ĐINH TRỌNG LẠC	Về một số phương tiện tu từ	1	46
5	HÀ QUANG NĂNG - BÙI XUÂN MAI	Đặc trưng ngữ pháp của từ tượng thanh trong tiếng Việt	2	14
6	HOÀNG TRỌNG PHIẾN	Xây dựng một phong cách học của tiếng Việt như thế nào?	2	54
7	HOÀNG TUỆ	Về sự sáng chế chữ Quốc ngữ	4	20
8	HOÀNG VĂN HÀNH	Mấy vấn đề về giáo dục ngôn ngữ và phát triển văn hoá ở vùng đồng bào các dân tộc thiểu số của Việt Nam hiện nay	3	1
9	HỒ LÊ	Một số nét chính về quá khứ, hiện tại và tương lai của ngôn ngữ học	4	11
10	LÊ ĐÔNG	Vai trò của thông tin tiên giả định trong cấu trúc ngữ nghĩa - ngữ dụng của câu hỏi	2	41
11	LÊ XUÂN THẠI	Về khái niệm "chức năng"	4	25
12	LÝ TOÀN THẮNG	Ngôn ngữ và sự tri nhận không gian	4	1
13	NGÔ TRUNG VIỆT	Về chuẩn chính tả trên máy tính	1	58
14	NGUYỄN CÔNG ĐỨC	Về kết cấu song tiết láy âm tiếng Việt hiện đại	4	47
15	NGUYỄN ĐỨC TÔN - HUỲNH THANH TRÀ	Đặc điểm danh học và ngữ nghĩa của nhóm từ ngữ chỉ "sự kết thúc cuộc đời của con người"	3	53
16	NGUYỄN KIÊN TRƯỜNG	Tìm hiểu về địa danh học	4	56
17	NGUYỄN PHÚ PHONG	Vô định, nghi vấn và phủ định	2	8
18	NGUYỄN QUANG HỒNG	Hiện tượng âm dương đối chuyển trong Hán ngữ và đôi điều liên hệ với Việt ngữ	4	29
19	NGUYỄN QUỐC SIÊU	Về bài "Giải đi sớm"	3	61

20	NGUYỄN TÀI CẦN - HOÀNG DŨNG	Về các từ gốc Hán được tiếng Việt xử lí bằng thuy âm tắc bên (Lateral stops)	2	1
21	NGUYỄN THANH NGA	Các kiểu danh từ có khả năng chuyển loại thành tính từ	3	45
22	NGUYỄN THẾ LỊCH	Giải pháp dạy đọc chữ Quốc ngữ cho người Việt theo cấu trúc và kiểu loại âm tiết tiếng Việt	3	19
23	NGUYỄN THỊ BẠCH NHẠM	Tìm hiểu sự biến đổi hình thức chữ Quốc ngữ từ từ điển Việt - Bồ - La của Alexandre de Rhodes đến từ điển Việt - La của Pigneau de Béhaine	1	34
24	NGUYỄN THỊ QUY	Tiêu chí phân loại các vị từ hành động tiếng Việt (theo quan điểm ngữ pháp chức năng)	1	42
25	NGUYỄN THUY KHANH	Đối chiếu ngữ nghĩa của trường tên gọi động vật tiếng Việt với tiếng Nga	2	22
26	NGUYỄN VĂN KHANG	Từ Hán Việt và vấn đề dạy - học từ Hán Việt trong nhà trường phổ thông	1	24
27	NGUYỄN VĂN LỢI	Sinh thái ngôn ngữ và sự phát triển xã hội	4	40
28	PHẠM HÙNG VIỆT	Vấn đề tính tình thái với việc xem xét chức năng ngữ nghĩa của trợ từ tiếng Việt	2	48
29	PHẠM VĂN HẢO - TRẦN THỊ THÌN	Về sách, "Sổ tay phương ngữ Nam Bộ"	2	58
30	TOMITA KENJI	Ý thức sở hữu của người Nhật và người Việt qua những biểu hiện ngôn ngữ	1	19
31	VÕ XUÂN HÀO	Tìm hiểu về chức năng khu biệt của các thanh điệu tiếng Việt (qua cứ liệu thống kê trên từ điển tiếng Việt)	1	49
32	VŨ BÁ HÙNG	Chuẩn mực ngữ âm và vấn đề dạy tiếng Việt trong nhà trường	1	6
33	VŨ THẾ THẠCH	Nghiên cứu bình diện định danh và ngữ nghĩa của các nhóm từ vựng (những luận điểm cơ bản)	3	8
34	VƯƠNG LỘC	"Phương ngôn" của Dương Hùng thời Tây Hán và một số từ có quan hệ với tiếng Việt và các ngôn ngữ phương Nam	1	1-

NGÔN NGỮ

RA 3 THÁNG MỘT KÌ

MỤC LỤC

	HOÀNG TUỆ	Tìm đến giải pháp cho trường học.	1
	NGUYỄN NGỌC TRÂM	Từ tâm lí tình cảm tiếng Việt trong bảng phân loại các phạm trù ngữ nghĩa.	15
	TẠ VĂN THÔNG	Tên riêng trong tiếng Kơho.	23
Phó tổng biên tập	PHẠM HỒNG THUY	Thành ngữ tiếng Việt trong tương lai.	28
LÊ XUÂN THAI			
HOÀNG VĂN HÀNH			
	* NGUYỄN THỊ TUYẾT NGÂN	Đặc trưng ngôn ngữ - văn hóa trong các lối chữ của người Việt.	32
	TRẦN ĐÌNH VINH- NGUYỄN ĐỨC TỒN	Về ngôn ngữ trong quảng cáo.	39
	HỒ LÊ	Ngữ pháp chức năng, cống hiến và khiếm khuyết	47
	LÊ ĐÔNG	Một vài khía cạnh cụ thể ngữ dụng học có thể góp phần nghiên cứu xung quanh cấu trúc đề - thuyết	54
	* NGUYỄN CHÍ HÒA	Thủ tìm hiểu phát ngôn hỏi và phát ngôn trả lời trong sự tương tác lẫn nhau giữa chúng trên bình diện giao tiếp.	61

1(89)

1993

Tòa soạn

20 Lý Thái tổ

Hà Nội

Điện thoại : 257406

NGÔN NGỮ

RA 3 THÁNG MỘT KÌ

MỤC LỤC

Phó tổng biên tập
LÊ XUÂN THẠI
HOÀNG VĂN HÀNH

LÊ XUÂN THẠI	Ngữ pháp nhà trường phổ thông trong mối quan hệ với ngữ pháp khoa học.	1
ĐÀO THÂN	Hệ thống từ ngữ chỉ màu sắc của tiếng Việt trong sự liên hệ với mấy điều phổ quát	11
ĐẶNG ĐỨC - TRẦN XUÂN NGỌC LAN	Chữ Nôm hình thanh - một thách đố đối với các học giả	16
HOÀNG THỊ CHÂU	Có thể xây dựng một bộ chữ viết chung cho nhiều ngôn ngữ dân tộc	21
PHI TUYẾT HINH	Giảng dạy từ láy trong trường phổ thông	25
NGUYỄN THỊ THÌN	Những phương tiện đánh dấu hiệu lực tại lời gián tiếp trong câu nghi vấn tiếng Việt	37
VŨ NGỌC KHÁNH	"Quyển xưa, sách mới bồi thêm ấm" hay là con đường đi đến một bản dịch trọn vẹn "Nhật ký trong tù" tương xứng với nguyên bản	46
PHAN VĂN CÁC	Hai chủ đề nghiên cứu lớn của giới ngôn ngữ học Trung Quốc hơn một thập kỷ qua	53

2(90)

1993

Tòa soạn
20 Lí Thái Tổ
Hà Nội

Điện thoại : 257406

MỤC LỤC

NGÔN NGỮ

- RA 3 THÁNG MỘT KÌ** HOÀNG THỊ CHÂU Về hai chữ B và hai chữ D trong bộ chữ Quốc ngữ xưa và nay . . . 1
- NGUYỄN THỊ QUY Về kiểu kết cấu D₂ do D₁ Đ . . . 5
- BÙI MINH YẾN * Xưng hô giữa anh chị và em trong gia đình người Việt. . . . 10
- NGUYỄN ĐỨC TỒN Đặc trưng dân tộc của tư duy ngôn ngữ qua hiện tượng từ đồng nghĩa. 20
- Phó tổng biên tập**
LÊ XUÂN THẠI
HOÀNG VĂN HÀNH
- G. DIFFLOTH Âm /i/: "To, lớn", âm /a/: "Nhỏ, bé". 25
- NGUYỄN THẾ LỊCH Những thao tác dạy đọc chữ Quốc ngữ. 31
- ĐINH VĂN ĐỨC Một vài cảm nhận về ngữ pháp chức năng và cách nhìn về ngữ pháp tiếng Việt. 40
- PHAN THIỀU Bàn về nghiên cứu ngữ pháp theo quan điểm chức năng. . . 44
- BÙI THIẾT Về cách đọc hai âm *"đàng"* và *"đường"* trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du. 49
- PHẠM NGỌC THƯỜNG Một số biểu hiện giao thoa ngôn ngữ trong nói - viết tiếng Việt của học sinh dân tộc Tày - Nùng. 55
- NGUYỄN CẢNH PHÚC Góp phần giải thích một số từ ngữ khó trong các sách giáo khoa môn văn. 60
- P. V. Tin tức hoạt động 62

3(91)

1993

Tòa soạn

20 Lý Thái Tổ

Hà Nội

Điện thoại : 257406

THÔNG BÁO

Về việc tổ chức Hội nghị Khoa học Tiếng Việt cho người nước ngoài

NGÔN NGỮ

RA 3 THÁNG MỘT KÌ

MỤC LỤC

	HOÀNG TUỆ	Từ song ngữ bất bình đẳng tới song ngữ cân bằng	1
	HOÀNG VĂN HÀNH	Từ láy trong các ngôn ngữ Katuic ở Việt Nam	8
Phó tổng biên tập	HOÀNG PHÊ	Một số vấn đề từ điển học (qua	
LÊ XUÂN THẠ	NGUYỄN NGỌC TRÂM	việc biên soạn quyển "Từ điển tiếng Việt")	18
HOÀNG VĂN HÀNH	NGUYỄN VĂN LỢI	Lịch sử tộc người các dân tộc Mèo-Dao qua cú liệu ngôn ngữ	25
	TRƯƠNG VĂN SINH	Vài nhận xét về văn trong tiếng địa phương Quảng Ngãi	42
	ĐỖ THỊ KIM LIÊN	Tìm hiểu cấu trúc câu ghép không liên từ trong tiếng Việt	52
	TẠP CHÍ NGÔN NGỮ	Mục lục 1993	60
	TRƯỜNG ĐHTH	Thông báo	62
	TP. HỒ CHÍ MINH		

4(92)
1993

Tòa soạn
20 Lý Thái Tổ
Hà Nội
Điện thoại : 257406

MỤC LỤC TẠP CHÍ NGÔN NGỮ NĂM 1992

TT	Tên tác giả	Tên bài	Số	Trang
1	BAN BIÊN TẬP TẠP CHÍ TRUNG QUỐC NGỮ VĂN	40 năm nghiên cứu Hán ngữ	4	10
2	CATHERINE LIM	"Tiếng Anh cho kĩ thuật-Đồng ý! Tiếng Anh cho văn hóa-Không!" Ý kiến của một nhà văn về sự tiếp tục của một tình thế tiến thoái lưỡng nan của Đông Nam Á.	3	17
3	DIỆP QUANG BAN	Bàn góp về quan hệ chủ ngữ-vị ngữ và quan hệ phân đề-phần thuyết.	4	51
4	DOROTHY M. THOMAS	Các phương pháp dạy "đọc"	3	26
5	ĐINH TRỌNG LẠC	Vấn đề xác định, phân loại và miêu tả các phương tiện tu từ và các biện pháp tu từ.	4	44
6	ĐỖ HỮU CHÂU	Ngữ pháp chức năng dưới ánh sáng của dụng học hiện nay.	1	1
7	ĐỖ HỮU CHÂU	Ngữ pháp chức năng dưới ánh sáng của dụng học hiện nay.	2	6
8	ĐỖ LAI THÚY	Người lữ khách "Qua đèo Ngang"	3	52
9	HOÀNG TUỆ	Một vấn đề của giáo dục và phát triển: Ngôn ngữ dân tộc, ngôn ngữ quốc gia và ngôn ngữ thế giới.	2	1
10	HOÀNG TUỆ	Về vấn đề song ngữ.	3	30
11	HOÀNG VĂN HÀNH	Về nghĩa của các từ biểu thị sự nói năng trong tiếng Việt.	1	20
12	HOÀNG VĂN MA	Vấn đề hình vị trong tiếng Pu Péo	2	37
13	HOÀNG VĂN THUNG	Đọc sách "Hư từ trong tiếng Việt hiện đại" (của Nguyễn Anh Quế, Nxb Khoa học xã hội).	4	56

14	KIBRIK A.A	Đọc sách: "Basic word order. Functional Principles (Trật tự cơ sở của từ. Các nguyên tắc chức năng) của Tomlin R.S	2	58
15	LÊ DÔNG	Ngữ nghĩa-ngữ dụng của hư từ: siêu ngôn ngữ và hư từ tiếng Việt.	2	45
16	LÊ XUÂN THAI	Tiếng Hán và bối cảnh xã hội Trung Hoa	4	1
17	LƯU VĂN LĂNG	Đọc cuốn "Tiếng Việt-sơ thảo ngữ pháp chức năng" của Cao Xuân Hạo	1	57
18	NGÔ THANH NHÀN, JAMES ĐỒ NGUYỄN HOÀNG	Một số kết quả về cách đặt tự động đúng dấu phụ vào chữ viết tiếng Việt	2	14
19	NGUYỄN LAI	Suy nghĩ một số vấn đề về ngữ pháp chức năng (Qua công trình "Tiếng Việt-sơ thảo ngữ pháp chức năng" tập 1).	3	37
20	NGUYỄN NHẢ BÀN	Bàn thêm về những đặc điểm chức năng, cấu trúc, cấu âm-âm học của âm tiết (trong sự đối sánh giữa tiếng Việt và tiếng Nga).	3	60
21	NGUYỄN NHƯ Ý	Thanh toán nạn mù chữ-Một nội dung quan trọng trong chiến lược phát triển xã hội của quốc gia.	3	1
22	NGUYỄN QUANG HỒNG	Đặc điểm của chữ Việt La-tinh trong quan hệ với đặc điểm của tiếng Việt.	2	24
23	NGUYỄN QUANG HỒNG	Phép phiên thiết trong âm vận học Trung Hoa	4	17
24	NGUYỄN THẾ LỊCH	Nguyên tác hiệp vần trong <i>Truyện Kiều</i>	1	25
25	NGUYỄN THU THỦY	Hội thảo khoa học quốc gia Việt Nam. Những vấn đề ngôn ngữ và văn hóa.	3	65
26	NGUYỄN THUỌNG HÙNG	Tính lược chủ ngữ trong câu tiếng Việt và tiếng Anh	1	52
27	NGUYỄN VĂN KHANG	Vai trò của một số nhân tố ngôn ngữ-xã hội trong việc hình thành nghĩa của các yếu tố Hán-Việt	4	35

28	NGUYỄN VĂN KHANG NGUYỄN THỊ TÂN	Đọc sách "Từ điển Trung-Việt" (Nxb Khoa học xã hội, HN, 1992).	4	58
29	NGUYỄN VĂN LỘC	Định nghĩa và xác định kết tri của động từ	1	39
30	NGUYỄN VĂN LỢI	Trung tố cấu tạo danh từ Proto Việt-Mường và dấu vết của chúng trong tiếng Việt hiện đại.	2	29
31	NGUYỄN VĂN THÀNH	Hệ thống các từ chỉ thời-thể và phạm trù ngữ pháp của các cấu trúc thời- thể của động từ tiếng Việt	2	52
32	NGUYỄN XUÂN HÒA	Đối chiếu ngôn ngữ trong cách nhìn của ngữ dụng học tương phản	1	43
33	NGUYỄN XUÂN NAM	"Tương biệt dạ" - Một bài thơ sâu sắc tình người	3	49
34	SOLNCEV V.M	Về các huyền thoại ngôn ngữ học	1	13
35	SOLNCEVA N.V	Về vấn đề sự chi phối của tác thể đối với hành động	1	49
36	TẠP CHÍ NGÔN NGỮ	Chúc mừng giáo sư Hoàng Tuệ tròn 70 tuổi	3	35
37	TẠP CHÍ NGÔN NGỮ	Tổng mục lục 1992	4	
38	TRẦN THỊ NGỌC LANG	Từ láy tư trong phương ngữ Nam Bộ	3	55
39	VƯƠNG KIM TRANH, VƯƠNG CUÔNG...	Bảng tham khảo ngôn ngữ văn tự các dân tộc thiểu số Trung Quốc.	4	27

Cùng bạn đọc

Tạp chí ngôn ngữ số 3, 1992 xén bị hụt so với các số trước. Tòa soạn chân thành xin bạn đọc thứ lỗi.

MỤC LỤC TẬP CHÍ "NGÔN NGỮ"
NĂM 1991

TT	Tên tác giả	Tên bài	Số	Trang
1	BÙI ĐÌNH MỸ	Vấn đề lượng thông tin của từ điển ngữ văn	2	40
2	CAO XUÂN HẠO	Mấy tiền đề cho việc phân tích cú pháp tiếng Việt	2	1
3	CHU BÍCH THU	Cơ sở trái nghĩa của một số nhóm tính từ tiếng Việt	2	43
4	ĐẶNG ĐỨC SIÊU	Chức và tước	3	51
5	ĐẶNG NGHIÊM VẠN	Cảm nghĩ về A.G.Haudricourt và Condominas	1	8
6	ĐINH TRỌNG LẠC	Vấn đề xác định và phân loại phong cách chức năng của tiếng Việt	3	10
7	ĐINH VĂN ĐỊNH	Về sáng tạo ngôn ngữ của nhà văn các dân tộc thiểu số Việt Nam hiện đại	3	41
8	ĐINH VĂN ĐỨC	Vài suy nghĩ bước đầu về ngữ pháp lý thuyết và ngữ pháp thực hành trong việc dạy tiếng Việt	4	45
9	ĐỖ ĐỨC HIỀU	Những con đường thoát ly của Thúy Kiều	3	6
10	EFIMOV A.JU.	Về nguồn gốc các thanh điệu tiếng Việt	1	78
11	HALLIDAY M.A.K.	Khái niệm ngữ cảnh trong giáo dục ngôn ngữ	4	19
12	HAUDRICOURT A.G.	Vị trí của tiếng Việt trong các ngôn ngữ Nam Á	1	19
13	HAUDRICOURT A.G.	Về nguồn gốc các thanh của tiếng Việt	1	23
14	HÀ BÌNH TRỊ	Linh hồn tạo vật trong bài "Tràng giang" của Huy Cận	3	53
15	HÀ QUANG NĂNG	Một cách lý giải mối quan hệ ngữ nghĩa giữa động từ chuyển động có định hướng và từ chỉ hướng trong tiếng Việt	2	48
16	HOÀNG DŨNG	Từ điển Việt-Bồ-La của Alexandre De Rhodes, nguồn cứ liệu soi sáng quan hệ giữa các tổ hợp phụ âm Kl, pl, bl, tl và ml trong tiếng Việt...	4	5
17	HOÀNG TUỆ	André George Haudricourt cuộc hành trình khoa học gian khổ và phong phú để hiểu con người	1	2
18	HOÀNG TUỆ	Về vấn đề loại hình ngôn ngữ (trong chương trình lớp 11 phổ thông trung học hiện nay)	3	2
19	HOÀNG TUỆ	Hiện ngôn với hàm ngôn, một vấn đề thú vị trong chương trình lớp 11 PTTT hiện nay.	3	14
20	HOÀNG VĂN MA	A.G.Haudricourt với các ngôn ngữ Tây - Thái, Kadai	1	41
21	JAKHONTOV S.E.	Về sự phân loại các ngôn ngữ ở Đông Nam châu Á...	1	73
22	LÊ ĐÔNG	Ngữ nghĩa - ngữ dụng của hư từ tiếng Việt : Ý nghĩa đánh giá của các hư từ	2	15

TT	Tên tác giả	Tên bài	Số	Trang
23	LÊ XUÂN THẠI	Giáo dục tiếng Việt và giáo dục bằng tiếng Việt qua các bối cảnh xã hội ở Việt Nam	4	34
24	LƯƠNG DUY THỨ	Những tầng nghĩa của truyện "Thuốc"	3	17
25	LƯU VĂN LĂNG	Áp dụng lý luận tín hiệu điển hình với nghĩa hạt nhân vào từ điển tường giải	2	32
26	MAI NGỌC CHỪ	Những đặc điểm của âm tiết tiếng Việt và vai trò của nó trong thơ ca	3	32
27	NHU MAI	"Nợ" hay "nữa" ? - Sự tranh chấp chưa kết thúc	3	37
28	NGUYỄN MINH THUYẾT	Về khái niệm nòng cốt câu	4	57
29	NGUYỄN VĂN HIỆP			
29	NGUYỄN NHƯ Ý	Suy nghĩ về việc dạy tiếng Việt trong chương trình thanh toán mù chữ cho đồng bào thiểu số lớn tuổi	4	37
30	NGUYỄN QUANG HỒNG	Đọc "Văn thơ Việt Nam dưới ánh sáng ngôn ngữ học" của Mai Ngọc Chừ	2	61
31	NGUYỄN TÀI CẦN	Một vài nhận xét thêm rút ra từ cách đọc Cồ Hán Việt	4	1
32	NGUYỄN TẤN ĐẮC	Ngôn ngữ học cổ đại Ấn Độ, một đóng góp khoa học xuất sắc	3	56
33	NGUYỄN THẾ LỊCH	"Liều" hay "liệu" ?	2	24
34	NGUYỄN THẾ LỊCH	Từ so sánh đến ẩn dụ	3	19
35	NGUYỄN THƯỢNG HÙNG	Nghi thức ngôn ngữ trong giao tiếp của tiếng Việt và tiếng Anh	2	58
36	NGUYỄN VĂN CHIẾN	Sắc thái địa phương của các danh từ thân tộc trong tiếng Việt	2	54
37	NGUYỄN VĂN LỢI	Về quá trình hình thành sự đối lập âm vực thanh điệu trong các ngôn ngữ Việt Mường	1	49
38	NGUYỄN VĂN LỢI	Vấn đề nguồn gốc chung của các ngôn ngữ thế giới	4	13
39	PHAN HUY DŨNG	Một mùa thu riêng của Nguyễn Khuyến trong "Thu vịnh"	3	46
40	PHAN XUÂN THÀNH	Hình thức và nội dung phủ định trong tiếng Lào	4	51
41	TRỊNH ĐỨC HIỀN			
41	STANKEVICH N.V.	Một chứng tích thú vị về sự tiếp xúc Việt Hán : bài khảo <i>Bình dân luận</i> của Ngô Thời Sĩ	4	8
42	TRẦN NGỌC THÈM	Thử bàn về từ và việc phân loại từ tiếng Việt trong cách nhìn từ văn bản	2	10
43	TRẦN NGỌC THÈM	Hội nghị quốc tế "Giáo dục ngôn ngữ hợp tác và phát triển" tổ chức tại Việt Nam	2	63
44	TRẦN TRÍ DÔI	Về quá trình hình thành thanh của một vài thổ ngữ / ngôn ngữ Việt Mường	1	67
45	TRƯƠNG CHÍNH	Chú thích một câu Kiều	3	49
46	VŨ BÁ HÙNG	Nguồn gốc các thanh điệu của tiếng Việt và cách nhìn đồng đại của sự khảo sát thực nghiệm	1	60

NGÔN NGỮ

MỤC LỤC

RA 3 THÁNG MỘT KỶ

Tổng biên tập
HOÀNG TUỆ
Phó tổng biên tập
HOÀNG VĂN HÀNH
LÊ XUÂN THẠI

HOÀNG TUỆ	Ngôn ngữ và đời sống xã hội - văn hóa 1
ĐỖ HỮU CHÂU	Những luận điểm về cách tiếp cận ngôn ngữ học các sự kiện văn học 8
HOÀNG PHÊ	Ngôn ngữ và đời sống - một số vấn đề quan điểm 12
NGUYỄN QUANG HỒNG	Các phương thức định hình ngôn từ 16
BÙI KHẮC VIỆT	Thủ phân tích vấn đề "viết cho ai" trong phong cách hành chính 22
HOÀNG VĂN HÀNH	Cơ chế tựa phụ gia trong tiếng Việt 26
HỒ LÊ	Chủ thể, chủ đề, cách thức và điều kiện trong câu hai phần 30
TRẦN NGỌC THÊM	Cách nhìn hệ thống về bức tranh các bộ môn ngôn ngữ học ở giai đoạn hiện tại 34
TRẦN HOÁN	Quan hệ đồng nhất trong cụm danh từ tiếng Việt 40
VŨ BÁ HÙNG	Đặc trưng của thanh điệu tiếng Việt trong ngữ cảnh vi mô (trên cơ sở của cứ liệu thực nghiệm) 45
ĐỖ ẢNH	Thủ vận dụng quan điểm cấu trúc chức năng để nhận diện miêu tả câu cầu khiến tiếng Việt 53
HOÀNG VĂN MA	Môi trường sống và vài đặc điểm về vốn từ trong tiếng Pu Péo 56
TRẦN NGỌC THÊM	Độc "Lôgich. Ngữ nghĩa. Cú pháp" của Nguyễn Đức Dân 59
TẠP CHÍ "NGÔN NGỮ"	Hội nghị khoa học "Ngôn ngữ và đời sống xã hội - văn hóa" 61

2(78)

1990

Tòa soạn

20 Lý Thái Tổ

Hà Nội

Điện thoại : 57406

NGÔN NGỮ
RA 3 THÁNG MỘT KÌ

Tổng biên tập
HOÀNG TUỆ
Phó tổng biên tập
HOÀNG VĂN HÀNH
LÊ XUÂN THẠI

MỤC LỤC

NHU Ý*	Vai xã hội và ứng xử ngôn ngữ trong giao tiếp.....	1
THANH HƯƠNG*	Bước đầu tìm hiểu các hành vi giao tiếp mở đầu tương tác bác sĩ - bệnh nhân.....	6
THỰC KHÁNH*	Bước đầu tìm hiểu giá trị thông báo của cử chỉ, điệu bộ ở người Việt trong giao tiếp.....	9
NGUYỄN ĐỨC TỒN	Chiến lược liên tưởng - so sánh trong giao tiếp của người Việt Nam.	14
NGUYỄN NGỌC TRÂM*	Về một nhóm động từ thái độ mệnh đề trong tiếng Việt.....	19
NGUYỄN QUÝ THÀNH*	Vài nét về lời rao của những người bán hàng rong.....	25
ĐỖ LONG	Về một khía cạnh biểu hiện của "cái tôi" với cách tiếp cận ngôn ngữ học.	27
BÙI MINH YẾN*	Xung hô giữa vợ và chồng trong gia đình người Việt.....	30
ĐÀO THÂN	Nhịp chẵn, nhịp lẻ trong thơ lục bát.	38
MAI XUÂN HUY- NGUYỄN HOÀI	Đặc điểm hình thái và ngữ nghĩa của tên tắt các cơ quan xuất nhập khẩu Việt Nam.....	42
NGUYỄN THU HẰNG	Tìm hiểu nhóm từ chỉ các biện pháp làm chín thực phẩm trong tiếng Việt.	49
TRẦN ANH THƠ	Lý thuyết ngôn ngữ học ứng dụng với việc dạy tiếng ở Việt Nam trước mắt và lâu dài.....	55
TRẦN THANH LIÊM	Một vài suy nghĩ về việc dạy nghe hiểu tiếng Trung Quốc cho người Việt.....	58
NGUYỄN THỊNH	Máy tính làm gì cho các nhà ngôn ngữ học?.....	61
NGUYỄN ĐỨC QUANG	Ngôn ngữ học với máy tính điện tử.	64

3(79)

1990

Tòa soạn

20 Lý Thái Tổ

Hà Nội

Điện thoại: 42 57406

VIỆN NGÔN NGỮ HỌC

Ngôn ngữ

Ra 3 tháng một kỳ

Tổng biên tập
HOÀNG TUỆ

Phó tổng biên tập
HOÀNG VĂN HÀNH
LÊ XUÂN THAI

1 + 2 (74)

1989

Loại soạn

20 Lý Thái Tổ
Hà Nội

Dây số : 57406

MỤC LỤC

	Trang
Hệ thống âm đầu tiếng Việt thế kỷ XV - XVI qua cứ liệu cuốn An Nam dịch ngữ	1
VƯƠNG LỘC	
Âm vị học các ngôn ngữ thanh điệu	13
NGUYỄN PHAN CẢNH	
Giải nhận thêm về bản chất ngữ nghĩa nhóm từ chỉ hướng vận động trong tiếng Việt hiện đại	25
NGUYỄN LAI	
Văn bản như một đơn vị giao tiếp	37
TRẦN NGỌC THÉM	
Về ngữ nghĩa từ «tin» và «ngờ» trong tiếng Việt	43
NGUYỄN NGỌC TRÂM	
Thành phần đánh giá trong ngữ nghĩa một số tính từ	56
CHU BÍCH THU	
Lý thuyết ba quan diêm của Claude Hagège	64
HOÀNG TUỆ	

THÔNG BÁO

Năm 1989 Tạp chí Ngôn ngữ chỉ ra được 2 số:

- Số 1 giá 160 đ

- Số 2 giá in ngoài bìa là 350 đ nhưng bạn đọc đã đặt mua ở Công ty phát hành báo chí chỉ phải trả 160 đ

Năm 1989, số 1+2 giá 700 đ

Chúng tôi xin thông báo để bạn đọc biết và mong bạn đọc thông cảm.

Ban biên tập Tạp chí Ngôn ngữ

Ngôn ngữ

RA 3 THÁNG MỘT KỶ

Tổng biên tập
HOÀNG TUỆ

Phổ tổng biên tập
HOÀNG VĂN HÀNH
LÊ XUÂN THẠI

1 (71)

1988

Tòa soạn :
20 Lý Thái Tổ
Hà Nội

Điện thoại : 57406

MỤC LỤC

Trang

Về vấn đề văn hóa ngôn ngữ HOÀNG TUỆ	1
Về các đơn vị cơ sở của ngôn ngữ I.VASILJEV	11
Về ý nghĩa ngữ pháp của các hậu tổ chỉ số nhiều trong ngôn ngữ Altai HANS PETER VIETZE	19
Thử phân chia loại hình ngôn ngữ theo các tiêu chí về âm tiết NGUYỄN QUANG HỒNG	22
Hiện tượng giao thoa từ ngữ pháp tiếng Hán sang ngữ pháp tiếng Việt (qua cứ liệu <i>Khóa hư lục giải âm</i>) N.V. STANKEVICH	31
Mấy nhận xét về các phương tiện tổ hợp cú pháp trong tiếng Việt LÊ XUÂN THẠI	36
Tộc danh các tộc người ở Việt Nam — một phản ánh xã hội ĐẶNG NGHIÊM VẠN	41
Hai vấn đề âm vị học trong phương ngữ Nam Bộ CAO XUÂN HẠO	48
Ngữ nghĩa và chức năng của các từ <i>được, bị, phải</i> trong tiếng Việt hiện đại VŨ THẾ THẠCH	54
Những biến thể ngữ âm qua các nhóm người nói tiếng Kơho TẠ VĂN THÔNG	60
Ủy Lô và hiện tượng -- r cuối trong tiếng Tiên Việt Mường NGUYỄN KHẮC HÙNG LÊ VĂN TRƯỜNG	68

Ngôn ngữ

RA 3 THÁNG MỘT KỶ

Tổng biên tập
HOÀNG TUỆ

Phó tổng biên tập
HOÀNG VĂN HÀNH
LÊ XUÂN THẠI

2 (73)

1988

Tòa soạn:
20 Lý Thái Tổ
Hà Nội

Dãy số : **57406**

Trang

- Sự hình thành đối lập đường nét thanh điệu bằng/không bằng một hướng trong ngôn ngữ Việt Mường (trên tư liệu tiếng Arem và Rục). 3
NGUYỄN VĂN LỢI
- Về vấn đề vị trí của tiếng La Ha 10
HOÀNG VĂN MA
- Về các phương thức hoạt động của hai bán cầu đại não trong giao tế ngôn ngữ 18
NGUYỄN HÀM DƯƠNG
- Logic - ngôn ngữ học 28
HOÀNG PHÊ
- X — Hiện tượng tác hộng và thanh điệu của tiếng Việt 40
VŨ BÁ HÙNG
- Mối quan hệ ngữ nghĩa giữa các tiếng trong láy đôi (so sánh với ghép song song) 49
NGUYỄN THỊ HAI
- « Khéo », « không khéo » và « làm không bằng ». 61
HOÀNG MINH
- Vài nét về tình hình ngôn ngữ học Trung Quốc trong những năm gần đây 64
LÊ XUÂN THẠI

Ngôn ngữ

RA 3 THÁNG MỘT KỶ

Tổng biên tập :
HOÀNG TUỆ

Phó tổng biên tập:
HOÀNG VĂN HÀNH
LÊ XUÂN THẠI

I-2(70)

1987

Tòa soạn :
20 Lý Thái Tổ
Hà Nội

Điện thoại : 57406

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thống nhất và đa dạng ngôn ngữ trong một quốc gia nhiều ngôn ngữ HOÀNG TUỆ	1
Một số vấn đề về cái chung và cái riêng trong ngôn ngữ đơn lập JU. JA. PLAM	10
Tiến bộ khoa học kĩ thuật và những tác động của chúng tới cảnh huống ngôn ngữ và đến các ngôn ngữ ở châu Phi - Về một số tiền đề cơ sở S. BRAUNER	15
Âm vị học phân đoạn và âm vị học không phân đoạn NGUYỄN HÀM DƯƠNG	24
Hệ thống thanh điệu tiếng Chăm và cách kí hiệu HOÀNG THỊ CHÂU	31
Loại hình học đồng đại và lịch đại hiện tượng tiền mũi trong các ngôn ngữ Đông Nam Á CUYỄN VĂN LỢI	36
Góp phần luận giải về cách cấu tạo từ lấy các ngôn ngữ Môn - Khmer HOÀNG VĂN HÀNH	48
Các hướng chuyên nghĩa của nhóm danh từ biểu thị tên gọi động vật NGUYỄN THẾ LỊCH	58
Hội nghị quốc tế lần thứ IV giữa các nước xã hội chủ nghĩa về các ngôn ngữ phương Đông VŨ THẾ THẠCH	67

Ngôn ngữ

1 (67)

RA 3 THÁNG MỘT KỶ

1986

Tổng biên tập : HOÀNG TUỆ

Tòa soạn

Phó tổng biên tập : HOÀNG VĂN HÀNH

20 Lý Thái Tô - Hà Nội

LÊ XUÂN THẠI

Dây nôi : 57406

MỤC LỤC

	Trang
ĐÁI XUÂN NINH	: Từ trái nghĩa và quan hệ nghịch đối - yếu tố có thể so sánh được giữa các ngôn ngữ. 1
HỒ XUÂN KIỀU	: Một vài đặc điểm về loại từ tiếng Văn Kiều. 2
LÊ ĐÌNH TỬ	: Mức độ giao thoa liên ngôn ngữ ở cấp độ từ vựng - ngữ nghĩa (trên cơ sở tư liệu tiếng Việt, Nga và Ba Lan). 4
LƯƠNG BÈN	: Hệ thống ngữ âm tiếng Hà Nhi. 6
LƯƠNG VĂN KẾ	: Cấu trúc biểu thị quan hệ đồng nhất. 7
PHAN XUÂN THÀNH	: Về vị trí tiếng Tađih trong nhóm ngôn ngữ Katu 9
PHẠM VĂN KHOÁI	: Hai phong cách ngôn ngữ trong các văn bản Hán văn Việt Nam thời Lý (thế kỷ XI-XIII). 10
TRẦN KHUYẾN	: Đối chiếu trật tự từ trong tiếng Nga và tiếng Việt (kiểu câu C-V-B). 12
TRƯƠNG TẤN	: Đối chiếu các sơ đồ cấu trúc cú pháp hai thành tố tối giản của phát ngôn trong tiếng Nga và tiếng Việt. 13
VŨ THANH TÙNG	: Tìm hiểu bộ ngữ có kết cấu C - V trong câu đơn tiếng Việt. 15
VƯƠNG TOÀN	: Vùng song ngữ Tây Nùng - Việt. 16
ALIEVA N.F.	: Tính biến dạng của các hình vị tiếng Chăm dưới ảnh sáng của tiến trình thay đổi loại hình trong ngôn ngữ này. 17
POGIBENKO T. G.	: Cấu trúc bị động và hình thức thụ động trong các ngôn ngữ Môn-Khmer (trên tư liệu tiếng Mạ). 21
FEDOROV A. V	: Về khái niệm «Sự chuyển biến loại hình» giữa các ngôn ngữ Tây-Nam Đảo lục địa và hải đảo. 23
JAKHONTOV S.E.	: Vị trí của các ngôn ngữ Kadai trong sự phân loại cội nguồn. 25
HOÀNG TUỆ	: Lời khai mạc symposium. 29
VŨ THỂ THẠCH	: Hội thảo khoa học Việt-Nam-Liên Xô lần thứ hai. 35
NGÔ THANH NHÀN	: Cấu tạo từ Hán Việt là thể thức cấu tạo từ Việt Nam. 38
NGUYỄN NAM	: Góp thêm ý kiến về một số trường hợp phiên âm trong «Quốc âm thi tập». 44
ĐÀO THẦN	: Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật của Nguyễn Bình Khiêm trong thơ nôm. 50
NGUYỄN MINH THUYẾT,	: Vài nhận xét về các tổ hợp có+N và những 56
TRẦN THỊ NHÀN	câu chứa chúng. 56
ĐÁI XUÂN NINH	: Hình vị, đơn vị cơ sở của tiếng Việt. 63

Ngôn ngữ

RA 3 THÁNG MỘT KỶ

Tổng biên tập :
HOÀNG TUỆ

Phó tổng biên tập :
HOÀNG VĂN HÀNH
LÊ XUÂN THẠI

2 (68)

1986

Tòa soạn :
20 Lý Thái Tổ
Hà Nội

Điện thoại : 57406

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Văn Pháp rất Pháp của Nguyễn Ái Quốc.	1
PHẠM HUY THÔNG	
Từ quan điểm của Hồ Chủ tịch về 10 mượn đũa vấn đề mượn từ.	15
NGUYỄN THIÊN CHÍ	
Nhận xét về các nguyên âm của một phương ngữ tỉnh Quảng Nam.	22
CAO XUÂN HẠO	
Trò lại vấn đề sửa lỗi chính tả cho học sinh phổ thông.	30
NGUYỄN ĐỨC DƯƠNG	
Một số đặc điểm về tiếng Khơme đồng bằng sông Cửu Long.	36
THÁI VĂN CHÁI	
Hiện tượng đơn lập hóa âm tiết về mặt ngữ âm trong các ngôn ngữ có thanh điệu ở phương Đông.	40
NGUYỄN QUANG HỒNG	
Về các kết cấu cú pháp và sự phát triển qui tụ các ngôn ngữ ở Đông Dương	46
BÙI KHÁNH THẾ	
Hình vị tiếng Việt.	55
V. S. PANEILOV	
Đọc sách : Cấu tạo câu đơn tiếng Việt	66
LÊ XUÂN THẠI	
Số tay dùng từ ; Giao—Trao	71
ĐÀO THẦN	

Ngôn ngữ

RA 3 THÁNG MỘT KỶ

Tổng biên tập :
HOÀNG TUỆ

Phó tổng biên tập :
HOÀNG VĂN HÀNH
LÊ XUÂN THẠI

3 (69)

1986

Tòa soạn :
20 Lý Thái Tông
Hà Nội

Dãy số : 57406

MỤC LỤC

Trang

Ngữ nghĩa thành ngữ và tục ngữ - sự vận dụng 1

NGUYỄN ĐỨC DÂN

Vài suy nghĩ góp phần xác định khái niệm thành ngữ tiếng Việt 12

NGUYỄN VĂN MỆNH 13

Suy nghĩ thêm về thanh điệu tiếng Việt 19

HOÀNG CAO CƯƠNG

Thảo luận về vấn đề xác định hư từ trong tiếng Việt 39

NGUYỄN MINH THUYẾT

Làng và kê trong hệ thống tổ chức cơ sở cổ truyền 44

HUYỀN NAM

Âm vang tục ngữ ca dao trong « Bạch Vân quốc ngữ thi tập » của Nguyễn Bình Khiêm 52

BÙI VĂN NGUYỄN

Đọc sách « Hệ thống liên kết văn bản tiếng Việt » của Trần Ngọc Thêm 56

DIỆP QUANG BÀN

Những thuộc tính về mặt loại hình học của các ngôn ngữ đơn lập 60

V.M.SOLNCEV

Khái niệm hình vị - Âm tiết và các ngôn ngữ đơn tiết 68

V.B.KASEVICH

TỔNG MỤC LỤC

TẬP CHI NGÔN NGỮ NĂM 1985

Tác giả	TÊN BÀI	Số
Barulin. A.N— EFimov A.JU. Belikov V.I.	— Vai vấn đề ngữ âm tiếng Văn Kiêu — Những liên hệ khu vực giữa các ngôn ngữ có ảnh hưởng đến các mối liên hệ nguồn gốc hay không?	4 4
Bù Khánh Thế	— Về các kết cấu cú pháp và sự phát triển qui tụ các ngôn ngữ Đông Dương.	4
Bùi Minh Toán	— Về một kiểu kết cấu chủ vị đặc biệt trong tiếng Việt — kết cấu do các động từ tạo nên.	4
Bùi Tuyết Mai	— Vai ý kiến khi nhận xét nghĩa của một số cấu trúc ngữ pháp.	4
Cao Xuân Hạo	— Về cương vị ngôn ngữ học của tiếng.	2
Diệp Quang Ban	— Thử bành vực quan niệm tồn tại cái gọi là « hình vị nhỏ hơn âm tiết » trong một kiểu từ lấy tiếng Việt và xét lại tư cách hình vị của nó. — Thử bàn về một cơ chế chuyển đi từ loại trong tiếng Việt qua từ <i>cho</i>	1 4
Đào Thán	— <i>Thăm</i>	1
Đinh Lê Thư	— Tài chơi chữ của Nguyễn Khuyến. — Sự hiện thực hóa về mặt ngữ âm của thể đối lập hữu thanh — vô thanh của phụ âm đầu trong tiếng Việt. — Về vấn đề biến thể phương ngữ tiếng Mường	1 2 4
Đinh Thanh Huệ	— Thử dùng một số tiêu chí để khu biệt hư từ cú pháp (giới từ) và hư từ phi cú pháp (hư từ chỉ hướng đi sau động từ) trong cấu trúc A x B	4
Đinh Văn Đức	— Góp một vài suy nghĩ vào vấn đề thảo luận « từ hình vị tiếng trong tiếng Việt ». — Về một kiểu ý nghĩa ngữ pháp gặp ở thực từ tiếng Việt.	1 4
Đoàn Văn Phúc	— Xu hướng đơn tiết hóa trong tiếng Êđê.	4

Đỗ Hữu Châu	- Từ và tiếng.	3
EFimov A.j	- Các yếu tố dụng học của tiếng Việt. - Xung quanh vấn đề từ nguyên tên gọi của một số dân tộc ở Đông Nam Á	4 4
Glebova I.I--	- Các tổ hợp bốn âm tiết trong tiếng Việt hiện đại.	4
Sitnikova A.N.	- Bước đầu nhận xét về đặc điểm ngữ điệu tiếng Việt.	3
Hoàng Cao Cương	- Thanh điệu trong từ láy đôi tiếng Việt.	4
Hoàng Cao Cương Nguyễn Thu Hằng Hoàng Lâm	- Chữ viết và sự phát triển xã hội - kinh tế.	SP
Hoàng Phê	- Phủ vận dụng lôgic mờ nghiên cứu một số vấn đề ngữ nghĩa.	1
Hoàng Thị Châu	- Vài nét về địa lý và ngôn ngữ học Đông Dương.	4
Hoàng Trọng Phiến	- Nghiên cứu ngôn ngữ khoa học - kỹ thuật tiếng Việt (về ngữ pháp).	4
Hoàng Tuệ	- Lại bàn về bài thơ <i>Thề non nước</i> của Tản Đà. - Trong sự phát triển của báo chí tiếng Việt những vấn đề xã hội - ngôn ngữ. - Về một bài thơ trong <i>Nhật ký trong tù</i> .	1 2
Hoàng Tử Quân Hoàng Văn Hành	- Năm ngón tay. - Từ những lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh về ngôn ngữ và cách nói, cách viết.	SP SP
Hoàng Văn Ma	- Từ hóa hình vị. - Vấn đề tộ danh Laha - Kha-phlau. - Vấn đề yếu tố yết hầu mũi trong tiếng Vân Kiều (trên quan điểm hình thái).	2 4 4
Hồ Lê	- Vị trí của âm tiết, nguyên vị và từ trong tiếng Việt. - Phương thức suy phỏng, một phương thức cấu tạo từ tiếng Việt	2 4
Hùng Việt, Hồng Văn Komarova I.N.	- Về kết cấu X ơ là X trong tiếng Việt - Đối chiếu hệ thống thanh điệu tiếng Poọng và tiếng Tạng.	SP 4
Lê Đông Lê Quang Thiêm	- Câu trả lời và câu đáp của câu hỏi - Nhận xét về đặc điểm ngữ nghĩa của một kiểu câu tiếng Việt.	SP 4
Lê Trung Hoa	- Nhận xét về cách dùng các từ <i>được, bị, phải, mặc, chịu</i> trong một số văn bản của thế kỷ XVII.	3
Lê Xuân Thại	- Về trợ từ <i>là</i> trong tiếng Việt, - Những đặc điểm ngữ pháp của PN1	2 4

Lưu Văn Lăng	- Cú là đơn vị chuyển tiếp từ ngữ sang câu	4
Lý Toàn Thắng — Nguyễn Hồng Côn	- Bài học về cách nói cách viết của Chủ tịch Hồ Chí Minh	2
Lý Toàn Thắng	- Ý nghĩa "thụ động" và tiền tố Go- trong tiếng Koro	4
Nguyễn Cao Đàm	- Về một trạng thái ngôn ngữ trong đời sống tiếng Việt hiện đại	4
Nguyễn Đức Dân - Lê Đông	- Phương thức liên kết của từ nối	1
Nguyễn Đức Dân	- Một số phương thức thể hiện ý tuyệt đối	3
Nguyễn Minh Thuyết	- Logie của các từ phẩm định	4
Nguyễn Ngọc San	- Thảo luận về vấn đề xác định hư từ trong tiếng Việt	4
Nguyễn Quang Hồng	- Thử tìm hiểu một vài sự chuyển biến âm đầu trong tiếng Việt cổ qua cứ liệu Nôm	3
Nguyễn Tài Cẩn	- Hiện tượng đơn lập hóa âm tiết về mặt ngữ âm trong các ngôn ngữ có thanh điệu	4
Nguyễn Thế Lịch	- Trong chừng mực nào có thể dùng bản Nguyễn Trãi "Quốc âm thi tập" của Dương Bá Cung để nghiên cứu về chữ Nôm đầu thế kỷ XV.	4
Nguyễn Văn Lợi	- Mây vàng, mây Hạng	SP
Nguyễn Văn Tài — Trần Giang Nam	- Về những đặc điểm của một ngôn ngữ đơn tiết trong tiếng Pakoh-Taoih	4
Như ý	- Về một vài phụ tố trong tiếng Prù Vân Kiều	4
Omeljanovich N. V.	- Tính qui định chính trị của chính sách ngôn ngữ	4
Phan Mạnh Hùng	- Về vài trò hư từ của các thực động từ trong các ngôn ngữ đơn lập (trên cứ liệu tiếng Chứt, tiếng Miến Điện và một số thứ tiếng khác ở Đông Nam Á)	4
Phan Ngọc	- Các kiểu tổ hợp tiểu từ tình thái tiếng Việt và vấn đề ranh giới từ	4
Phan Thiệu	- Sự tiếp xúc ngữ pháp trong tiếng Việt	4
Phan Văn Hoàn	- Cú pháp và phi cú pháp	4
Phạm Thành	- Từ láy trong tiếng Việt và sự cần thiết phải nhận diện nó	4
	- Vài nét về các đại từ nhân xưng trong tiếng Việt hiện đại	4

Phạm Văn Hào	— Về một số đặc trưng của tiếng Thanh Hóa, thô ngữ chuyển tiếp giữa phương ngữ Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ	
Phi Tuyết Hinh	— Vai trò của các nguyên âm trong sự tạo nghĩa của từ láy tiếng Việt	
Plam Ju. ja	— Máy đặc điểm cấu tạo từ trong các ngôn ngữ đơn lập ở Đông Nam Á	4
Quế Lai	— Xu hướng biến đổi ngữ âm của các ngôn ngữ nhóm Thái và những biểu hiện của nó trong tiếng Tày Nùng	4
Remarchuk V.V.	— Xây dựng và hiện thực hóa mô hình ngôn ngữ học trong qui trình dạy tiếng Việt	4
Samarina I.V.	— Về loại hình các ý nghĩa không gian (qua tư liệu các ngôn ngữ Đông Nam Á)	4
Shkarban L.I.	— Tính từ và một số vấn đề lý thuyết về loại hình học các hệ thống từ loại	4
Solncev V.M.	— Trở lại vấn đề mối quan hệ qua lại của các ngôn ngữ phương đông và Đông Nam Á	4
Solnceva N.V.	— Hình thái học và mối quan hệ của nó với cú pháp học	4
Stankievich N.V.	— Về sự diễn biến của những hư từ chỉ nguyên nhân	4
Trần Đợi Nghĩa	— Ở — Tại — Về các kết cấu «động từ—tính từ» và «tính từ + động từ» kiểu <i>phê bình nghiêm khắc</i> và <i>nghiêm khắc phê bình...</i>	4 SP
Trần Trí Dồi	— Tư liệu tiếng Chứt góp phần tìm hiểu thêm về sự biến đổi của các âm tắc giữa (Obstuentes mediales) trong tiếng Việt	4
Trần Xuân Ngọc Lan	— Về âm thanh và ý nghĩa của một số từ cổ	4
Trương Đông San	— Phát ngôn trong tiếng Việt	4
Trương Văn Sinh — Nguyễn Thành Thân	— Về vị trí của tiếng địa phương Thanh Hóa	4
Việt Tâm	— Đường cái quan	SP
Võ Bin	— Văn trong thơ lục bát. — Ở bình diện cấu tạo từ, xét các kiểu hình vị tiếng Việt	SP
Võ Xuân Trang	— Về vấn đề định vị tiếng địa phương Bình Trị Thiên trong hệ thống phương ngữ tiếng Việt.	3 4

Vũ Đức Nghiệu	— Một số cứ liệu về lớp hữ từ trong «Quốc âm thi tập» và «Hồng đức quốc âm thi tập» (thế kỷ XV)	4
Vũ Thế Thạch	— Ngữ nghĩa và cấu trúc của động từ tiếng Việt (khuyh hướng định danh trong nghiên cứu ngữ nghĩa)	3
	— Những động từ có quan hệ cải biến ngữ nghĩa trong tiếng Việt	4
Vũ Thúy Anh	— Cấu trúc so sánh và thành ngữ so sánh	4
Vương Hữu — Hoàng Dũng	— Tiên âm tiết tiếng Brū-Vân Kiều	4
Vương Lộc	— Một vài kết quả bước đầu trong iệc khắc sát từ Hán Việt cổ	1

Ngôn ngữ 4 (66) — 1985

Ra 3 tháng một kỳ

Tòa soạn : 20 Lý Thái Tổ — Hà Nội

Dãy số 57406

Tổng biên tập : **HOÀNG TUỆ**

Phó tổng biên tập : **HOÀNG VĂN HÀNH, LÊ XUÂN THẠI**

TỔNG MỤC LỤC

TẬP CHÍ NGÔN NGỮ NĂM 1984

(Xếp theo thứ tự chữ cái tên họ tác giả)

Tác giả	Tên bài	Số	Trang
1. Bùi Khánh Thế	- Cách thể hiện ý nghĩa thời - thể trong tiếng Chăm và vấn đề ngữ pháp hóa của thực từ.	1	34
2. Bùi Mạnh Nhị	- Một số đặc điểm ngôn ngữ của ca dao - dân ca Nam Bộ.	1	26
3. Bùi Minh Toán	- Chung quanh việc xác định các quan hệ ngữ pháp liên hợp và chính phụ trong các chuỗi động từ	4	61
4. Diệp Quang Ban	- Bàn về một kiểu câu mang ý nghĩa tồn tại trong tiếng Việt	3	15
5. Đinh Lê Thư	- Những biến thể về phương thức cấu tạo phụ âm đầu trong các tiếng địa phương miền Bắc Việt Nam.	1	9
6. Đoàn Văn Phúc	- Hệ thống ngữ âm tiếng Êđê.	1	16
7. Đỗ Hữu Châu	- Thảo luận chuyên đề «tiếng - hình vị và từ».	1	39
8. Hoàng Cao Cương	- Về khái niệm ngôn điệu. - Nhận xét về một đặc điểm ngữ âm từ láy đôi tiếng Việt.	2 4	58 29
9. Hoàng Phê	- Toàn từ logic - tình thái (qua cứ liệu tiếng Việt).	4	5
10. Hoàng Tuệ	- Thảo luận chuyên đề «tiếng - hình vị và từ» - Đọc sách «Chế độ thực dân và chính sách ngôn ngữ ở Việt Nam» của J. De Francis.	1 1	35 63
	- Những suy nghĩ của Lê Quý Đôn về ngôn ngữ.	2	1
11. Hoàng Văn Hành	- Về những nhân tố qui định trật tự các thành tố trong đơn vị song tiết của tiếng Việt.	2	15
12. Lê Xuân Thai	- Về việc hiện thực hóa tiền giả định tổ hợp của động từ và tính từ (trên cứ liệu tiếng Việt).	3	1
	- Mười lăm năm tạp chí Ngôn ngữ.	4	1

Tác giả	Tên bài	Số	Trang.
13. Lưu Văn Lăng	- Vị trí của từ và những đơn vị cấu tạo từ trong hệ thống ngôn ngữ.	3	51
14. Lý Toàn Thắng	- Bàn thêm về kiểu loại câu «P - N» trong tiếng Việt.	1	1
15. Nguyễn Đức Dân	- Ngữ nghĩa của từ hư: Định hướng nghĩa của từ.	2	21
	- Ngữ nghĩa các từ hư: Nghĩa của cặp từ.	4	37
16. N.K.Sokolovokaja	- Tiêu chuẩn thông báo trong việc phân ranh giới từ thực và từ hư (trên cứ liệu tiếng Việt).	2	45
17. Nguyễn Thị Hồng Vân	- Về sách học tiếng Việt của tác giả Vũ Duy Từ.	1	65
18. Nguyễn Thiện Giáp	- Về mối quan hệ giữa «từ» và «tiếng» trong Việt ngữ.	3	60
19. N.V.Stan-kê-vích	- Về quá trình hình thành chức năng quan hệ từ của <i>cho nên</i>	2	31
20. Nguyễn Văn Lợi	- Vai trò của cứ liệu lịch sử trong miêu tả âm vị học (Về các tiêu chí âm vị học của phụ âm tiền mũi tiếng Hmông).	4	46
21. Nguyễn Văn Tài	- Tư liệu về sự biến đổi các nguyên âm Việt - Mường chung.	4	52
22. P.V	- Tin hoạt động trong ngành.	1	67
	- Vô cùng thương tiếc Giáo sư Nguyễn Đồng Chi.	2	70
	- Sách sắp xuất bản.	2	72
	- Vô cùng thương tiếc Giáo sư Đặng Thai Mai	3	1
	- Kỷ niệm 200 năm ngày mất của nhà bác học Lê Quý Đôn	3	
	- Tổng mục lục tạp chí Ngôn ngữ	4	67
	- Các luận án phó tiến sĩ ngôn ngữ học.	4	69
24. Trần Ngọc Thêm	- Bàn về hình vị tiếng Việt dưới góc độ ngôn ngữ học đại cương.	1	51
	- Bàn về đoạn văn như một đơn vị ngôn ngữ (luận chứng, cấu trúc và sự phân loại).	3	40
25. Trần Xuân Ngọc Lan	- Dấu vết về tổ hợp âm đầu trên chữ Nôm.	3	29
26. V.M.S.oleev, Hoàng Tuệ	- Một số kết quả khảo sát điển dã ngôn ngữ các dân tộc ở Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.	3	3

Tên tác giả	Tên bài	Số	Trang
27. V.S. Khrakovsky. I.X.Bystrov, N.V.Stankovich	- Hành động và lượng của hành động.	4	22
28. W. Motsch	- Từ ghép là sự thể hiện về mặt ngôn ngữ cấu trúc khái niệm.	2	6

◆

CÁC LUẬN ÁN PHÓ TIẾN SĨ NGÔN NGỮ HỌC

- ◆ Bùi Minh Toán, *Chuyển động từ tiếng Việt*, bảo vệ ngày 12-12-1981, tại Trường đại học tổng hợp Zhdanov, Lenin grad (Liên Xô).
- ◆ Nguyễn Văn Lợi, *Những vấn đề âm vị học các phương ngữ tiếng Hương ở Việt Nam*, bảo vệ ngày 10-4-1983 tại Viện đông phương học, Viện hàn lâm khoa học Liên Xô.
- ◆ Trần Khuyến, *Đổi chiều trật tự từ Nga - Việt (loại câu vị ngữ nội động từ trước chủ ngữ danh từ)*, bảo vệ ngày 26-7-1983 tại Trường đại học tổng hợp Hà Nội.
- ◆ Trần Xuân Ngọc Lan, *Sơ bộ khảo sát quyền từ điển « Chi nam ngọc âm giải nghĩa »*, bảo vệ ngày 22-10-1983 tại Viện ngôn ngữ học.
- ◆ Hoàng Văn Hành, *Về hiện tượng lấy trong tiếng Việt*, bảo vệ ngày 24-10-1983 tại Viện ngôn ngữ học.
- ◆ Nguyễn Văn Tài, *Ngữ âm tiếng Mường qua các phương ngôn*, bảo vệ ngày 29-10-1983 tại Viện ngôn ngữ học.
- ◆ Nguyễn Như Ý, *Thuật ngữ gốc nước ngoài trong tiếng Việt hiện đại (trên quan điểm ngôn ngữ học xã hội)*, bảo vệ ngày 10-11-1983 tại Viện đông phương học, Viện hàn lâm khoa học Liên Xô.

TONG MỤC LỤC

TẠP CHÍ NGÔN NGỮ 1983

(Xếp theo thứ tự chữ cái tên họ tác giả)

TÁC GIẢ	TÊN BÀI	Số	Trang
<i>Anh Đáo</i> <i>Điệp Quang Ban</i>	- Bao giờ, bây giờ.	3	71
	- Bồ ngữ chủ thể một thuật ngữ cần thiết cho việc phân tích ngữ pháp tiếng Việt.	4	42
<i>Đào Thản</i>	- Cứ liệu từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt và mối quan hệ không gian - thời gian.	3	1
	- Sẻ, sấp.	1	66
	- Đẳng đẳng.	2	69
<i>Đỗ Hữu Châu</i>	- Ngữ nghĩa học hệ thống và ngữ nghĩa học hoạt động (tiếp theo).	1	12
	- Lý thuyết hệ thống trong ngôn ngữ học dưới ánh sáng của phương pháp luận khoa học của K.Marx.	3	43
<i>Đình Văn Đức...</i>	- Một vài nhận xét về đặc điểm ngữ pháp của loại từ tiếng Việt thế kỷ XVII.	2	43
<i>Hoàng Tuệ</i>	- Nhìn lại công việc chuẩn hóa tiếng Việt.	1	1
	- Triết học Marx và triết học ngôn ngữ.	2	1
	- Người giáo viên trước các vấn đề chuẩn hóa tiếng Việt.	4	18
	- Ngôn ngữ học ở C.H.D.C Đức.	2	30
<i>Hoàng Thị Châu</i> <i>Hoàng Xuyên</i>	- Giới thiệu chữ Thái xây dựng theo hệ thống chữ Latinh.	2	52
<i>Hoàng Phê</i>	- Một số vấn đề quan điểm trong vấn đề tên riêng không phải tiếng Việt.	3	8
<i>Hồ Lê</i>	- Một số vấn đề xung quanh vị trí bất buộc và vị trí tùy ý trong danh ngữ tiếng Việt hiện đại.	1	35
<i>Hoàng Văn Hành</i>	- Về sự hình thành và phát triển thuật ngữ tiếng Việt	4	26

TÁC GIẢ	TÊN BÀI	Số	Trang
<i>Ju.K.Lekomcev</i>	- Những nét đặc thù của từ trong các ngôn ngữ Đông Nam Á và các khu vực kế cận.	3	30
<i>Lê Xuân Thai</i>	- Nghĩa công cụ trong câu tiếng Việt.	2	37
<i>Lý Toàn Thắng</i>	- Vấn đề ngôn ngữ và tư duy.	2	13
<i>Nguyễn Đức Dân...</i>	- Phủ định và bác bỏ.	1	27
	- Thang độ, phép so sánh và phủ định.	3	21
<i>Nguyễn Đức Dương</i>	- Máy nhận xét bước đầu về những khác biệt từ vựng ngữ nghĩa giữa phương ngữ miền Nam và tiếng Việt toàn dân.	1	47
<i>Nguyễn Thế Lịch</i>	- Nghĩa của từ chỉ quan hệ họ hàng trong lối nói có hàm ngôn	1	52
<i>Nguyễn Lai</i>	- Từ một số luận đề của Mác suy nghĩ về bản chất tín hiệu của ngôn ngữ.	2	20
<i>Nguyễn Trung Thuần</i>	- Thử tìm hiểu từ trung tâm trong nhóm từ đồng nghĩa.	2	59
<i>Nguyễn Cảnh Toàn</i>	- Một số vấn đề chung quanh việc chuẩn hóa chính tả và thuật ngữ.	4	2
<i>Nguyễn Tài Căn</i>	- Một vài nhận xét thêm về tình hình diễn biến của chữ Nôm.	4	36
<i>Nguyễn Minh Thuyết</i>	- Một kiểu câu có chủ ngữ đứng sau vị ngữ.	3	50
<i>Phan Văn Phục</i>	- Tìm hiểu thêm về hư từ «Dầu».	1	60
<i>Phan Văn Các</i>	- Đọc cuốn «Nguồn gốc và quá trình hình thành cách đọc Hán - Việt».	2	61
<i>Phạm Hùng Việt</i>	- Dương sự.	2	69
<i>Phi Tuyết Hinh</i>	- Từ láy và sự biểu trưng ngữ âm.	3	57
<i>Phạm Huy Thống</i>	- Về hai vấn đề chính hiện nay trong việc quy định chính tả.	4	8
<i>Trần Trí Dõ</i>	- Góp phần phân chia phương ngôn tiếng Chữ.	3	65
<i>Trần Nghĩa Phương</i>	- Thật, thiệt, thực.	4	66
<i>Trần Vĩnh</i>	- Tổng mục lục 1983.	4	71
<i>Vương Lộc</i>	- «An nam dịch ngữ» và các bản từ vựng tiếng Việt thế kỷ XV - XVI hiện có.	3	86
<i>Vũ Bá Hùng...</i>	- Về hệ thống ngữ âm tiếng Koro và sự sửa đổi chữ Koro.	4	56
<i>W. Motsh</i>	- Ngôn ngữ là sự phản ánh và công cụ hoạt động.	2	6

TỔNG MỤC LỤC

TẬP CHÍ «NGÔN NGỮ» NĂM 1982

(Xếp theo thứ tự chữ cái tên họ tác giả)

Số thứ tự	Tác giả	Tên bài	Số	Trang
1	Anh Đào	— Hoàng hôn và hôn hoàng.	1	65
2	Bùi Khắc Việt	— Về cuốn « Từ vựng — ngữ nghĩa tiếng Việt » của Đỗ Hữu Châu.	1	68
3	Cao Thúy Ái Bích...	— Vài nhận xét sơ bộ về một số câu có cách ngắt nhịp không bình thường trong truyện Kiều của Nguyễn Du.	1	60
4	Cao Xuân Hạo	— Về mối quan hệ ngữ pháp và ngữ nghĩa của « <i>mày ngài</i> » trong câu thơ « <i>Râu hùm, hàm én, mày ngài</i> ».	4	44
5	Đào Thân	— Sở tay dùng từ: * Khi — Lúc * Mãi * Nay	1 2 3	71 71 65
6	Đỗ Hữu Châu	— Ngữ nghĩa học hệ thống và ngữ nghĩa học hoạt động.	3	18
7	Đỗ Xuân Hợp	— Mấy nhận xét về thuật ngữ giải phẫu.	3	42
8	Đinh Lê Thu	— Bàn về âm tắc thanh hầu mở đầu âm tiết tiếng Việt.	3	47
9	F. François	— Sự tiếp thụ ngôn ngữ đầu tiên và ở nhà trường.	3	33
10	Hoàng Tuệ	— Về quan hệ giữa từ pháp và cú pháp trong sự cấu tạo từ ghép tiếng Việt. — Nhân dịp kỷ niệm Nguyễn Đình Chiểu: Bàn về vai trò văn hóa — xã hội của tiếng địa phương.	1 2	16 1
11	Hoàng Xuân Nhị	— Trả lại bài thơ « <i>Nam quốc sơn hà</i> » của Lý Thường Kiệt.	2	16
12	Hoàng Phe	— Tiền giả định và hàm ý tiềm tàng trong ngữ nghĩa của từ. — Logic của ngôn ngữ tự nhiên qua ngữ nghĩa của một số từ thường dùng)	2 4	49 35

13	Hoàng Văn Hành	— Về cấu trúc ngữ nghĩa của tính từ tiếng Việt (trong sự so sánh với tiếng Nga).	3	1
14	Hoàng Dũng...	— Một số ý kiến về vấn đề sắc thái ngôn ngữ địa phương và văn bản <i>Lục Vân Tiên</i> , <i>Dương Tử - Hà Mậu</i> .	4	57
15	I.I. Glébova	— Về vấn đề phân định chức năng liên từ và giới từ của các chỉ tố chỉ quan hệ nguyên nhân, nhượng bộ và mục đích trong tiếng Việt.	2	9
16	Lê Xuân Thai	— Về các động từ và tính từ không trực tiếp làm vị ngữ trong tiếng Việt.	1	48
	Lý Toàn Thắng...	— Tìm hiểu thêm về loại câu « $N_2 - N_1 - V$ ».	2	21
18	Lê Hương	— Một hiện tượng về ngôn ngữ và âm thanh.	3	67
19	L.B. Nikolskiy	— Xã hội ngôn ngữ học Xô Viết và những vấn đề ngôn ngữ của các nước đã giành được độc lập.	4	18
20	Nhiều tác giả	— Phát biểu nhân dịp đại hội Đảng lần thứ V.	1	1
21	N.V. Xtanktevit- tch	— Nhận xét sơ bộ về một vài đặc điểm ngôn ngữ trong văn xuôi cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.	1	26
22	Nguyễn Quang Hồng	— Tương phản âm thanh và khả năng phân lập đoạn tính trong lòng các âm tiết tiếng Việt so với tiếng Hán.	1	43
23	Nguyễn Đức Dân...	— Ngữ nghĩa của một số từ hư: <i>cũng, chính, cả, ngay</i> .	2	60
24	Ngô Thúy Nga...	— Tình hình dị của ngôn ngữ Nguyễn Đình Chiểu trong tác phẩm « <i>Lục Vân Tiên</i> ».	2	68
25	N.F. Aliéva	— Từ kép, từ kết, cụm từ cố định; ba kiểu loại của đơn vị định danh hai thành tố trong tiếng Indônêxia	3	11
26	Nguyễn Ngọc San	— Góp vài ý kiến về âm đầu tiếng Việt cổ qua cứ liệu Nôm trong sách <i>Phật thuyết đại báo phụ mẫu ân trọng kinh</i> .	3	34
27	Nguyễn Thị Hai	— Từ láy tượng thanh trong sự tương ứng giữa âm và nghĩa.	4	52
28	Phan Thiệu	— Về vấn đề phương pháp luận dạy tiếng Việt.	1	54
29	P.V	— Các luận án phó tiến sĩ ngôn ngữ học.		72

30	<i>Thái Hòa</i>	— Các luận án... (tiếp theo).	3	68
31	<i>Trần Ngọc Thêm</i>	— Cơ cấu ngữ nghĩa của tục ngữ. — Chuỗi bất thường về nghĩa và hoạt động của chúng trong văn bản.	2	52
32	<i>Vũ Bá Hùng</i>	— Bước đầu khảo sát hệ thống thanh điệu của tiếng Thái.	3	52
33	<i>Võ Bình</i>	— Một vài ý kiến bàn thêm về âm tiết tiếng Việt.	2	30
34	<i>Solncev. V.M....</i>	— Về ý nghĩa của việc nghiên cứu các ngôn ngữ phương Đông đối với việc phát triển của ngôn ngữ học đại cương.	2	38
			4	1

SỔ PHỤ NGÔN NGỮ 1982

1	<i>Đào Thân</i>	— Đôi điều lý thú về những con số.	1	13
		— Giấy lát và giấy phứt.	2	35
2	<i>Hoàng Tuệ</i>	— Về sự chuyển đổi trong cách đặt câu.	1	5
		— Xã hội ngôn ngữ học và vấn đề dạy ngôn ngữ.	2	1
3	<i>Hoàng Tử Quân</i>	— Ngữ pháp của cách nói «Vỡ đê», «Vỡ bờ», «Vỡ mộng».	1	8
4	<i>Hoàng Lâm</i>	— Người da đen hay người đen.	1	11
5	<i>Hải Dân</i>	— Yếu tố «Cà» trong phương ngữ Nam Bộ.	1	16
6	<i>Hồ Lê</i>	— Nhờ đâu những tên bài viết có sức hấp dẫn.	1	21
7	<i>Hồng Hà</i>	— Tìm tội trong tiếng Việt.	1	30
8	<i>Lý Toàn Thắng</i>	— Tự pháp và qui tắc chính tả tiếng Việt.	1	23
		— Một số vấn đề tâm lý — ngôn ngữ trong việc dạy và học bản ngữ	2	9
9	<i>Lê Trung Hoa</i>	— Tìm hiểu một số thành tố mất nghĩa trong các từ ghép qua cuốn « <i>Dictionarium Annamiticum, Lusitanum et Latinum</i> » (1651) của A.De RHODES.	2	29
10	<i>Nguyễn Đức Dân</i>	— Tiếng Việt trong môn toán.	2	16
11	<i>Phan Ngọc</i>	— Một vài đề nghị về cách dạy tiếng Việt cho học sinh.	2	21
12	<i>Trần Thị Thìn</i>	— Việc dạy và học phát âm các âm quặt lưỡi TR, S, R ở một trường phổ thông.	1	28
13	<i>Trần Thị Ngọc Lang</i>	— Nhóm từ có liên quan đến sông nước trong phương ngữ Nam Bộ.	2	24
14	<i>Thiều Mai</i>	— Một tấm gương trau dồi ngôn ngữ, một tấm lòng thiết tha yêu tiếng Việt.	1	2
15	<i>Sơn Bình</i>	— Ngôn ngữ học trong vài trang.	1	33

TỔNG MỤC LỤC

TẬP CHÍ NGÔN NGỮ NĂM 1981

(Xếp theo thứ tự chữ cái tên họ tác giả)

Số thứ tự	Tác giả	Tên bài	Số	trang
1	<i>Đình Văn Đức Nguyễn Văn Chính và Phạm Tú</i>	— Nhận xét về đặc điểm ngữ pháp của các từ phụ cho động từ trong tiếng Việt. qua một số văn bản của giáo hội Thiên chúa, thế kỷ XVII.	3+4	51
2	<i>Đào Thản</i>	— Số tay dùng từ: « Chỗc - Lát » « Khó lòng ».	3+4	
3	<i>Hoàng Tuệ</i>	— 53. CP.	1	1
4	<i>Hoàng Phê</i>	— Ngữ nghĩa của lời	3+4	3
5	<i>Hoàng Lê</i>	— Đọc sách « Số tay dùng từ ».	1	64
6	<i>Lý Toàn Thắng</i>	— Giới thiệu lý thuyết phân đoạn thực tại câu. — Về một hướng nghiên cứu trật tự từ trong câu.	1 3+4	14 25
7	<i>Lê Hiệu</i>	— Quit chẻ hay quých chẻ, chích chẻ?	2	64
8	<i>Lê Khôi</i>	— Lần thứ hai thăm Viện Hàn lâm khoa học Hung-ga-ri	2	67
9	<i>Nguyễn Tài Cần</i>	— Một vài nhận xét về cách gieo vần, trong thơ chữ Hán ở Việt Nam, (qua thơ Nguyễn Trãi),	1	21
10	<i>Nguyễn Quý Thành</i>	— Về ba thanh ngữ « cao chạy xa bay », « con ông cháu cha » và « nhường cơm xẻ áo ».	1	25
11	<i>Nguyễn Minh Thuý</i>	— Câu không chủ ngữ với tân ngữ đứng đầu.	1	40
12	<i>Nguyễn Quang</i>	— Tình hình ngôn ngữ học trong những năm 70 và tiền đề dự báo khoa học cho những năm tới.	1	55

S.đ	Tác giả	Tên bài	Số	Trang
14	Nguyễn Quang Hồng	- Truyền thống ngôn ngữ học châu Âu và Trung Hoa với vấn đề xác lập các đơn vị ngôn ngữ.	2	33
15	Nguyễn Lai	- Thử xác định ranh giới và sự chuyển hóa nét nghĩa động tác và nét nghĩa hướng của từ <i>đi</i> trong tiếng Việt hiện đại.	2	53
16	Nguyễn Minh Châu	- Sổ tay dùng từ « kiến nghị đề nghị ».	1	70
17	Nguyễn Thế Lịch	- Sổ tay dùng từ « nêu - hễ - giá ».	2	70
18	Nguyễn Xuân Khoa	- Phát triển năng lực hoạt động lời nói trong việc dạy tiếng Việt ở nhà trường.	3+4	33
19	Michel Ferlus	- Sự biến hóa của các âm tắc giữa.	2	1
20	P. V	- Cuộc họp mặt quốc tế các nhà Đông phương học ở Ba Lan.	1	67
21	P. V.	- Tin tức hoạt động trong ngành	3+4	64
22	Phạm Văn Các	- Trở lại câu cuối của bài thơ « Nam quốc sơn hà ».	2	58
23	Trần Thị Mỹ Nguyễn Thiện Nam	- Một vài nhận xét về cách dùng các từ « một, phò, thay, thủy, cả và v.v... » trong văn xuôi cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX.	1	25
24	Trần Nghĩa Phương	- Sổ tay dùng từ « khan, chạy, suông, vã ».	1	69
25	Trần Xuân Ngọc Lan	- Góp thêm một số ý kiến về bản phiên âm <i>Quốc âm thi tập</i> .	2	23
26	Trần Ngọc Thêm	- Một cách hiểu về tính liên kết của văn bản.	2	42
27	Tạp chí Ngôn ngữ	- Nhiệt liệt hoan nghênh nghị quyết của Bộ chính trị về chính sách khoa học - kỹ thuật.	3+4	1
28	Phạm Kim	- Mười năm nghiên cứu phục hồi chức năng ngôn ngữ cho trẻ điếc.	3+4	41
29	Xuân Diệu	- Từ ngữ trong sáng tác thơ	1	10

TỔNG MỤC LỤC

TẬP CHÍ «NGÔN NGỮ» NĂM 1980

(Xếp theo thứ tự chữ cái lên họ tác giả)

Stt	Tác giả	Tên bài	Số	Trang
1	Bùi Khắc Việt	- Tiếng cười trong phong cách ngôn ngữ của Bác qua các tác phẩm bằng tiếng Việt.	2	1
2	Bùi Văn Nguyễn	- Âm vang tục ngữ ca dao trong thơ quốc âm của Nguyễn Trãi.	3	29
3	Bùi Minh Toán	- Về các câu có các vị ngữ liên hợp được biểu hiện bằng động từ trong tiếng Việt.	4	19
4	B.T.D.	- Sở tay dùng từ: * cố gắng - nỗ lực - ra sức. * phát minh - phát hiện - phát kiến - phát giác. * ưa - thích - ham - chuộng. * đành - nỡ - đang. * lẫn - lướt. * xinh - đẹp.	1 1 2 3 3 4	69 69 68 70 71 67
5	Cung Văn Lược, Phạm Văn Hào	- Từ «lắm» trong thành ngữ «chân lắm tay bùn».	2	61
6	Đặng Chân Liêu	- Về việc học tiếng nước ngoài	2	55
7	Đỗ Hữu Châu	- Một vấn đề tổng quát trong việc chuẩn mực hóa và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt về mặt từ vựng - ngữ nghĩa.	3	52
8	Đỗ Thế Dũng	- Thủ đề nghị một phương pháp giúp học sinh phát âm đúng tiếng Pháp.	4	43
6	F. P. Fl-lin	- Một số vấn đề ngôn ngữ học hiện đại.	3	38
10	Hoàng Tuệ	- Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt. - Công hiến của Nguyễn Trãi đối với tiếng Việt.	1 3	11 3
11	Hoàng Phê	- Chuẩn mực hóa tiếng Việt về mặt từ vựng.	1	27
12	Hoàng Xuân Nhị, Phan Văn Các	- Chung quanh việc dịch thơ chữ Hán của Hồ Chủ tịch	2	23
13	Hoàng Văn Hành, Vương Lộc	- Một đặc điểm của vốn từ tiếng Việt văn học thế kỷ XV qua «Quốc âm thi tập»	3	22
14	Hoàng Văn Hành	- Tục ngữ trong cách nhìn của ngữ nghĩa học.	4	59

15	Hoang Lê	- Về cuốn « Học tập phong cách ngôn ngữ của Chủ tịch Hồ Chí Minh ».	4	64
16	Lê Xuân Thai	- Về câu chủ vị có từ nối là trong tiếng Việt.	3	61
17	Lưu Văn Lăng	- Cần phân biệt hình (trong từ vựng) với tiếng (trong ngữ pháp).	4	29
18	Nguyễn Khánh Toàn	- Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt - một nghĩa vụ cao cả của giới ngôn ngữ học.	1	36
19	Nguyễn Văn Thạc	- Hội nghị khoa học « Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt về mặt từ vựng ».	1	59
		- Về hiện tượng độc lập hóa trong cấu tạo từ tiếng Việt.	3	68
20	Nguyễn Thái Hòa	- Tìm hiểu cách dùng tục ngữ trong những bài viết và bài nói của Hồ Chí Minh.	2	9
21	Nguyễn Thạc Cát	- Về vấn đề thuật ngữ khoa học tiếng Việt gốc Âu.	2	43
22	Nguyễn Quang Hồng	- Bàn thêm về tên gọi các chữ cái.	2	48
		- Về vấn đề chuẩn mực phát âm của tiếng Việt hiện thời.	4	51
23	Nguyễn Quốc Túy	- Sắc thái biểu cảm của từ và cách sử dụng.	2	64
24	Nguyễn Tài Căn	- Một vài nhận xét bước đầu về ngôn ngữ trong thơ Nguyễn Trãi.	3	15
25	Nguyễn Văn Tài,	- Tìm hiểu thêm về sự hình thành thanh điệu trong tiếng Việt.	4	34
26	Phạm Văn Đông	- Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.	1	1
27	Phạm Hữu Lai	- Suy nghĩ về một số tiêu chuẩn chuẩn hóa từ ngữ tiếng Việt.	1	41
28	Phan Thiều	- Giảng dạy từ ngữ trong nhà trường.	1	47
29	Phan Đăng Nhật	- Về từ Ngô trong « Bình Ngô đại cáo ».	4	15
30	Trần Ngọc Thêm	- Một vài suy nghĩ về các phương thức tổ chức văn bản trong ngôn ngữ của Bác Hồ	2	14
31	Tạp chí Ngôn ngữ	- 35 năm phần đầu.	3	1
		- Tổng mục lục năm 1980	4	69
32	V.M. Xôn-xêp	- Một số vấn đề lý thuyết nghĩa	2	33
33	Vũ Bá Hùng	- Về vai trò của hệ thống ngữ âm các phương ngôn của tiếng Việt trong giao tiếp xã hội.	4	1
34	Vương Lộc	- Một vài hư từ trong Quốc âm thi lập.	4	9

TỔNG MỤC LỤC

TẬP CHÍ «NGÔN NGỮ» NĂM 1979
(xếp theo thứ tự ABC... tên họ tác giả)

Tên tác giả	TÊN BÀI	Tập chí số	Trang
Bùi Khánh Thế	- Một cứ liệu về song ngữ và vấn đề nghiên cứu song ngữ ở Việt Nam	1	7
Bùi Khắc Việt	- Vấn đề dấu nối trong chính tả	3+4	60
Các tác giả	- Trích tham luận đọc tại các hội nghị về «chuẩn hóa chính tả — thuật ngữ khoa học».	3+4	83
Đỗ Hữu Châu	- Cách xử lý các hiện tượng trung gian trong ngôn ngữ.	1	20
Đặng Công Toại	- Về các hội nghị chuẩn hóa thuật ngữ	3+4	74
Đào Thân	- Về các nhóm từ có nghĩa thời gian	1	40
Đình Gia Khánh	- Tìm hiểu từ «nghĩ» trong ngôn ngữ cổ (tiếp theo số 4 — 1978)	1	59
G.L	- Vài nét về tình hình cải tiến chữ viết và chính tả ở một số nước	3+4	196
Hoàng Tuệ	- Nhiệm vụ của chúng ta trước âm mưu hiểm độc của bọn Trung Quốc xâm-lược	1	5
	- Ngôn ngữ với chính trị và nhiệm vụ của Ngôn ngữ học	2	1
	- Một số vấn đề về chuẩn mực hóa ngôn ngữ	3+4	137
Hoàng Văn Hành	- Về hiện tượng láy trong tiếng Việt	2	5
Hoàng Phê	- Vấn đề cải tiến và chuẩn hóa chính tả	3+4	2
Hồ Lê	- Vấn đề Lôgich ngữ nghĩa và tính thông tin trong lời nói	2	26
Hồ Hải Thụy	- Danh từ tên riêng nước ngoài	3+4	56
Lê Khả Kế	- Về vấn đề chuẩn hóa thuật ngữ khoa học tiếng Việt	3+4	25
Lê Văn Thới	- Bàn về việc chuẩn hóa chính tả và thuật ngữ khoa học	3+4	152
Lê Anh Hiền	- Chữ tắt — chữ số	3+4	63
Lý Toàn Thắng	- Một vài cơ sở ngôn ngữ học của vấn đề chữ viết.	3+4	184
Lưu Văn Lăng	- Về vấn đề chuẩn hóa chính tả	3+4	180
Martinet. A	- Về tình hình ngôn ngữ học hiện đại	1	32
Nguyễn Lân	- Đề nghị hợp pháp hóa một số cải tiến hợp lý	3+4	165
Nguyễn Văn Thạc	- Những cơ sở để xây dựng qui tắc viết hoa	3+4	45

Nguyễn Xuân Khoa Ngọc Vân	- Dấu bên cạnh lời trực tiếp - Thống nhất cách viết hoa tên các cơ quan, tổ chức trên sách báo tiếng Việt	2	45
Pan filof V.X	- Các cấp thể và các chỉ tố tình - thái thể trong tiếng Việt.	3+4	196
Phạm Đức Dương	- Về mối quan hệ nguồn gốc của các ngôn ngữ nhóm Việt - Mường	2	16
Phạm Hữu Lai	- Việc thống nhất chuẩn hóa chính tả và thuật ngữ	1	46
Phạm Văn Hảo	- Việc thu thập và định nghĩa từ địa phương	3+4	168
Phi Tuyết Hình Trần Thị Thìn	- Về các hội nghị chuẩn hóa chính tả	2	53
	- Tìm hiểu hiện tượng phát âm chệch chuẩn /l/; /n/	3+4	66
Xtankévits. N	- Thử ứng dụng phương pháp định lượng loại hình vào ngữ liệu tiếng Việt	2	62
		2	34

ĐÍNH CHÍNH TẬP CHÍ NGÔN NGỮ SỐ 2 - 1979

Trang	Dòng	In sai	Sửa lại				
7	Sơ đồ	<table border="1"> <tr> <td>điệp vần</td> <td>đối vần</td> </tr> </table>	điệp vần	đối vần	<table border="1"> <tr> <td>đối vần</td> <td>điệp vần</td> </tr> </table>	đối vần	điệp vần
điệp vần	đối vần						
đối vần	điệp vần						
8	5+6 ↑	Ví dụ: <i>tần mần, tỉ mỉ, tất mắ, v.v...</i>	Ví dụ: <i>bùn ngủi, bở ngỡ, bát ngát, v.v...; /l/ với /m/, ví dụ tần mần, tỉ mỉ, tất mắ, v.v...</i>				
17 27	10 + 11 1 ↑	thì các cả về động từ liên từ tiếng Việt «Ngôn ngữ» 1977, số 3, tr. 42-45	thì cả các động từ liên từ tiếng Việt «Ngôn ngữ», 1976, số 4, tr. 15-25; Lô gích và sự phủ định trong tiếng Việt, «Ngôn ngữ», 1977 số 3, tr. 42-52				
31	3 ↑	<i>vi thể n kó hông phải là vô ích. Trong tiếng Việt những «sự dư thừa» ngữ pháp</i>	<i>vi thể nó không phải là vô ích. Trong tiếng Việt, những «sự dư thừa» như: cây cỏ thụ, tăng lên, nhập vào, xuất ra v.v... cũng là những «sự dư thừa» ngữ pháp</i>				
40-41 41 49	Các chữ 4 ↑ 23	Jakhontof căn số «Thần Chín»	Ya khontof căn số «Thần Chín»				

Tòa soạn và nhà in xin lỗi các tác giả và bạn đọc.

TỔNG MỤC LỤC

TẠP CHÍ «NGÔN NGỮ» NĂM 1978

(Xếp theo thứ tự chữ cái tên họ tác giả)

TÊN TÁC GIẢ	TÊN BÀI	SỐ	TRANG
A. G. Haudricourt	- Về vị trí của tiếng Việt trong các ngôn ngữ Nam Á.	4	80
Bùi Khánh Thế	Vấn đề dạy tiếng Việt cho học sinh các dân tộc ít người.	1	41
Bùi Khắc Việt	- Về tính biểu trưng của thành ngữ trong tiếng Việt.	1	1
	- Phong cách ngôn ngữ trong tên các bài báo của Chủ tịch Hồ Chí Minh.	3	1
Bùi Văn Nguyên	- Thử bàn về yếu tố chữ viết của ta thời dựng nước xa xưa.	4	59
Đào Duy Anh	- Đề hiệu từ nghĩa, cần biết từ nguyên.	4	45
Đặng Chân Liều	- Những câu và nhóm từ mơ hồ hoặc nhiều nghĩa ở tiếng Việt và tiếng Anh.	3	44
Đặng Thai Mai	- Tiếng Việt Nam, một chứng cứ hùng hồn của sức sống dân tộc.	4	14
Đình Gia Khánh	- Tìm hiểu từ «nghĩ» trong ngôn ngữ cổ.	4	65
Đình Văn Đức	- Về một cách hiểu ý nghĩa các từ loại trong tiếng Việt.		31
Hoàng Phê	- Về quan điểm và phương hướng chuẩn hóa tiếng Việt.	3	9
Hoàng Tuê	- Tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh và suy nghĩ về công cuộc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.	2	1
	- Về những từ gọi là «từ láy» trong tiếng Việt.	3	21
Hoàng Văn Hành	- Về quyển «Từ và vốn từ tiếng Việt hiện đại».	1	53
Hoàng Xuân Hãn	- Về cấu tạo chữ Nôm trong sách «Thiền tông bản hạnh».	4	51
Lê Xuân Thai	⊕ Các kiểu loại cấu trúc chủ vị trong tiếng Việt.	2	23
Lương Văn Tám	- Bản dịch tiếng Việt cuốn «Những cơ sở của ngôn ngữ học đại cương» của Ju. X. Xiépandôv.	1	57
Nguyễn Công Hoan	- Tiếng «đánh» của ta.	3	67

TÊN TÁC GIẢ	TÊN BÀI	SỐ	TRANG
Nguyễn Đình Hòa	- <i>Le syntagme verbal en vietnamien.</i> Nguyễn Phú Phong, The Hague và Paris: Mouton, 1976.	1	60
Nguyễn Đức Dân	⊕ Thảo luận thêm về cấu trúc "Danh + là + Danh".	2	63
	- Hệ thống tên tắt trong các ngành kinh tế.	3	49
Nguyễn Khánh Toàn	- Về lịch sử tiếng Việt.	4	1
N. K. Xokolovskaya	- Về sự phân loại nội bộ các ngôn ngữ của nhóm Việt - Mường.	2	49
Nguyễn Phan Cảnh	- Bản chất cấu trúc âm tiết tính của ngôn ngữ: Dẫn luận vào một miêu tả không phân lập đối với âm vị học Việt Nam.	2	5
Nguyễn Quang Hương	- Biên soạn từ điển kỹ thuật phải bảo đảm hai tính chất cơ bản: khoa học và trong sáng.	1	24
- Nguyễn Trọng Long			
Nguyễn Tài Cẩn	- Quá trình hình thành thế đối lập giữa ba từ "được, bị, phải".	2	19
	- Xuất phát điểm của hệ thống văn Hán - Việt.	4	35
Nguyễn Văn Tài	- Bàn thêm về các ngôn ngữ thuộc nhóm Việt - Mường.	1	31
Nguyễn Văn Thạch	- Nhận xét về sự phân biệt tính độc lập - không độc lập trong các đơn vị cơ bản của tiếng Việt.	1	7
	- Tính hạn chế - không hạn chế về vị trí của các đơn vị cơ bản trong tiếng Việt.	3	25
N. V. Xtan-kê-ovich	- Một vài suy nghĩ bước đầu về việc nghiên cứu ngữ pháp lịch sử tiếng Việt.	4	27
Nhữ Thành	- Thử tìm cấu trúc tu từ của từ đồng âm trong câu đối.	2	40
Phương Bằng	- Biên soạn từ điển đối chiếu tiếng dân tộc với tiếng Việt.	2	56
Trần Xuân Ngọc Lan	- Về một số từ cổ trong cuốn " <i>Chi nam ngọc âm giải nghĩa</i> ".	3	40
Trịnh Liễn	- Vài nhận xét về các bảng tên, bảng hiệu ở miền Nam trước ngày giải phóng.	3	58
Vũ Bá Hùng	- Thanh điệu - âm vị tuyến điệu của tiếng Việt.	1	13
Vũ Thế Thạch	- Nghĩa của những từ như "ra - vào; lên - xuống" trong các tổ hợp kiểu đi vào, đẹp lên.	3	30
Vương Lộc	- Về quá trình biến đổi u. <i>o</i> > v.	4	42

TỔNG MỤC LỤC

TẠP CHÍ «NGÔN NGỮ» NĂM 1977

(Xếp theo thứ tự chữ cái tên họ tác giả)

Tên tác giả	Tên bài	Số	Trang
Bùi Khánh Thế	Về quyền «Ngữ pháp tiếng Việt» của Nguyễn Tài Căn	4	58
Bùi Văn Nguyên	Thử tìm hiểu giọng nói Nghệ Tĩnh trong hệ thống giọng nói chung cả nước	4	34
Cung Văn Lược và Kiều Thu Hoạch	Về cuốn «Bảng tra chữ Nôm»	4	64
Đặng Chân-Liên	Vài kinh nghiệm làm từ điển hai thứ tiếng	3	53
Đỗ Hữu Châu	Thí nghiệm liên tưởng tự do và những liên hệ ngữ nghĩa giữa các từ trong hệ thống từ vựng tiếng Việt.	1	25
Đỗ Hữu Châu	Đọc «Từ điển tiếng Việt phổ thông» tập I.	3	61
Hoàng Tuệ	Mở rộng và nâng cao chất lượng ngôn ngữ học.	2	1
Hoàng Tuệ	Kỷ niệm Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười vĩ đại: gương cao ngọn cờ của chủ nghĩa Mác - Lê-nin trong ngôn ngữ học.	4	1
Hoàng Văn Hành	Về tình hệ thống của vốn từ tiếng Việt.	2	26
Lê Trung Hoa	Xác định chính tả một số từ.	4	57
Lê Tri Viễn	Tìm hiểu chữ nghĩa trong giảng văn	3	1
Lê Xuân Thai	Một số vấn đề về mối quan hệ chủ-vị trong tiếng Việt.	4	23
Lưu Văn Lăng	Thống nhất quan niệm về tiêu chuẩn của thuật ngữ khoa học.	1	1
Mai Chinh và Bùi Văn Cường	«Đài gương soi đến dấu bèo cho chàng?»	2	58
Nguyễn Chung Tú	Chung quanh vấn đề thuật ngữ vật lý học	4	51
Nguyễn Đức Dân	Lôgic và sự phủ định trong tiếng Việt	3	42
Nguyễn Kim Thân	Vấn đề cum từ.	3	30
Nguyễn Lai	Một vài đặc điểm của nhóm từ chỉ hướng được dùng ở dạng động từ trong tiếng Việt hiện đại.	3	8
Nguyễn Phú Phong	Về vấn đề lấy từ trong tiếng Việt.	2	61
Nguyễn Tài Căn	Về một vài hiện tượng đặc biệt trong quá trình diễn biến từ các âm môi tiếng Hán trung cổ sang cách đọc Hán - Việt hiện nay.	4	12

Tên tác giả	Tên bài	Số	Trang
Nguyễn Văn Lợi	Sự phân loại và tình hình phân bố ngôn ngữ các dân tộc ở miền Nam nước ta.	1	41
Nguyễn Văn Tài	Một vài nhận xét về từ xưng hô của tiếng Mường.	2	48
Nhữ Thành	Nhận xét về ngữ nghĩa của từ Hán—Việt	2	15
Như Ý	Vấn đề đối chiếu trong từ điển thuật ngữ.	1	12
Phạm Ngọc Quang	Trao đổi về «nước sao» hay «nước trâu» (Nhân đọc bài viết của Trần Khuê)	1	67
Phan Thiệu	Bàn thêm về một số nhóm trong tiêu loại danh từ tổng hợp.	2	6
Phi Tuyết Hinh	Thử tìm hiểu từ láy song tiết dạng X (áp) + Yy	4	42
Quang Đam	Con đường phát triển của thuật ngữ báo chí Việt Nam	1	20
Trịnh Xuân Thành	Phân tích ngữ nghĩa của trạng ngữ mục đích trong tiếng Việt.	2	41
Trần Ngọc Thêm	Bàn thêm về cấu trúc «Danh+là+Danh»	1	55
V. M. Xôn-xep	Việc nghiên cứu tiếng Việt ở Liên Xô	4	7
Sở tay dùng từ	Kiểm tra, thanh tra, giám sát, kiểm soát, kiểm sát.	2	69

TIN TỨC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC

Đoàn công tác của Viện hàn lâm khoa học Liên Xô do giáo sư tiến sĩ V. M. Xôn-xep, phó viện trưởng Viện đông phương học làm trưởng đoàn đã đến thăm Việt Nam từ đầu tháng 10 năm 1977. Tham gia đoàn có phó tiến sĩ lu. Ia. Plam, trưởng ban nghiên cứu Đông Nam Á Viện đông phương học và A. lu. E-phi-mốp, cán bộ nghiên cứu Viện đông phương học.

Trong thời gian ba tuần ở thăm Việt Nam, Đoàn đã làm việc với Viện ngôn ngữ học và ban Đông Nam Á thuộc Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam, trường đại học tổng hợp Hà Nội, trường đại học sư phạm ngoại ngữ Hà Nội, và trường đại học tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.

Đoàn đã dự những buổi thuyết trình khoa học về những sự nghiên cứu ngôn ngữ học ở Việt Nam và cũng đã trình bày một số vấn đề lý luận ngữ nghĩa học và loại hình học.

Đoàn cũng đã tham gia những hoạt động kỷ niệm lần thứ 60 Cách mạng Tháng Mười tại Hà Nội, Đà Lạt và thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 21-11-1977, tại Ma-xco-va, đã khai mạc cuộc hội nghị của các nhà ngôn ngữ học các nước xã hội chủ nghĩa về «những vấn đề lý thuyết của ngôn ngữ học các ngôn ngữ phương Đông»

Dự hội nghị này có đoàn Việt Nam với sự tham gia của các đồng chí Hoàng Tuệ, Nguyễn Tài Căn và Nguyễn Văn Thạch.

TỔNG MỤC LỤC

TẠP CHÍ « NGÔN NGỮ » NĂM 1976
(XẾP THEO THỨ TỰ CHỮ CÁI TÊN TÁC GIẢ)

Tên tác giả	Tên bài	Số	Trang
<i>Đái Xuân Ninh</i>	Tiến tới một cuốn từ điển tiếng Việt theo hệ thống khái niệm	4	26
<i>Diệp Quang Ban</i>	Tìm cách giúp thêm cho học sinh viết đúng câu tiếng Việt	4	62
<i>Hà Quang Năng</i> <i>Phạm Ngọc Tĩnh</i>	Vài nhận xét về Sự phân bố từ loại trong ngôn ngữ báo chí — chính luận Việt Nam	4	34
<i>Hoàng Phê</i>	Một số nguyên tắc giải quyết vấn đề chuẩn hóa chính tả	1	1
<i>Hoàng Phê</i>	Vấn đề xây dựng và phát triển ngôn ngữ văn hóa dân tộc	4	1
<i>Hoàng Văn Hành</i>	Về bản chất của thành ngữ so sánh trong tiếng Việt	1	11
<i>Hồ Lê</i>	Tìm hiểu nội dung hỏi và cách thức thể hiện nó trong tiếng Việt hiện đại	2	1
<i>Huỳnh Hữu Thiềng</i>	Về « Viện ngôn ngữ học mùa hè » (của Mỹ) và sự làm ăn của nó tại miền Nam Việt Nam dưới thời Mỹ — Ngụy	3	61
<i>I.I. Glê-bô-va</i>	Mấy suy nghĩ về ranh giới các đơn vị cấp độ hình vị và từ vị trong tiếng Việt	1	20
<i>Nguyễn Đức Dân</i>	Về cấu trúc « Danh + là + Danh »	1	29
<i>Nguyễn Đức Dân</i>	Lô gích và sắc thái liên từ tiếng Việt	4	15
<i>Nguyễn Bạt Tụy</i>	« Mảng hay Mấng »	1	44
<i>Nguyễn Loan</i>	Vài nét về tiếng Mảng Tây Bắc Việt Nam	1	53
<i>Nguyễn Tài Cần</i>	Điềm qua vài nét về tình hình cấu tạo chữ Nôm	2	15
<i>N.V. Xtan-ke-vich</i>	(Tiếp theo)	3	14

Tên tác giả	Tên bài	Số	Tran
Nguyễn Khánh Toàn	Nhiệt liệt đón mừng đại hội lịch sử lần thứ tư của Đảng lao động Việt Nam	3	1
Nguyễn Văn Chiền	Bản về vấn đề thống nhất thuật ngữ địa chất	3	25
Nguyễn Quang Hồng	Âm tiết tiếng Việt, chức năng và cấu trúc của nó	3	29
Quế Lai	Tiếng Thái Lan	4	50
Trương Văn Chinh	Bản về phương pháp nghiên cứu, soạn thảo và giảng dạy ngữ pháp	1	37
Trương Đông Sơn	Các biến thể của một từ và một cụm từ cố định	2	9
Trương Tấn	Về việc dạy ngoại ngữ theo phương pháp mẫu có ý thức (PP My)	2	26
Trần Ngọc Thêm	Một phương pháp mã hóa tự động văn bản tiếng Việt theo âm tiết	2	36
Trần Khuê	« Nuốt sao » hay « Nuốt trâu »	2	64
Trịnh Văn Bình	Một vài nhận xét về cuốn từ điển Anh Việt (do Viện Ngôn ngữ học thuộc Ủy ban khoa học xã hội xuất bản)	2	68
Trần Xuân Ngọc Lan — Cung Văn Lược	Về cuốn « Chữ Nôm — nguồn gốc, cấu tạo, diên biến »	3	46
Trương Văn Sinh	Điềm qua tình hình nghiên cứu phương ngôn tiếng Việt trong thời gian qua	3	52
Vũ Thế Thạch Phạm Thị Cơi	Một vài nhận xét về sự phân bố từ vựng của truyện và ký tiếng Việt hiện đại	2	50
Vũ Bá Hùng	Vấn đề âm tiết của tiếng Việt	3	37
	Thư mục ngôn ngữ học Việt nam (1945—1974) [tiếp]	1	63